

WF-2840 Series

Sổ hướng dẫn sử dụng

Mục lục

Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này

Giới thiệu hướng dẫn sử dụng.	7
Sử dụng hướng dẫn sử dụng để tìm kiếm thông tin.	7
Nhãn và ký hiệu.	8
Các mô tả được sử dụng trong hướng dẫn sử dụng này.	9
Tham khảo Hệ điều hành.	9

Hướng dẫn quan trọng

Hướng dẫn an toàn.	10
Hướng Dẫn An Toàn Đối Với Mục.	10
Lời khuyên và cảnh báo của máy in.	11
Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Thiết Lập Máy in.	11
Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Dùng Máy In.	11
Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Vận Chuyển Hoặc Bảo Quản Máy In.	12
Lời khuyên và cảnh báo dành cho việc sử dụng máy in bằng kết nối không dây.	12
Tư vấn và Cảnh báo khi Sử dụng Màn hình LCD.	12
Bảo vệ thông tin cá nhân của bạn.	12

Những điều cơ bản về máy in

Tên và chức năng của các bộ phận.	13
Hướng dẫn đến bảng điều khiển.	16
Bảng điều khiển.	16
Hướng dẫn cho màn hình chính.	17
Nhập các ký tự.	18
Xem hoạt ảnh.	18

Cài đặt mạng

Loại kết nối mạng.	20
Kết nối Wi-Fi.	20
Kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản).	20
Kết nối với máy tính.	21
Kết nối với thiết bị thông minh.	22
Kết nối với thiết bị thông minh qua bộ định tuyến không dây.	22
Kết nối với iPhone, iPad hoặc iPod touch bằng Wi-Fi Direct.	22
Kết nối với thiết bị Android bằng Wi-Fi Direct.	26

Kết nối với thiết bị không phải iOS và Android bằng Wi-Fi Direct.	28
Thực hiện cài đặt Wi-Fi trên máy in.	31
Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng cách nhập SSID và mật khẩu.	31
Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn.	32
Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS).	33
Kiểm tra tình trạng kết nối mạng.	34
Biểu tượng mạng.	34
In báo cáo kết nối mạng.	34
In tờ tình trạng mạng.	40
Thay thế hoặc thêm bộ định tuyến không dây mới.	40
Thay đổi phương thức kết nối với máy tính.	41
Đổi cài đặt Wi-Fi Direct (AP đơn giản).	41
Tắt Wi-Fi từ bảng điều khiển.	42
Ngắt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) từ bảng điều khiển.	43
Khôi phục cài đặt mạng từ bảng điều khiển.	43

Chuẩn bị máy in

Nạp trang.	44
Các loại giấy sẵn có và các khả năng.	44
Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau.	47
Nạp phong bì và biện pháp phòng ngừa.	49
Nạp giấy dài.	50
Danh sách loại giấy.	50
Đặt bản gốc.	50
Bản gốc sẵn có cho ADF.	50
Đặt bản gốc lên ADF.	51
Đặt bản gốc lên Kính Máy Scan.	53
Quản lý danh bạ.	54
Đăng ký hoặc chỉnh sửa các liên hệ.	54
Đăng ký hoặc chỉnh sửa các liên hệ theo nhóm.	55
Đăng ký người liên hệ trên máy tính.	55
Tùy chọn menu cho Cài đặt.	57
Tùy chọn menu cho Trạng thái cung cấp.	57
Tùy chọn menu cho Bảo dưỡng.	57
Tùy chọn menu cho Thiết lập máy in.	58
Tùy chọn menu cho mọi cài đặt mạng Wi-Fi.	60
Tùy chọn menu cho Dịch vụ Epson Connect.	60
Tùy chọn menu cho Dịch vụ Google Cloud In.	61
Tùy chọn menu cho Trình quản lý Danh bạ.	61
Tùy chọn menu cho Cài đặt fax.	62
Tùy chọn menu cho In tờ tình trạng.	62
Tùy chọn menu cho Bộ đếm bản in.	62

Tùy chọn menu cho Ng.cứu khách hàng.	63
Tùy chọn menu cho Phục hồi cài đặt mặc định. . .	63
Tùy chọn menu cho Cập nhật firmware.	63
Tiết kiệm điện.	63
Tiết Kiệm Điện — Bảng Điều Khiển.	64

Cài đặt fax

Trước khi sử dụng các tính năng fax.	65
Kết nối máy in với đường điện thoại.	65
Đường điện thoại tương thích.	65
Kết nối máy in với đường điện thoại.	66
Kết nối thiết bị điện thoại với máy in.	67
Điều chỉnh máy in sẵn sàng gửi và nhận fax (bằng Thuật sĩ cài đặt fax).	68
Thực hiện các cài đặt riêng lẻ cho các tính năng fax của máy in.	70
Đặt Chế độ nhận.	70
Thực hiện cài đặt khi bạn kết nối với thiết bị điện thoại bên ngoài.	72
Thực hiện cài đặt để chặn bản fax rác.	73
Thực hiện cài đặt để gửi và nhận fax trên máy tính.	73
Tùy chọn menu cho Cài đặt fax.	74
Kiểm tra kết nối fax.	74
Thuật sĩ cài đặt fax.	75
Menu Cài đặt cơ bản.	75
Menu Cài đặt nhận.	76
Menu Cài đặt báo cáo.	77
Menu Cài đặt bảo mật.	77
Menu Cài đặt m.định n.dùng.	78

In

In từ trình điều khiển máy in trên Windows.	79
Truy cập trình điều khiển máy in.	79
Những điều cơ bản về in.	79
In bằng 2 mặt.	81
In một vài trang trên một tờ.	82
In và xếp chồng theo thứ tự trang (In theo thứ tự đảo ngược).	83
In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ.	83
In một hình ảnh trên nhiều tờ để phóng to (tạo áp phích).	84
In với phần đầu đề và chân trang.	90
In mẫu chống sao chụp.	91
In nhiều tệp cùng lúc.	92
In bằng tính năng in màu chung.	92
Điều Chỉnh Màu In.	93
In để làm nổi bật các đường mỏng.	94
In mã vạch rõ ràng.	94

Hủy in.	95
Tùy chọn menu cho trình điều khiển in.	95
In từ trình điều khiển máy in trên Mac OS.	97
Những điều cơ bản về in.	97
In 2 mặt.	99
In một vài trang trên một tờ.	100
In và xếp chồng theo thứ tự trang (In theo thứ tự đảo ngược).	100
In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ.	101
Điều Chỉnh Màu In.	102
Hủy in.	102
Tùy chọn menu cho trình điều khiển in.	102
Đặt các thiết lập vận hành cho trình điều khiển máy in Mac OS.	104
In từ thiết bị thông minh.	105
Sử dụng Epson iPrint.	105
Sử dụng Epson Print Enabler.	106
Sử dụng AirPrint.	107
Hủy công việc đang thực hiện.	107

Sao chép

Sao chép.	108
Sao chụp trên 2 mặt.	109
Sao chụp nhiều bản gốc trên một tờ.	109
Tùy chọn menu cho sao chụp.	109

Quét ảnh

Quét bằng bảng điều khiển.	112
Quét vào máy tính.	112
Quét bằng WSD.	116
Quét từ máy tính.	118
Quét bằng Epson Scan 2.	118
Quét từ thiết bị thông minh.	125
Cài đặt Epson iPrint.	125
Quét bằng Epson iPrint.	125

Fax

Trước khi sử dụng các tính năng fax.	127
Gửi fax bằng bảng máy in.	127
Gửi fax bằng bảng điều khiển.	127
Các cách gửi fax khác nhau.	129
Nhận fax trên máy in.	132
Nhận fax gửi đến.	132
Nhận fax bằng cách thực hiện một cuộc gọi điện thoại.	133
Tùy chọn menu cho fax.	134
Fax.	134

Cài đặt quét.	135
Cài đặt gửi fax.	135
Xem thêm.	136
Trình quản lý Danh bạ.	137
Gửi fax từ máy tính.	137
Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Windows).	137
Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Mac OS).	140
Nhận fax trên máy tính.	141
Lưu các bản fax gửi đến vào máy tính.	142
Hủy tính năng lưu các bản fax đến vào máy tính.	142
Kiểm tra fax mới (Windows).	143
Kiểm tra fax mới (Mac OS).	144
Sử dụng các tính năng fax khác.	145
In báo cáo fax theo cách thủ công.	145

Thay thế hộp mực và vật tư tiêu hao khác

Kiểm tra tình trạng mực còn lại và hộp bảo dưỡng	146
Kiểm tra tình trạng mực còn lại và hộp bảo trì — bảng điều khiển.	146
Kiểm Tra Tình Trạng Mực Còn Lại Và Hộp Bảo Trì - Windows.	146
Kiểm tra trạng thái của mực còn lại và hộp bảo trì — Mac OS X.	146
Mã hộp mực.	147
Phòng ngừa khi xử lý hộp mực.	147
Thay hộp mực.	150
Mã Hộp Bảo Trì.	150
Thận trọng khi xử lý hộp bảo trì.	150
Thay thế hộp bảo trì.	151
In tạm thời bằng mực đen.	152
In tạm thời bằng mực đen — bảng điều khiển.	152
Tạm thời in bằng mực đen — Windows.	153
In tạm thời bằng mực đen — Mac OS.	154
Duy trì mực đen khi mực đen còn ít (chỉ dành cho Windows).	154

Bảo trì máy in

Ngăn ngừa tình trạng đầu in bị khô.	156
Kiểm Tra và Vệ Sinh Đầu In.	156
Kiểm tra và vệ sinh đầu in — Bảng điều khiển.	156
Kiểm tra và làm sạch Đầu In — Windows.	157
Kiểm tra và vệ sinh đầu in — Mac OS.	157
Căn chỉnh Đầu In.	158

Căn chỉnh Đầu in — Bảng điều khiển.	158
Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn.	158
Làm sạch ADF.	159
Vệ sinh Kính Máy Scan.	161
Vệ sinh phim mờ.	162

Dịch vụ mạng và thông tin phần mềm

Ứng dụng để cấu hình hoạt động máy in (Web Config).	165
Chạy Web Config trên Trình duyệt web.	165
Chạy Web Config trên Windows.	166
Chạy Web Config trên Mac OS.	166
Ứng dụng để quét tài liệu và hình ảnh (Epson Scan 2).	166
Thêm máy quét mạng.	167
Ứng dụng để định cấu hình thao tác quét từ bảng điều khiển (Epson Event Manager).	167
Ứng dụng để quét từ máy tính (Epson ScanSmart)	168
Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax (FAX Utility).	168
Ứng dụng để gửi fax (Trình điều khiển PC-FAX).	169
Ứng dụng in nhanh và thú vị từ máy tính (Epson Photo+).	170
Ứng dụng vận hành máy in dễ dàng từ thiết bị thông minh (Epson Smart Panel).	170
Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater).	171
Ứng dụng thiết lập thiết bị trên mạng (EpsonNet Config).	171
Cài đặt ứng dụng mới nhất.	172
Thêm máy in (Chỉ dành cho Mac OS).	173
Cập nhật ứng dụng và phần mềm điều khiển.	173
Gỡ cài đặt ứng dụng.	173
Gỡ cài đặt ứng dụng — Windows.	174
Gỡ cài đặt ứng dụng — Mac OS.	174
In bằng dịch vụ mạng.	175

Giải quyết vấn đề

Kiểm tra trạng thái máy in.	176
Kiểm Tra Mã Lỗi trên Màn Hình LCD.	176
Kiểm tra trạng thái máy in — Windows.	177
Kiểm tra trạng thái máy in — Mac OS.	177
Kiểm tra trạng thái phần mềm.	178
Gỡ bỏ giấy bị kẹt.	178
Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ Nạp Giấy Phía Sau.	178
Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ Nắp Đậy Phía Sau.	179
Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ bên trong máy in.	180

Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ ADF.	181
Giấy nạp không chính xác.	183
Kẹt Giấy.	183
Bộ Nạp Giấy Bị Nghiêng.	183
Nạp Nhiều Tờ Giấy Mỗi Lần.	183
Xuất hiện lỗi hết giấy.	183
Giấy được đẩy ra trong khi in.	184
Bản gốc không nạp vào ADF.	184
Các vấn đề với bảng điều khiển và nguồn điện.	184
Nguồn điện không bật.	184
Nguồn điện không tắt.	184
Tắt nguồn tự động.	185
Màn hình LCD bị tối đi.	185
Không thể in từ máy tính.	185
Kiểm tra kết nối (USB).	185
Kiểm tra kết nối (Mạng).	186
Kiểm tra phần mềm và dữ liệu.	186
Kiểm tra trạng thái của máy in từ máy tính (Windows).	188
Kiểm tra trạng thái của máy in từ máy tính (Mac OS).	189
Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng.	189
Không thể kết nối từ thiết bị mặc dù không có vấn đề gì với các cài đặt mạng.	189
Kiểm tra SSID được kết nối với máy in.	191
Kiểm tra SSID cho máy tính.	191
Kết nối LAN (Wi-Fi) không dây trở nên không ổn định khi sử dụng thiết bị USB 3.0 trên máy Mac.	192
Không thể in từ iPhone, iPad hoặc iPod touch.	192
Các vấn đề in.	193
Bản in ra bị mờ hoặc màu bị thiếu.	193
Dài hoặc Màu Không Mong Muốn Xuất Hiện.	193
Dài màu xuất hiện ở khoảng cách gần 2.5 cm.	193
Bản in mờ, dài dọc hoặc căn chỉnh sai.	194
Chất lượng in kém.	194
Giấy bị bẩn hoặc mòn.	195
Giấy bị nhòe trong khi in 2 mặt tự động.	196
Ảnh chụp đã in bị dính.	196
Hình hoặc ảnh chụp được in bằng màu sắc không mong muốn.	196
Không Thể In Mà Không Có Lỗi.	196
Mép của ảnh bị cắt trong quá trình in không đường viền.	197
Vị trí, kích cỡ hoặc lề của bản in ra không chính xác.	197
Các ký tự được in ra không chính xác hoặc lộn xộn.	197
Ảnh in ra bị đảo ngược.	198
Mẫu kiểu che mờ trên bản in.	198

Màu không đều, vết bẩn, vết chấm hoặc đường thẳng xuất hiện trên hình ảnh đã sao chép.	198
Mẫu vân sóng (gạch chéo) xuất hiện trong hình ảnh quét.	198
Ảnh của mặt ngược lại của bản gốc xuất hiện trong ảnh sao chép.	198
Dải vạch xuất hiện khi sao chép từ ADF.	199
Văn bản hoặc hình đã sao chụp từ ADF bị ép lại hoặc kéo giãn.	199
Vấn đề với bản in không thể giải quyết.	199
Các vấn đề khác với in.	199
Tốc độ in quá chậm.	199
Tốc độ in hoặc sao chụp vô cùng chậm khi vận hành liên tục.	200
Không Thể Hủy In từ Máy Tính Chạy Mac OS X v10.6.8.	200
Không thể bắt đầu quét.	200
Không thể bắt đầu quét khi sử dụng bảng điều khiển.	201
Các vấn đề với ảnh quét.	201
Màu sắc không đồng đều, bụi bẩn, vết đốm, v.v... hiển thị khi scan từ mặt kính máy scan.	201
Đường thẳng hiển thị khi scan từ ADF.	201
Văn bản hoặc hình đã quét từ ADF bị ép lại hoặc kéo giãn.	202
Chất lượng hình ảnh thô.	202
Hình ảnh mặt sau xuất hiện ở nền của hình ảnh.	202
Chữ bị mờ.	202
Hiển thị các mẫu hình moiré (bóng mờ dạng mảng).	203
Không thể quét khu vực chính xác trên kính máy quét.	203
Không thể xem trước trong Hình thu nhỏ.	203
Văn bản không được nhận diện chính xác khi lưu dưới dạng PDF có thể tìm.	204
Không thể giải quyết vấn đề trong hình ảnh quét.	204
Các vấn đề khác với quét.	205
Tốc độ quét quá chậm.	205
Tốc độ quét vô cùng chậm khi quét liên tục.	205
Việc quét dừng lại khi quét vào PDF/Multi-TIFF.	205
Các vấn đề khi gửi và nhận fax.	205
Không thể gửi hoặc nhận fax.	206
Không thể gửi fax.	207
Không thể gửi fax đến người nhận chỉ định.	207
Không thể gửi fax vào thời gian đã định.	208
Không thể nhận fax.	208
Lỗi bộ nhớ đầy xảy ra.	208

Fax đã gửi có chất lượng kém.	208
Fax được gửi với kích cỡ sai.	209
Fax nhận được có chất lượng kém.	209
Máy in không in các bản fax đã nhận được.	209
Các trang trống hoặc chỉ một lượng nhỏ văn bản được in trên trang thứ hai trong bản fax đã nhận.	210
Các vấn đề khác với fax.	210
Không thể thực hiện cuộc gọi trên điện thoại kết nối.	210
Máy Trả Lời Không Thể Trả Lời Cuộc Gọi Thoại.	210
Số fax của người gửi không được hiển thị trên các bản fax đã nhận hoặc số không chính xác.	210
Các vấn đề khác.	210
Giật điện nhẹ khi chạm vào máy in.	210
Âm thanh hoạt động lớn.	210
Ngày và giờ không chính xác.	211
Ứng dụng bị chặn bởi tường lửa (Chỉ dành cho Windows).	211

Phụ lục

Thông số kỹ thuật.	212
Thông số kỹ thuật máy in.	212
Thông số kỹ thuật máy quét.	213
Thông số kỹ thuật giao diện.	213
Thông số kỹ thuật fax.	214
Danh sách chức năng của mạng.	214
Thông số kỹ thuật Wi-Fi.	215
Giao thức bảo mật.	215
Các Dịch Vụ Bên Thứ Ba Được Hỗ Trợ.	215
Kích thước.	216
Thông số kỹ thuật điện.	216
Thông số kỹ thuật môi trường.	217
Yêu cầu hệ thống.	217
Thông tin pháp lý.	218
Tiêu chuẩn và phê chuẩn.	218
German Blue Angel.	218
Giới hạn sao chép.	218
Vận chuyển và bảo quản máy in.	219
Bản quyền.	221
Thương hiệu.	222
Nơi nhận trợ giúp.	222
Trang web hỗ trợ kỹ thuật.	222
Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.	223

Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này

Giới thiệu hướng dẫn sử dụng

Các hướng dẫn sử dụng sau đây được kèm theo máy in Epson của bạn. Giống như các hướng dẫn sử dụng, hãy xem các loại thông tin trợ giúp khác nhau có sẵn từ chính máy in hoặc từ ứng dụng phần mềm Epson.

☐ Bắt đầu tại đây (hướng dẫn sử dụng trên giấy)

Cung cấp cho bạn thông tin về cách thiết lập máy in, cài đặt phần mềm, sử dụng máy in, giải quyết vấn đề, v.v.

☐ Sổ hướng dẫn sử dụng (hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số)

Hướng dẫn sử dụng này. Cung cấp hướng dẫn và thông tin chung về cách sử dụng máy in, về cài đặt mạng khi sử dụng máy in trên mạng và về cách giải quyết sự cố.

Bạn có thể tải các phiên bản mới nhất của hướng dẫn sử dụng ở trên bằng những cách sau.

☐ Hướng dẫn sử dụng trên giấy

Truy cập trang web hỗ trợ của Epson châu Âu tại <http://www.epson.eu/Support>, hoặc trang web hỗ trợ của Epson toàn cầu tại <http://support.epson.net/>.

☐ Hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số

Bật EPSON Software Updater trên máy tính của bạn. EPSON Software Updater kiểm tra cập nhật cho các ứng dụng phần mềm Epson và hướng dẫn sử dụng điện tử, và cho phép bạn tải về các phiên bản mới nhất.

Thông tin liên quan

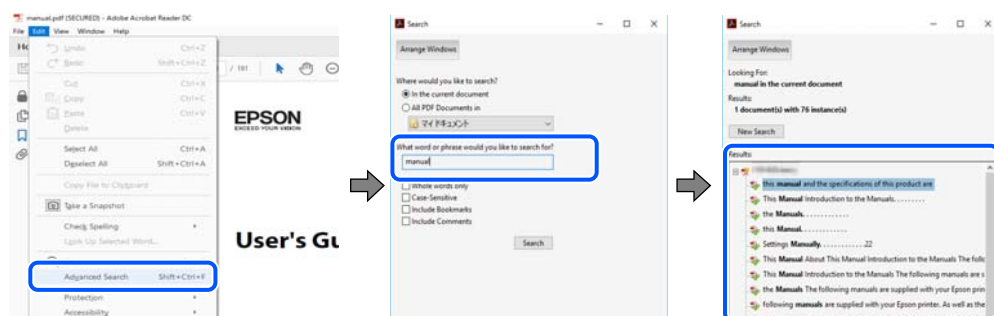
➔ “Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater)” ở trang 171

Sử dụng hướng dẫn sử dụng để tìm kiếm thông tin

Hướng dẫn sử dụng PDF cho phép bạn tìm kiếm thông tin bạn đang tìm kiếm theo từ khóa hoặc chuyển trực tiếp đến các phần cụ thể bằng các dấu trang. Bạn cũng có thể chỉ in những trang bạn cần. Phần này giải thích cách sử dụng hướng dẫn sử dụng PDF đã được mở bằng Adobe Reader X trên máy tính của bạn.

Tìm kiếm theo từ khóa

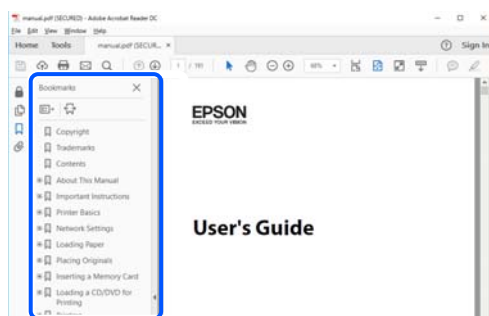
Nhấp vào **Chỉnh sửa > Tìm kiếm nâng cao**. Nhập từ khóa (văn bản) cho thông tin bạn muốn tìm trong cửa sổ tìm kiếm, sau đó nhấp vào **Tìm kiếm**. Các kết quả hiển thị dưới dạng một danh sách. Nhấp vào một trong các kết quả hiển thị để chuyển tới trang đó.



Chuyển ngay từ dấu trang

Nhấp vào một tiêu đề để chuyển tới trang đó. Nhấp vào + hoặc > để xem các tiêu đề ở mức thấp hơn trong phần đó. Để quay về trang trước, thực hiện thao tác sau đây trên bàn phím.

- ☐ Windows: Nhấn giữ **Alt**, sau đó nhấn ←.
- ☐ Mac OS: Nhấn giữ phím lệnh, sau đó nhấn ←.



Chỉ in trang bạn cần

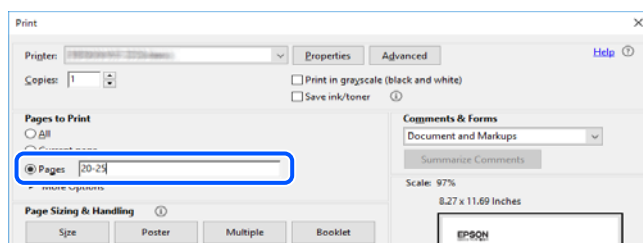
Bạn cũng có thể trích xuất và chỉ in những trang bạn cần. Nhấp vào **In** trong menu **Tệp**, sau đó chỉ định trang bạn muốn in trong **Trang trong Trang sẽ in**.

- ☐ Để chỉ định một loạt trang, hãy nhập một dấu nối giữa trang bắt đầu và trang kết thúc.

Ví dụ: 20–25

- ☐ Để chỉ định các trang không nằm trong loạt trang, chia tách các trang bằng dấu phẩy.

Ví dụ: 5, 10, 15



Nhãn và ký hiệu



Chú ý:

Phải cẩn thận thực hiện theo hướng dẫn để tránh thương tích cho cơ thể.



Quan trọng:

Phải tuân thủ hướng dẫn để tránh hư hỏng cho thiết bị của bạn.

Lưu ý:

Cung cấp thông tin bổ sung và tham khảo.

Thông tin liên quan

➔ Liên kết đến các phần có liên quan.

Các mô tả được sử dụng trong hướng dẫn sử dụng này

- ☐ Các ảnh chụp màn hình của trình điều khiển máy in và Epson Scan 2 (trình điều khiển máy quét) được lấy từ Windows 10 hoặc macOS Mojave. Nội dung được hiển thị trong các màn hình thay đổi tùy theo kiểu máy và tình huống.
- ☐ Hình minh họa được sử dụng trong hướng dẫn này chỉ là ví dụ. Mặc dù có thể những khác biệt một chút tùy thuộc vào kiểu máy, phương pháp vận hành vẫn không thay đổi.
- ☐ Một số mục menu trên màn hình LCD thay đổi tùy thuộc vào kiểu máy và thiết lập.
- ☐ Bạn có thể đọc mã QR bằng ứng dụng riêng.

Tham khảo Hệ điều hành

Windows

Trong hướng dẫn này, các thuật ngữ như “Windows 10”, “Windows 8.1”, “Windows 8”, “Windows 7”, “Windows Vista”, “Windows XP”, “Windows Server 2019”, “Windows Server 2016”, “Windows Server 2012 R2”, “Windows Server 2012”, “Windows Server 2008 R2”, “Windows Server 2008”, “Windows Server 2003 R2”, và “Windows Server 2003” là nói đến các hệ điều hành sau. Ngoài ra, “Windows” được sử dụng để đề cập đến tất cả các phiên bản.

- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 10
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 8.1
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 8
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 7
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Vista®
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® XP
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® XP Professional x64 Edition
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2019
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2016
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2012 R2
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2012
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2008 R2
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2008
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2003 R2
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2003

Mac OS

Trong hướng dẫn này, “Mac OS” được sử dụng để đề cập đến Mac OS X v10.6.8 hoặc mới hơn, cũng như macOS 11 hoặc mới hơn.

Hướng dẫn quan trọng

Hướng dẫn an toàn

Đọc và làm theo các hướng dẫn này nhằm đảm bảo sử dụng an toàn máy in này. Đảm bảo rằng bạn cất giữ hướng dẫn sử dụng này để tham khảo sau này. Đồng thời, hãy chắc chắn làm theo tất cả các cảnh báo và hướng dẫn được đánh dấu trên máy in.

- ☐ Một số biểu tượng dùng trên máy in của bạn là nhằm đảm bảo sử dụng máy in an toàn và thích hợp. Truy cập trang web sau để tìm hiểu ý nghĩa của các biểu tượng.
<http://support.epson.net/symbols>
- ☐ Chỉ sử dụng dây điện đi cùng với máy in và không sử dụng dây điện với bất kỳ thiết bị nào khác. Sử dụng các loại dây điện khác với máy in này hoặc sử dụng dây điện đi kèm cho thiết bị khác có thể dẫn đến cháy hoặc giật điện.
- ☐ Hãy chắc chắn rằng dây điện AC của bạn đáp ứng tiêu chuẩn an toàn liên quan tại địa phương.
- ☐ Không tự mình tháo gỡ, sửa đổi hoặc tìm cách sửa chữa dây điện, phích cắm, bộ phận máy in, bộ phận máy quét hoặc các tùy chọn, trừ khi được giải thích cụ thể trong hướng dẫn sử dụng máy in.
- ☐ Rút phích cắm máy in và chuyển việc bảo trì cho nhân viên bảo trì có trình độ chuyên môn trong các điều kiện sau:
Dây điện hoặc phích cắm bị hỏng; chất lỏng vào máy in; máy in bị rơi hoặc vỏ hộp bị hỏng; máy in hoạt động không bình thường hoặc thể hiện sự thay đổi khác biệt về hiệu suất. Không điều chỉnh các nút điều khiển không được đề cập trong hướng dẫn vận hành.
- ☐ Đặt máy in gần ổ cắm điện mà ở đó có thể rút phích cắm dễ dàng.
- ☐ Không đặt hoặc bảo quản máy in ngoài trời, gần nơi quá ẩm hoặc bụi, nước, nguồn nhiệt, hoặc các địa điểm khác chịu sốc, rung, nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- ☐ Cẩn thận không làm tràn chất lỏng lên máy in và không giữ máy in bằng tay ướt.
- ☐ Để máy in cách máy trợ tim ít nhất 22 cm. Sóng vô tuyến từ máy in này có thể gây ảnh hưởng xấu cho việc vận hành của máy trợ tim.
- ☐ Nếu màn hình LCD bị hỏng, hãy liên hệ với đại lý của bạn. Nếu dung dịch tinh thể lỏng dính vào tay của bạn, hãy rửa tay thật kỹ bằng xà phòng và nước. Nếu dung dịch tinh thể lỏng dính vào mắt của bạn, hãy rửa sạch mắt ngay lập tức bằng nước. Nếu thấy không thoải mái hoặc có vấn đề về thị lực tiếp diễn sau khi rửa kỹ, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.
- ☐ Tránh sử dụng điện thoại khi có bão tố. Có thể có nguy cơ giật điện từ xa do sét đánh.
- ☐ Không sử dụng điện thoại để báo cáo về rò rỉ khí gas trong vùng lân cận của nơi rò rỉ.

Hướng Dẫn An Toàn Đối Với Mực

- ☐ Cẩn thận khi bạn cầm hộp mực đã sử dụng, vì có thể có một chút mực xung quanh cổng cấp mực.
 - ☐ Nếu mực dính vào da của bạn, hãy rửa kỹ vùng da bằng xà phòng và nước.
 - ☐ Nếu mực dính vào mắt của bạn, hãy rửa sạch mắt ngay lập tức bằng nước. Nếu thấy không thoải mái hoặc có vấn đề về thị lực tiếp diễn sau khi rửa kỹ, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.
 - ☐ Nếu mực vào miệng của bạn, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.
- ☐ Không tháo hộp mực và hộp bảo dưỡng; nếu không mực có thể vào mắt hoặc da của bạn.

- ☐ Không lắc hộp mực quá mạnh và không đánh rơi chúng. Cũng vậy, hãy cẩn thận không ép hộp mực hoặc xé nhãn. Làm như vậy có thể gây ra rò rỉ mực.
- ☐ Để hộp mực và hộp bảo dưỡng ngoài tầm với của trẻ em.

Lời khuyên và cảnh báo của máy in

Đọc và thực hiện theo các hướng dẫn này để tránh làm hỏng máy in hoặc tài sản của bạn. Đảm bảo rằng bạn cất giữ hướng dẫn sử dụng này để tham khảo sau này.

Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Thiết Lập Máy In

- ☐ Không chặn hoặc bịt các lỗ thông hơi hoặc lỗ hở trong máy in.
- ☐ Chỉ sử dụng kiểu nguồn điện được chỉ dẫn trên nhãn của máy in.
- ☐ Tránh sử dụng các ổ cắm trên cùng mạch với máy photo hoặc hệ thống điều hòa không khí thường xuyên bật và tắt.
- ☐ Tránh sử dụng các ổ cắm điện được điều khiển bởi công tắc trên tường hoặc bộ định thời gian tự động.
- ☐ Giữ toàn bộ hệ thống máy tính tránh xa các nguồn nhiễu điện từ trường tiềm ẩn, như loa hoặc bộ phận cơ sở của điện thoại không dây.
- ☐ Cần đặt dây điện cấp nguồn để tránh bị mài mòn, cắt, gây tước, gấp mép và xoắn. Không đặt các vật lên trên dây điện cấp nguồn và không để dây điện cấp nguồn bị bước lên trên hoặc chạy qua. Đặc biệt cần thận giữ toàn bộ dây điện cấp nguồn thẳng ở các điểm cuối và tại những điểm vào hoặc ra khỏi máy biến thế.
- ☐ Nếu bạn sử dụng dây điện nối dài cùng với máy in, hãy đảm bảo rằng tổng định mức ampe của các thiết bị cắm vào dây điện kéo dài không vượt quá định mức ampe của dây điện. Đồng thời, hãy đảm bảo rằng tổng định mức ampe của tất cả các thiết bị cắm vào ổ cắm điện không vượt quá định mức ampe của ổ cắm điện.
- ☐ Nếu bạn định sử dụng máy in ở Đức, hệ thống lắp đặt của tòa nhà phải được bảo vệ bằng cầu dao 10 hoặc 16 amp để cung cấp đủ khả năng bảo vệ ngắn mạch và bảo quá dòng cho máy in.
- ☐ Khi kết nối máy in với máy tính hoặc thiết bị khác bằng dây cáp, hãy đảm bảo hướng chính xác của các đầu nối. Mỗi đầu nối chỉ có một hướng chính xác. Lắp đầu nối theo hướng sai có thể làm hỏng cả hai thiết bị nối với dây cáp.
- ☐ Đặt máy in trên bề mặt phẳng, ổn định và rộng hơn đế của máy in theo tất cả các hướng. Máy in sẽ không thể vận hành đúng cách nếu bị nghiêng đi một góc.
- ☐ Để một khoảng trống phía trên máy in để bạn có thể nâng hoàn toàn nắp tài liệu.
- ☐ Để đủ khoảng trống phía trước máy in để giấy có thể được đẩy ra hoàn toàn.
- ☐ Tránh các vị trí chịu sự thay đổi nhanh chóng của nhiệt độ và độ ẩm. Đồng thời, giữ máy in tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp, nguồn sáng mạnh hoặc nguồn nhiệt.

Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Dùng Máy In

- ☐ Không chèn các vật qua các khe trong máy in.
- ☐ Không đặt tay của bạn vào bên trong máy in khi đang in.
- ☐ Không chạm vào dây cáp dẹt màu trắng bên trong máy in.
- ☐ Không sử dụng các sản phẩm aerosol chứa khí gas dễ cháy bên trong hoặc xung quanh máy in. Làm như vậy có thể gây ra cháy.

- ☐ Không di chuyển đầu in bằng tay; làm như vậy, bạn có thể làm hỏng máy in.
- ☐ Cẩn thận không để kẹp ngón tay của bạn khi đóng bộ phận máy quét.
- ☐ Không ấn quá mạnh lên kính máy scan khi đặt các bản gốc.
- ☐ Luôn tắt máy in bằng nút . Không rút phích cắm của máy in hoặc tắt nguồn tại ổ cắm khi đèn  vẫn chưa ngừng nhấp nháy.
- ☐ Nếu bạn không sử dụng máy in trong một khoảng thời gian dài, hãy chắc chắn rút phích cắm dây điện ra khỏi ổ điện.

Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Vận Chuyển Hoặc Bảo Quản Máy In

- ☐ Khi bảo quản hoặc vận chuyển máy in, tránh làm nghiêng máy in, đặt theo chiều đứng hoặc lật úp máy in; nếu không mực có thể rò rỉ.
- ☐ Trước khi vận chuyển máy in, đảm bảo rằng đầu in ở vị trí gốc (tận cùng bên phải).

Lời khuyên và cảnh báo dành cho việc sử dụng máy in bằng kết nối không dây

- ☐ Sóng vô tuyến từ máy in này có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của thiết bị điện tử y tế, khiến cho chúng gặp lỗi. Khi sử dụng máy in này bên trong các cơ sở y tế hoặc gần thiết bị y tế, hãy thực hiện theo các chỉ dẫn từ nhân viên có thẩm quyền đại diện cho các cơ sở y tế, và thực hiện theo tất cả các cảnh báo và chỉ dẫn đã đăng trên thiết bị y tế.
- ☐ Sóng vô tuyến từ máy in này có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của các thiết bị điều khiển tự động như cửa tự động hoặc chuông báo cháy, và có thể dẫn đến tai nạn do lỗi. Khi sử dụng máy in này gần các thiết bị điều khiển tự động, hãy thực hiện theo tất cả các cảnh báo và chỉ dẫn đã đăng trên các thiết bị này.

Tư vấn và Cảnh báo khi Sử dụng Màn hình LCD

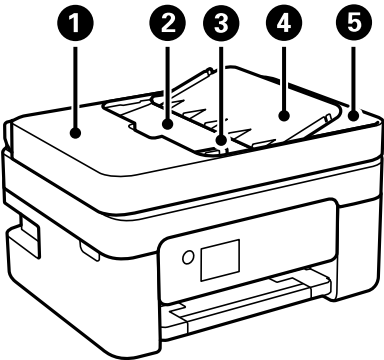
- ☐ Màn hình LCD có thể có một vài điểm sáng hoặc tối nhỏ, và vì những tính năng của màn hình, màn hình có thể có độ sáng không đều. Điều này là bình thường và không phải là chỉ báo cho thấy màn hình bị hỏng theo bất kỳ cách nào.
- ☐ Chỉ sử dụng vải khô và mềm để lau màn hình. Không sử dụng chất làm sạch hóa học hoặc chất lỏng.
- ☐ Phần vỏ phía bên ngoài của màn hình LCD có thể bị vỡ nếu gặp tác động mạnh. Hãy liên hệ với đại lý của bạn nếu bề mặt màn hình nứt mẻ hoặc bị nứt, và không chạm vào hoặc tìm cách loại bỏ các mảnh vỡ.

Bảo vệ thông tin cá nhân của bạn

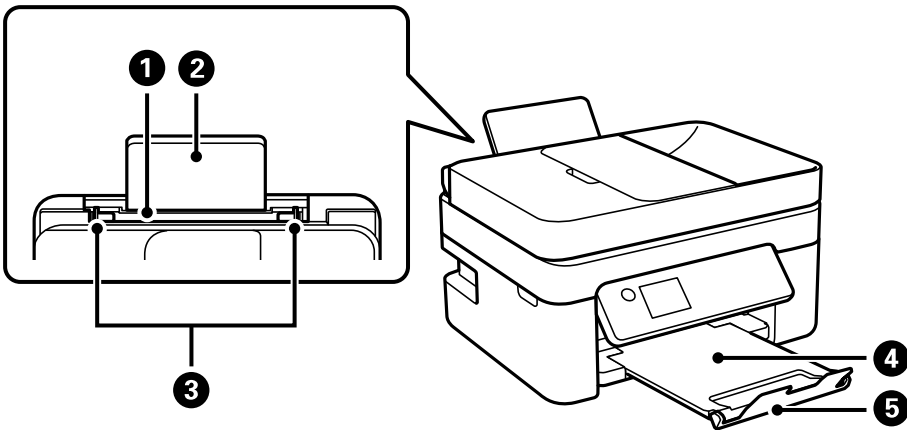
Khi bạn đưa máy in cho người khác hoạt văt bỏ máy in, hãy xóa toàn bộ thông tin cá nhân được lưu trữ trong bộ nhớ của máy in bằng cách chọn **Cài đặt > Phục hồi cài đặt mặc định > Xóa hết mọi dữ liệu và cài đặt** trên bảng điều khiển.

Những điều cơ bản về máy in

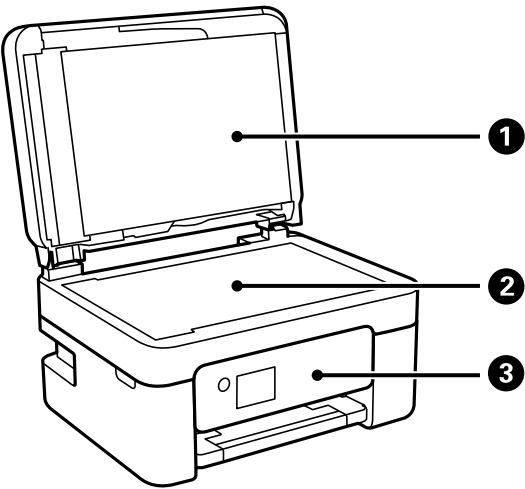
Tên và chức năng của các bộ phận



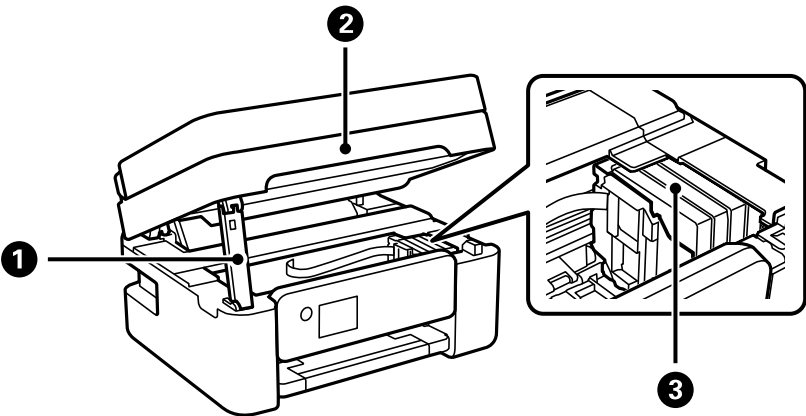
❶	Nắp ADF (Khay nạp tài liệu tự động)	Mở khi loại bỏ bản gốc bị kẹt trong ADF.
❷	Khay đầu vào ADF	Tự động nạp bản gốc.
❸	Thanh dẫn hướng cạnh ADF	Nạp bản gốc thẳng vào máy in. Trượt đến mép của bản gốc.
❹	Bộ phận đỡ tài liệu ADF	Đỡ bản gốc.
❺	Khay đầu ra ADF	Giữ bản gốc được nhả ra từ ADF.



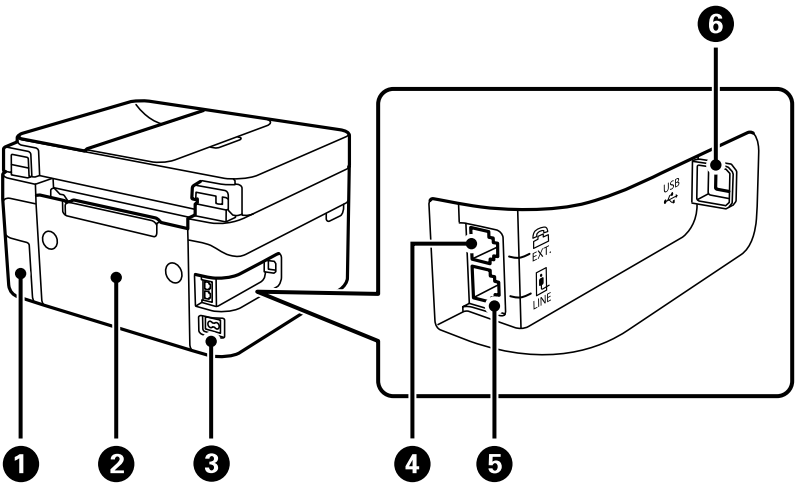
❶	Nạp giấy phía sau	Nạp giấy.
❷	Đỡ giấy	Đỡ giấy đã nạp.
❸	Thanh dẫn hướng cạnh	Nạp giấy thẳng vào máy in. Trượt đến mép của giấy.
❹	Khay đầu ra	Giữ giấy đã được đẩy ra.
❺	Bộ chặn	Ngăn không cho bản in rơi ra khỏi khay đầu ra.



1	Nắp tài liệu	Chặn ánh sáng bên ngoài khi đang quét.
2	Kính máy quét	Đặt bản gốc vào.
3	Bảng điều khiển	Cho biết trạng thái của máy in và cho phép bạn thực hiện cài đặt in.



1	Hỗ trợ bộ phận máy quét	Đỡ bộ phận máy quét.
2	Bộ phận máy quét	Quét bản gốc đã đặt vào. Mở khi thay thế hộp mực hoặc lấy giấy bị kẹt bên trong máy in.
3	Ngăn giữ hộp mực	Lắp hộp mực. Mực được đẩy ra từ kim phun đầu in.



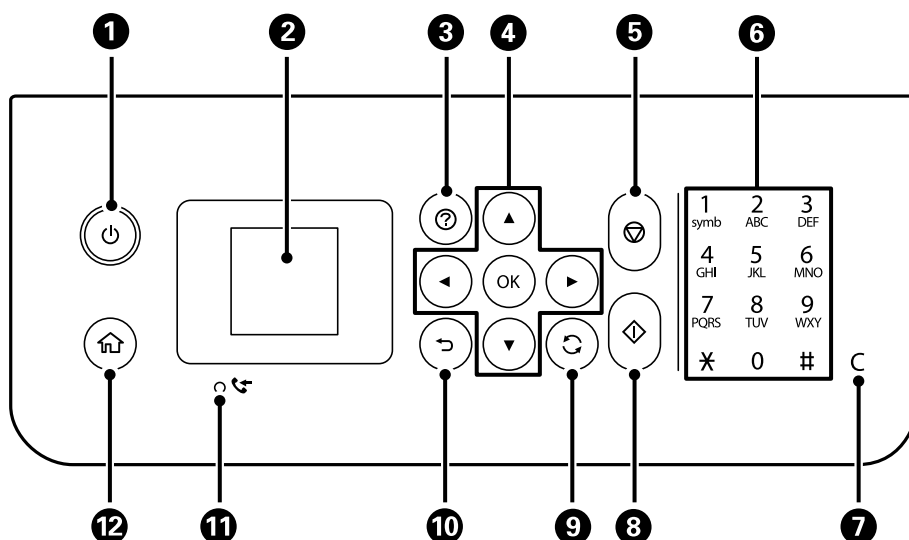
1	Nắp hộp bảo trì	Tháo khi thay hộp bảo trì. Hộp bảo trì là một hộp chứa thu gom một lượng rất nhỏ mực thừa trong khi vệ sinh hoặc in.
2	Nắp đậy phía sau	Tháo khi loại bỏ giấy bị kẹt.
3	Lổ vào AC	Kết nối với dây điện nguồn.
4	Cổng EXT.	Kết nối với thiết bị điện thoại ngoài.
5	Cổng LINE	Kết nối đường điện thoại.
6	Cổng USB	Cắm cáp USB để kết nối với máy tính.

Thông tin liên quan

➡ [“Bảng điều khiển” ở trang 16](#)

Hướng dẫn đến bảng điều khiển

Bảng điều khiển



1	Bật hoặc tắt máy in. Rút phích cắm điện sau khi kiểm tra thấy đèn nguồn tắt.
2	Hiển thị các menu và thông báo. Sử dụng các nút trên bảng điều khiển để chọn một menu hoặc thực hiện cài đặt.
3	Hiển thị những giải pháp khi bạn gặp sự cố.
4	Sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶ để chọn một menu, sau đó nhấn nút OK để vào menu đã chọn.
5	Dừng thao tác hiện tại.
6	Nhập số, ký tự và ký hiệu.
7	Xóa hết các cài đặt số như số bản sao.
8	Bắt đầu một thao tác như in hoặc sao chép.
9	Áp dụng cho các chức năng khác nhau tùy vào tình huống.
10	Quay lại màn hình trước.
11	Bật khi các tài liệu đã nhận chưa được in hoặc lưu được lưu vào bộ nhớ của máy in.
12	Hiển thị màn hình chính.

Hướng dẫn cho màn hình chính



1	Các biểu tượng cho biết tình trạng mạng được hiển thị.	
		Cho biết rằng mạng (Wi-Fi) không dây đã bị tắt hoặc rằng máy in đang xử lý kết nối mạng không dây.
		Cho biết sự cố với kết nối mạng (Wi-Fi) không dây của máy in hoặc rằng máy in đang tìm kiếm kết nối mạng (Wi-Fi) không dây.
		Cho biết rằng máy in được kết nối với mạng (Wi-Fi) không dây. Số vạch cho biết cường độ tín hiệu của kết nối. Càng có nhiều vạch, kết nối càng mạnh.
		Cho biết rằng Wi-Fi Direct (Simple AP) đã được bật.
		Cho biết rằng Wi-Fi Direct (Simple AP) đã bị tắt.
2	Khi ◀ và ▶ được hiển thị, bạn có thể cuộn sang phải hoặc trái bằng cách nhấn nút ◀ hoặc nút ▶.	
3	Các biểu tượng chức năng và tên được hiển thị dưới dạng biểu tượng menu. Chọn một biểu tượng bằng cách nhấn các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK để vào menu.	
	Scan	Cho phép bạn quét một tài liệu hoặc bức ảnh.
	Sao chụp	Cho phép bạn sao chụp một tài liệu.
	Thiết lập Wi-Fi	Cho phép bạn thiết lập máy in để sử dụng trên mạng không dây. Đây là phím tắt tới menu sau. Cài đặt > mọi cài đặt mạng Wi-Fi > Thiết lập Wi-Fi
	Fax	Cho phép bạn gửi fax.
	Chế độ im lặng	Hiển thị cài đặt Chế độ im lặng cho phép bạn giảm tiếng ồn do máy in tạo ra. Tuy nhiên, bật chế độ này có thể làm giảm tốc độ in. Tùy vào loại giấy và cài đặt chất lượng in bạn đã chọn, có thể không có sự khác biệt ở mức ồn của máy in. Đây là phím tắt tới menu sau. Cài đặt > Thiết lập máy in > Chế độ im lặng
	Cài đặt	Cho phép bạn thực hiện các cài đặt liên quan đến bảo trì, thiết lập máy in và cài đặt mạng.
	Bảo dưỡng	Hiển thị các menu được đề xuất để cải thiện chất lượng bản in như khắc phục kim phun bị tắc bằng cách in mẫu kiểm tra kim phun và thực hiện vệ sinh đầu in và cải thiện tình trạng mờ hoặc dải vạch trong bản in bằng cách căn chỉnh đầu in. Đây là phím tắt tới menu sau. Cài đặt > Bảo dưỡng
4	Các nút có sẵn được hiển thị. Trong ví dụ này, bạn có thể tiếp tục tới menu đã chọn bằng cách nhấn nút OK.	

Nhập các ký tự

Để nhập các ký tự và ký hiệu cho cài đặt mạng và đăng ký các liên hệ từ bảng điều khiển, hãy sử dụng các nút ▲, ▼, ◀ và ▶ và bàn phím của phần mềm trên màn hình LCD. Nhấn nút ▲, ▼, ◀ hoặc nút ▶ để chọn một ký tự hoặc nút chức năng trên bàn phím và sau đó nhấn nút OK. Khi bạn nhập xong ký tự, chọn **OK**, và sau đó nhấn nút OK.



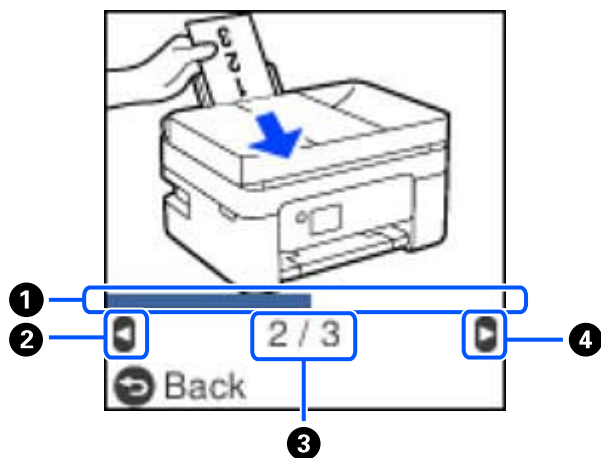
Nút chức năng	Mô tả
◀▶	Di chuyển con trỏ sang trái hoặc phải.
A 1 #	Chuyển đổi kiểu ký tự. Bạn có thể nhập ký tự chữ và số hoặc biểu tượng. Bạn cũng có thể chuyển đổi chúng bằng cách sử dụng nút ↺.
⏮	Nhập dấu cách.
✖	Xóa một ký tự bên trái (phím lùi).
OK	Nhập ký tự đã chọn.

Xem hoạt ảnh

Bạn có thể xem hoạt ảnh về hướng dẫn vận hành như nạp giấy hoặc lấy giấy bị kẹt trên màn hình LCD.

❑ Nhấn nút (?): hiển thị màn hình trợ giúp. Chọn **Cách làm** và chọn các mục mà bạn muốn xem.

❑ Chọn **Xem Mô tả** ở cuối màn hình thao tác: hiển thị hoạt ảnh thay đổi theo ngữ cảnh.



❶	Cho biết tiến trình qua bước hiện tại. Hoạt ảnh lặp lại khi thanh tiến trình đến cuối.
❷	Nhấn nút ◀ để quay lại bước trước.
❸	Cho biết tổng số bước và số bước hiện tại. Trong ví dụ ở trên, ví dụ cho biết các bước 2 từ 3 bước.
❹	Nhấn nút ▶ để chuyển sang bước tiếp theo.

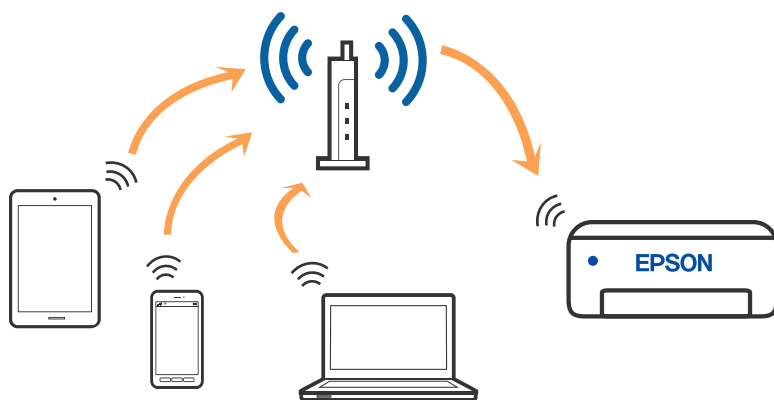
Cài đặt mạng

Loại kết nối mạng

Bạn có thể sử dụng các phương thức kết nối sau.

Kết nối Wi-Fi

Kết nối máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh với bộ định tuyến không dây. Đây là phương pháp kết nối điển hình dành cho mạng nhà riêng hoặc văn phòng ở đó máy tính được kết nối bằng Wi-Fi thông qua bộ định tuyến không dây.



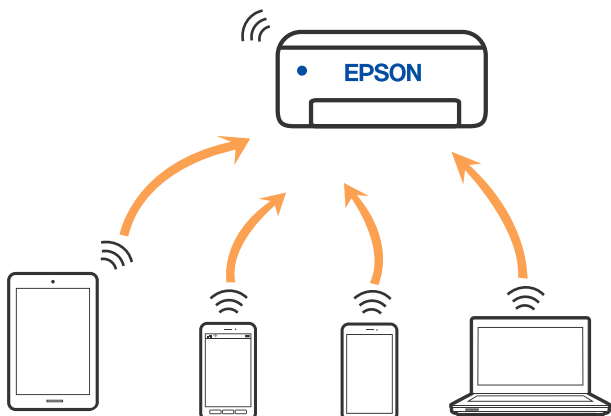
Thông tin liên quan

- ➔ [“Kết nối với máy tính” ở trang 21](#)
- ➔ [“Kết nối với thiết bị thông minh qua bộ định tuyến không dây” ở trang 22](#)
- ➔ [“Thực hiện cài đặt Wi-Fi trên máy in” ở trang 31](#)

Kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản)

Sử dụng phương thức kết nối này khi bạn không sử dụng Wi-Fi ở nhà riêng và ở cơ quan hoặc khi bạn muốn kết nối trực tiếp máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh. Ở chế độ này, máy in đóng vai trò là bộ định tuyến

không dây và bạn có thể kết nối thiết bị với máy in mà không phải sử dụng bộ định tuyến không dây chuẩn. Tuy nhiên, các thiết bị được kết nối trực tiếp với máy in không thể giao tiếp với nhau thông qua máy in.



Có thể kết nối máy in bằng kết nối Wi-Fi và Wi-Fi Direct (AP đơn giản) đồng thời. Tuy nhiên, nếu bạn bắt đầu kết nối mạng bằng kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) khi máy in được kết nối bằng Wi-Fi, Wi-Fi bị ngắt kết nối tạm thời.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kết nối với iPhone, iPad hoặc iPod touch bằng Wi-Fi Direct” ở trang 22
- ➔ “Kết nối với thiết bị Android bằng Wi-Fi Direct” ở trang 26
- ➔ “Kết nối với thiết bị không phải iOS và Android bằng Wi-Fi Direct” ở trang 28

Kết nối với máy tính

Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng trình cài đặt để kết nối máy in với máy tính. Bạn có thể chạy trình cài đặt bằng một trong các phương thức sau.

☐ Thiết lập từ trang web

Truy cập trang web sau và sau đó nhập tên sản phẩm. Chuyển tới **Thiết lập**, sau đó bắt đầu thiết lập.

<http://epson.sn>

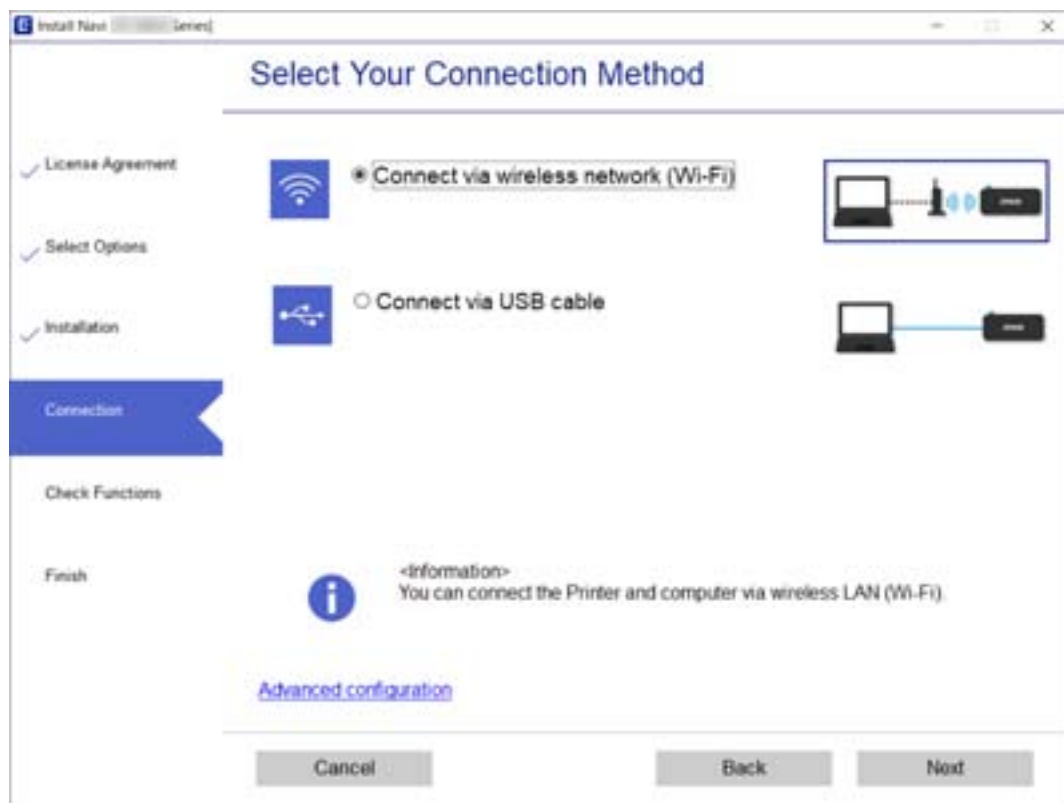
☐ Thiết lập bằng đĩa phần mềm (chỉ dành cho kiểu máy đi kèm đĩa phần mềm và người dùng máy tính Windows có ổ đĩa).

Đưa đĩa phần mềm vào máy tính và sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình.

Chọn phương thức kết nối

Làm theo hướng dẫn trên màn hình cho tới khi màn hình sau hiển thị và sau đó chọn phương thức kết nối của máy in với máy tính.

Chọn loại kết nối và sau đó nhấp vào **Kế tiếp**.



Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Kết nối với thiết bị thông minh

Kết nối với thiết bị thông minh qua bộ định tuyến không dây

Bạn có thể sử dụng máy in từ thiết bị thông minh khi kết nối máy in với cùng một mạng Wi-Fi (SSID) như thiết bị thông minh. Để sử dụng máy in từ thiết bị thông minh, hãy thiết lập từ trang web sau. Truy cập trang web từ thiết bị thông minh mà bạn muốn kết nối với máy in.

<http://epson.sn> > Thiết lập

Lưu ý:

Nếu bạn muốn kết nối máy tính và thiết bị thông minh với máy in cùng lúc, chúng tôi khuyên bạn nên thiết lập từ máy tính trước bằng cách sử dụng trình cài đặt.

Thông tin liên quan

➔ “In từ thiết bị thông minh” ở trang 105

Kết nối với iPhone, iPad hoặc iPod touch bằng Wi-Fi Direct

Phương pháp này cho phép bạn kết nối trực tiếp máy in với iPhone, iPad hoặc iPod touch mà không cần bộ định tuyến không dây. Yêu cầu phải có các điều kiện sau đây để kết nối bằng phương pháp này. Nếu môi trường của bạn

không phù hợp với các điều kiện này, bạn có thể kết nối bằng cách chọn **Các thiết bị HĐH khác**. Xem "Thông tin liên quan" bên dưới để biết chi tiết về cách kết nối.

- ☐ iOS 11 hoặc cao hơn
- ☐ Sử dụng ứng dụng camera tiêu chuẩn để quét mã QR
- ☐ Epson iPrint phiên bản 7.0 hoặc cao hơn

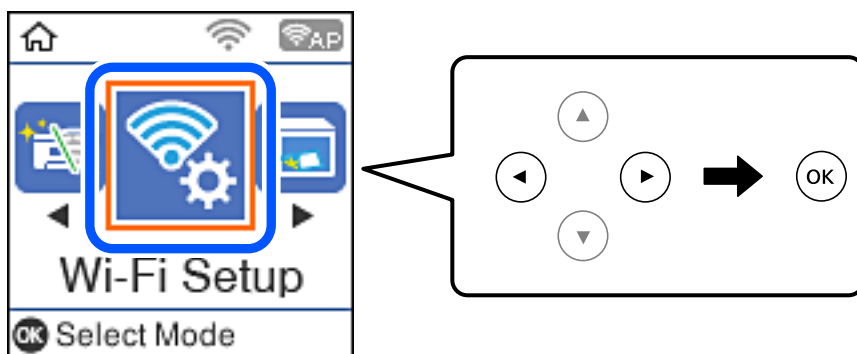
Epson iPrint được sử dụng để in từ thiết bị thông minh. Cài đặt trước Epson iPrint trên thiết bị thông minh.

Lưu ý:

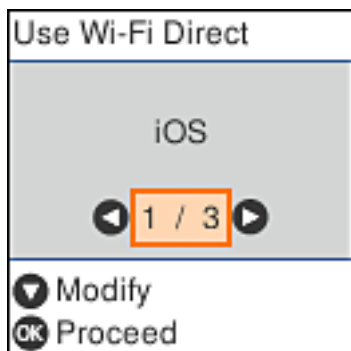
Bạn chỉ cần thực hiện những cài đặt này một lần cho máy in và thiết bị thông minh bạn muốn kết nối. Trừ khi bạn tắt Wi-Fi Direct hoặc khôi phục cài đặt mạng về mặc định, bạn không cần thực hiện lại những cài đặt này.

1. Chọn **Thiết lập Wi-Fi** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.



2. Chọn **Wi-Fi Direct**.
3. Kiểm tra tin nhắn, và sau đó nhấn nút OK để tiếp tục.
4. Kiểm tra tin nhắn, và sau đó nhấn nút OK để tiếp tục.
5. Chọn **iOS**.



6. Kiểm tra tin nhắn, và sau đó nhấn nút OK để tiếp tục.
Mã QR được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in.

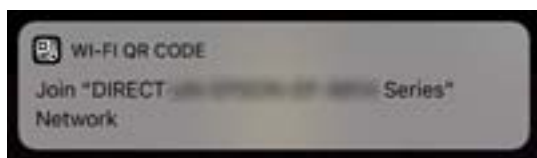


7. Trên iPhone, iPad hoặc iPod touch, khởi động ứng dụng Camera chuẩn, sau đó quét mã QR được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in ở chế độ CHỤP ẢNH.

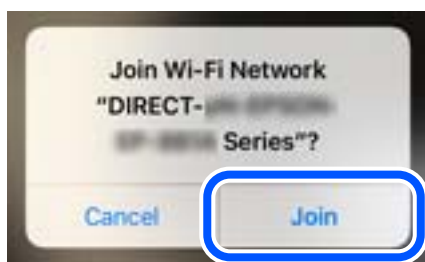


Sử dụng ứng dụng Camera cho iOS 11 hoặc cao hơn. Bạn không thể kết nối với máy in bằng ứng dụng Camera cho iOS 10 hoặc thấp hơn. Cũng vậy, bạn không thể kết nối bằng ứng dụng để quét mã QR. Nếu bạn không thể kết nối, nhấn nút ◀. Xem "Thông tin liên quan" bên dưới để biết chi tiết về cách kết nối.

8. Nhấn vào thông báo được hiển thị trên màn hình của iPhone, iPad hoặc iPod touch.



9. Chạm vào **Tham gia**.



10. Trên bảng điều khiển của máy in, nhấn nút OK.
11. Trên iPhone, iPad hoặc iPod touch, khởi động ứng dụng in Epson.
Ví dụ về ứng dụng in Epson



Epson iPrint

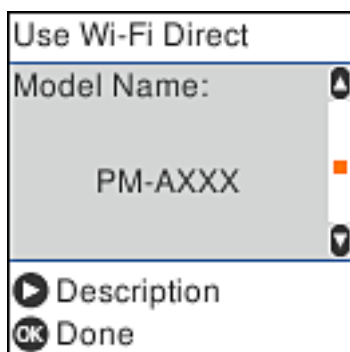


Epson Creative
Print

12. Trên màn hình ứng dụng in Epson, nhấn **Printer is not selected.**
13. Chọn máy in bạn muốn kết nối.



Xem thông tin được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in để chọn máy in.



14. Trên bảng điều khiển của máy in, nhấn nút OK.
Với thiết bị thông minh đã kết nối với máy in từ trước, chọn tên mạng (SSID) trên màn hình Wi-Fi của thiết bị thông minh để kết nối lại với chúng.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kết nối với thiết bị không phải iOS và Android bằng Wi-Fi Direct” ở trang 28
- ➔ “In từ thiết bị thông minh” ở trang 105

Kết nối với thiết bị Android bằng Wi-Fi Direct

Phương thức này cho phép bạn kết nối máy in trực tiếp với thiết bị Android mà không cần bộ định tuyến không dây. Yêu cầu phải có các điều kiện sau để sử dụng chức năng này.

- ☐ Android 4.4 hoặc cao hơn
- ☐ Epson iPrint phiên bản 7.0 hoặc cao hơn

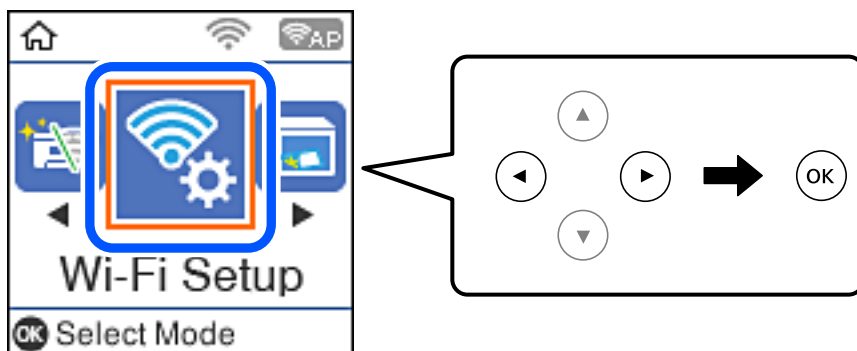
Epson iPrint được sử dụng để in từ thiết bị thông minh. Cài đặt trước Epson iPrint trên thiết bị thông minh.

Lưu ý:

Bạn chỉ cần thực hiện những cài đặt này một lần cho máy in và thiết bị thông minh bạn muốn kết nối. Trừ khi bạn tắt Wi-Fi Direct hoặc khôi phục cài đặt mạng về mặc định, bạn không cần thực hiện lại những cài đặt này.

1. Chọn **Thiết lập Wi-Fi** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.



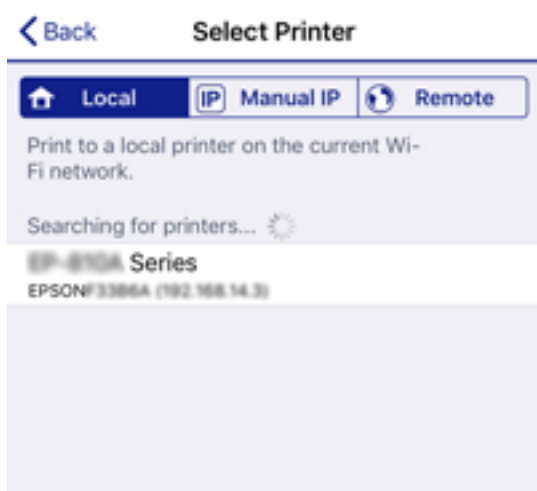
2. Chọn **Wi-Fi Direct**.
3. Kiểm tra tin nhắn, và sau đó nhấn nút OK để tiếp tục.
4. Kiểm tra tin nhắn, và sau đó nhấn nút OK để tiếp tục.
5. Chọn **Android**.



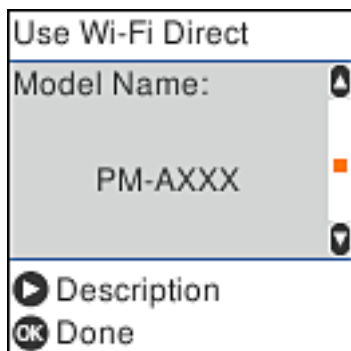
6. Trên thiết bị thông minh, khởi động Epson iPrint.



7. Trên màn hình Epson iPrint, chạm vào **Printer is not selected..**
8. Chọn máy in bạn muốn kết nối.



Xem thông tin được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in để chọn máy in.



Lưu ý:

Máy in có thể không được hiển thị tùy thuộc vào thiết bị Android. Nếu máy in không được hiển thị, hãy kết nối bằng cách chọn **Các thiết bị HĐH khác**. Xem "Thông tin liên quan" bên dưới để kết nối.

9. Khi màn hình phê duyệt kết nối thiết bị được hiển thị, chọn **Chấp nhận**.
10. Trên bảng điều khiển của máy in, nhấn nút OK.

Với thiết bị thông minh đã kết nối với máy in từ trước, chọn tên mạng (SSID) trên màn hình Wi-Fi của thiết bị thông minh để kết nối lại với chúng.

Thông tin liên quan

➔ [“Kết nối với thiết bị không phải iOS và Android bằng Wi-Fi Direct” ở trang 28](#)

➔ “In từ thiết bị thông minh” ở trang 105

Kết nối với thiết bị không phải iOS và Android bằng Wi-Fi Direct

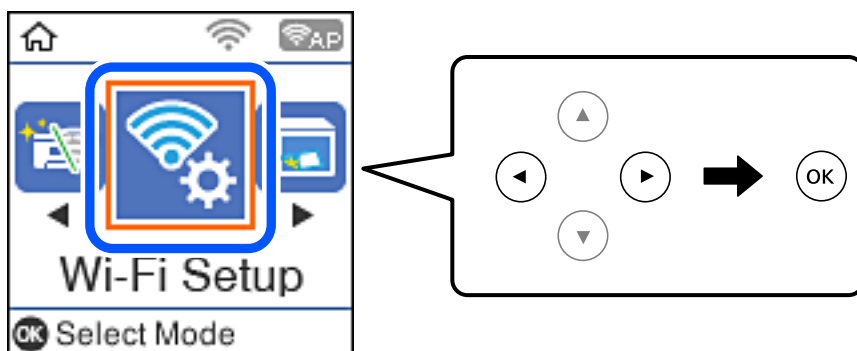
Phương thức này cho phép bạn kết nối máy in trực tiếp với thiết bị thông minh mà không cần bộ định tuyến không dây.

Lưu ý:

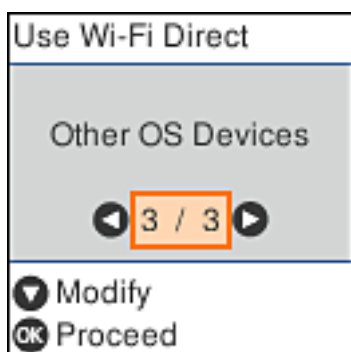
Bạn chỉ cần thực hiện những cài đặt này một lần cho máy in và thiết bị thông minh bạn muốn kết nối. Trừ khi bạn tắt Wi-Fi Direct hoặc khôi phục cài đặt mạng về mặc định, bạn không cần thực hiện lại những cài đặt này.

1. Chọn **Thiết lập Wi-Fi** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.



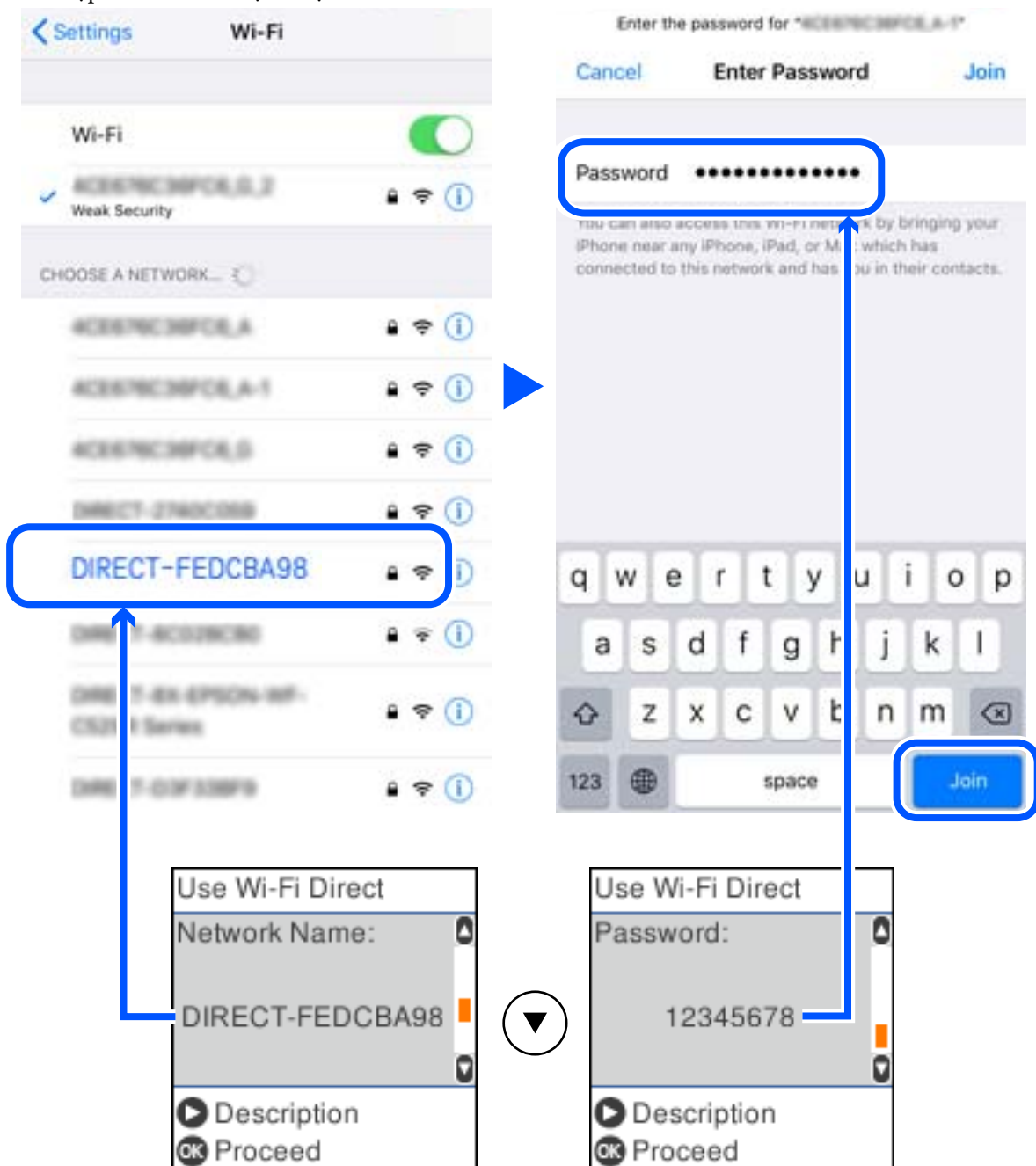
2. Chọn **Wi-Fi Direct**.
3. Kiểm tra tin nhắn, và sau đó nhấn nút OK để tiếp tục.
4. Kiểm tra tin nhắn, và sau đó nhấn nút OK để tiếp tục.
5. Chọn **Các thiết bị HĐH khác**.



Tên mạng và Mật khẩu cho Wi-Fi Direct cho máy in được hiển thị.

6. Trên màn hình Wi-Fi của thiết bị thông minh, chọn SSID được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in và nhập mật khẩu.

Ảnh chụp màn hình là một ví dụ trên iPhone.



7. Trên bảng điều khiển của máy in, nhấn nút OK.

8. Trên thiết bị thông minh, khởi động ứng dụng in Epson.

Ví dụ về ứng dụng in Epson



Epson iPrint

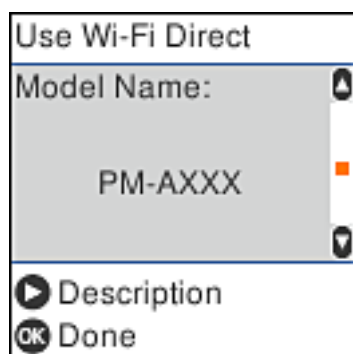


Epson Creative
Print

9. Trên màn hình ứng dụng in Epson, nhấn **Printer is not selected.**
10. Chọn máy in bạn muốn kết nối.



Xem thông tin được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in để chọn máy in.



11. Trên bảng điều khiển của máy in, nhấn nút OK.

Với thiết bị thông minh đã kết nối với máy in từ trước, chọn tên mạng (SSID) trên màn hình Wi-Fi của thiết bị thông minh để kết nối lại với chúng.

Thông tin liên quan

➔ “In từ thiết bị thông minh” ở trang 105

Thực hiện cài đặt Wi-Fi trên máy in

Bạn có thể thực hiện cài đặt mạng từ bảng điều khiển của máy in theo nhiều cách. Chọn phương thức kết nối phù hợp với môi trường và điều kiện mà bạn đang sử dụng.

Nếu biết thông tin của bộ định tuyến không dây như SSID và mật khẩu, bạn có thể thực hiện cài đặt theo cách thủ công.

Nếu bộ định tuyến không dây hỗ trợ WPS, bạn có thể thực hiện cài đặt bằng cách sử dụng thiết lập nút ấn.

Sau khi kết nối máy in với mạng, hãy kết nối máy in từ thiết bị mà bạn muốn sử dụng (máy tính, thiết bị thông minh, máy tính bảng, v.v.).

Thông tin liên quan

➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng cách nhập SSID và mật khẩu” ở trang 31

➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn” ở trang 32

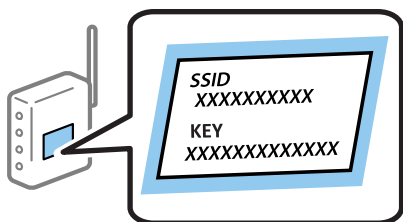
➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS)” ở trang 33

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng cách nhập SSID và mật khẩu

Bạn có thể thiết lập mạng Wi-Fi bằng cách nhập thông tin cần thiết để kết nối với bộ định tuyến không dây từ bảng điều khiển của máy in. Để thiết lập bằng phương pháp này, bạn cần SSID và mật khẩu cho bộ định tuyến không dây.

Lưu ý:

Nếu bạn đang sử dụng bộ định tuyến không dây có cài đặt mặc định, SSID và mật khẩu có ở trên nhãn. Nếu bạn không biết SSID và mật khẩu, hãy liên hệ người phụ trách thiết lập bộ định tuyến không dây, hoặc tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây.



1. Chọn **Thiết lập Wi-Fi** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.

3. Nhấn nút OK để tiếp tục.

4. Chọn **Trình hướng dẫn thiết lập Wi-Fi**.

5. Chọn SSID cho bộ định tuyến không dây từ bảng điều khiển của máy in và sau đó nhấn nút OK.

Lưu ý:

- ☐ Nếu SSID mà bạn muốn kết nối không được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in, hãy nhấn nút  để cập nhật danh sách. Nếu SSID này vẫn không hiển thị, hãy chọn **Các SSID khác** và sau đó nhập SSID trực tiếp.
- ☐ Nếu bạn không biết SSID, hãy kiểm tra xem nó có được ghi trên nhãn của bộ định tuyến không dây hay không. Nếu bạn đang dùng bộ định tuyến không dây với cài đặt mặc định, hãy dùng SSID được ghi trên nhãn.

6. Nhập mật khẩu.

Chọn bạn có in báo cáo kết nối mạng sau khi hoàn tất cài đặt không.

Lưu ý:

- ☐ Mật khẩu phân biệt chữ hoa chữ thường.
- ☐ Nếu bạn không biết tên mạng (SSID), hãy kiểm tra xem thông tin có được ghi trên nhãn của bộ định tuyến không dây hay không. Nếu bạn đang dùng bộ định tuyến không dây với cài đặt mặc định, hãy dùng SSID in trên nhãn. Nếu bạn không tìm thấy bất kỳ thông tin nào, hãy xem tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây.

7. Khi bạn đã thiết lập xong, hãy nhấn nút .

Lưu ý:

Nếu bạn không kết nối được, hãy nạp giấy và sau đó nhấn nút  để in báo cáo kết nối mạng.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nhập các ký tự” ở trang 18
- ➔ “Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 34
- ➔ “Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng” ở trang 189

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn

Bạn có thể tự động thiết lập mạng Wi-Fi bằng cách nhấn nút trên bộ định tuyến không dây. Nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây, bạn có thể thiết lập bằng cách sử dụng phương thức này.

- ☐ Bộ định tuyến không dây tương thích với WPS (Thiết lập bảo vệ Wi-Fi).
- ☐ Kết nối Wi-Fi hiện tại đã được thiết lập bằng cách nhấn nút trên bộ định tuyến không dây.

1. Chọn **Thiết lập Wi-Fi** trên màn hình chính.

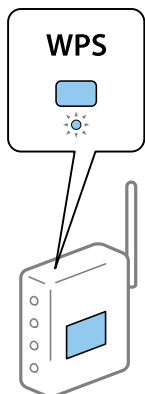
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút    , và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.

3. Nhấn nút OK để tiếp tục.

4. Chọn **Thiết lập nút nhấn (WPS)**.

5. Nhấn giữ nút [WPS] trên bộ định tuyến không dây cho đến khi đèn báo mật nhấp nháy.



Nếu bạn không biết vị trí của nút [WPS] hoặc không có nút nào trên bộ định tuyến không dây, hãy xem tài liệu đi kèm bộ định tuyến không dây để biết thông tin chi tiết.

6. Nhấn nút OK trên bảng điều khiển của máy in. Làm theo hướng dẫn trên màn hình sau đây.

Lưu ý:

Nếu kết nối không thành công, hãy khởi động lại bộ định tuyến không dây, di chuyển thiết bị gần hơn với máy in và thử lại. Nếu cách này vẫn không hiệu quả, hãy in báo cáo kết nối mạng và kiểm tra giải pháp.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 34
- ➔ “Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng” ở trang 189

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS)

Bạn có thể tự động kết nối với bộ định tuyến không dây bằng mã PIN. Bạn có thể sử dụng phương pháp này để thiết lập xem bộ định tuyến không dây có khả năng WPS (Thiết lập Wi-Fi bảo vệ) không. Sử dụng máy tính để nhập mã PIN vào bộ định tuyến không dây.

1. Chọn **Thiết lập Wi-Fi** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.

3. Nhấn nút OK để tiếp tục.

4. Chọn **Chức năng khác**.

5. Chọn **Mã PIN (WPS)**.

6. Sử dụng máy tính của bạn để nhập mã PIN (số có tám chữ số) được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in vào bộ định tuyến không dây trong vòng hai phút.

Lưu ý:

Xem tài liệu đi cùng bộ định tuyến không dây để biết thông tin chi tiết về cách nhập mã PIN.

7. Nhấn nút OK trên máy in.

Thiết lập hoàn tất khi thông báo hoàn tất thiết lập hiển thị.

Lưu ý:

Nếu kết nối không thành công, hãy khởi động lại bộ định tuyến không dây, di chuyển thiết bị này gần hơn với máy in và thử lại. Nếu cách này vẫn không hiệu quả, hãy in báo cáo kết nối và kiểm tra giải pháp.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 34
- ➔ “Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng” ở trang 189

Kiểm tra tình trạng kết nối mạng

Bạn có thể kiểm tra tình trạng kết nối mạng theo cách sau.

Biểu tượng mạng

Bạn có thể kiểm tra tình trạng kết nối mạng và cường độ sóng vô tuyến bằng cách sử dụng biểu tượng mạng trên màn hình chính của máy in.



Thông tin liên quan

- ➔ “Hướng dẫn cho màn hình chính” ở trang 17

In báo cáo kết nối mạng

Bạn có thể in báo cáo kết nối mạng để kiểm tra trạng thái giữa máy in và bộ định tuyến không dây.

1. Nạp giấy.
2. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính và sau đó nhấn nút OK.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.
3. Chọn **Cài đặt mạng > Kiểm tra kết nối**.
Bắt đầu kiểm tra kết nối.
4. Nhấn nút  để in báo cáo kết nối mạng.
Nếu đã xảy ra lỗi, hãy kiểm tra báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp đã in.

Thông tin liên quan

➔ “Thông báo và giải pháp trên báo cáo kết nối mạng” ở trang 35

Thông báo và giải pháp trên báo cáo kết nối mạng

Kiểm tra thông báo và mã lỗi trên báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp.

The screenshot shows a network connection status report. At the top, it says 'Check Network Connection'. Below that, 'Check Result' is 'FAIL'. 'Error code' is '(E-2)'. A blue box labeled 'b' highlights the text: 'See the Network Status and check if the Network Name (SSID) is the SSID you want to connect. If the SSID is correct, make sure to enter the correct password and try again.' Below this, it says 'If your problems persist, see your documentation for help and networking tips.' Then, there is a section 'Checked Items' with a table of checks. Finally, there is a 'Network Status' section with a table of printer and network details. A blue arrow labeled 'a' points to the error code '(E-2)'.

Check Network Connection	
Check Result	FAIL
Error code	(E-2)
See the Network Status and check if the Network Name (SSID) is the SSID you want to connect. If the SSID is correct, make sure to enter the correct password and try again.	
If your problems persist, see your documentation for help and networking tips.	
Checked Items	
Wireless Network Name (SSID) Check	FAIL
Communication Mode Check	Unchecked
Security Mode Check	Unchecked
MAC Address Filtering Check	Unchecked
Security Key/Password Check	Unchecked
IP Address Check	Unchecked
Detailed IP Setup Check	Unchecked
Network Status	
Printer Name	EPSON XXXXXX
Printer Model	XX-XXX Series
IP Address	169.254.137.8
Subnet Mask	255.255.0.0
Default Gateway	
Network Name (SSID)	EpsonNet
Security	None
Signal Strength	Poor
MAC Address	F8:D0:27:40:C0:AC

a. Mã lỗi

b. Thông báo về Môi trường mạng

Thông tin liên quan

- ➔ “E-1” ở trang 36
- ➔ “E-2, E-3, E-7” ở trang 36
- ➔ “E-5” ở trang 37
- ➔ “E-6” ở trang 37
- ➔ “E-8” ở trang 37
- ➔ “E-9” ở trang 38
- ➔ “E-10” ở trang 38
- ➔ “E-11” ở trang 38
- ➔ “E-12” ở trang 39

➔ “E-13” ở trang 39

➔ “Thông báo về Môi trường mạng” ở trang 40

E-1

Giải pháp:

- ☐ Đảm bảo hub hoặc thiết bị mạng khác được bật.
- ☐ Nếu bạn muốn kết nối máy in qua Wi-Fi, hãy thực hiện lại cài đặt Wi-Fi cho máy in vì cài đặt này đã bị tắt.

E-2, E-3, E-7

Giải pháp:

- ☐ Đảm bảo bạn đã bật bộ định tuyến không dây.
- ☐ Xác nhận rằng máy tính hoặc thiết bị của bạn đã được kết nối thích hợp với bộ định tuyến không dây.
- ☐ Tắt bộ định tuyến không dây. Chờ khoảng 10 giây rồi bật lại.
- ☐ Đặt máy in gần hơn với bộ định tuyến không dây và loại bỏ mọi vật cản giữa chúng.
- ☐ Nếu bạn đã tự nhập SSID, kiểm tra xem nó có đúng không. Kiểm tra SSID từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.
- ☐ Nếu bộ định tuyến không dây có nhiều SSID, hãy chọn SSID đang hiển thị. Khi SSID đang sử dụng tần số không tương thích thì máy in sẽ không hiển thị nó.
- ☐ Nếu đang sử dụng cài đặt nút nhấn để thiết lập kết nối mạng, đảm bảo bộ định tuyến không dây của bạn có hỗ trợ WPS. Bạn không thể sử dụng cài đặt nút nhấn nếu bộ định tuyến không dây của bạn không hỗ trợ WPS.
- ☐ Đảm bảo SSID của bạn chỉ sử dụng các ký tự ASCII (ký tự và biểu tượng chữ và số). Máy in không thể hiển thị SSID chứa các ký tự không phải ASCII.
- ☐ Đảm bảo bạn đã biết SSID và mật khẩu trước khi kết nối bộ định tuyến không dây. Nếu bạn đang sử dụng bộ định tuyến không dây với các cài đặt mặc định thì SSID và mật khẩu sẽ được in trên nhãn của nó. Nếu bạn không biết SSID và mật khẩu, hãy liên hệ người phụ trách thiết lập bộ định tuyến không dây, hoặc tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây.
- ☐ Nếu bạn đang kết nối với SSID được tạo bằng thiết bị thông minh tethering (phát mạng di động), hãy kiểm tra SSID và mật khẩu trong tài liệu hướng dẫn kèm theo thiết bị thông minh đó.
- ☐ Nếu kết nối Wi-Fi của bạn bị ngắt đột ngột, hãy kiểm tra các tình trạng sau. Nếu gặp phải bất kỳ tình trạng nào sau đây, hãy thiết lập lại cài đặt mạng bằng cách tải về và chạy phần mềm từ trang web sau.

<http://epson.sn> > **Thiết lập**

- ☐ Một thiết bị thông minh khác đã được thêm vào mạng qua cài đặt nút nhấn.
- ☐ Mạng Wi-Fi đã được thiết lập bằng bất kỳ phương thức nào khác thay vì thiết lập nút nhấn.

Thông tin liên quan

➔ “Kết nối với máy tính” ở trang 21

➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi trên máy in” ở trang 31

E-5

Giải pháp:

Đảm bảo loại bảo mật của bộ định tuyến không dây được cài sang một trong các loại sau. Nếu không phải, hãy thay đổi loại bảo mật trên bộ định tuyến không dây rồi thiết lập lại cài đặt mạng cho máy in.

- ☐ WEP-64 bit (40 bit)
- ☐ WEP-128 bit (104 bit)
- ☐ WPA PSK (TKIP/AES)*
- ☐ WPA2 PSK (TKIP/AES)*
- ☐ WPA (TKIP/AES)
- ☐ WPA2 (TKIP/AES)

* WPA PSK còn được biết như là WPA Cá nhân. WPA2 PSK còn được biết như là WPA2 Cá nhân.

E-6

Giải pháp:

- ☐ Kiểm tra xem chức năng lọc địa chỉ MAC có bị tắt hay không. Nếu đã bật, hãy đăng ký địa chỉ MAC của máy in để nó không bị lọc. Tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây để biết thêm chi tiết. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ MAC từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.
- ☐ Nếu bộ định tuyến không dây của bạn đang sử dụng cách xác thực chia sẻ với bảo mật WEP, đảm bảo khoá và chỉ mục xác thực là chính xác.
- ☐ Nếu số lượng thiết bị có thể kết nối trên bộ định tuyến không dây ít hơn số lượng thiết bị mạng mà bạn muốn kết nối, hãy thực hiện cài đặt trên bộ định tuyến không dây để tăng số lượng thiết bị có thể kết nối. Tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây để thực hiện cài đặt.

Thông tin liên quan

➔ [“Kết nối với máy tính” ở trang 21](#)

E-8

Giải pháp:

- ☐ Bật DHCP trên bộ định tuyến không dây nếu cài đặt Nhận địa chỉ IP của máy in được cài sang **Tự động**.
- ☐ Nếu cài đặt Nhận địa chỉ IP của máy in được cài sang Thủ công thì địa chỉ IP mà bạn đã tự thiết lập sẽ không có hiệu lực vì nằm ngoài phạm vi (ví dụ: 0.0.0.0). Thiết lập địa chỉ IP hợp lệ từ bảng điều khiển máy in hoặc bằng Web Config.

Thông tin liên quan

➔ [“In tờ tình trạng mạng” ở trang 40](#)

E-9

Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- ☐ Đã bật các thiết bị chưa.
- ☐ Bạn có thể truy cập Internet và các máy tính hoặc thiết bị mạng khác trên cùng mạng từ những thiết bị bạn muốn kết nối với máy in hay không.

Nếu vẫn không kết nối được với máy in và các thiết bị mạng sau khi xác nhận các tình trạng ở trên, hãy tắt bộ định tuyến không dây. Chờ khoảng 10 giây rồi bật lại. Sau đó, thiết lập lại cài đặt mạng bằng cách tải về và chạy trình cài đặt từ trang web sau.

<http://epson.sn> > **Thiết lập**

Thông tin liên quan

➡ “Kết nối với máy tính” ở trang 21

E-10

Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- ☐ Đã bật các thiết bị khác trên mạng hay chưa.
- ☐ Các địa chỉ mạng (địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ và cổng vào mặc định) phải chính xác nếu bạn đã cài đặt Nhận địa chỉ IP của Máy in sang Thủ công.

Cài lại địa chỉ mạng nếu sai. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ và cổng vào mặc định từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.

Nếu đã bật DHCP, hãy đổi cài đặt Nhận địa chỉ IP của máy in sang **Tự động**. Nếu bạn muốn tự cài đặt địa chỉ IP, hãy kiểm tra địa chỉ IP từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng, sau đó chọn Thủ công trên màn hình cài đặt mạng. Cài mặt nạ mạng phụ sang [255.255.255.0].

Nếu vẫn không kết nối được với máy in và các thiết bị mạng, hãy tắt bộ định tuyến không dây. Chờ khoảng 10 giây rồi bật lại.

Thông tin liên quan

➡ “In tờ tình trạng mạng” ở trang 40

E-11

Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- ☐ Địa chỉ cổng vào mặc định phải chính xác nếu bạn cài Thiết lập TCP/IP sang Thủ công.
- ☐ Thiết bị được cài làm cổng vào mặc định đã được bật hay chưa.

Đã cài đúng địa chỉ cổng vào mặc định hay chưa. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ cổng vào mặc định từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.

Thông tin liên quan

➔ “In tờ tình trạng mạng” ở trang 40

E-12

Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- ☐ Đã bật các thiết bị khác trên mạng hay chưa.
- ☐ Các địa chỉ mạng (địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ và cổng vào mặc định) phải chính xác nếu bạn đang tự nhập chúng.
- ☐ Địa chỉ mạng cho các thiết bị khác (mặt nạ mạng phụ và cổng vào mặc định) đã giống nhau chưa.
- ☐ Địa chỉ IP không xung đột với các thiết bị khác.

Nếu vẫn không kết nối được với máy in và các thiết bị mạng sau khi xác nhận các tình trạng ở trên, hãy thử các cách sau.

- ☐ Tắt bộ định tuyến không dây. Chờ khoảng 10 giây rồi bật lại.
- ☐ Thực hiện lại cài đặt mạng bằng trình cài đặt. Bạn có thể chạy nó từ trang web sau.

<http://epson.sn> > **Thiết lập**

- ☐ Bạn có thể đăng ký nhiều mật khẩu trên một bộ định tuyến không dây sử dụng loại bảo mật WEP. Nếu đăng ký nhiều mật khẩu, hãy kiểm tra xem mật khẩu đăng ký đầu tiên đã được cài trên máy in chưa.

Thông tin liên quan

➔ “In tờ tình trạng mạng” ở trang 40

➔ “Kết nối với máy tính” ở trang 21

E-13

Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- ☐ Các thiết bị mạng như bộ định tuyến không dây, cổng nối và bộ định tuyến đã được bật chưa.
- ☐ Thiết lập TCP/IP cho các thiết bị mạng chưa được thực hiện bằng thủ công. (Nếu Thiết lập TCP/IP của máy in được cài đặt tự động trong khi Thiết lập TCP/IP cho các thiết bị mạng khác được thực hiện thủ công thì mạng của máy in có thể khác với mạng dùng cho các thiết bị khác.)

Nếu nó vẫn không hoạt động sau khi kiểm tra các mục trên, hãy thử các thao tác dưới đây.

- ☐ Tắt bộ định tuyến không dây. Chờ khoảng 10 giây rồi bật lại.
- ☐ Thực hiện cài đặt mạng trên máy tính dùng cùng mạng với máy in bằng trình cài đặt. Bạn có thể chạy nó từ trang web sau.

<http://epson.sn> > **Thiết lập**

- ☐ Bạn có thể đăng ký nhiều mật khẩu trên một bộ định tuyến không dây sử dụng loại bảo mật WEP. Nếu đăng ký nhiều mật khẩu, hãy kiểm tra xem mật khẩu đăng ký đầu tiên đã được cài trên máy in chưa.

Thông tin liên quan

- ➔ “In tờ tình trạng mạng” ở trang 40
- ➔ “Kết nối với máy tính” ở trang 21

Thông báo về Môi trường mạng

Thông báo	Giải pháp
The Wi-Fi environment needs to be improved. Turn the wireless router off and then turn it on. If the connection does not improve, see the documentation for the wireless router.	Sau khi di chuyển máy in đến gần hơn với bộ định tuyến không dây và loại bỏ mọi vật cản giữa chúng thì hãy tắt bộ định tuyến không dây. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên. Nếu thiết bị vẫn không kết nối, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây.
*No more devices can be connected. Disconnect one of the connected devices if you want to add another one.	Máy tính và các thiết bị thông minh có thể kết nối đồng thời sẽ được kết nối đầy đủ qua kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản). Để thêm một máy tính hoặc thiết bị thông minh khác, hãy ngắt kết nối một trong các thiết bị đã kết nối hoặc kết nối với mạng kia trước. Bạn có thể xác nhận số lượng thiết bị không dây có thể kết nối đồng thời và số lượng thiết bị đã kết nối bằng cách kiểm tra tờ trạng thái mạng hoặc bằng điều khiển máy in.
The same SSID as Wi-Fi Direct exists in the environment. Change the Wi-Fi Direct SSID if you cannot connect a smart device to the printer.	Trên bảng điều khiển máy in, hãy vào màn hình Thiết lập Wi-Fi Direct và chọn menu để thay đổi cài đặt. Bạn có thể đổi tên mạng theo DIRECT-XX-. Nhập trong phạm vi 32 ký tự.

In tờ tình trạng mạng

Bạn có thể kiểm tra thông in mạng chi tiết bằng cách in ra.

1. Nạp giấy.
 2. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.
 3. Chọn **Cài đặt mạng** > **In tờ tình trạng**.
 4. Nhấn nút .
- Tờ tình trạng mạng được in.

Thay thế hoặc thêm bộ định tuyến không dây mới

Nếu SSID thay đổi do thay thế hoặc thêm bộ định tuyến không dây và môi trường mạng mới được thiết lập, hãy đặt lại cài đặt Wi-Fi.

Thông tin liên quan

➔ “Thay đổi phương thức kết nối với máy tính” ở trang 41

Thay đổi phương thức kết nối với máy tính

Sử dụng trình cài đặt và thiết lập lại theo phương thức kết nối khác.

☐ Thiết lập từ trang web

Truy cập trang web sau và sau đó nhập tên sản phẩm. Chuyển tới **Thiết lập**, sau đó bắt đầu thiết lập.

<http://epson.sn>

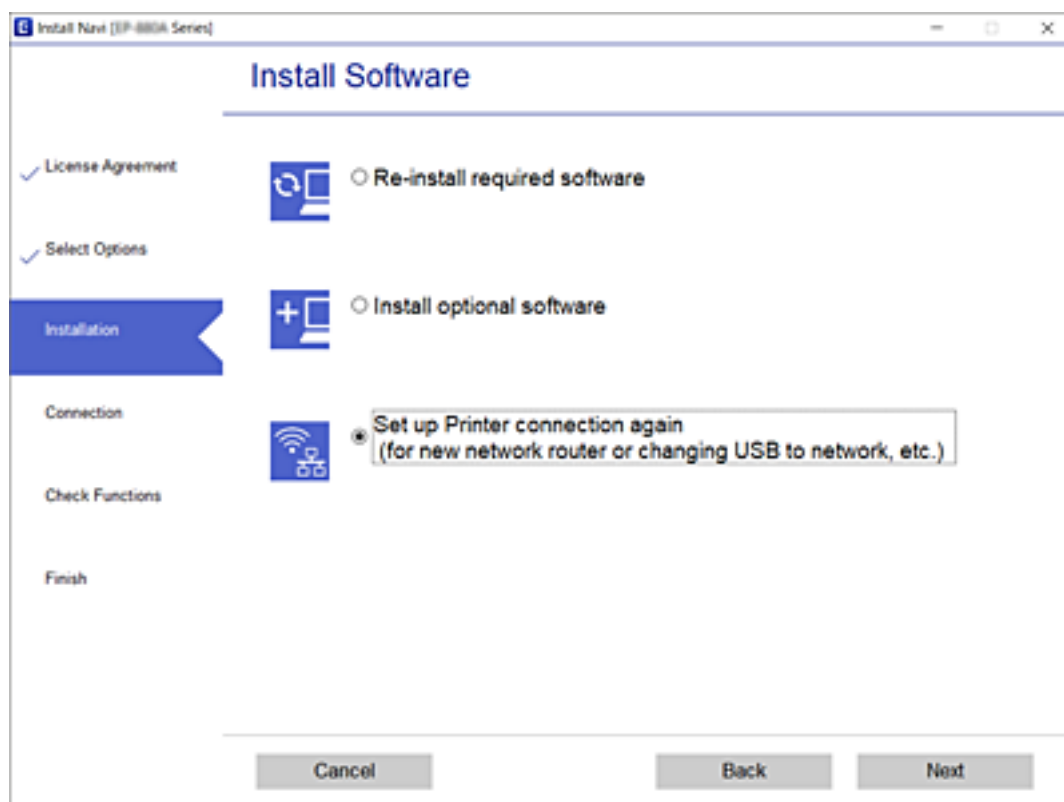
☐ Thiết lập bằng đĩa phần mềm (chỉ dành cho kiểu máy đi kèm đĩa phần mềm và người dùng máy tính Windows có ổ đĩa).

Đưa đĩa phần mềm vào máy tính và sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình.

Chọn thay đổi phương thức kết nối

Làm theo hướng dẫn trên màn hình cho tới khi màn hình sau hiển thị.

Chọn **Thiết lập lại kết nối Máy in (cho bộ định tuyến mạng mới hoặc đổi USB qua mạng, v.v)** trên màn hình Cài đặt phần mềm và sau đó nhấp vào **Kế tiếp**.



Đổi cài đặt Wi-Fi Direct (AP đơn giản)

Khi kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) bật, bạn có thể thay đổi cài đặt Wi-Fi Direct như tên mạng và mật khẩu.

1. Chọn **Thiết lập Wi-Fi** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Wi-Fi Direct**.

3. Nhấn nút OK để tiếp tục.

4. Nhấn nút OK để tiếp tục.

5. Nhấn nút ▼ để hiển thị màn hình cài đặt.

6. Chọn mục menu bạn muốn thay đổi.

Bạn có thể chọn các mục menu sau đây.

☐ **Đổi Tên mạng**

Đổi tên mạng Wi-Fi Direct (AP đơn giản) (SSID) được sử dụng để kết nối với máy in thành tên tùy ý. Bạn có thể thiết lập tên mạng (SSID) gồm các ký tự ASCII được hiển thị trên bàn phím phần mềm trên bảng điều khiển.

Khi đổi tên mạng (SSID), tất cả các thiết bị đã kết nối sẽ ngắt kết nối. Sử dụng tên mạng (SSID) mới nếu bạn muốn kết nối lại thiết bị.

☐ **Đổi mật khẩu**

Đổi mật khẩu của Wi-Fi Direct (AP đơn giản) để kết nối với máy in thành giá trị tùy ý. Bạn có thể thiết lập mật khẩu gồm các ký tự ASCII được hiển thị trên bàn phím phần mềm trên bảng điều khiển.

Khi đổi mật khẩu, tất cả các thiết bị kết nối sẽ ngắt kết nối. Sử dụng mật khẩu mới nếu bạn muốn kết nối lại thiết bị.

☐ **Tắt Wi-Fi Direct**

Tắt cài đặt Wi-Fi Direct (AP đơn giản) của máy in. Khi tắt cài đặt này, tất cả các thiết bị đã kết nối với máy in bằng kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) sẽ ngắt kết nối.

☐ **Phục hồi cài đặt mặc định**

Phục hồi toàn bộ cài đặt Wi-Fi Direct (AP đơn giản) về mặc định.

Thông tin kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) của thiết bị thông minh đã lưu vào máy in sẽ bị xóa.

7. Làm theo hướng dẫn trên màn hình.

Tắt Wi-Fi từ bảng điều khiển

Khi tắt Wi-Fi, kết nối Wi-Fi bị ngắt.

1. Chọn **Thiết lập Wi-Fi** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.

3. Nhấn nút OK để tiếp tục.

4. Chọn **Chức năng khác**.

5. Chọn **Tắt Wi-Fi**.

6. Xem thông báo và sau đó nhấn nút OK.

Ngắt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) từ bảng điều khiển

Có hai phương pháp để tắt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản); bạn có thể tắt tất cả các kết nối bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in, hoặc tắt từng kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh. Phần này giải thích cách tắt tất cả các kết nối.



Quan trọng:

Khi kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) bị tắt, tất cả máy tính và thiết bị thông minh được kết nối với máy in trong kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) đều bị ngắt.

Lưu ý:

Nếu bạn muốn ngắt kết nối thiết bị cụ thể, hãy ngắt kết nối khỏi thiết bị thay vì máy in. Sử dụng một trong các phương pháp sau để ngắt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) khỏi thiết bị.

- ☐ Ngắt kết nối Wi-Fi với tên mạng của máy in (SSID).
- ☐ Kết nối với một tên mạng khác (SSID).

1. Chọn **Thiết lập Wi-Fi** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Wi-Fi Direct**.
3. Nhấn nút OK để tiếp tục.
4. Nhấn nút OK để tiếp tục.
5. Nhấn nút ▼ để hiển thị màn hình cài đặt.
6. Chọn **Tắt Wi-Fi Direct**.
7. Xem thông báo và sau đó nhấn vào nút OK.

Khôi phục cài đặt mạng từ bảng điều khiển

Bạn có thể khôi phục tất cả cài đặt mạng về cài đặt mặc định.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Phục hồi cài đặt mặc định > Cài đặt mạng**.
3. Xem thông báo, sau đó nhấn nút OK.

Chuẩn bị máy in

Nạp trang

Các loại giấy sẵn có và các khả năng

Lưu ý:

Kích thước giấy được hiển thị khác nhau tùy thuộc vào trình điều khiển.

Giấy Epson chính hãng

Epson khuyên bạn nên sử dụng giấy Epson chính hãng để đảm bảo có được bản in có chất lượng cao.

Lưu ý:

Khả năng sẵn có của giấy thay đổi theo địa điểm. Để biết thông tin mới nhất về khả năng sẵn có của giấy tại khu vực của bạn, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.

Giấy thích hợp cho việc in tài liệu

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)
Epson Bright White Ink Jet Paper	A4	Đến đường thẳng được chỉ báo bởi biểu tượng hình tam giác trên thanh dẫn hướng cạnh.

Giấy thích hợp cho việc in tài liệu và ảnh

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)
Epson Matte Paper-Heavyweight	A4	20
Epson Photo Quality Ink Jet Paper	A4	80

Giấy thích hợp cho việc in ảnh

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)
Epson Ultra Glossy Photo Paper	A4, 13×18 cm (5×7 inch), 10×15 cm (4×6 inch)	20*
Epson Premium Glossy Photo Paper	A4, 13×18 cm (5×7 inch), 10×15 cm (4×6 inch)	20*
Epson Premium Semigloss Photo Paper	A4, 13×18 cm (5×7 inch), 10×15 cm (4×6 inch)	20*
Epson Photo Paper Glossy	A4, 13×18 cm (5×7 inch), 10×15 cm (4×6 inch)	20*

* Mỗi lần chỉ nạp một tờ nếu giấy nạp không đúng hoặc nếu bản in có màu sắc không đều hoặc có đốm bẩn.

Thông tin liên quan

- ➔ “Giấy in không đường viền” ở trang 45
- ➔ “Giấy in 2 mặt” ở trang 46

Giấy có bán sẵn

Giấy thường

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)
Giấy thường	Letter, A4, B5, 16K (195×270 mm), A5, A6, B6	Đến đường thẳng được chỉ báo bởi biểu tượng hình tam giác trên thanh dẫn hướng cạnh.* ¹
Giấy sao chụp		
Giấy tiêu đề thư* ²	Legal, 8,5×13 inch, Indian-Legal	1
	Người dùng xác định (mm) 54×86 đến 215,9×1200	1

*1 Mỗi lần chỉ nạp một tờ nếu giấy nạp không đúng hoặc nếu bản in có màu sắc không đều hoặc có đốm bẩn.

*2 Giấy trên đó có thông tin như tên người gửi và tên công ty được in sẵn tại phần đầu trang. Phải có khoảng lề từ 3 mm trở lên ở đầu trang giấy. In 2 mặt và in không viền không có sẵn với giấy tiêu đề thư.

Bì thư

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Bì thư)
Bì thư	Bì thư số 10, Bì thư DL, Bì thư C6	10

Thông tin liên quan

- ➔ “Giấy in không đường viền” ở trang 45
- ➔ “Giấy in 2 mặt” ở trang 46

Giấy in không đường viền

Giấy Epson chính hãng

- ☐ Epson Bright White Ink Jet Paper
- ☐ Epson Photo Quality Ink Jet Paper
- ☐ Epson Matte Paper-Heavyweight
- ☐ Epson Ultra Glossy Photo Paper
- ☐ Epson Premium Glossy Photo Paper
- ☐ Epson Premium Semigloss Photo Paper
- ☐ Epson Photo Paper Glossy

Giấy có bán sẵn

Giấy thường, giấy sao chụp (A4, Letter)

Giấy in 2 mặt

Giấy Epson chính hãng

Epson Bright White Ink Jet Paper

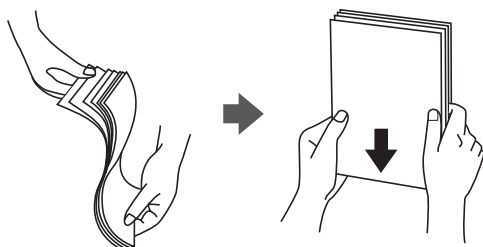
Giấy có bán sẵn

Giấy thường, Giấy sao chụp*

* Để in 2 mặt tự động, bạn có thể sử dụng các kích thước giấy Letter, A4, B5, 16K và Do người dùng xác định (182×257 đến 215,9×297 mm).

Thận trọng khi xử lý giấy

- ☐ Hãy đọc tờ hướng dẫn đi cùng với giấy.
- ☐ Để có bản in chất lượng cao với giấy Epson chính hãng, hãy sử dụng giấy trong môi trường nêu trên các trang đi kèm giấy.
- ☐ Vuốt và căn thẳng mép của giấy trước khi nạp vào. Không vuốt hoặc uốn giấy ảnh. Làm như vậy có thể làm hỏng mặt có thể in được.



- ☐ Nếu giấy bị cong, hãy làm phẳng hoặc uốn nhẹ theo chiều ngược lại trước khi nạp vào. In trên giấy cong có thể làm kẹt giấy và để lại vết bẩn trên bản in.



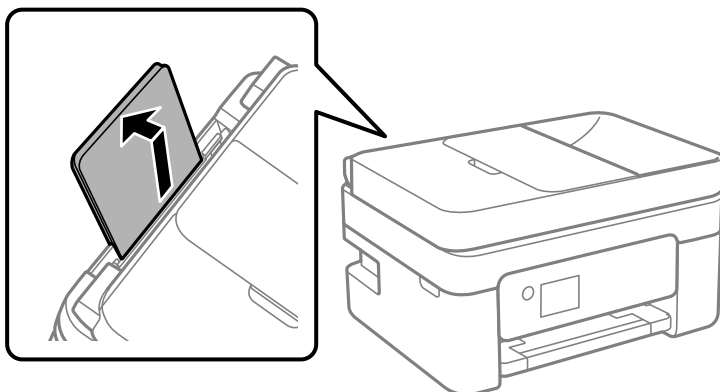
- ☐ Không sử dụng giấy nhăn nheo, bị xé, cắt, gấp lại, ẩm, quá dày, quá mỏng hoặc giấy có miếng dán dính bên trên. Sử dụng những loại giấy này có thể làm kẹt giấy và để lại vết bẩn trên bản in.
- ☐ Đảm bảo bạn đang sử dụng giấy thô dài. Nếu không chắc về loại giấy bạn đang sử dụng, hãy kiểm tra bao bì giấy hoặc liên hệ với nhà sản xuất để xác nhận các thông số kỹ thuật của giấy.

Thông tin liên quan

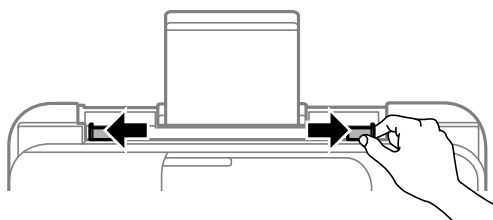
➔ “Thông số kỹ thuật máy in” ở trang 212

Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau

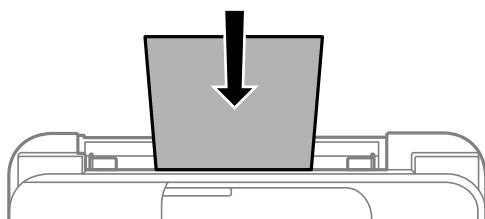
1. Kéo bộ phận đỡ giấy ra.



2. Trượt thanh dẫn hướng cạnh.



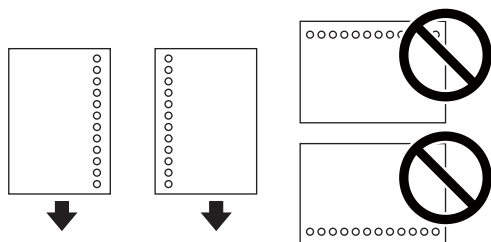
3. Nạp giấy ở giữa bộ phận đỡ giấy với mặt in hướng lên trên.



Quan trọng:

- ❑ Không nạp nhiều hơn số tờ tối đa đã quy định cho giấy. Với giấy thường, không nạp cao hơn vạch ngay phía dưới biểu tượng ▼ bên trong thanh dẫn hướng bên cạnh.
- ❑ Nạp cạnh ngắn của giấy trước. Tuy nhiên, khi bạn đã đặt cạnh dài làm chiều rộng của khổ giấy do người dùng xác định thì hãy nạp cạnh dài của giấy trước.

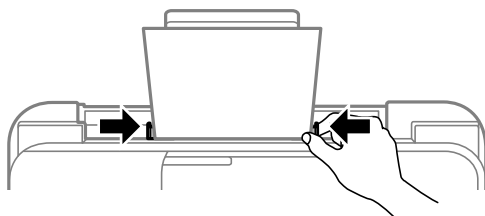
- ☐ Giấy đục lỗ sẵn



Lưu ý:

- ☐ Nạp một tờ duy nhất giấy thường có kích thước xác định với lỗ đóng sách ở bên trái hoặc phải.
- ☐ Điều chỉnh vị trí in của tệp của bạn để tránh in lên các lỗ.
- ☐ In 2 mặt tự động hiện không khả dụng cho giấy đục lỗ sẵn.

- Trượt thanh dẫn hướng cạnh đến mép giấy.



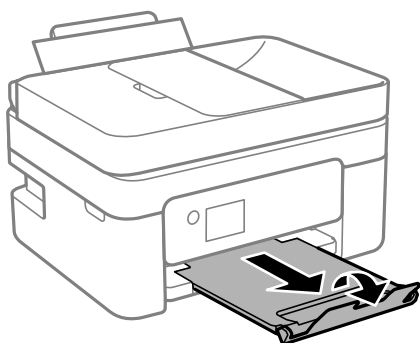
- Trên bảng điều khiển, đặt khổ và loại giấy bạn đã nào vào nạp giấy phía sau.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

Lưu ý:

- ☐ Bạn cũng có thể hiển thị màn hình cài đặt kích thước giấy và kiểu giấy bằng cách chọn **Cài đặt > Thiết lập máy in > Cài đặt nguồn giấy > Cài đặt giấy**.
- ☐ Với giấy tiêu đề thư, chọn **Phần in sẵn có đầu để làm kiểu giấy**.
- ☐ Với giấy tiêu đề thư, nếu bạn in trên giấy nhỏ hơn cài đặt trong trình điều khiển máy in, máy in có thể in ra ngoài mép giấy và có thể dẫn đến những vết mực bẩn trên bản in và mực thừa tích tụ bên trong máy in. Đảm bảo rằng bạn chọn đúng cài đặt kích thước giấy.
- ☐ In 2 mặt và in không viền không có sẵn với giấy tiêu đề thư. Cũng vậy, tốc độ in có thể chậm hơn.

- Trượt khay đầu ra ra ngoài.



Lưu ý:

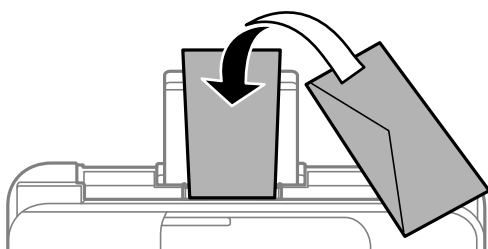
Cắt giấy còn lại vào túi giấy. Nếu bạn để giấy trong máy in, giấy có thể quấn lại hoặc chất lượng in có thể suy giảm.

Thông tin liên quan

- ➔ “Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 46
- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 44
- ➔ “Nạp phong bì và biện pháp phòng ngừa” ở trang 49
- ➔ “Nạp giấy dài” ở trang 50

Nạp phong bì và biện pháp phòng ngừa

Nạp cạnh ngắn ở giữa của phong bì trước với nắp phong bì hướng xuống và trượt thanh dẫn hướng cạnh đến cạnh của phong bì.



- ☐ Vuốt và căn thẳng mép của phong bì trước khi nạp vào. Khi phong bì xếp chồng bị phồng lên do không khí, ấn chúng xuống để làm phẳng trước khi nạp vào.



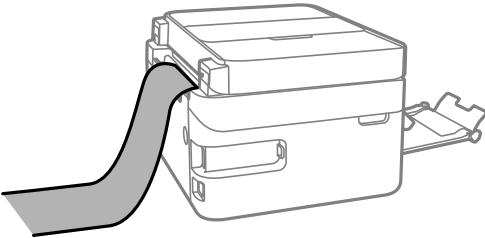
- ☐ Không sử dụng phong bì bị cong hoặc gấp lại. Sử dụng những loại phong bì này có thể làm kẹt giấy và để lại vết bẩn trên bản in.
- ☐ Không sử dụng phong bì có bề mặt dính trên nắp hoặc phong bì có cửa sổ.
- ☐ Tránh sử dụng phong bì quá mỏng, vì chúng có thể bị cong lại trong khi in.

Thông tin liên quan

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 44
- ➔ “Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau” ở trang 47

Nạp giấy dài

Khi nạp giấy dài hơn kích thước legal, đặt giấy vào bộ phận đỡ giấy, sau đó vuốt thẳng mép đầu dẫn của giấy.



Thông tin liên quan

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 44
- ➔ “Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau” ở trang 47

Danh sách loại giấy

Để có được kết quả in tối ưu, hãy chọn loại giấy phù hợp với giấy.

Tên phương tiện	Loại phương tiện	
	Bảng điều khiển	Trình điều khiển máy in
Epson Bright White Ink Jet Paper	giấy thường	Giấy thường
Epson Ultra Glossy Photo Paper	Ultra Glossy	Epson Ultra Glossy
Epson Premium Glossy Photo Paper	Prem. Glossy	Epson Premium Glossy
Epson Premium Semigloss Photo Paper	Cao cấp Hơi bóng	Epson Premium Semigloss
Epson Photo Paper Glossy	Glossy	Photo Paper Glossy
Epson Matte Paper-Heavyweight	Matte	Epson Matte
Epson Photo Quality Ink Jet Paper	Giấy ảnh in phun	Epson Photo Quality Ink Jet

Đặt bản gốc

Đặt bản gốc lên kính máy scan hoặc ADF.

Bạn có thể quét nhiều bản gốc cùng lúc với ADF.

Bản gốc sẵn có cho ADF

Khổ giấy sẵn có	A4, Letter, 8,5×13 inch, Legal
Loại giấy	Giấy thường
Độ dày của giấy (Trọng lượng giấy)	64 đến 95 g/m ²

Khả năng nạp	A4, Letter: 30 tờ hoặc 3.3 mm 8,5×13 inch, Legal: 10 tờ
--------------	--

Ngay cả khi đáp ứng thông số kỹ thuật cho phương tiện có thể đặt trong ADF thì có thể bản gốc cũng không được nạp từ ADF hoặc chất lượng quét có thể suy giảm tùy thuộc vào chất lượng hoặc đặc tính của giấy.



Quan trọng:

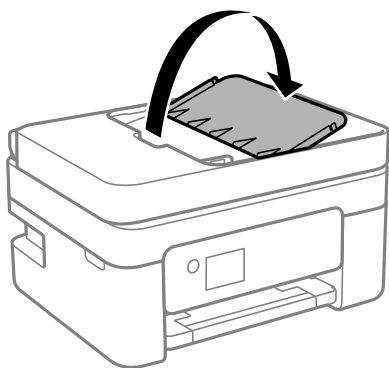
Không nạp ảnh hoặc tác phẩm nghệ thuật gốc có giá trị vào ADF. Nạp sai có thể làm hỏng hoặc nhàu bản gốc. Thay vào đó, hãy quét những tài liệu này trên kính máy scan.

Để tránh bị kẹt giấy, không đặt các bản gốc sau vào ADF. Với những loại này, hãy sử dụng kính máy scan.

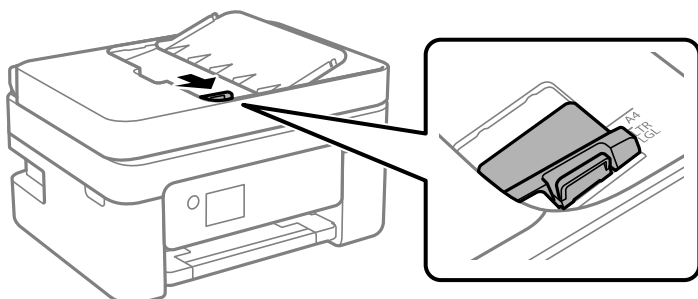
- ☐ Các bản gốc bị rách, gấp lại, nhàu, bị hỏng hoặc uốn cong
- ☐ Các bản gốc có lỗ đóng sách
- ☐ Các bản gốc được giữ cùng với nhau bằng băng dính, ghim, kẹp giấy, v.v.
- ☐ Các bản gốc có nhãn dán hoặc nhãn gắn trên đó
- ☐ Các bản gốc được cắt không bình thường hoặc không có góc vuông
- ☐ Các bản gốc được đóng lại với nhau
- ☐ OHP, giấy truyền nhiệt hoặc giấy than

Đặt bản gốc lên ADF

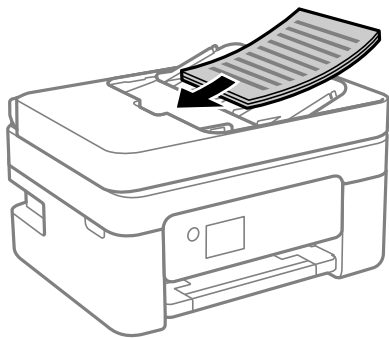
1. Căn thẳng các mép của bản gốc.
2. Mở khay đầu vào ADF.



3. Trượt thanh dẫn hướng cạnh ADF ra.

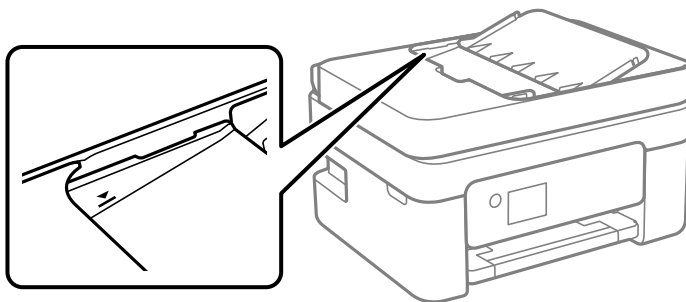


4. Đặt bản gốc hướng lên trên và cạnh ngắn trước vào ADF, sau đó trượt thanh dẫn hướng cạnh ADF đến mép của bản gốc.



! **Quan trọng:**

- ☐ Không nạp các bản gốc lên phía trên vạch được chỉ rõ bằng biểu tượng tam giác trên ADF.



- ☐ Không thêm bản gốc khi đang quét.

Đặt Bản Gốc Lên ADF Để Sao Chụp 2 Trang/Tờ

Đặt các bản gốc theo hướng được hiển thị trong hình minh họa và sau đó chọn cài đặt hướng.

- ☐ Bản gốc dọc: Chọn **Dọc** trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Nhiều trang > 2 trang trên một mặt > Định hướng tài liệu > Dọc

Đặt bản gốc trên ADF theo hướng mũi tên.



- ☐ Bản gốc ngang: Chọn **Ngang** trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Nhiều trang > 2 trang trên một mặt > Định hướng tài liệu > Ngang

Đặt bản gốc trên ADF theo hướng mũi tên.



Đặt bản gốc lên Kính Máy Scan



Chú ý:

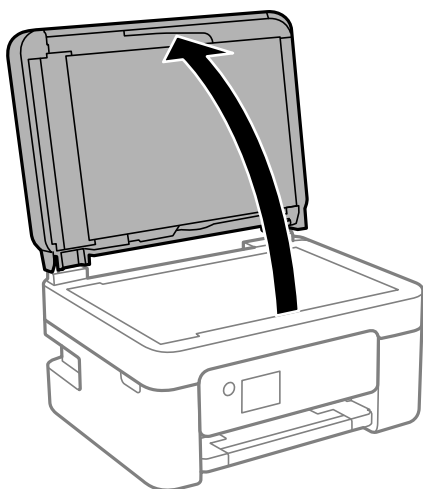
Cẩn thận không để kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng nắp tài liệu. Nếu không, bạn có thể bị thương.



Quan trọng:

Khi đặt bản gốc to như sách, tránh để ánh sáng bên ngoài chiếu trực tiếp vào kính máy scan.

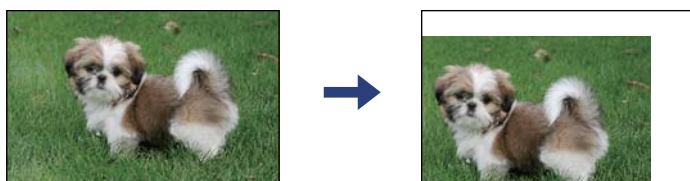
1. Mở nắp tài liệu.



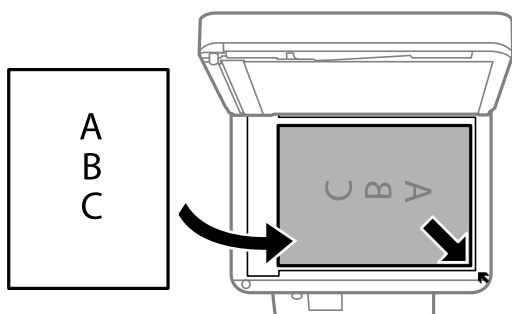
2. Loại bỏ bụi bẩn hoặc chất bẩn trên bề mặt của kính máy scan bằng vải mềm, khô và sạch.

Lưu ý:

Nếu có rác hoặc bụi bẩn trên kính máy scan, phạm vi quét có thể mở rộng để bao trùm cả vết bẩn này, khiến cho hình gốc có thể bị sai vị trí hoặc nhỏ đi.



3. Đặt bản gốc mặt úp xuống và trượt đến dấu góc.



Lưu ý:

- ☐ Khoảng cách 1,5 mm từ góc kính máy scan sẽ không được quét.
- ☐ Khi bản gốc được đặt vào ADF và trên kính máy scan, quyền ưu tiên được trao cho bản gốc trong ADF.

4. Đóng nhẹ nắp.



Quan trọng:

Không tác động quá nhiều lực vào kính máy scan hoặc nắp tài liệu. Nếu không, chúng có thể bị hỏng.

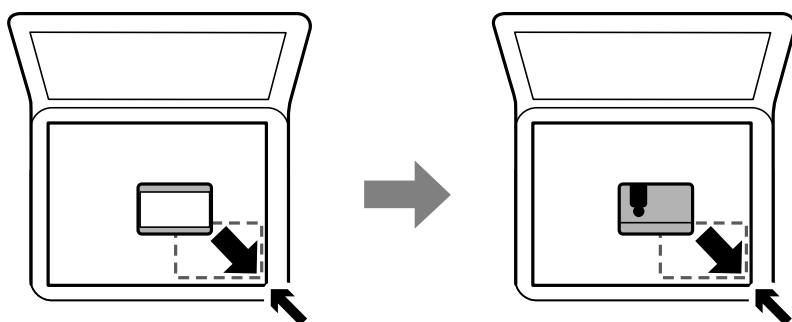
5. Lấy bản gốc ra sau khi quét.

Lưu ý:

Nếu bạn để bản gốc trên kính máy scan trong một thời gian dài, chúng có thể dính vào bề mặt kính.

Đặt thẻ ID để sao chụp

Đặt thẻ ID cách 5 mm so với dấu góc của kính máy scan.



Quản lý danh bạ

Đăng ký danh bạ cho phép bạn nhập các điểm đích một cách dễ dàng. Bạn có thể đăng ký tới 100 mục nhập và có thể sử dụng danh bạ khi nhập số fax.

Đăng ký hoặc chỉnh sửa các liên hệ

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Trình quản lý Danh bạ**.

3. Thực hiện một trong các tùy chọn sau.

- ☐ Để đăng ký một liên hệ mới, chọn **Thêm mục nhập**, và sau đó chọn số đăng ký.
- ☐ Để sửa một liên hệ, chọn **Sửa**, và sau đó chọn liên hệ mục tiêu.
- ☐ Để xóa một liên hệ, chọn **Xóa**, chọn liên hệ mục tiêu, và sau đó chọn **Có**. Không cần thêm bước nào khác.

- Thực hiện các cài đặt cần thiết.

Lưu ý:

Khi nhập số fax, hãy nhập mã truy cập ra bên ngoài ở đầu số fax nếu hệ thống điện thoại của bạn là PBX và bạn cần mã truy cập để quay số ra bên ngoài. Nếu mã truy cập đã được đặt trong thiết lập **Loại dòng**, nhập dấu thăng (#) thay vì mã truy cập thực sự. Để thêm tạm dừng (tạm dừng trong ba giây) khi quay số, nhấn nút ▼ để nhập dấu gạch ngang (-).

- Chọn **Thêm mục nhập** để hoàn thành việc đăng ký hoặc chỉnh sửa.

Thông tin liên quan

➡ “Nhập các ký tự” ở trang 18

Đăng ký hoặc chỉnh sửa các liên hệ theo nhóm

Thêm các mối liên hệ vào một nhóm cho phép bạn gửi fax đến nhiều điểm đích cùng lúc.

- Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

- Chọn **Trình quản lý Danh bạ**.

- Thực hiện một trong các tùy chọn sau.

- ☐ Để đăng ký một nhóm liên hệ mới, hãy chọn **Thêm nhóm**, và sau đó chọn số đăng ký.
- ☐ Để sửa nhóm liên hệ, chọn **Sửa**, và sau đó chọn nhóm mục tiêu.
- ☐ Để xóa một nhóm liên hệ, chọn **Xóa**, chọn nhóm mục tiêu và sau đó chọn **Có**. Không cần thêm bước nào khác.

- Nhập hoặc sửa **Tên nhóm**, và sau đó chọn **OK**.

- Nhập hoặc sửa **Từ chỉ mục**, và sau đó chọn **OK**.

- Chọn liên hệ mà bạn muốn đăng ký vào nhóm.

Mỗi lần bạn nhấn nút ▶, liên hệ được chọn và bỏ chọn luân phiên.

Lưu ý:

Bạn có thể đăng ký tối đa 99 liên hệ.

- Chọn **Thêm mục nhập** để hoàn thành việc đăng ký hoặc chỉnh sửa.

Thông tin liên quan

➡ “Nhập các ký tự” ở trang 18

Đăng ký người liên hệ trên máy tính

Khi sử dụng Web Config, bạn có thể tạo danh bạ trên máy tính và nhập nó vào máy in.

- Truy cập Web Config.

2. Chọn **Advanced Settings** từ danh sách phía trên cùng bên phải cửa sổ.
3. Chọn **Contacts**.
4. Chọn số mà bạn muốn đăng ký, sau đó nhấp vào **Edit**.
5. Nhập **Name**, **Index Word**, **Fax Number** và **Fax Speed**.
6. Nhấp vào **Apply**.

Mục đích đích đến

Mục	Cài đặt và giải thích
Name	Nhập một tên hiển thị trong danh bạ có 30 ký tự trở xuống ở Unicode (UTF-8). Nếu bạn không chỉ định mục này, hãy bỏ trống.
Index Word	Nhập các từ cần tìm kiếm có 30 ký tự trở xuống ở Unicode (UTF-8). Nếu bạn không chỉ định mục này, hãy bỏ trống.
Type	Mục này được cố định là Fax . Bạn không thể thay đổi cài đặt này.
Fax Number	Nhập từ 1 đến 64 ký tự bằng 0-9 - * # và dấu cách.
Fax Speed	Chọn tốc độ giao tiếp cho đích đến.

Đăng ký đích đến thành một nhóm

1. Truy cập Web Config.
2. Chọn **Advanced Settings** từ danh sách phía trên cùng bên phải cửa sổ.
3. Chọn **Contacts**.
4. Chọn số mà bạn muốn đăng ký, sau đó nhấp vào **Edit**.
5. Nhập **Name** và **Index Word**.
6. Chọn một nhóm từ **Type**.
7. Nhấp vào **Select** cho **Contact(s) for Group**.
Các đích đến có sẵn hiển thị.
8. Chọn đích đến mà bạn muốn đăng ký với nhóm, sau đó nhấp vào **Select**.

Lưu ý:

Bạn có thể đăng ký đích đến cho nhiều nhóm.

9. Nhấp vào **Apply**.

Tùy chọn menu cho Cài đặt

Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính của máy in để thực hiện các cài đặt khác nhau.

Tùy chọn menu cho Trạng thái cung cấp

Chọn menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Trạng thái cung cấp

Mức mực:

Hiển thị mức tương đối của hộp mực. Khi  hiển thị, hộp mực sắp hết mực. Khi  hiển thị, hộp mực đã cạn.

Bạn có thể thay thế hộp mực từ màn hình này.

Dung tích còn lại của Hộp bảo trì:

Hiển thị tuổi thọ dự kiến của hộp bảo trì. Khi  được hiển thị, hộp bảo trì gần như đã đầy. Khi  được hiển thị, hộp bảo trì đã đầy.

Tùy chọn menu cho Bảo dưỡng

Chọn menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Bảo dưỡng

Kiểm tra kim phun:

Chọn tính năng này để kiểm tra xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Máy in sẽ in một mẫu kiểm tra kim phun.

Vệ sinh đầu in:

Chọn tính năng này để vệ sinh kim phun bị tắc trong đầu in.

Chỉnh đầu in:

Chọn tính năng này để điều chỉnh đầu in nhằm cải thiện chất lượng in.

☐ Căn chỉnh dọc

Chọn tính năng này nếu bản in trông bị mờ hoặc chữ và các đường kẻ bị lệch.

☐ Căn chỉnh chiều ngang

Chọn tính năng này nếu dải ngang xuất hiện với tần suất thường xuyên trong bản in của bạn.

Thay hộp mực:

Sử dụng tính năng này để thay thế hộp mực trước khi mực cạn.

Lau sạch dẫn hướng giấy:

Chọn tính năng này nếu có vết mực bắn trên các trục lăn bên trong. Máy in sẽ nạp giấy để vệ sinh trục lăn bên trong.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm Tra và Vệ Sinh Đầu In” ở trang 156
- ➔ “Thay hộp mực” ở trang 150
- ➔ “Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn” ở trang 158

Tùy chọn menu cho Thiết lập máy in

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Thiết lập máy in

Cài đặt nguồn giấy:

Cài đặt giấy:

Chọn kích cỡ giấy và kiểu giấy bạn đã nạp vào nguồn giấy.

Ch.đổi tự động A4/Thư:

Chọn **Bật** để nạp giấy từ nguồn giấy được cài làm khổ A4 khi không có nguồn giấy được cài làm khổ Thư, hoặc nạp từ nguồn giấy được cài làm khổ Thư khi không có nguồn giấy được cài làm khổ A4.

Thông báo lỗi:

Chọn **Bật** để hiển thị thông báo lỗi khi loại hoặc khổ giấy đã chọn không khớp với giấy đã nạp.

Tự hiện th.lập giấy:

Chọn **Bật** để hiển thị màn hình **Cài đặt giấy** khi nạp giấy trong nguồn giấy. Nếu bạn tắt tính năng này, bạn không thể in từ iPhone, iPad hoặc iPod touch bằng AirPrint.

Âm thanh:

Điều chỉnh âm lượng.

☐ Tắt âm

Chọn **Bật** để tắt tiếng tất cả các âm thanh.

☐ Chế độ bình thường

Chọn âm lượng như **Nhấn nút**.

☐ Chế độ không ồn

Chọn âm lượng như **Nhấn nút** ở **Chế độ im lặng**.

Chế độ im lặng:

Sản phẩm của bạn có thể không có tính năng này tùy theo địa điểm mua hàng.

Chọn **Bật** để giảm tiếng ồn trong khi in. Tuy nhiên, chế độ này có thể làm giảm tốc độ in. Tùy vào loại giấy và cài đặt chất lượng in bạn đã chọn, có thể không có sự khác biệt ở mức ồn của máy in.

Hẹn giờ tắt nguồn:

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng này hoặc tính năng **Cài đặt tắt nguồn** tùy thuộc vào địa điểm mua hàng.

Chọn cài đặt này để tự động tắt máy in nếu không được sử dụng trong một khoảng thời gian được chỉ định. Bạn có thể điều chỉnh thời gian trước khi áp dụng chế độ quản lý nguồn điện. Việc tăng thời gian sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng của sản phẩm. Vui lòng cân nhắc đến môi trường trước khi đưa ra thay đổi.

Cài đặt tắt nguồn:

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng này hoặc tính năng **Hẹn giờ tắt nguồn** tùy thuộc vào địa điểm mua hàng.

☐ Tắt nguồn nếu không hoạt động

Chọn cài đặt này để tự động tắt máy in nếu không được sử dụng trong một khoảng thời gian được chỉ định. Việc tăng thời gian sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng của sản phẩm. Vui lòng cân nhắc đến môi trường trước khi đưa ra thay đổi.

☐ Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối

Chọn cài đặt này để tắt máy in sau một khoảng thời gian nhất định khi bạn ngắt kết nối tất cả các cổng kể cả cổng LINE. Tính năng này có thể không khả dụng tùy vào khu vực của bạn.

Truy cập trang web sau đây để biết về khoảng thời gian nhất định.

<https://www.epson.eu/energy-consumption>

Cài đặt ngày/giờ:

☐ Ngày/giờ

Nhập ngày và giờ hiện tại.

☐ Giờ mùa hè

Chọn thiết lập thời gian mùa hè được áp dụng cho khu vực của bạn.

☐ Chênh lệch giờ

Nhập sự khác biệt thời gian giữa thời gian địa phương và UTC (Coordinated Universal Time — Thời gian phối hợp chung).

Quốc gia/Khu vực:

Chọn quốc gia hoặc khu vực mà bạn đang sử dụng máy in. Nếu bạn thay đổi quốc gia hoặc khu vực, cài đặt fax của bạn sẽ trở về cài đặt mặc định và bạn phải chọn lại cài đặt.

Ngôn ngữ/Language:

Chọn ngôn ngữ được sử dụng trên màn hình LCD.

Bàn phím

Thay đổi bố cục bàn phím trên màn hình LCD.

Hẹn giờ chờ:

Điều chỉnh khoảng thời gian chuyển sang chế độ ngủ (chế độ tiết kiệm năng lượng) khi máy in không thực hiện bất kỳ thao tác nào. Màn hình LCD chuyển thành màu đen khi quá thời gian đã thiết lập này.

Bộ thoát lỗi tự động:

Chọn thao tác cần thực hiện khi xảy ra lỗi in 2 mặt hoặc lỗi đẩy bộ nhớ.

☐ Bật

Hiển thị cảnh báo và in ở chế độ một mặt khi xảy ra lỗi in 2 mặt hoặc chỉ in những thứ máy in có thể xử lý khi xảy ra lỗi bộ nhớ đầy.

☐ Tắt

Hiển thị thông báo lỗi và hủy in.

Thời gian khô mực:

Chọn thời gian khô mực mà bạn muốn sử dụng khi thực hiện in 2 mặt. Máy in sẽ in mặt kia sau khi in một mặt. Nếu bản in bị bẩn, hãy tăng cài đặt thời gian.

Kết nối PC qua USB:

Chọn **Bật** để cho phép máy tính truy cập máy in khi được kết nối bằng USB. Khi chọn **Tắt**, những tác vụ in và quét không được gửi qua kết nối mạng sẽ bị hạn chế.

Thông tin liên quan

➔ [“Tiết Kiệm Điện — Bảng Điều Khiển” ở trang 64](#)

➔ [“Nhập các ký tự” ở trang 18](#)

Tùy chọn menu cho mọi cài đặt mạng Wi-Fi

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > mọi cài đặt mạng Wi-Fi

In tờ tình trạng:

In tờ tình trạng mạng.

Thiết lập Wi-Fi:

Thiết lập hoặc thay đổi cài đặt mạng không dây. Chọn phương thức kết nối từ bên dưới và sau đó làm theo hướng dẫn trên bảng điều khiển.

☐ Wi-Fi (Khuyến dùng)

☐ Wi-Fi Direct

Kiểm tra kết nối:

Kiểm tra trạng thái kết nối mạng và in báo cáo kết nối mạng. Nếu có bất kỳ vấn đề nào với kết nối, xem báo cáo kiểm tra để giải quyết vấn đề.

Thông tin liên quan

➔ [“Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng cách nhập SSID và mật khẩu” ở trang 31](#)

➔ [“Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn” ở trang 32](#)

➔ [“Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN \(WPS\)” ở trang 33](#)

➔ [“Kết nối Wi-Fi Direct \(AP đơn giản\)” ở trang 20](#)

➔ [“In tờ tình trạng mạng” ở trang 40](#)

➔ [“Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 34](#)

Tùy chọn menu cho Dịch vụ Epson Connect

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Dịch vụ Epson Connect

Đăng ký/Xóa:

Đăng ký hoặc xóa máy in với hoặc khỏi dịch vụ Epson Connect.

Để biết hướng dẫn sử dụng, hãy xem trang web của cổng sau.

<https://www.epsonconnect.com/>

<http://www.epsonconnect.eu> (Chỉ ở châu Âu)

Tạm dừng/Tiếp tục lại:

Chọn tạm ngưng hoặc tiếp tục dịch vụ Epson Connect.

Địa chỉ email:

Kiểm tra địa chỉ email của máy in đã được đăng ký với dịch vụ Epson Connect.

Tình trạng:

Kiểm tra xem máy in đã được đăng ký và được kết nối với dịch vụ Epson Connect chưa.

Thông tin liên quan

➔ “In bằng dịch vụ mạng” ở trang 175

Tùy chọn menu cho Dịch vụ Google Cloud In

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Dịch vụ Google Cloud In

Tạm dừng/Tiếp tục lại:

Chọn tạm ngưng hoặc tiếp tục các dịch vụ Google Cloud Print.

Hủy đăng ký:

Hủy đăng ký các dịch vụ Google Cloud Print.

Tình trạng:

Kiểm tra xem máy in đã được đăng ký và được kết nối với dịch vụ Google Cloud Print chưa.

Để biết hướng dẫn đăng ký và sử dụng, hãy xem trang web của cổng sau.

<https://www.epsonconnect.com/>

<http://www.epsonconnect.eu> (Chỉ ở châu Âu)

Tùy chọn menu cho Trình quản lý Danh bạ

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Trình quản lý Danh bạ

Thêm mục nhập:

Đăng ký mục nhập được sử dụng cho fax trong danh bạ.

Thêm nhóm:

Đăng ký mục nhập cho fax nhóm trong danh bạ.

Sửa:

Chỉnh sửa các mục nhập và nhóm đã đăng ký trong danh bạ.

Xóa:

Xóa mục nhập hoặc nhóm đã đăng ký trong danh bạ.

In danh bạ:

In thông tin mục nhập và thông tin nhóm cho các liên hệ trong danh sách.

Tùy chọn menu cho Cài đặt fax

Chọn menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt fax

Xem Thông tin có liên quan bên dưới.

Thông tin liên quan

➔ [“Tùy chọn menu cho Cài đặt fax” ở trang 74](#)

Tùy chọn menu cho In tờ tình trạng

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > In tờ tình trạng

Tờ tình trạng cấu hình:

In tờ thông tin cho thấy cài đặt và tình trạng hiện tại của máy in.

Cung cấp tờ tình trạng:

In tờ thông tin cho thấy tình trạng của vật tư tiêu hao.

Bản lược sử sử dụng:

In tờ thông tin cho thấy lịch sử sử dụng của máy in.

Tùy chọn menu cho Bộ đếm bản in

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Bộ đếm bản in

Hiển thị tổng số lần in, số lần in đen trắng, số lần in màu bao gồm các mục như tờ trạng thái từ thời điểm bạn mua máy in.

Tùy chọn menu cho Ng.cứu khách hàng

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Ng.cứu khách hàng

Chọn **Chấp nhận** để cung cấp thông tin sử dụng sản phẩm, như số lượng bản in cho Seiko Epson Corporation.

Tùy chọn menu cho Phục hồi cài đặt mặc định

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Phục hồi cài đặt mặc định

Đặt lại menu sau về mặc định.

- ☐ Cài đặt mạng
- ☐ Cài đặt sao chụp
- ☐ Cài đặt scan
- ☐ Cài đặt fax
- ☐ Xóa hết mọi dữ liệu và cài đặt

Tùy chọn menu cho Cập nhật firmware

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cập nhật firmware

Cập nhật:

Kiểm tra xem phiên bản mới nhất của chương trình cơ sở đã được tải lên máy chủ mạng chưa. Nếu có bản cập nhật, bạn có thể chọn có bắt đầu cập nhật không.

P.bản hiện hành:

Hiển thị phiên bản của chương trình cơ sở hiện tại của máy in của bạn.

Thông báo:

Kiểm tra bản cập nhật chương trình cơ sở định kỳ và thông báo cho bạn nếu có bản cập nhật.

Tiết kiệm điện

Máy in vào chế độ ngủ hoặc tắt tự động nếu không có thao tác nào được thực hiện trong một khoảng thời gian đã cài. Bạn có thể điều chỉnh thời gian trước khi áp dụng chế độ quản lý nguồn điện. Việc tăng thời gian sẽ ảnh

hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng của sản phẩm. Vui lòng cân nhắc đến môi trường trước khi đưa ra thay đổi.

Tiết Kiệm Điện — Bảng Điều Khiển

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Thiết lập máy in**.

3. Thực hiện một trong các tùy chọn sau.

Lưu ý:

*Sản phẩm của bạn có thể có tính năng **Cài đặt tắt nguồn** hoặc **Hẹn giờ tắt nguồn** tùy thuộc vào vị trí mua hàng.*

- ☐ Chọn **Hẹn giờ chờ** hoặc **Cài đặt tắt nguồn** > **Tắt nguồn nếu không hoạt động** hoặc **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối**, và sau đó thực hiện các cài đặt.
- ☐ Chọn **Hẹn giờ chờ** hoặc **Hẹn giờ tắt nguồn** rồi thực hiện các cài đặt.

Cài đặt fax

Trước khi sử dụng các tính năng fax

Thiết lập các mục sau để sử dụng các tính năng fax.

- ☐ Kết nối máy in đúng cách với đường dây điện thoại và nếu cần, với điện thoại
- ☐ Hoàn thành **Thuật sĩ cài đặt fax**, là việc cần thiết để thực hiện các cài đặt cơ bản.

Đặt các mục sau nếu cần.

- ☐ **Danh bạ** đăng ký
- ☐ **Cài đặt m.định n.dùng** xác định các giá trị mặc định cho các mục menu **Fax**
- ☐ **Cài đặt báo cáo** in báo cáo khi gửi hoặc nhận fax

Thông tin liên quan

- ➔ “Kết nối máy in với đường điện thoại” ở trang 65
- ➔ “Điều chỉnh máy in sẵn sàng gửi và nhận fax (bằng Thuật sĩ cài đặt fax)” ở trang 68
- ➔ “Thực hiện các cài đặt riêng lẻ cho các tính năng fax của máy in” ở trang 70
- ➔ “Tùy chọn menu cho Cài đặt fax” ở trang 74
- ➔ “Cài đặt mạng” ở trang 20
- ➔ “Quản lý danh bạ” ở trang 54
- ➔ “Menu Cài đặt m.định n.dùng” ở trang 78
- ➔ “Menu Cài đặt báo cáo” ở trang 77

Kết nối máy in với đường điện thoại

Đường điện thoại tương thích

Bạn có thể sử dụng máy in qua đường điện thoại kỹ thuật tương tự chuẩn (PSTN = Mạng điện thoại chuyển mạch công cộng) và hệ thống điện thoại PBX (Tổng đài nội bộ).

Bạn có thể không sử dụng được máy in với các hệ thống hoặc đường điện thoại sau.

- ☐ Đường điện thoại VoIP như DSL hoặc dịch vụ kỹ thuật số cáp quang
- ☐ Đường điện thoại kỹ thuật số (ISDN)
- ☐ Một số hệ thống điện thoại PBX
- ☐ Khi các bộ điều hợp như bộ điều hợp đầu cuối, bộ điều hợp VoIP, bộ chia hoặc bộ định tuyến DSL được kết nối giữa jack cắm điện thoại trên tường và máy in

Kết nối máy in với đường điện thoại

Kết nối máy in với giắc cắm điện thoại trên tường bằng cáp điện thoại RJ-11 (6P2C). Khi kết nối điện thoại với máy in, hãy sử dụng một cáp điện thoại RJ-11 (6P2C) thứ hai.

Tùy thuộc vào khu vực, cáp điện thoại có thể đi cùng với máy in. Nếu có cáp điện thoại đi cùng, hãy sử dụng cáp đó.

Bạn có thể cần kết nối cáp điện thoại với bộ điều hợp được cung cấp cho quốc gia hoặc khu vực của bạn.

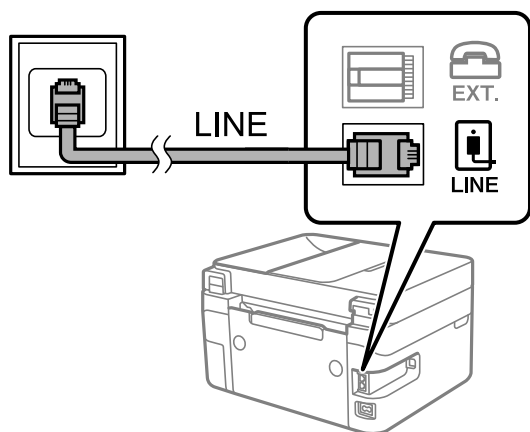
Lưu ý:

Tháo nắp ra khỏi cổng EXT. của máy in chỉ khi kết nối điện thoại với máy in. Không tháo nắp nếu bạn không kết nối với điện thoại.

Tại những khu vực thường xuyên có tia chớp, chúng tôi khuyến nghị bạn sử dụng thiết bị bảo vệ chống sốc.

Kết nối với đường điện thoại chuẩn (PSTN) hoặc PBX

Kết nối cáp điện thoại từ giắc cắm điện thoại trên tường hoặc cổng PBX với cổng LINE ở phía sau máy in.

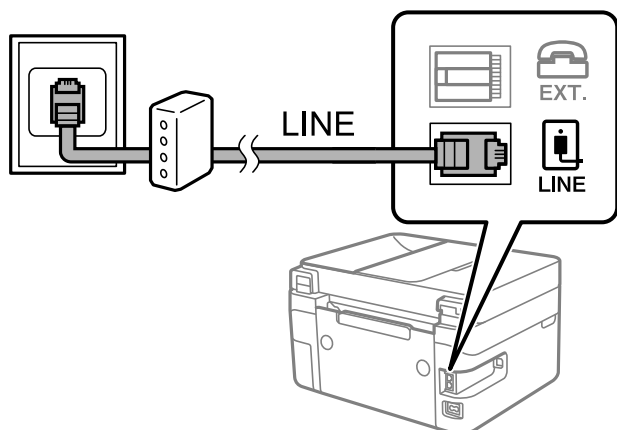


Kết nối với DSL hoặc ISDN

Kết nối cáp điện thoại từ modem DSL hoặc bộ điều hợp đầu cuối ISDN với cổng LINE ở phía sau máy in. Xem tài liệu đi cùng với modem hoặc bộ điều hợp để biết thêm chi tiết.

Lưu ý:

Nếu modem DSL của bạn không được trang bị bộ lọc DSL tích hợp, hãy kết nối một bộ lọc DSL riêng.



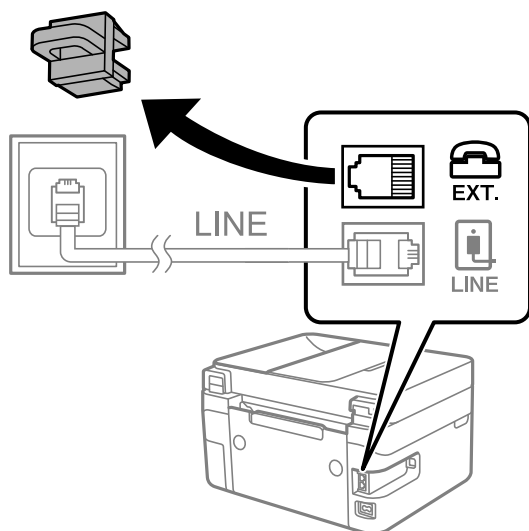
Kết nối thiết bị điện thoại với máy in

Khi sử dụng máy in và điện thoại của bạn trên một đường điện thoại duy nhất, hãy kết nối điện thoại với máy in.

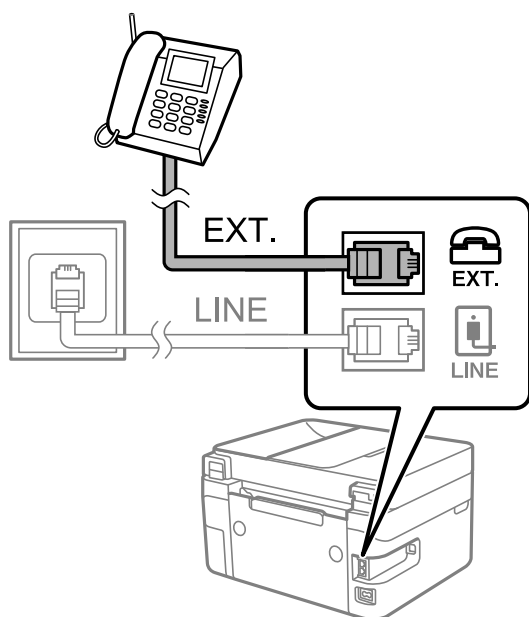
Lưu ý:

- ❑ Nếu thiết bị điện thoại của bạn có chức năng fax, hãy tắt chức năng fax trước khi kết nối. Xem các hướng dẫn sử dụng kèm theo thiết bị điện thoại để biết thêm chi tiết.
- ❑ Nếu bạn kết nối với máy trả lời, đảm bảo cài đặt **Đồ chuông trả lời** của máy in phải được thiết lập cao hơn số lần đồ chuông mà máy trả lời được thiết lập để trả lời cuộc gọi.

1. Tháo nắp ra khỏi cổng EXT. ở phía sau máy in.



2. Kết nối thiết bị điện thoại và cổng EXT. bằng cáp điện thoại.



Lưu ý:

Khi dùng chung một đường điện thoại duy nhất, hãy đảm bảo rằng bạn kết nối thiết bị điện thoại vào cổng EXT. trên máy in. Nếu bạn tách đường điện thoại để kết nối thiết bị điện thoại và máy in riêng rẽ, điện thoại và máy in hoạt động không chính xác.

3. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

4. Nhắc tai nghe.

Một kết nối đã được thiết lập khi thông báo nhấn ◊ để bắt đầu gửi hoặc nhận fax được hiển thị trên màn hình.



Thông tin liên quan

- ➔ “Điều chỉnh máy in sẵn sàng gửi và nhận fax (bằng Thuật sĩ cài đặt fax)” ở trang 68
- ➔ “Thực hiện các cài đặt để sử dụng máy trả lời” ở trang 72
- ➔ “Thực hiện cài đặt để nhận fax chỉ cần thao tác trên điện thoại kết nối (Nhận từ xa)” ở trang 72
- ➔ “Đặt Chế độ nhận” ở trang 70

Điều chỉnh máy in sẵn sàng gửi và nhận fax (bằng Thuật sĩ cài đặt fax)

Thuật sĩ cài đặt fax cấu hình các tính năng fax cơ bản để chuẩn bị máy in sẵn sàng gửi và nhận fax.

Trình hướng dẫn sẽ hiển thị tự động khi bật máy in lần đầu. Bạn cũng có thể tự hiển thị trình hướng dẫn này từ bảng điều khiển máy in. Bạn cần chạy lại trình hướng dẫn trong trường hợp nó bị bỏ qua khi bật máy in lần đầu hoặc khi môi trường kết nối đã thay đổi.

- ☐ Sau đây là những mục bạn có thể thiết đặt qua trình hướng dẫn.
 - ☐ **Tiêu đề** (Số điện thoại của bạn và Dòng đầu trang fax)
 - ☐ **Chế độ nhận** (Tự động hoặc Thủ công)
- ☐ Các mục bên dưới được thiết đặt tự động theo môi trường kết nối.
 - ☐ **Chế độ gọi** (như Âm hoặc Rung động)
 - ☐ **Loại dòng** (PSTN hoặc PBX)
 - ☐ **Phát hiện âm gọi**
 - ☐ **Cài đặt DRD**
- ☐ Các mục khác trong **Cài đặt cơ bản** vẫn không thay đổi.

Bật **Thuật sĩ cài đặt fax** để thực hiện **Cài đặt cơ bản** theo các hướng dẫn trên màn hình.

1. Đảm bảo máy in đã được kết nối với dây điện thoại.

Lưu ý:

Vì việc kiểm tra kết nối fax tự động sẽ hoạt động khi kết thúc trình hướng dẫn, nên máy in phải được kết nối với dây điện thoại trước khi bắt trình hướng dẫn.

2. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

3. Chọn **Cài đặt fax** > **Thuật sĩ cài đặt fax**.

4. Kiểm tra thông báo trên màn hình hiển thị, sau đó chọn **Tiến hành**.

Trình hướng dẫn sẽ bắt đầu.

5. Trên màn hình nhập đầu trang fax, nhập tên người gửi như tên công ty của bạn, sau đó chọn **OK**.

Lưu ý:

Tên người gửi và số fax của bạn xuất hiện dưới dạng đầu trang cho fax gửi đi.

6. Trên màn hình nhập số điện thoại, nhập số fax của bạn và sau đó chọn **Tiến hành**.

7. Trên màn hình **Cài đặt DRD**, hãy thực hiện các cài đặt sau.

- ☐ Nếu bạn đã đăng ký dịch vụ chuông phân biệt từ công ty điện thoại: chọn **Cài đặt**, sau đó chọn mẫu chuông cần dùng cho fax gửi đến.

- Nếu bạn chọn **Tất cả**, chuyển sang bước 8.

- Nếu bạn chọn bất kỳ cài đặt nào khác, **Chế độ nhận** được tự động đặt thành **Tự động**. Chuyển sang bước 10.

- ☐ Nếu bạn không cần đặt tùy chọn này: chọn **Bỏ qua** rồi chuyển qua bước 8.

Lưu ý:

- ☐ Dịch vụ chuông đặc biệt, do nhiều công ty điện thoại cung cấp (tên dịch vụ khác nhau theo công ty), cho phép bạn sử dụng nhiều số điện thoại trên một đường điện thoại. Mỗi số được gán một mẫu chuông khác nhau. Bạn có thể sử dụng một số cho các cuộc gọi thoại và một số khác cho các cuộc gọi fax. Chọn mẫu chuông được gán cho các cuộc gọi fax trong **DRD**.

- ☐ Tùy thuộc vào khu vực, **Bật** và **Tắt** được hiển thị dưới dạng các tùy chọn của **DRD**. Chọn **Bật** để sử dụng tính năng chuông đặc biệt.

8. Trên màn hình **Cài đặt chế độ nhận**, kiểm tra xem bạn có đang sử dụng thiết bị điện thoại đã kết nối với máy in hay chưa.

- ☐ Khi đã kết nối: chọn **Có**, sau đó chuyển sang bước tiếp theo.

- ☐ Khi chưa kết nối: chọn **Không**, sau đó chuyển sang bước 10. **Chế độ nhận** được thiết lập thành **Tự động**.

9. Trên màn hình **Cài đặt chế độ nhận**, chọn xem bạn có muốn nhận fax tự động hay không.

- ☐ Để nhận tự động: chọn **Có**. **Chế độ nhận** được thiết lập thành **Tự động**.

- ☐ Để nhận thủ công: chọn **Không**. **Chế độ nhận** được thiết lập thành **Thủ công**.

10. Kiểm tra các cài đặt bạn đã thực hiện trên màn hình xác nhận được hiển thị và sau đó chọn **Tiến hành**.

Để sửa hoặc thay đổi cài đặt, nhấn nút ↶.

11. Trên màn hình **Kiểm tra kết nối fax**, chọn **Bắt đầu kiểm tra** để chạy kiểm tra kết nối fax, và khi màn hình nhắc bạn in kết quả kiểm tra, hãy chọn **In**.

Báo cáo về kết quả kiểm tra hiển thị trạng thái kết nối được in ra.

Lưu ý:

- ☐ Nếu có bất kỳ lỗi nào trong báo cáo, hãy làm theo hướng dẫn trên báo cáo để khắc phục lỗi.
- ☐ Nếu màn hình **Chọn kiểu dây điện thoại** hiển thị, chọn loại đường dây.
 - Khi bạn đang kết nối máy in với hệ thống điện thoại PBX hoặc bộ điều hợp đầu cuối, hãy chọn **PBX**.
 - Khi bạn kết nối máy in với đường dây điện thoại chuẩn, hãy chọn **PSTN**. Khi thông báo tắt phát hiện âm quay số được hiển thị trên màn hình, nhấn nút OK. Tuy nhiên, việc tắt phát hiện âm quay số có thể khiến cho máy in bỏ qua chữ số đầu tiên của số fax và gửi fax đến số sai.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kết nối máy in với đường điện thoại” ở trang 66
- ➔ “Đặt Chế độ nhận” ở trang 70
- ➔ “Thực hiện các cài đặt để sử dụng máy trả lời” ở trang 72
- ➔ “Thực hiện cài đặt để nhận fax chỉ cần thao tác trên điện thoại kết nối (Nhận từ xa)” ở trang 72
- ➔ “Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 75

Thực hiện các cài đặt riêng lẻ cho các tính năng fax của máy in

Bạn có thể cấu hình các tính năng fax của máy in riêng lẻ bằng bảng điều khiển của máy in. Cũng có thể thay đổi các cài đặt được thực hiện bằng **Thuật sĩ cài đặt fax**. Để biết thêm chi tiết, xem mô tả của menu **Cài đặt fax**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Tùy chọn menu cho Cài đặt fax” ở trang 74

Đặt Chế độ nhận

Có hai lựa chọn trong **Chế độ nhận** để nhận fax đến. Bạn có thể thực hiện cài đặt trong menu bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Chế độ nhận

Chế độ nhận	Sử dụng đường dây điện thoại
Thủ công	Chủ yếu để gọi điện, nhưng cũng để fax
Tự động	Chỉ dành cho fax (không cần thiết bị điện thoại bên ngoài)
	Chủ yếu để fax và đôi khi gọi điện thoại

Thông tin liên quan

- ➔ “Sử dụng chế độ Tự động” ở trang 71
- ➔ “Sử dụng chế độ Thủ công” ở trang 71

➔ “Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 75

Sử dụng chế độ Thủ công

Nhận fax

Khi điện thoại đổ chuông, bạn có thể tự trả lời chuông bằng cách nhắc điện thoại lên.

☐ Khi bạn nghe thấy tín hiệu fax (baud):

Chọn **Fax** trên màn hình chính của máy in, nhấn nút # để chọn nhận fax, sau đó chọn . Tiếp theo gác ống nghe điện thoại.

☐ Nếu chuông đổ dành cho cuộc gọi thoại:

Bạn có thể trả lời điện thoại như bình thường.

Nhận fax chỉ sử dụng điện thoại kết nối

Khi **Nhận từ xa** được thiết lập, bạn có thể nhận fax bằng cách nhập mã bắt đầu.

Khi điện thoại đổ chuông, hãy nhắc ống nghe điện thoại. Khi bạn nghe thấy âm fax (baud), hãy quay mã bắt đầu gồm hai chữ số và sau đó gác ống nghe điện thoại.

Thông tin liên quan

➔ “Thực hiện cài đặt để nhận fax chỉ cần thao tác trên điện thoại kết nối (Nhận từ xa)” ở trang 72

Sử dụng chế độ Tự động

Nhận fax không có thiết bị điện thoại bên ngoài

Máy in tự động chuyển sang nhận fax khi có đủ số lần đổ chuông bạn đặt trong **Đổ chuông trả lời**.

Lưu ý:

*Chúng tôi khuyên bạn nên đặt **Đổ chuông trả lời** thành số càng thấp càng tốt.*

Nhận fax có thiết bị điện thoại bên ngoài

Máy in có thiết bị điện thoại bên ngoài hoạt động như sau.

☐ Nếu thiết bị điện thoại là máy trả lời và khi máy trả lời trong phạm vi số lần đổ chuông được thiết lập trong **Đổ chuông trả lời**:

- Nếu chuông đổ là cho fax: Máy in tự động chuyển sang nhận fax.
- Nếu chuông đổ là cho cuộc gọi thoại: Máy trả lời có thể nhận cuộc gọi thoại và ghi lại tin nhắn thoại.

☐ Khi bạn nhắc ống nghe điện thoại khi chưa hết số lần đổ chuông được thiết lập trong **Đổ chuông trả lời**:

- Nếu chuông đổ là cho fax: Bạn có thể nhận fax sử dụng cùng các bước như với **Thủ công**.
- Nếu chuông đổ là cho cuộc gọi thoại: Bạn có thể trả lời điện thoại như bình thường.

☐ Khi máy in tự động chuyển sang nhận fax:

- Nếu chuông đổ là cho fax: Máy in bắt đầu nhận fax.
- Nếu chuông đổ là cho cuộc gọi thoại: Bạn không thể trả lời điện thoại. Yêu cầu người này gọi lại cho bạn.

Lưu ý:

Thiết lập cài đặt **Đổ chuông trả lời** của máy in đến một số cao hơn số lần đổ chuông của máy trả lời. Nếu không, máy trả lời không thể nhận các cuộc gọi thoại để ghi lại tin nhắn thoại. Để biết chi tiết về cách thiết lập máy trả lời, xem tài liệu hướng dẫn đi kèm với máy trả lời.

Thông tin liên quan

- ➔ “Thực hiện các cài đặt để sử dụng máy trả lời” ở trang 72
- ➔ “Sử dụng chế độ Thủ công” ở trang 71

Thực hiện cài đặt khi bạn kết nối với thiết bị điện thoại bên ngoài

Thực hiện các cài đặt để sử dụng máy trả lời

Bạn cần các cài đặt để sử dụng máy trả lời.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản**.

3. Đặt **Chế độ nhận** thành **Tự động**.

4. Đặt thiết lập **Đổ chuông trả lời** của máy in đến một số cao hơn số hồi chuông của máy trả lời.

Nếu **Đổ chuông trả lời** được đặt thấp hơn số lần đổ chuông cho máy trả lời, máy trả lời không thể nhận cuộc gọi thoại để ghi âm tin nhắn thoại. Xem các hướng dẫn sử dụng đi cùng với máy trả lời để biết các thiết lập của máy.

Cài đặt **Đổ chuông trả lời** của máy in có thể không được hiển thị, tùy thuộc vào khu vực.

Thông tin liên quan

- ➔ “Sử dụng chế độ Tự động” ở trang 71
- ➔ “Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 75

Thực hiện cài đặt để nhận fax chỉ cần thao tác trên điện thoại kết nối (Nhận từ xa)

Bạn có thể bắt đầu nhận fax đến bằng cách chỉ cần nhắc ống nghe điện thoại và thao tác trên điện thoại mà không cần phải vận hành máy in.

Tính năng **Nhận từ xa** khả dụng trên điện thoại hỗ trợ quay số âm tần.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trong bảng điều khiển máy in.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** > **Nhận từ xa**.

3. Chọn **Bật**.

4. Nhập mã gồm hai chữ số (bạn có thể nhập từ 0 đến 9, *, và #) làm mã bắt đầu, sau đó nhấn nút OK để áp dụng các cài đặt.

Thông tin liên quan

- ➡ “Sử dụng chế độ Thủ công” ở trang 71
- ➡ “Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 75

Thực hiện cài đặt để chặn bản fax rác

Bạn có thể chặn bản fax rác.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trong bảng điều khiển máy in.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.
2. Chọn **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** > **Fax từ chối**.
3. Thiết lập điều kiện để chặn fax rác.
Chọn **Fax từ chối** và sau đó bật các tùy chọn sau.
 - ☐ Danh sách số từ chối: Từ chối bản fax trong Danh sách số từ chối.
 - ☐ Tiêu đề fax trống: Từ chối bản fax có thông tin tiêu đề trống.
 - ☐ N.gọi ko có trong D.bạ: Từ chối các bản fax chưa được thêm vào danh bạ.
4. Nhấn ↶ để quay lại màn hình **Fax từ chối**.
5. Nếu bạn đang sử dụng **Danh sách số từ chối**, chọn **Sửa d.sách Số bị chặn**, và sau đó chỉnh sửa danh sách.

Thông tin liên quan

- ➡ “Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 75

Thực hiện cài đặt để gửi và nhận fax trên máy tính

Để gửi và nhận fax trên máy tính, bạn phải cài đặt FAX Utility trên máy tính được kết nối bằng mạng hoặc cáp USB.

Thực hiện cài đặt Lưu vào máy tính để nhận fax

Bạn có thể nhận fax trên máy tính bằng FAX Utility. Cài đặt FAX Utility trên máy khách và thực hiện cài đặt. Để biết chi tiết, xem Basic Operations trong phần trợ giúp FAX Utility (được hiển thị trên cửa sổ chính).

Mục cài đặt bên dưới trên bảng điều khiển của máy in được đặt thành **Có**, và có thể lưu các bản fax đã nhận trên máy tính.

Cài đặt > **Cài đặt fax** > **Cài đặt nhận** > **Lưu vào máy tính**

Thông tin liên quan

- ➡ “Menu Cài đặt nhận” ở trang 76

Thực hiện cài đặt Lưu vào máy tính cũng in trên máy in để nhận fax

Bạn có thể thực hiện cài đặt để in các bản fax đã nhận trên máy in cũng như lưu chúng trên máy tính.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trong bảng điều khiển máy in.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.
2. Chọn **Cài đặt fax > Cài đặt nhận**.
3. Chọn **Lưu vào máy tính > Có và in**.

Thông tin liên quan

➔ [“Menu Cài đặt nhận” ở trang 76](#)

Thực hiện cài đặt Lưu vào máy tính để không nhận fax

Để thiết lập máy in không lưu fax đã nhận trên máy tính, hãy thay đổi cài đặt trên máy in.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt bằng FAX Utility. Tuy nhiên, nếu có bất kỳ bản fax nào chưa được lưu vào máy tính, tính năng này không hoạt động.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trong bảng điều khiển máy in.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.
2. Chọn **Cài đặt fax > Cài đặt nhận**.
3. Chọn **Lưu vào máy tính > Không**.

Thông tin liên quan

➔ [“Menu Cài đặt nhận” ở trang 76](#)

Tùy chọn menu cho Cài đặt fax

Chọn **Cài đặt > Cài đặt fax** từ bảng điều khiển của máy in sẽ hiển thị menu này.

Kiểm tra kết nối fax

Bạn có thể tìm menu trên bảng điều khiển của máy in dưới đây:

Cài đặt > Cài đặt fax > Kiểm tra kết nối fax

Chọn **Kiểm tra kết nối fax** sẽ kiểm tra xem máy in có kết nối với đường điện thoại và sẵn sàng truyền fax không. Bạn có thể in kết quả kiểm tra trên giấy thường kích thước A4.

Thuật sĩ cài đặt fax

Bạn có thể tìm menu trên bảng điều khiển của máy in dưới đây:

Cài đặt > Cài đặt fax > Thuật sĩ cài đặt fax

Chọn **Thuật sĩ cài đặt fax** sẽ thực hiện các cài đặt fax cơ bản. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Thông tin liên quan

➔ “Điều chỉnh máy in sẵn sàng gửi và nhận fax (bằng Thuật sĩ cài đặt fax)” ở trang 68

Menu Cài đặt cơ bản

Bạn có thể tìm menu trên bảng điều khiển của máy in dưới đây:

Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản

Mục	Mô tả
Tốc độ fax	Chọn tốc độ truyền fax. Chúng tôi khuyến nghị sử dụng Chậm (9.600b/giây) khi lỗi truyền tin xảy ra thường xuyên, khi gửi/nhận fax đến/từ nước ngoài hoặc khi bạn sử dụng dịch vụ điện thoại IP (VoIP).
ECM	Tự động sửa lỗi trong khi truyền fax (Chế độ sửa lỗi), chủ yếu là do nhiễu trên đường điện thoại gây ra. Nếu tính năng này tắt, bạn không thể gửi hoặc nhận tài liệu màu.
Phát hiện âm gọi	Phát hiện âm quay số trước khi bắt đầu quay số. Nếu máy in kết nối với PBX (Tổng đài nội bộ) hoặc đường điện thoại kỹ thuật số, máy in có thể gặp lỗi khi bắt đầu quay số. Trong trường hợp này, đổi thiết lập Loại dòng thành PBX . Nếu việc thay đổi cài đặt này không giúp khắc phục sự cố, hãy tắt tính năng này đi. Tuy nhiên, việc tắt tính năng này có thể cắt chữ số đầu tiên của số fax và gửi fax đến số sai.
Chế độ gọi	Chọn kiểu hệ thống điện thoại mà bạn đã kết nối với máy in. Khi được đặt là Rung động , bạn có thể tạm thời chuyển từ chế độ xung sang chế độ âm bằng cách bấm * ("T" được nhập vào) khi nhập số trên màn hình fax ở trên cùng. Cài đặt này có thể không hiển thị tùy vào khu vực hoặc quốc gia của bạn.
Loại dòng	Chọn kiểu đường điện thoại mà bạn đã kết nối với máy in. Khi sử dụng máy in trong môi trường có sử dụng nhánh phụ và đòi hỏi phải có mã truy cập từ bên ngoài, chẳng hạn như 0 và 9, để có được đường dây bên ngoài, hãy chọn PBX và đăng ký mã truy cập. Một khi bạn đã đăng ký mã truy cập, hãy nhập dấu # (thăng) thay vì mã truy cập khi gửi fax đến một số fax bên ngoài. Đối với môi trường sử dụng modem DSL hoặc bộ điều hợp thiết bị đầu cuối, việc cài đặt sang PBX cũng được khuyến dùng. Bạn không thể gửi fax tới những người nhận trong Danh bạ có mã truy cập bên ngoài như 0 hoặc 9. Nếu bạn đã thêm người nhận vào Danh bạ sử dụng mã truy cập bên ngoài như 0 hoặc 9, hãy thiết lập mã truy cập thành Đừng dùng. Nếu không, bạn phải thay đổi mã thành # trong Danh bạ.
Tiêu đề	Nhập tên người gửi và số fax của bạn. Thông tin này xuất hiện dưới dạng đầu trang của fax gửi đi. ☐ Số điện thoại của bạn: Bạn có thể nhập lên đến 20 ký tự 0–9 + hoặc khoảng trắng. ☐ Dòng đầu trang fax: Bạn có thể đăng ký lên đến 21 tên người gửi nếu cần. Bạn có thể nhập lên đến 40 ký tự cho từng tên người gửi.
Chế độ nhận	Chọn chế độ nhận. Để biết chi tiết, hãy xem thông tin liên quan bên dưới.

Mục	Mô tả
DRD	Nếu bạn đã đăng ký dịch vụ nhạc chuông đặc biệt từ công ty điện thoại, chọn mẫu nhạc chuông cần dùng cho fax gửi đến. Dịch vụ nhạc chuông đặc biệt được cung cấp bởi nhiều công ty điện thoại (tên dịch vụ sẽ khác nhau tùy theo công ty) cho phép bạn sử dụng nhiều số điện thoại trên một đường dây điện thoại. Mỗi số sẽ được gán cho một kiểu nhạc chuông khác nhau. Bạn có thể sử dụng một số cho các cuộc gọi thoại và một số khác cho các cuộc gọi fax. Tùy thuộc vào khu vực, tùy chọn này có thể đã Bật hoặc Tắt .
Đổ chuông trả lời	Chọn số lần đổ chuông phải xuất hiện trước khi máy in tự động nhận fax.
Nhận từ xa	Khi bạn trả lời cuộc gọi fax đến trên điện thoại kết nối với máy in, bạn có thể bắt đầu nhận fax bằng cách nhập mã thông qua điện thoại. Để đặt hoặc thay đổi mã bắt đầu, hãy đặt Nhận từ xa thành Bật và nhập hai ký tự 0–9, *, #.
Fax từ chối	☐ Fax từ chối: Chọn tùy chọn để từ chối fax rác. ☐ Danh sách số từ chối: Nếu số điện thoại của bên kia nằm trong danh sách số từ chối, hãy thiết lập có từ chối fax đến không. ☐ Tiêu đề fax trống: Nếu số điện thoại của bên kia bị chặn, hãy thiết lập có từ chối nhận fax không. ☐ N.gọi ko có trong D.bạ: Nếu số điện thoại của bên kia không nằm trong danh bạ, hãy thiết lập có từ chối nhận fax không. ☐ Sửa d.sách Số bị chặn: Bạn có thể đăng ký lên đến 30 số fax để từ chối fax và cuộc gọi. Nhập lên đến 20 ký tự 0–9, *, #, hoặc khoảng trắng.

Thông tin liên quan

- ➔ “Điều chỉnh máy in sẵn sàng gửi và nhận fax (bằng Thuật sĩ cài đặt fax)” ở trang 68
- ➔ “Đặt Chế độ nhận” ở trang 70
- ➔ “Thực hiện cài đặt để nhận fax chỉ cần thao tác trên điện thoại kết nối (Nhận từ xa)” ở trang 72
- ➔ “Thực hiện cài đặt để chặn bản fax rác” ở trang 73

Menu Cài đặt nhận

Bạn có thể tìm menu trên bảng điều khiển của máy in dưới đây:

Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt nhận

Mục	Mô tả
Lưu vào máy tính	Lưu fax đã nhận thành tệp PDF trên máy tính đã kết nối với máy in. Bạn có thể thiết lập tùy chọn này thành Có bằng cách chỉ sử dụng FAX Utility. Cài đặt trước FAX Utility trên máy tính. Sau khi thiết lập tùy chọn này thành Có , bạn có thể thay đổi tùy chọn này thành Có và in .
Giảm tự động	In fax đã nhận với tài liệu kích thước lớn được thu nhỏ cho vừa với giấy trong nguồn giấy. Việc thu nhỏ không phải lúc nào cũng thực hiện được tùy thuộc vào dữ liệu đã nhận. Nếu tính năng này tắt, các tài liệu lớn được in ở kích cỡ ban đầu trên nhiều tờ hoặc trang thứ hai trắng có thể bị đẩy ra.
Cài đặt tách trang	In fax đã nhận với việc chia trang khi kích thước của tài liệu nhận được lớn hơn kích thước giấy được nạp vào máy in.

Mục	Mô tả
Xoay tự động	Xoay các bản fax nhận được ở dạng tài liệu kích thước A5, hướng nằm ngang để in trên giấy kích thước A5. Cài đặt này được áp dụng khi kích thước A5 được đặt trong Cài đặt > Thiết lập máy in > Cài đặt nguồn giấy > Cài đặt giấy > Cỡ giấy . Chọn Tắt , fax nhận được ở kích thước A5 theo chiều nằm ngang, có cùng chiều rộng với tài liệu chiều đứng A4, được giả định và in thành fax kích thước A4.
Thêm thông tin nhận	In thông tin nhận được trong fax đã nhận, ngay cả khi người gửi không đặt thông tin đầu trang. Thông tin nhận bao gồm ngày và giờ nhận được, ID người gửi, ID nhận và số trang (chẳng hạn như "P1"). Khi bật Cài đặt tách trang , số chia trang cũng được bao gồm.
2 mặt	In nhiều trang fax đã nhận trên cả hai mặt giấy.
Định giờ bắt đầu in	Chọn các tùy chọn để bắt đầu in fax đã nhận. ☐ Đã nhận tất cả các trang: việc in bắt đầu sau khi nhận được tất cả các trang. Để bắt đầu in từ trang đầu tiên hay trang cuối cùng tùy thuộc vào cài đặt của tính năng Chống đối chiếu . Xem giải thích cho Chống đối chiếu . ☐ Đã nhận trang đầu: bắt đầu in khi nhận được trang đầu tiên, sau đó in theo thứ tự các trang nhận được. Nếu máy in không thể bắt đầu in, như khi đang in công việc khác, máy in sẽ bắt đầu in các trang đã nhận được dưới dạng một mẻ khi đã sẵn sàng.
Chống đối chiếu	Vì trang đầu tiên được in cuối cùng (đưa ra lên trên cùng), tài liệu in được xếp chồng theo đúng thứ tự trang. Khi máy in thiếu bộ nhớ, tính năng này có thể không hoạt động.
Giờ tạm dừng in	Trong khoảng thời gian bạn đã chỉ định từ Thời gian dừng đến TG kh.động lại , máy in lưu các tài liệu đã nhận vào bộ nhớ của máy in mà không in chúng. Tính năng này có thể được sử dụng để tránh gây ồn vào ban đêm hoặc tránh việc tài liệu bí mật bị tiết lộ khi bạn không ở đó. Trước khi dùng tính năng này, đảm bảo máy in có đủ dung lượng bộ nhớ trống. Khi bạn đặt cài đặt này thành Tắt , bạn có thể in các tài liệu đã nhận ngay cả trước thời gian khởi động lại.
Chế độ im lặng	Giảm tiếng ồn máy in tạo ra khi in fax, tuy nhiên, tốc độ in có thể bị giảm đi.

Menu Cài đặt báo cáo

Bạn có thể tìm menu trên bảng điều khiển của máy in dưới đây:

Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt báo cáo

Mục	Mô tả
Tự in nhật ký fax	Tự động in nhật ký fax. Chọn Bật(Mỗi 30) để in nhật ký mỗi khi hoàn tất 30 công việc fax. Chọn Bật(Giờ) để in nhật ký theo thời gian quy định. Tuy nhiên, nếu số công việc fax vượt quá 30, nhật ký sẽ được in trước khi đến thời gian quy định.
Đính kèm hình ảnh vào báo cáo	In Báo cáo truyền gửi cùng với ảnh của trang đầu tiên của tài liệu đã gửi. Chọn Bật(Hình lớn) để in phần trên của trang mà không cần thu nhỏ. Chọn Bật(Hình nhỏ) để in toàn bộ trang thu nhỏ để vừa với báo cáo.
Định dạng báo cáo	Chọn định dạng cho báo cáo fax trong Fax > Menu > Xem thêm > Báo cáo fax khác với Dấu vết giao thức . Chọn Chi tiết để in cùng với mã lỗi.

Menu Cài đặt bảo mật

Bạn có thể tìm menu trên bảng điều khiển của máy in dưới đây:

Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt bảo mật

Mục	Mô tả
Giới hạn gọi điện trực tiếp	Chọn Bật sẽ tắt việc nhập thủ công số fax của người nhận, cho phép người vận hành chỉ chọn người nhận từ danh bạ hoặc lịch sử đã gửi. Chọn Nhập hai lần sẽ yêu cầu người vận hành nhập lại số fax khi số đã được nhập theo cách thủ công. Chọn Tắt sẽ cho phép nhập thủ công số fax của người nhận.
Xác nhận d.sách địa chỉ	Chọn Bật sẽ hiển thị màn hình xác nhận người nhận trước khi bắt đầu truyền.
Tự động xóa dữ liệu sao lưu	Chọn Bật sẽ tự động xóa các bản sao lưu khi việc gửi hoặc nhận tài liệu đã hoàn tất thành công và các bản sao lưu trở nên không cần thiết. Chọn Tắt, để chuẩn bị cho tình trạng tắt nguồn đột xuất do mất điện hoặc hoạt động không chính xác, tạm thời lưu trữ các bản sao lưu của các tài liệu đã gửi và nhận trong bộ nhớ của máy.
Xóa hết dữ liệu sao lưu	Xóa mọi bản sao lưu được lưu tạm trong bộ nhớ máy in. Chạy tính năng này trước khi bạn tặng máy in cho người khác hoặc thải bỏ máy in.

Menu Cài đặt m.định n.dùng

Bạn có thể tìm menu trên bảng điều khiển của máy in dưới đây:

Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt m.định n.dùng

Các cài đặt được thực hiện trong menu này trở thành cài đặt mặc định của bạn trong **Fax > Menu**. Để biết chi tiết, xem thông tin liên quan bên dưới.

Thông tin liên quan

- ➔ “Cài đặt quét” ở trang 135
- ➔ “Cài đặt gửi fax” ở trang 135

In

In từ trình điều khiển máy in trên Windows

Truy cập trình điều khiển máy in

Khi truy cập trình điều khiển máy in từ bảng điều khiển của máy tính, các cài đặt được áp dụng cho tất cả ứng dụng.

Truy cập trình điều khiển máy in từ bảng điều khiển

- ☐ Windows 10/Windows Server 2019/Windows Server 2016

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Hệ thống Windows > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn, hoặc bấm và giữ máy in và sau đó chọn **Tùy chọn máy in**.

- ☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Chọn **Bàn làm việc > Thiết đặt > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn, hoặc bấm và giữ máy in và sau đó chọn **Tùy chọn máy in**.

- ☐ Windows 7/Windows Server 2008 R2

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Tùy chọn máy in**.

- ☐ Windows Vista/Windows Server 2008

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Tùy chọn máy in**.

- ☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Máy in và Phần cứng khác > Máy in và Fax**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Tùy chọn máy in**.

Truy cập trình điều khiển máy in từ biểu tượng máy in trên thanh tác vụ

Biểu tượng máy in trên thanh tác vụ của màn hình nền là biểu tượng lối tắt cho phép bạn truy cập nhanh trình điều khiển máy in.

Nếu bạn nhấp vào biểu tượng máy in và chọn **Cài đặt máy in**, bạn có thể truy cập cùng cửa sổ các thiết lập máy in như cửa sổ được hiển thị từ bảng điều khiển. Nếu bạn nhấp đúp vào biểu tượng này, bạn có thể kiểm tra trạng thái của máy in.

Lưu ý:

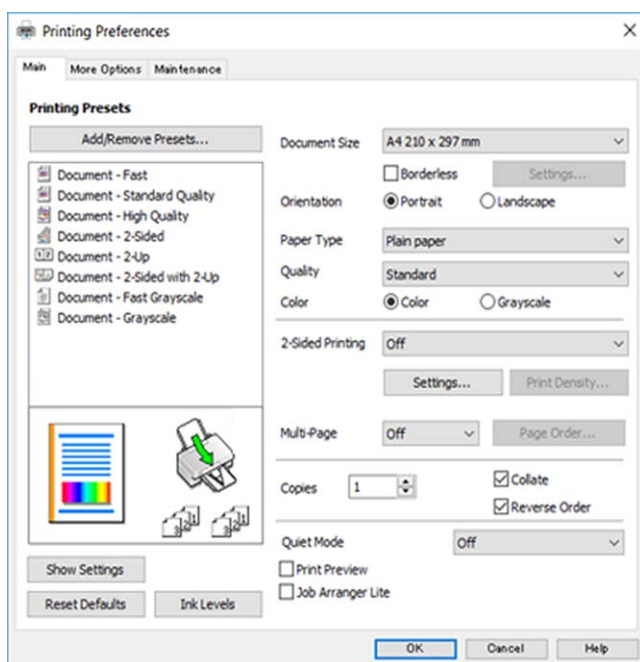
Nếu biểu tượng máy in không được hiển thị trên thanh tác vụ, truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in, nhấp vào **Ưu tiên giám sát trên thẻ Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Đăng ký biểu tượng phím tắt với thanh công cụ**.

Những điều cơ bản về in

Lưu ý:

Các thao tác có thể khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

1. Mở tệp bạn muốn in.
Nạp giấy vào máy in nếu chưa nạp.
2. Chọn **In** hoặc **Thiết lập in** từ menu **Tệp**.
3. Chọn máy in của bạn.
4. Chọn **Tùy chọn** hoặc **Thuộc tính** để truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.



5. Thay đổi cài đặt khi cần thiết.
Xem tùy chọn menu cho trình điều khiển máy in để biết chi tiết.

Lưu ý:

- ☐ Bạn cũng có thể xem trợ giúp trực tuyến để biết giải thích cho từng mục cài đặt. Nhấp chuột phải vào mục hiển thị **T.giúp**.
- ☐ Khi chọn **Xem trước in**, bạn có thể xem bản xem trước của tài liệu trước khi in.

6. Nhấp vào **OK** để đóng cửa sổ trình điều khiển máy in.
7. Nhấp vào **In**.

Lưu ý:

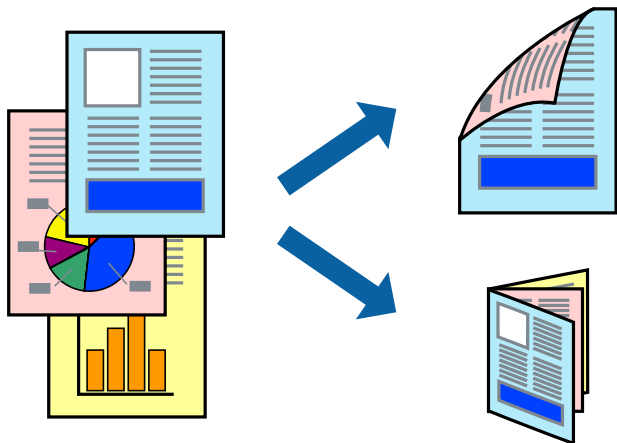
Khi bạn chọn **Xem trước in**, cửa sổ xem trước sẽ hiển thị. Để thay đổi cài đặt, nhấp vào **Hủy** và sau đó lặp lại quy trình từ bước 2.

Thông tin liên quan

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 44
- ➔ “Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau” ở trang 47
- ➔ “Tab Chính” ở trang 95

In bằng 2 mặt

Bạn có thể in trên cả hai mặt giấy. Bạn cũng có thể in sổ nhỏ có thể được tạo ra bằng sắp xếp lại các trang và gấp bản in.



Lưu ý:

- ☐ Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.
- ☐ Bạn có thể sử dụng in 2 mặt tự động và thủ công. Trong khi in 2 mặt thủ công, lật giấy để in trên mặt còn lại khi máy in đã in xong mặt đầu tiên.
- ☐ Nếu bạn không sử dụng giấy thích hợp cho việc in 2 mặt, chất lượng in có thể suy giảm và có thể xảy ra kẹt giấy.
- ☐ Tùy thuộc vào giấy và dữ liệu, mực có thể thấm qua mặt kia của tờ giấy.

Thông tin liên quan

➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 44

Cài đặt in

In 2 mặt thủ công có sẵn khi đã bật EPSON Status Monitor 3. Tuy nhiên, tính năng in 2 mặt có thể không có khi máy in được truy cập qua mạng hoặc được sử dụng làm máy in dùng chung.

Lưu ý:

Để bật EPSON Status Monitor 3, nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên tab **Bảo dưỡng**, sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.

1. Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn một tùy chọn từ **In 2 mặt**.
2. Nhấp vào **Settings**, đặt các cài đặt thích hợp và sau đó nhấp **Đ.ý**.

Thực hiện cài đặt cho **Mật độ in** nếu cần. Cài đặt này không có sẵn khi bạn chọn in 2 mặt thủ công.

Lưu ý:

- ☐ Để in tập sách gấp, chọn **Sách nhỏ**.
- ☐ Khi đặt **Mật độ in**, bạn có thể điều chỉnh mật độ in theo loại tài liệu.
- ☐ Tiến trình in có thể bị chậm tùy vào sự kết hợp các tùy chọn đã chọn cho **Chọn loại tài liệu** trong cửa sổ **Chính mật độ in** và cho **C.lượng** trên thẻ **Chính**.

3. Nhấp vào **In**.

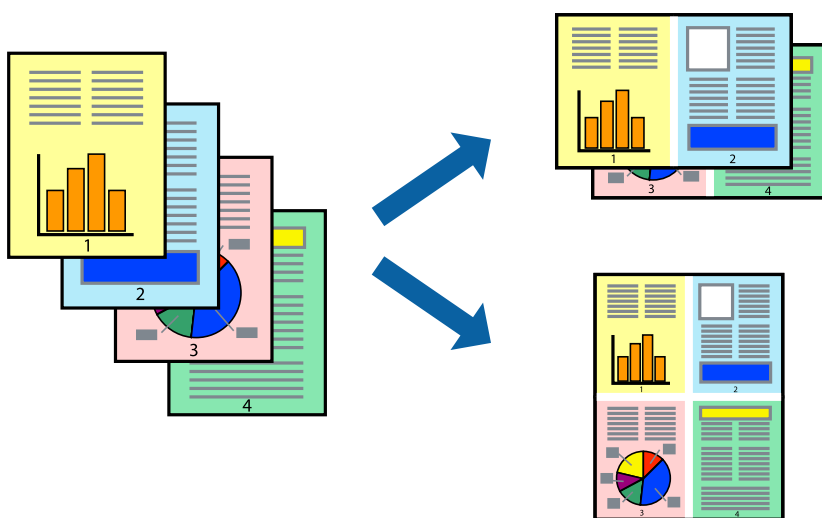
Đối với in 2 mặt thủ công, khi mặt đầu in xong thì một cửa sổ bật lên sẽ hiển thị trên máy tính. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Thông tin liên quan

- ➡ “Những điều cơ bản về in” ở trang 79
- ➡ “Tab Chính” ở trang 95

In một vài trang trên một tờ

Bạn có thể in hai hoặc bốn trang dữ liệu trên một tờ giấy duy nhất.



Cài đặt in

Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **2 trang/tờ** hoặc **4 trang/tờ** làm cài đặt **Nhiều trang**.

Lưu ý:

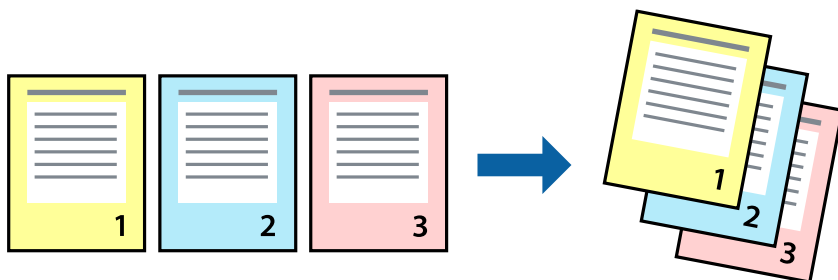
Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.

Thông tin liên quan

- ➡ “Những điều cơ bản về in” ở trang 79
- ➡ “Tab Chính” ở trang 95

In và xếp chồng theo thứ tự trang (In theo thứ tự đảo ngược)

Bạn có thể in từ trang cuối cùng để các tài liệu được xếp chồng lên nhau theo thứ tự trang.



Cài đặt in

Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **Thứ tự ngược**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 79
- ➔ “Tab Chính” ở trang 95

In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ

Bạn có thể thu nhỏ hoặc phóng to kích cỡ tài liệu theo một tỷ lệ cụ thể hoặc vừa với khổ giấy bạn đã nạp vào máy in.



Cài đặt in

Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, chọn kích thước tài liệu từ cài đặt **Cỡ tài liệu**. Chọn khổ giấy bạn muốn in từ cài đặt **Giấy ra**. Chọn **Thu nhỏ/p.to tài liệu** rồi chọn **Khớp với trang** hoặc **Thu-phóng về**. Khi bạn chọn **Thu-phóng về**, hãy nhập tỷ lệ phần trăm.

Chọn **Giữa** để in các hình ảnh ở giữa trang.

Lưu ý:

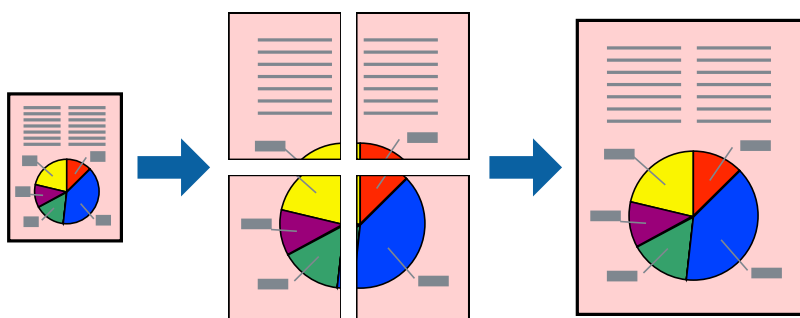
Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 79
- ➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 96

In một hình ảnh trên nhiều tờ để phóng to (tạo áp phích)

Tính năng này cho phép bạn in một hình trên nhiều tờ giấy. Bạn có thể tạo áp phích lớn hơn bằng cách dán chúng lại với nhau.



Lưu ý:

Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.

Cài đặt in

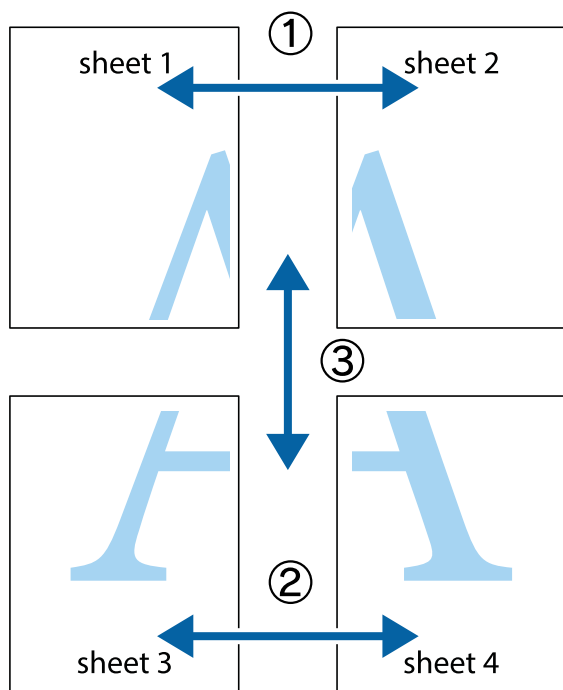
Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **Áp phích 2x1**, **Áp phích 2x2**, **Áp phích 3x3** hoặc **Áp phích 4x4** làm cài đặt **Nhiều trang**. Nếu bạn nhấp vào **Cài đặt**, bạn có thể chọn panel mà bạn không muốn in. Bạn cũng có thể chọn tùy chọn hướng dẫn cắt.

Thông tin liên quan

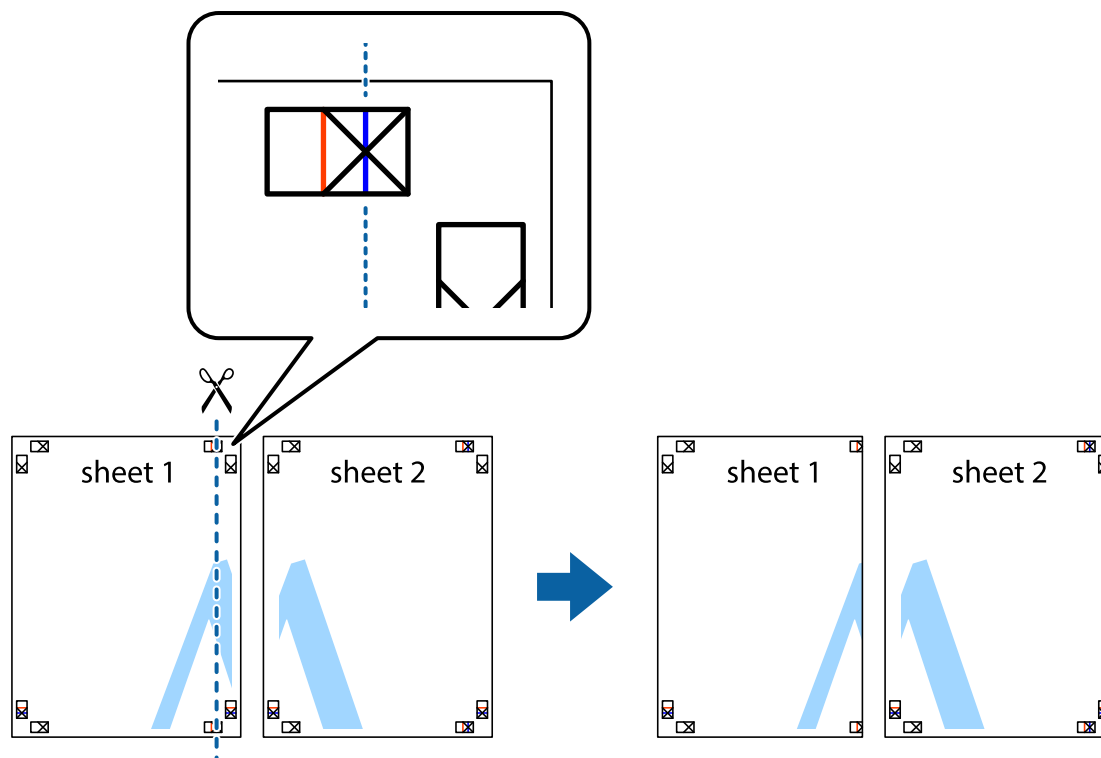
- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 79
- ➔ “Tab Chính” ở trang 95

Tạo áp-phích bằng Dấu cân chỉnh chồng lấp

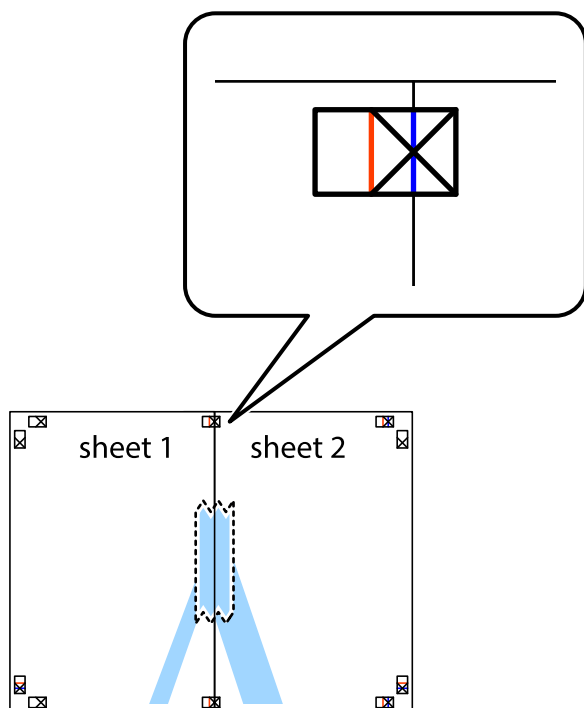
Đây là ví dụ về cách tạo áp-phích khi **Áp phích 2x2** được chọn, và **Dấu cân chỉnh chồng lấp** được chọn trong **Đường dẫn cắt bản in**.



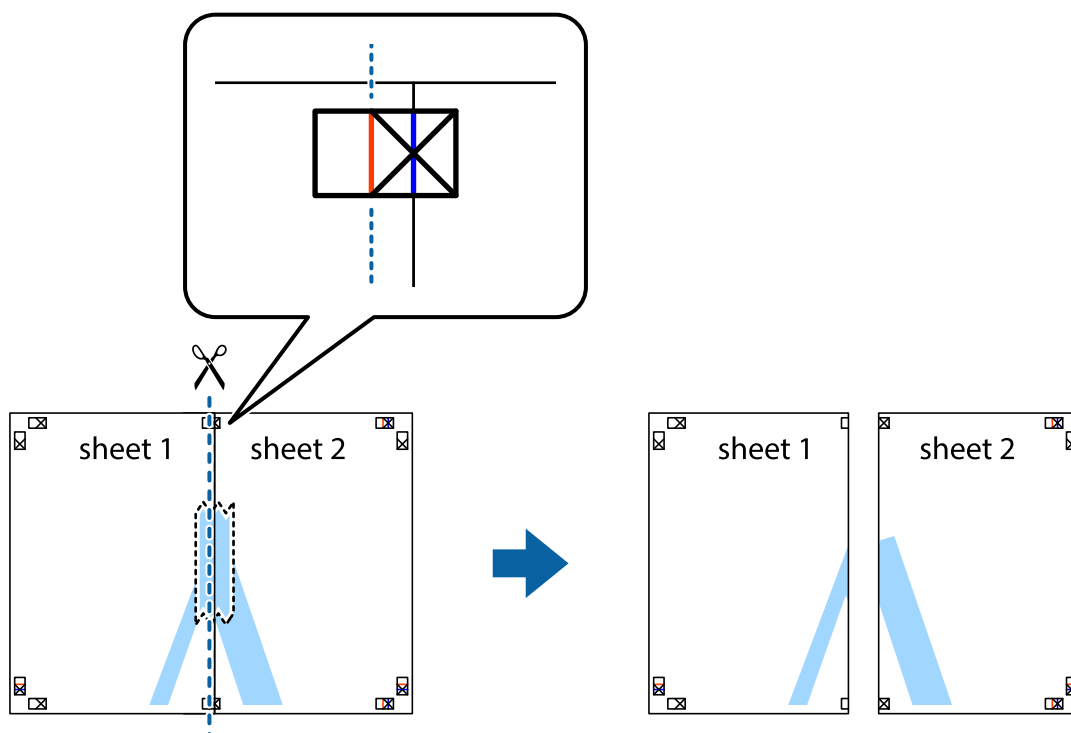
1. Chuẩn bị Sheet 1 và Sheet 2. Cắt bỏ phần lề của Sheet 1 theo đường dọc màu xanh đi qua tâm của các dấu thập ở đỉnh và đáy.



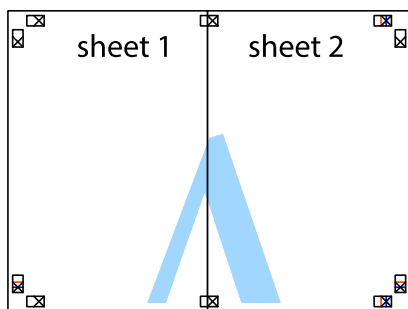
- Đặt cạnh của Sheet 1 lên trên Sheet 2 và căn thẳng các dấu thập, sau đó dán tạm thời hai tờ với nhau từ phía sau.



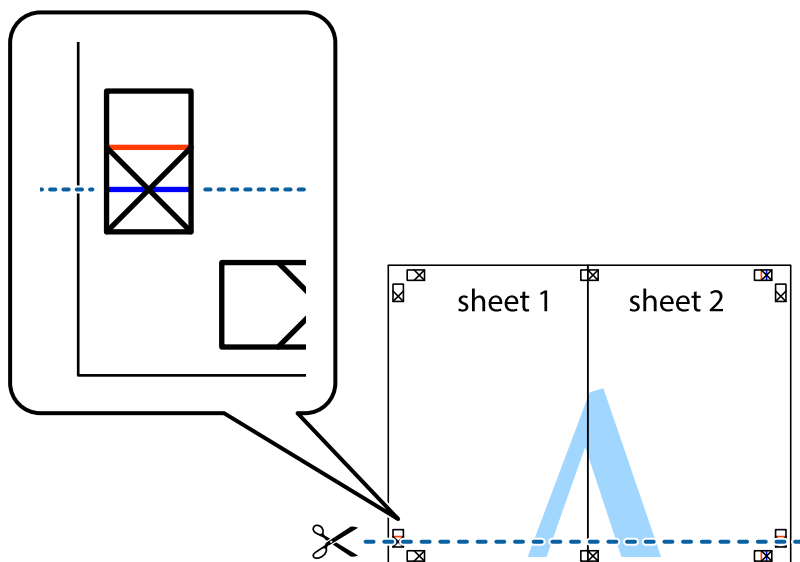
- Cắt các tờ đã dán với nhau thành hai theo đường dọc màu đỏ đi qua các dấu căn chỉnh (lần này, đường nằm ở bên trái của các dấu thập).



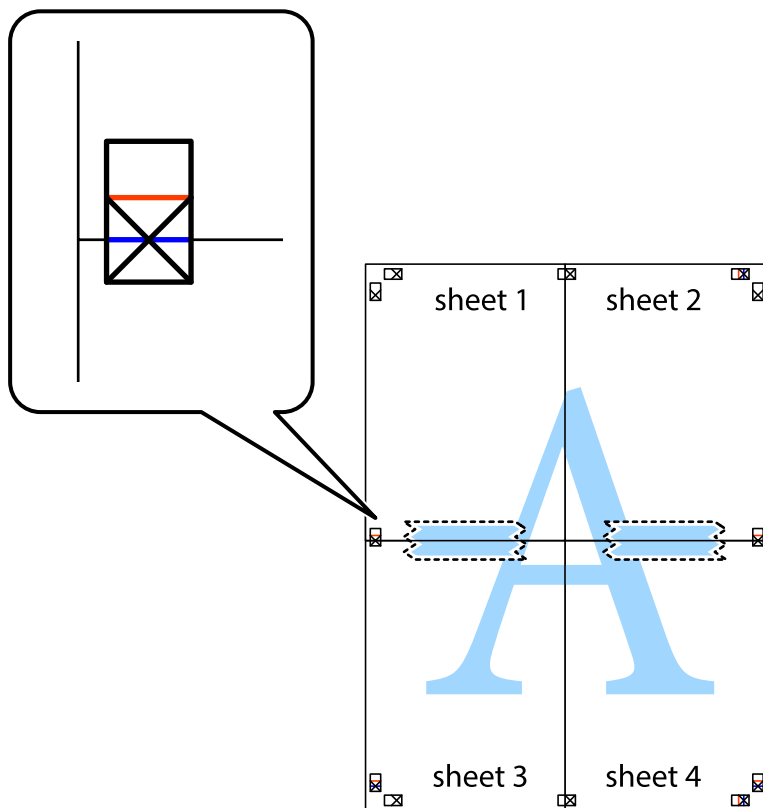
4. Dán các tờ lại với nhau từ phía sau.



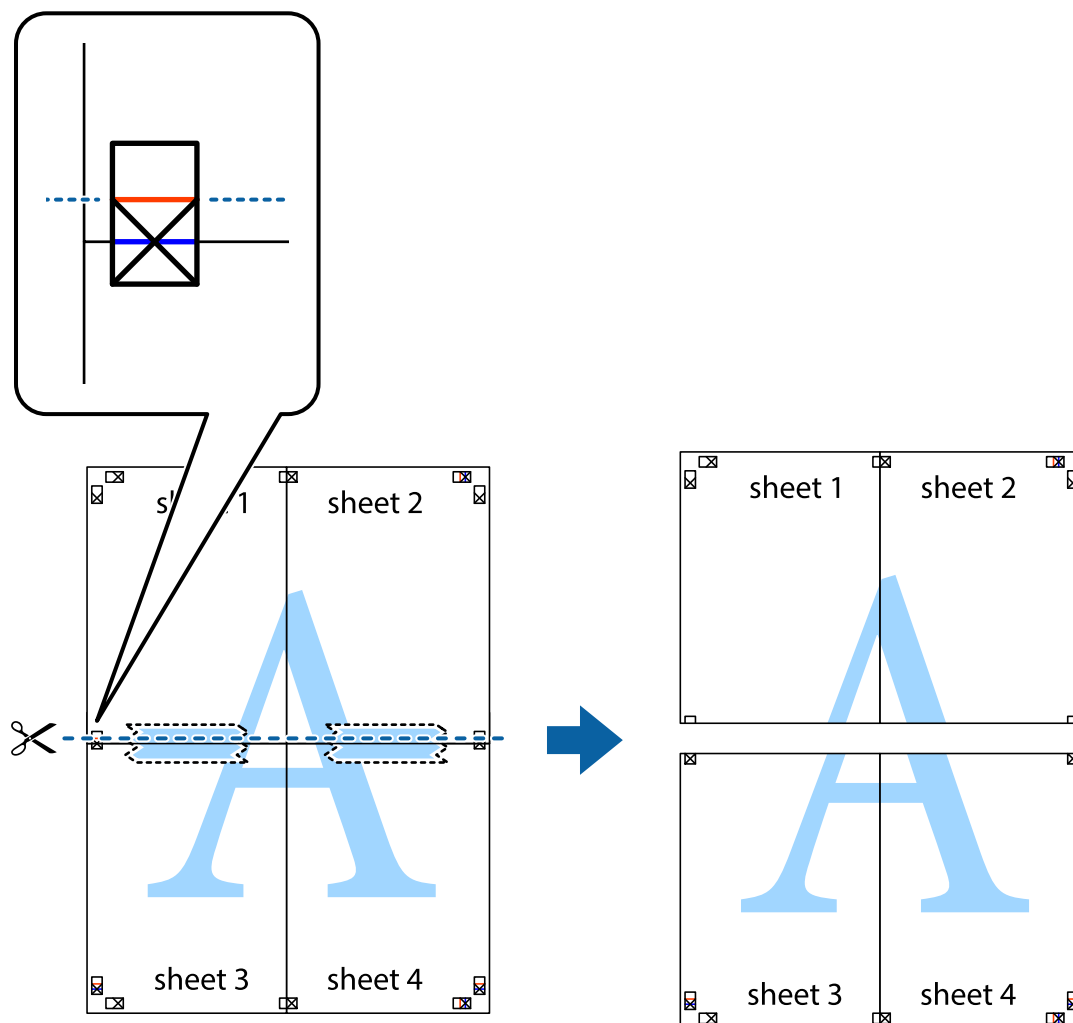
5. Lặp lại các bước 1 đến 4 để dán Sheet 3 và Sheet 4 với nhau.
6. Cắt bỏ phần lề của Sheet 1 và Sheet 2 theo đường ngang màu xanh đi qua tâm của các dấu thập bên phải và bên trái.



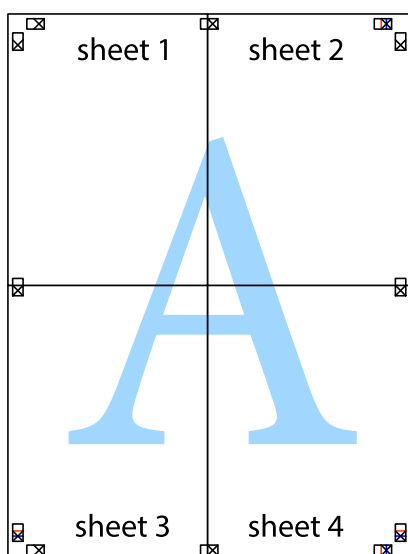
- Đặt cạnh của Sheet 1 và Sheet 2 lên Sheet 3 và Sheet 4 và căn thẳng các dấu thập, và sau đó dán tạm thời chúng lại với nhau từ phía sau.



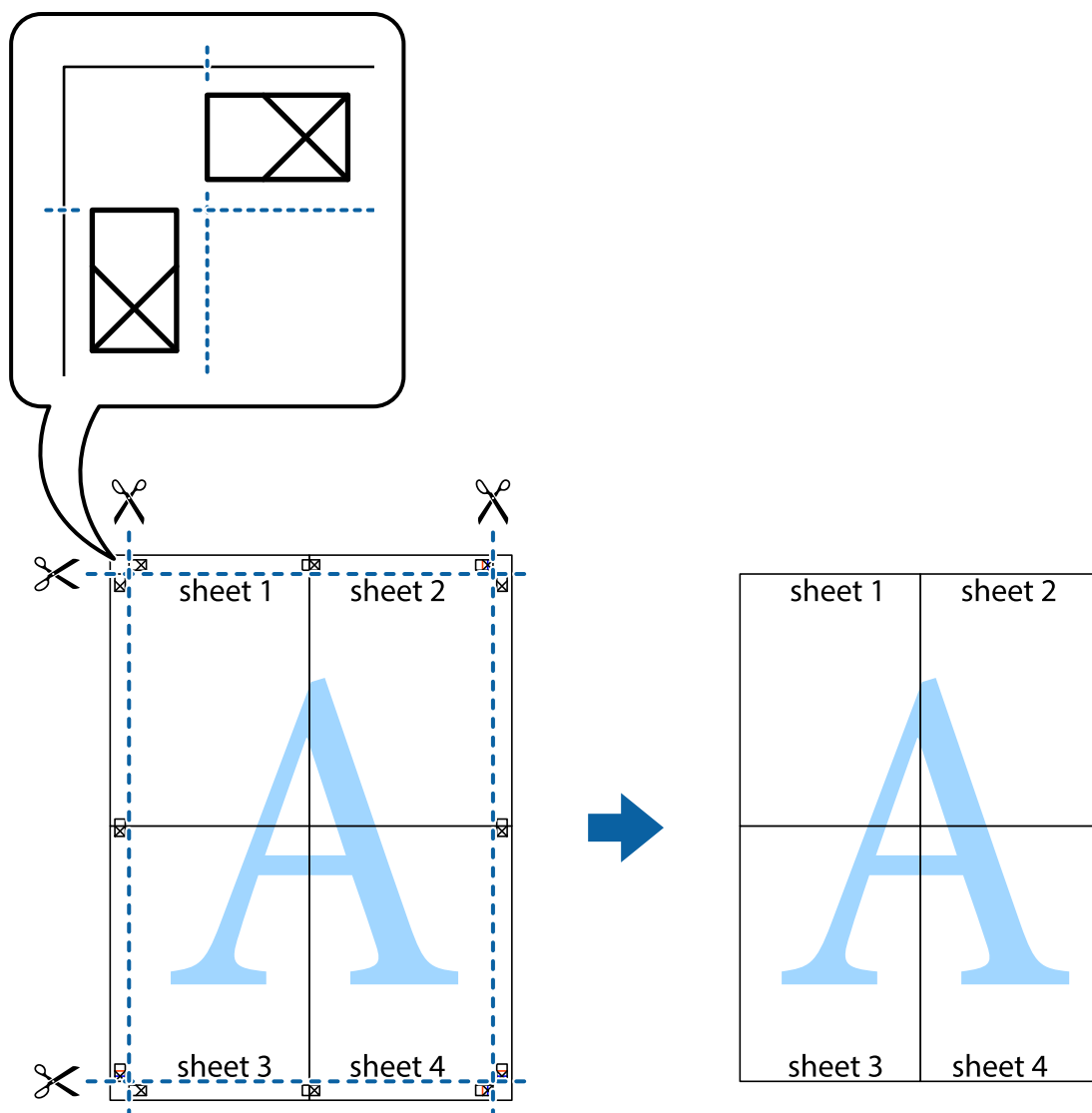
8. Cắt các tờ đã dán với nhau thành hai theo đường ngang màu đỏ đi qua các dấu căn chỉnh (lần này, đường nằm bên trên các dấu thập).



9. Dán các tờ lại với nhau từ phía sau.

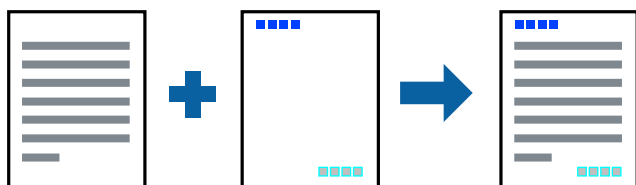


10. Cắt bỏ phần lề còn lại theo đường dẫn hướng bên ngoài.



In với phần đầu đề và chân trang

Bạn có thể in thông tin như tên người dùng và ngày in trong phần đầu đề hoặc chân trang.



Cài đặt in

Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tính năng dấu mờ**, sau đó chọn **Đầu trang/cuối trang**. Nhấp vào **Cài đặt**, sau đó chọn mục bạn muốn in.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 79
- ➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 96

In mẫu chống sao chụp

Bạn có thể in mẫu chống sao chụp trên bản in của mình. Khi in, bản thân các chữ cái không được in ra và toàn bộ bản in được tạo tông màu nhẹ nhàng của màn hình. Các chữ cái ẩn sẽ xuất hiện khi sao chụp để dễ dàng phân biệt bản gốc với bản sao.



Mẫu chống sao chép khả dụng trong các trường hợp sau:

- ☐ Giấy: Giấy thường, Giấy sao chụp
- ☐ Không đường viền: không được chọn
- ☐ C.lượng: Chuẩn
- ☐ In 2 mặt tự động: không được chọn
- ☐ Hiệu chỉnh màu: Tự động

Lưu ý:

Bạn cũng có thể thêm mẫu chống sao chép riêng.

Cài đặt in

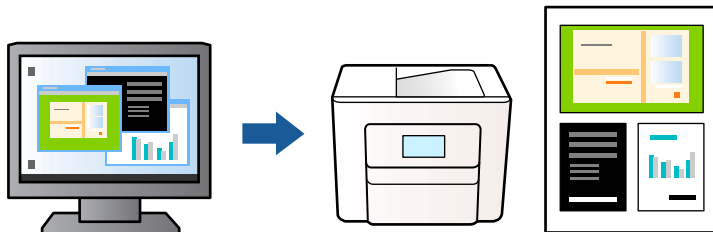
Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tính năng dấu mờ**, sau đó chọn Mẫu chống sao chép. Nhấp vào **Cài đặt** để thay đổi chi tiết, chẳng hạn như kích thước hoặc mật độ của mẫu.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 79
- ➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 96

In nhiều tệp cùng lúc

Job Arranger Lite cho phép bạn kết hợp một vài tệp do các ứng dụng khác nhau tạo ra và in chúng trong một lệnh in duy nhất. Bạn có thể chỉ định cài đặt in cho các tệp kết hợp, như bố cục nhiều trang và in 2 mặt.



Cài đặt in

Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **Job Arranger Lite**. Khi bạn bắt đầu in, cửa sổ Job Arranger Lite sẽ hiển thị. Khi cửa sổ Job Arranger Lite mở, mở tệp bạn muốn để kết hợp với tệp hiện tại, và sau đó lặp lại các bước trên.

Khi bạn chọn một lệnh in được thêm vào In dự án trong cửa sổ Job Arranger Lite, bạn có thể chỉnh sửa bố cục trang.

Nhấp vào **In** từ menu **File** để bắt đầu in.

Lưu ý:

Nếu bạn đóng cửa sổ Job Arranger Lite trước khi thêm tất cả dữ liệu in vào In dự án, lệnh in bạn hiện đang thực hiện sẽ bị hủy. Nhấp vào **Lưu** từ menu **File** để lưu lệnh hiện tại. Phần mở rộng của các tệp đã lưu là ".ecl".

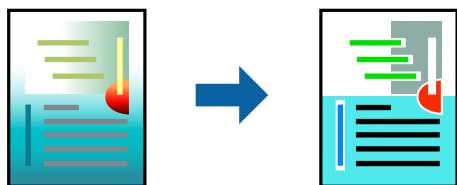
Để mở In dự án, hãy nhấp vào **Job Arranger Lite** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in để mở cửa sổ Job Arranger Lite. Tiếp theo, chọn **Mở** từ menu **File** để chọn tệp.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 79
- ➔ “Tab Chính” ở trang 95

In bằng tính năng in màu chung

Bạn có thể tăng cường độ rõ ràng của văn bản và hình ảnh trong bản in.



In màu phổ biến chỉ khả dụng khi chọn cài đặt sau.

- ☐ Loại giấy: Giấy thường
- ☐ C.lượng: **Chuẩn** hoặc chất lượng cao hơn
- ☐ Màu in: **Màu**
- ☐ Ứng dụng: Microsoft® Office 2007 trở lên

- ☐ Cỡ chữ: 96 pts trở xuống

Cài đặt in

Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tùy chọn hình** trong cài đặt **Hiệu chỉnh màu**. Chọn một tùy chọn từ cài đặt **In màu phổ biến**. Nhấp vào **Tùy chọn tăng cường** để thực hiện cài đặt in khác.

Lưu ý:

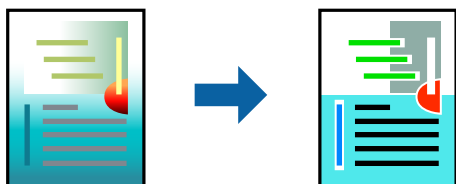
- ☐ Một số ký tự có thể bị thay đổi bằng các mẫu, chẳng hạn như "+" xuất hiện dưới dạng "±".
- ☐ Mẫu và gạch chân cụ thể theo ứng dụng có thể làm thay đổi nội dung được in bằng các cài đặt này.
- ☐ Chất lượng in có thể giảm trong ảnh và các hình ảnh khác khi sử dụng cài đặt In màu phổ biến.
- ☐ In chậm hơn khi sử dụng cài đặt In màu phổ biến.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 79
- ➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 96

Điều Chỉnh Màu In

Bạn có thể điều chỉnh các màu được sử dụng trong lệnh in. Các điều chỉnh này không được áp dụng cho dữ liệu gốc.



Cài đặt in

Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, chọn **Tùy biến** làm cài đặt **Hiệu chỉnh màu**. Nhấp vào **Nâng cao** để mở cửa sổ **Hiệu chỉnh màu**, sau đó chọn phương pháp sửa màu.

Lưu ý:

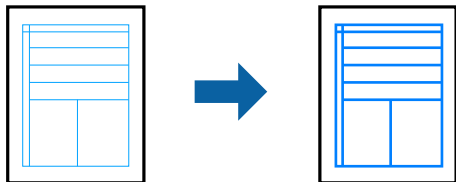
- ☐ **Tự động** được chọn làm mặc định trên tab **Tùy chọn khác**. Với cài đặt này, màu được tự động điều chỉnh cho phù hợp với kiểu giấy và cài đặt chất lượng in.
- ☐ **PhotoEnhance** trên cửa sổ **Hiệu chỉnh màu** điều chỉnh màu bằng cách phân tích vị trí của chủ thể. Vì vậy, nếu bạn thay đổi vị trí của chủ thể bằng cách thu nhỏ, phóng to, cắt hoặc xoay hình ảnh, màu có thể thay đổi không theo ý muốn. Việc chọn cài đặt không có đường viền cũng làm thay đổi vị trí của chủ thể, dẫn đến sự thay đổi về màu sắc. Nếu ảnh bị mất điểm lấy nét, tông màu cũng có thể không tự nhiên. Nếu màu bị thay đổi hoặc trở nên không tự nhiên, hãy in ảnh ở chế độ không phải **PhotoEnhance**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 79
- ➔ “Tab Tùy chọn khác” ở trang 96

In để làm nổi bật các đường mỏng

Bạn có thể làm dày các đường mỏng mà quá mỏng để in.



Cài đặt in

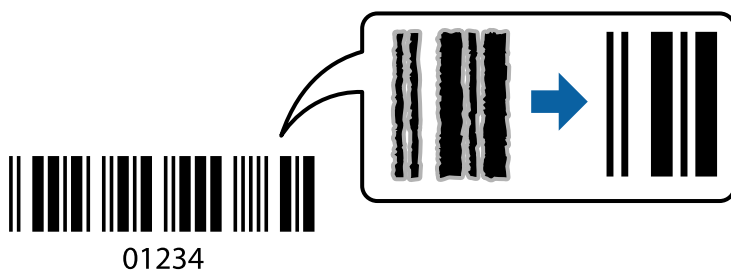
Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tùy chọn hình** trong cài đặt **Hiệu chỉnh màu**. Chọn **Chú trọng nét mảnh**.

Thông tin liên quan

- ➔ “[Những điều cơ bản về in](#)” ở trang 79
- ➔ “[Tab Tùy chọn khác](#)” ở trang 96

In mã vạch rõ ràng

Bạn có thể in mã vạch rõ ràng và giúp mã vạch dễ quét. Chỉ bật tính năng này nếu mã vạch bạn đã in không quét được.



Bạn có thể sử dụng tính năng này trong các điều kiện sau.

- ☐ Giấy: Giấy thường, Giấy sao chụp, Giấy có phần in đầu hoặc Bì thư
- ☐ C.lượng: **Chuẩn**

Chất lượng in có thể thay đổi khi in. Tốc độ in có thể chậm hơn và mật độ in có thể cao hơn.

Lưu ý:

Việc khởi mở không phải lúc nào cũng thực hiện được tùy thuộc vào trường hợp.

Cài đặt in

Trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Cài đặt mở rộng**, sau đó chọn **Chế độ mã vạch**.

Thông tin liên quan

- ➔ “[Những điều cơ bản về in](#)” ở trang 79

➔ “Tab Bảo dưỡng” ở trang 97

Hủy in

Bạn có thể hủy lệnh in trên máy tính. Tuy nhiên, bạn không thể hủy lệnh in trên máy tính nếu lệnh in này đã được gửi hoàn toàn đến máy in. Trong trường hợp này, hãy hủy công việc in bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in.

Hủy

Trên máy tính, nhấp chuột phải vào máy in trong **Thiết bị và Máy in**, **Máy in** hoặc trong **Máy in và Fax**. Nhấp vào **Xem nội dung đang in**, nhấp chuột phải vào lệnh bạn muốn hủy, sau đó chọn **Hủy**.

Tùy chọn menu cho trình điều khiển in

Mở cửa sổ in trong một ứng dụng, chọn máy in, sau đó truy cập cửa sổ trình điều khiển in.

Lưu ý:

Các menu thay đổi tùy theo tùy chọn bạn đã chọn.

Tab Chính

Giá trị in cài sẵn	Thêm/xóa giá trị cài sẵn	Bạn có thể thêm hoặc xóa cài đặt sẵn của riêng mình cho các cài đặt in thường được sử dụng. Chọn cài đặt sẵn mà bạn muốn sử dụng từ danh sách.
Hiện cài đặt	Hiển thị danh sách các mục hiện được đặt trên tab Chính và Tùy chọn khác .	
Cài về mặc định	Trả tất cả cài đặt về giá trị mặc định ban đầu. Các cài đặt trên tab Tùy chọn khác cũng được đặt lại về giá trị mặc định.	
Mức mực	Hiển thị mức mực xấp xỉ.	
Nguồn giấy	Chọn nguồn giấy mà giấy sẽ được nạp. Chọn Chọn tự động để tự động chọn nguồn giấy đã chọn trong cài đặt in trên bảng điều khiển của máy in. Nếu máy in chỉ có một nguồn giấy, mục này không được hiển thị.	
Cỡ tài liệu	Chọn khổ giấy mà bạn muốn in. Nếu bạn chọn Do người dùng chọn , hãy nhập chiều rộng và chiều cao của giấy.	
Ko viền	Phóng to dữ liệu in hơn một chút so với khổ giấy sao cho lề không được in quanh các cạnh giấy. Nhấp vào Cài đặt để chọn mức độ phóng to.	
Định hướng	Chọn hướng bạn muốn sử dụng để in.	
Loại giấy	Chọn kiểu giấy bạn sẽ in.	
C.lượng	Chọn chất lượng in bạn muốn sử dụng để in. Có sẵn các cài đặt tùy theo loại giấy bạn chọn. Nhấp vào Cài đặt khác để thực hiện cài đặt khác.	
Màu	Chọn màu cho công việc in của bạn.	

In 2 mặt	Cho phép bạn thực hiện in 2 mặt.	
	Settings	Bạn có thể chỉ định mép liên kết và lề liên kết. Khi in các tài liệu nhiều trang, bạn có thể chọn in bắt đầu từ mặt trước hoặc mặt sau của trang.
	Mật độ in	Chọn loại tài liệu để điều chỉnh mật độ in. Nếu mật độ in phù hợp được chọn, bạn có thể ngăn hình ảnh lan sang cả mặt trái. Chọn User Defined để điều chỉnh mật độ in thủ công.
Nhiều trang	Cho phép bạn in nhiều trang trên một tờ hoặc in áp phích. Nhấp vào Thứ tự trang để chỉ định thứ tự in trang.	
Copies	Chọn số bản sao bạn muốn in.	
	K.tra t.tự	In tài liệu nhiều trang được chia bộ theo thứ tự và sắp xếp thành bộ.
	Thứ tự ngược	Cho phép bạn in từ trang cuối cùng để các trang được xếp chồng lên nhau theo đúng thứ tự sau khi in.
C.độ im lặng	Giảm tiếng ồn của máy in. Tuy nhiên, bật chế độ này có thể làm giảm tốc độ in.	
Xem trước in	Hiển thị chế độ xem trước tài liệu trước khi in.	
Job Arranger Lite	Chọn in bằng tính năng Job Arranger Lite.	

Tab Tùy chọn khác

Giá trị in cài sẵn	Thêm/xóa giá trị cài sẵn	Bạn có thể thêm hoặc xóa các cài đặt sẵn của riêng bạn cho các cài đặt in thường xuyên sử dụng. Chọn cài đặt sẵn bạn muốn sử dụng từ danh sách.
Hiện cài đặt	Hiển thị danh sách các mục hiện được đặt trên các tab Chính và Tùy chọn khác .	
Cài về mặc định	Đặt tất cả các cài đặt về giá trị mặc định ban đầu. Cài đặt trên tab Chính cũng được đặt lại về giá trị mặc định.	
Cỡ tài liệu	Chọn kích thước tài liệu.	
Giấy ra	Chọn khổ giấy bạn muốn in. Nếu Giấy ra khác với Cỡ tài liệu , Thu nhỏ/p.to tài liệu được chọn tự động. Bạn không phải chọn tính năng khi in mà không làm giảm hoặc mở rộng kích thước của một tài liệu.	
Thu nhỏ/p.to tài liệu	Cho phép bạn giảm hoặc mở rộng kích thước của tài liệu.	
	Khớp với trang	Tự động giảm hoặc mở rộng kích thước của tài liệu để vừa với khổ giấy được chọn trong Giấy ra .
	Thu-phóng về	In với một tỷ lệ phần trăm cụ thể.
	Giữa	In hình ảnh ở giữa tờ giấy.
Hiệu chỉnh màu	Tự động	Tự động điều chỉnh màu sắc của hình ảnh.
	Tùy biến	Cho phép bạn thực hiện sửa màu thủ công. Nhấp vào Nâng cao cho các cài đặt khác.
	Tùy chọn hình	Bật tùy chọn chất lượng in chẳng hạn như In màu phổ biến hoặc Khử mắt đỏ. Bạn cũng có thể làm dày các đường mỏng để làm cho chúng rõ ràng trên các bản in.
Tính năng dấu mờ	Cho phép bạn thực hiện cài đặt cho mẫu chống sao chép hoặc các hình mờ.	

Cài đặt bổ sung	Xoay 180°	Xoay trang 180 độ trước khi in. Tính năng này hữu ích khi in trên giấy chẳng hạn như phong bì được nạp theo hướng cố định trong máy in.
	Tốc độ cao	In khi đầu in di chuyển theo cả hai chiều. Tốc độ in nhanh hơn, nhưng chất lượng có thể giảm.
	Hình p.chiếu	Chuyển hình ảnh thành bản in khi hình ảnh xuất hiện trong gương.

Tab Bảo dưỡng

K.tra kim phun	In mẫu kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không.
Vệ sinh đầu in	Làm sạch kim phun bị tắc trong đầu in. Vì tính năng này sử dụng một chút mực, chỉ làm sạch đầu in nếu kim phun bị tắc.
Job Arranger Lite	Mở cửa sổ Job Arranger Lite. Bạn có thể lưu và chỉnh sửa dữ liệu.
EPSON Status Monitor 3	Mở cửa sổ EPSON Status Monitor 3. Tại đây, bạn có thể xác nhận trạng thái của máy in và vật tư tiêu hao.
Ưu tiên giám sát	Cho phép bạn thực hiện cài đặt cho các mục trên cửa sổ EPSON Status Monitor 3.
Cài đặt mở rộng	Cho phép bạn thực hiện nhiều cài đặt khác nhau. Nhấp chuột phải vào mỗi mục để xem T.giúp để biết thêm chi tiết.
Chuỗi in	Hiển thị các lệnh đang chờ in. Bạn có thể kiểm tra, tạm dừng hoặc tiếp tục các lệnh in.
Ngôn ngữ	Thay đổi ngôn ngữ được sử dụng trên cửa sổ trình điều khiển máy in. Để áp dụng các cài đặt này, đóng trình điều khiển máy in và sau đó mở lại.
Cập nhật phần mềm	Bắt đầu EPSON Software Updater để kiểm tra phiên bản ứng dụng mới nhất trên Internet.
Đặt hàng tr.tuyến	Cho phép bạn truy cập trang web nơi bạn có thể mua hộp mực Epson.
Hỗ trợ kỹ thuật	Cho phép bạn truy cập trang web hỗ trợ kỹ thuật của Epson.

In từ trình điều khiển máy in trên Mac OS

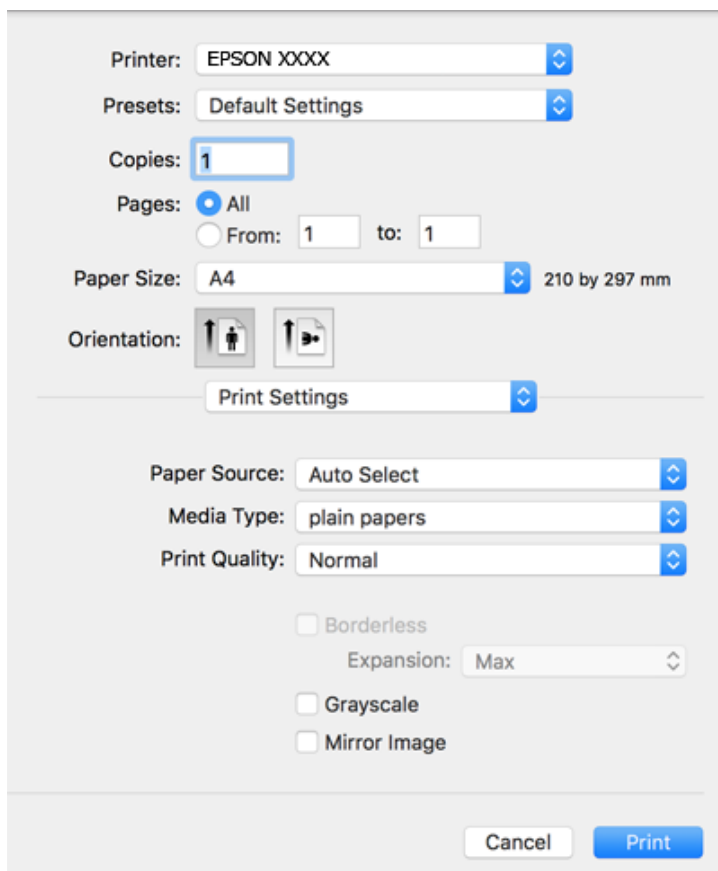
Những điều cơ bản về in

Lưu ý:

Các thao tác sẽ khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

- Mở tệp bạn muốn in.
Nạp giấy vào máy in nếu chưa nạp.
- Chọn **In** từ menu **Tệp** hoặc một lệnh khác để truy cập hộp thoại in.
Nếu cần, nhấp vào **Hiển thị chi tiết** hoặc ▼ để mở rộng cửa sổ in.
- Chọn máy in của bạn.

4. Chọn **Cài đặt in** từ menu bật lên.



Lưu ý:

Nếu menu **Cài đặt in** không hiển thị trên macOS Catalina (10.15) hoặc mới hơn, macOS High Sierra (10.13), macOS Sierra (10.12), OS X El Capitan (10.11), OS X Yosemite (10.10), OS X Mavericks (10.9), OS X Mountain Lion (10.8), bạn chưa cài đặt đúng cách trình điều khiển máy in Epson. Bật tại menu sau.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), loại bỏ máy in, sau đó thêm lại máy in.

macOS Mojave (10.14) không thể truy cập **Cài đặt in** trong các ứng dụng do Apple tạo ra như TextEdit.

5. Thay đổi cài đặt khi cần thiết.

Xem tùy chọn menu cho trình điều khiển máy in để biết chi tiết.

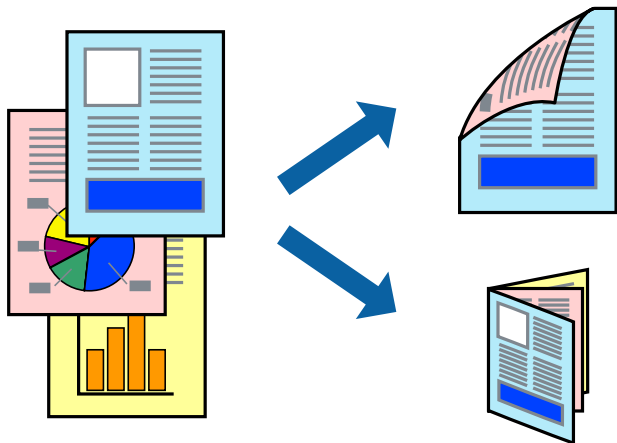
6. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 44
- ➔ “Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau” ở trang 47
- ➔ “Tùy chọn menu cho Cài đặt in” ở trang 103
- ➔ “Thêm máy in (Chỉ dành cho Mac OS)” ở trang 173

In 2 mặt

Bạn có thể in cả hai mặt giấy.



Lưu ý:

- ☐ Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.
- ☐ Nếu bạn không sử dụng giấy thích hợp cho việc in 2 mặt, chất lượng in có thể suy giảm và có thể xảy ra kẹt giấy.
- ☐ Tùy thuộc vào giấy và dữ liệu, mực có thể chảy qua mặt bên kia của giấy.

Thông tin liên quan

➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 44](#)

Cài đặt in

Chọn **Two-sided Printing Settings** từ menu bật lên. Chọn phương pháp in 2 mặt, sau đó thực hiện các cài đặt **Document Type**.

Lưu ý:

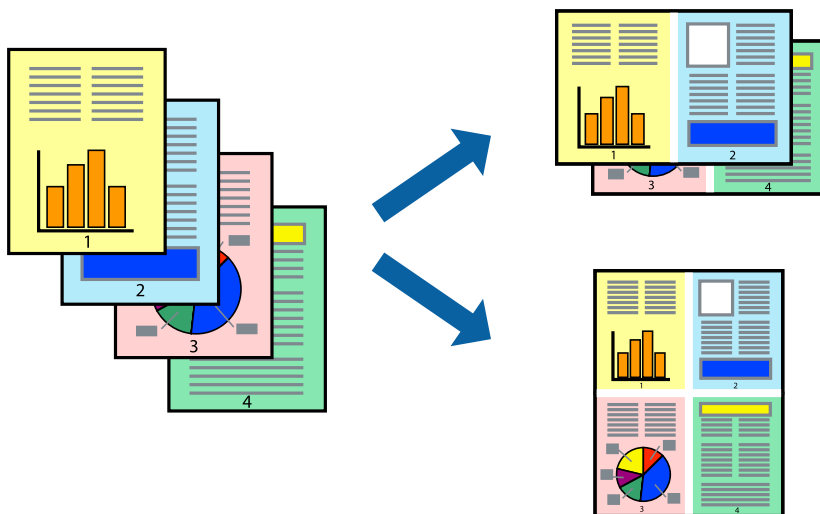
- ☐ Tốc độ in có thể giảm tùy thuộc vào loại tài liệu.
- ☐ Khi in ảnh có dữ liệu dày đặc, **Text & Graphics** hoặc **Text & Photos** trong cài đặt **Document Type**. Nếu bản in bị nhòe hoặc mực thấm qua mặt kia của tờ giấy, hãy điều chỉnh **Mật độ in** và **Increased Ink Drying Time** trong **Adjustments**.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Những điều cơ bản về in” ở trang 97](#)
- ➔ [“Tùy chọn menu cho Two-sided Printing Settings” ở trang 104](#)

In một vài trang trên một tờ

Bạn có thể in hai hoặc bốn trang dữ liệu trên một tờ giấy duy nhất.



Cài đặt in

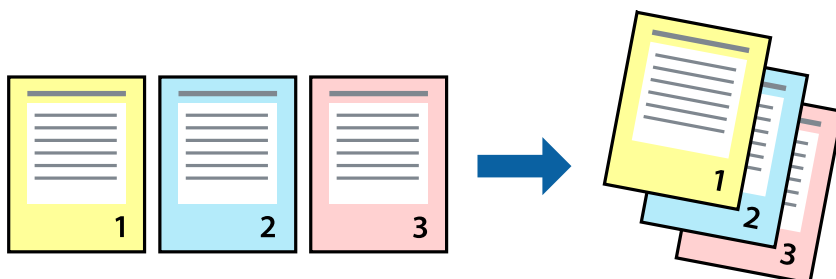
Chọn **Bố trí** từ menu bật lên. Đặt số trang trong **Số trang mỗi tờ**, **Hướng của bố trí** (thứ tự trang) và **Đường viền**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 97
- ➔ “Tùy chọn menu cho bố cục” ở trang 103

In và xếp chồng theo thứ tự trang (In theo thứ tự đảo ngược)

Bạn có thể in từ trang cuối cùng để các tài liệu được xếp chồng lên nhau theo thứ tự trang.



Cài đặt in

Chọn **Xử lý giấy** từ menu bật lên. Chọn **Đảo ngược** dưới dạng cài đặt **Thứ tự trang**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 97

➔ “Tùy chọn menu cho xử lý trang” ở trang 103

In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ

Bạn có thể thu nhỏ hoặc phóng to kích cỡ tài liệu theo một tỷ lệ cụ thể hoặc vừa với khổ giấy bạn đã nạp vào máy in.



Cài đặt in

Khi in để vừa với khổ giấy, chọn **Xử lý giấy** từ menu bật lên, sau đó chọn **Điều chỉnh để vừa với khổ giấy**. Chọn khổ giấy bạn đã nạp vào máy in trong **Khổ giấy đích**. Khi giảm kích thước tài liệu, chọn **Chỉ giảm**.

1. Khi in theo phần trăm cụ thể, hãy thực hiện một trong các bước sau.
 - ☐ Chọn **In** từ menu **Tệp** của ứng dụng. Nhấp vào **Thiết lập trang**, sau đó chọn máy in của bạn trong **Định dạng cho**. Chọn kích cỡ của dữ liệu cần in tại **Kích cỡ giấy**, nhập giá trị phần trăm trong **Thu phóng**, sau đó nhấp vào **OK**.
 - ☐ Chọn **Thiết lập trang** từ menu **Tệp** của ứng dụng. Chọn máy in của bạn trong **Định dạng cho**. Chọn kích cỡ của dữ liệu cần in tại **Kích cỡ giấy**, nhập giá trị phần trăm trong **Thu phóng**, sau đó nhấp vào **OK**. Chọn **In** từ menu **Tệp**.

Lưu ý:

Các thao tác sẽ khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

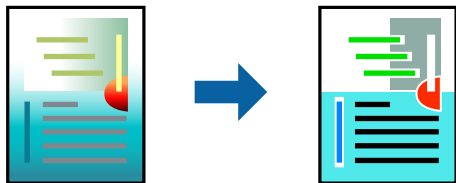
2. Chọn máy in của bạn trong **Máy in**.
3. Đặt các mục khác nếu cần.
4. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 97
- ➔ “Tùy chọn menu cho xử lý trang” ở trang 103

Điều chỉnh Màu In

Bạn có thể điều chỉnh các màu được sử dụng trong lệnh in. Các điều chỉnh này không được áp dụng cho dữ liệu gốc.



Cài đặt in

Chọn **Khớp màu** từ menu bật lên và sau đó chọn **EPSON Color Controls**. Chọn **Color Options** từ menu bật lên và sau đó chọn một trong các tùy chọn sẵn có. Nhấp vào mũi tên bên cạnh **Cài đặt nâng cao** và thực hiện thêm các cài đặt chi tiết.

Thông tin liên quan

- ➔ “Những điều cơ bản về in” ở trang 97
- ➔ “Tùy chọn menu để khớp màu” ở trang 103
- ➔ “Tùy chọn menu cho Color Options” ở trang 104

Hủy in

Bạn có thể hủy lệnh in trên máy tính. Tuy nhiên, bạn không thể hủy lệnh in trên máy tính nếu lệnh in này đã được gửi hoàn toàn đến máy in. Trong trường hợp này, hãy hủy công việc in bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in.

Hủy

Nhấp vào biểu tượng máy in trong **Trạm kết nối**. Chọn lệnh bạn muốn hủy, sau đó thực hiện một trong các thao tác sau.

- ☐ OS X Mountain Lion trở lên

Nhấp vào  bên cạnh đồng hồ tiến độ.

- ☐ Mac OS X v10.6.8 tới v10.7.x

Nhấp vào **Xóa**.

Tùy chọn menu cho trình điều khiển in

Mở cửa sổ in trong một ứng dụng, chọn máy in, sau đó truy cập cửa sổ trình điều khiển in.

Lưu ý:

Các menu thay đổi tùy theo tùy chọn bạn đã chọn.

Tùy chọn menu cho bố cục

Số trang trên mỗi tờ	Chọn số trang sẽ được in trên một tờ.
Hướng bố cục	Chỉ định thứ tự trang sẽ được in.
Đường viền	In đường viền quanh trang.
Đảo ngược hướng trang	Xoay trang 180 độ trước khi in. Chọn mục này khi in trên giấy chẳng hạn như phong bì được nạp theo hướng cố định trong máy in.
Lật theo chiều ngang	Chuyển hình ảnh thành bản in khi hình ảnh xuất hiện trong gương.

Tùy chọn menu để khớp màu

ColorSync	Chọn phương pháp để điều chỉnh màu. Các tùy chọn này điều chỉnh màu giữa máy in và màn hình máy tính để giảm thiểu sự khác biệt trong màu sắc.
EPSON Color Controls	

Tùy chọn menu cho xử lý trang

Sắp xếp các trang	In tài liệu nhiều trang được sắp xếp theo thứ tự và phân loại thành bộ.	
Trang sẽ in	Chọn để chỉ in trang lẻ hoặc trang chẵn.	
Thứ tự trang	Chọn để in từ trang đầu đến cuối.	
Thu phóng cho vừa với khổ giấy	Các bản in vừa với khổ giấy bạn đã nạp.	
	Khổ giấy đích	Chọn khổ giấy để in.
	Chỉ thu nhỏ	Chọn khi giảm kích cỡ tài liệu.

Tùy chọn menu cho trang bìa

In trang bìa	Chọn có in trang bìa hay không. Khi bạn muốn thêm bìa sau, chọn Sau tài liệu .
Loại trang bìa	Chọn nội dung trên trang bìa.

Tùy chọn menu cho Cài đặt in

Paper Source	Chọn nguồn giấy mà giấy sẽ được nạp. Nếu máy in chỉ có một nguồn giấy, mục này không được hiển thị. Chọn Chọn tự động sẽ tự động chọn nguồn giấy phù hợp với cài đặt giấy trên máy in.
Media Type	Chọn kiểu giấy bạn sẽ in.
Print Quality	Chọn chất lượng in bạn muốn sử dụng để in. Các tùy chọn khác nhau tùy theo loại giấy.

Ko viền	Hộp kiểm này được chọn khi bạn chọn khổ giấy không đường viền.	
	Mở rộng	Khi in không đường viền, dữ liệu in được phóng to hơn một chút so với khổ giấy sao cho lề không được in quanh các cạnh giấy. Chọn mức độ phóng to.
Dải màu xám	Chọn khi bạn muốn in ở chế độ màu đen hoặc màu xám.	
Mirror Image	Chuyển hình ảnh thành bản in khi hình ảnh xuất hiện trong gương.	

Tùy chọn menu cho Color Options

Cài đặt thủ công	Điều chỉnh màu thủ công. Trong Cài đặt nâng cao , bạn có thể chọn các cài đặt chi tiết.
PhotoEnhance	Tạo ra hình ảnh sắc nét hơn và màu sắc sống động hơn bằng cách điều chỉnh thủ công độ tương phản, độ bão hòa và độ sáng của dữ liệu hình ảnh gốc.
Off (No Color Adjustment)	In mà không tăng hoặc điều chỉnh màu sắc theo bất kỳ cách thức nào.

Tùy chọn menu cho Two-sided Printing Settings

Two-sided Printing	In cả hai mặt giấy.
--------------------	---------------------

Đặt các thiết lập vận hành cho trình điều khiển máy in Mac OS

Truy cập cửa sổ cài đặt hoạt động cho trình điều khiển máy in Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**).

Cài đặt thao tác cho trình điều khiển máy in Mac OS

- ☐ Bỏ qua trang trống: Tránh in trang trống.
- ☐ C. độ im lặng: In im lặng. Tuy nhiên, tốc độ in có thể chậm hơn.
- ☐ Permit temporary black printing: Chỉ in tạm thời bằng mực đen.
- ☐ High Speed Printing: In khi đầu in di chuyển theo cả hai chiều. Tốc độ in nhanh hơn, nhưng chất lượng có thể giảm.
- ☐ Tài liệu xuất để lưu trữ: Nạp giấy sao cho dễ dàng sắp xếp khi in dữ liệu nằm ngang hoặc in 2 mặt. Không hỗ trợ in bì thư.
- ☐ Xóa các viền trắng: Loại bỏ lề không cần thiết trong khi in không đường viền.
- ☐ Warning Notifications: Cho phép trình điều khiển máy in hiển thị thông báo cảnh báo.
- ☐ Establish bidirectional communication: Thông thường, tùy chọn này phải được đặt thành **On**. Chọn **Off** khi không thể lấy thông tin máy in vì máy in được dùng chung với các máy tính Windows trên mạng hay vì bất kỳ lý do nào khác.

In từ thiết bị thông minh

Sử dụng Epson iPrint

Epson iPrint là ứng dụng cho phép bạn in các ảnh chụp, tài liệu và trang web từ một thiết bị thông minh như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. Bạn có thể sử dụng in cục bộ, in từ thiết bị thông minh đã kết nối cùng mạng không dây với máy in, hoặc in từ xa, in từ một địa điểm từ xa qua internet. Để sử dụng in từ xa, hãy đăng ký máy in của bạn với dịch vụ Epson Connect.

Nếu bạn khởi động Epson iPrint khi máy in không kết nối với mạng, thông báo được hiển thị hướng dẫn cho bạn cách kết nối với máy in. Thực hiện theo hướng dẫn để hoàn thành kết nối. Xem URL bên dưới để biết điều kiện vận hành.

<http://epson.sn>



Thông tin liên quan

➔ “In bằng dịch vụ mạng” ở trang 175

Cài đặt Epson iPrint

Bạn có thể cài đặt Epson iPrint lên thiết bị thông minh của bạn từ URL sau hoặc mã QR.

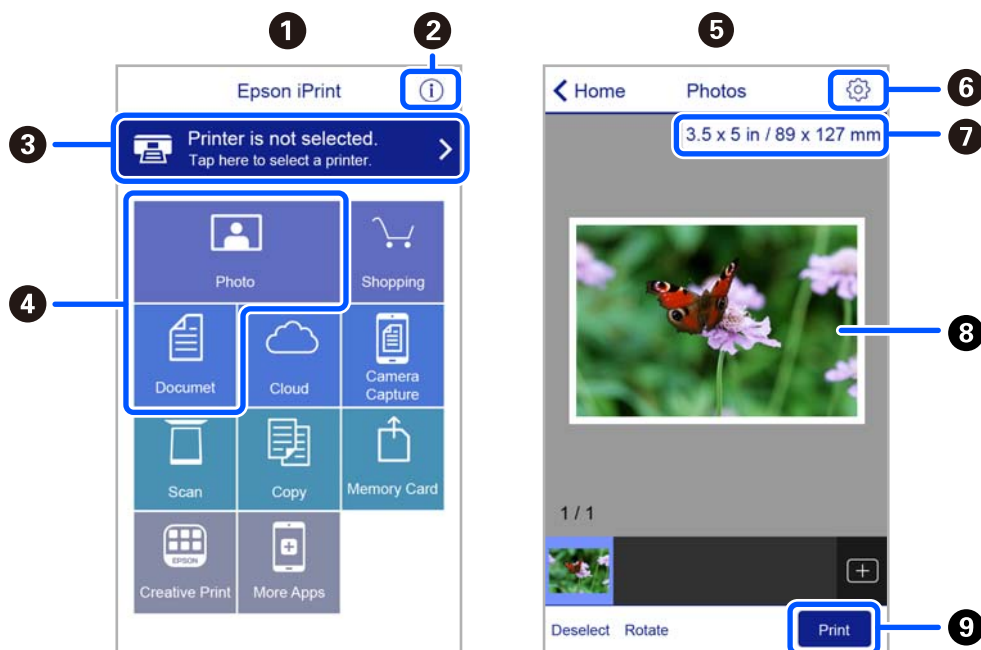
<http://ipr.to/c>



In bằng Epson iPrint

Bắt đầu Epson iPrint từ thiết bị thông minh của bạn và chọn mục bạn muốn sử dụng từ màn hình chính.

Các màn hình sau có thể thay đổi mà không có thông báo. Nội dung có thể khác nhau tùy theo sản phẩm.



❶	Màn hình chính được hiển thị khi ứng dụng bắt đầu.
❷	Hiển thị thông tin về cách thiết lập máy in và Câu hỏi thường gặp.
❸	Hiển thị màn hình mà ở đó bạn có thể chọn máy in và đặt các cài đặt máy in. Sau khi bạn đã chọn máy in, bạn không cần chọn lại từ lần tiếp theo.
❹	Chọn những gì bạn muốn in, ví dụ như ảnh và tài liệu.
❺	Màn hình ảnh in được hiển thị khi menu ảnh được chọn.
❻	Hiển thị màn hình để đặt các cài đặt in như kích cỡ giấy và kiểu giấy.
❼	Hiển thị cỡ giấy. Khi tùy chọn này hiển thị dưới dạng nút, nhấn vào nút này để hiển thị cài đặt giấy hiện đang được đặt trên máy in.
❽	Hiển thị ảnh và tài liệu bạn đã chọn.
❾	Bắt đầu in.

Lưu ý:

Để in từ menu tài liệu bằng iPhone, iPad và iPod touch chạy iOS, hãy khởi động Epson iPrint sau khi truyền tải tài liệu bạn muốn in bằng chức năng chia sẻ trong iTunes.

Sử dụng Epson Print Enabler

Bạn có thể in không dây tài liệu, email, ảnh và trang web ngay từ điện thoại hoặc máy tính bảng Android (Android phiên bản 4.4 trở lên). Với một vài lần nhấn, thiết bị Android của bạn sẽ phát hiện máy in Epson được kết nối với cùng một mạng không dây.

Lưu ý:

Thao tác có thể khác nhau tùy thuộc vào thiết bị.

1. Nạp giấy vào máy in.

- Thiết lập máy in của bạn để in không dây.
- Trên thiết bị Android của bạn, cài đặt plugin Epson Print Enabler từ Google Play.
- Kết nối thiết bị Android của bạn với cùng mạng không dây như máy in của bạn.
- Vào **Cài đặt** trên thiết bị Android, chọn **Thiết bị kết nối** > **In**, sau đó bật Epson Print Enabler.
- Từ ứng dụng Android như Chrome, nhấn vào biểu tượng menu và in bất cứ nội dung gì trên màn hình.

Lưu ý:

Nếu không thấy máy in của bạn, nhấn vào **Tất cả máy in** và chọn máy in của bạn.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau” ở trang 47
- ➔ “Kết nối với thiết bị thông minh” ở trang 22

Sử dụng AirPrint

AirPrint cho phép in không dây ngay lập tức từ iPhone, iPad, iPod touch và Mac mà không cần cài đặt trình điều khiển hoặc tải xuống phần mềm.



Lưu ý:

Nếu bạn tắt thông báo cấu hình giấy trên bảng điều khiển của sản phẩm của bạn, bạn không thể sử dụng AirPrint. Xem hướng dẫn bên dưới để bật thông báo nếu cần thiết.

- Nạp giấy vào sản phẩm của bạn.
- Thiết lập sản phẩm của bạn để in không dây. Xem liên kết bên dưới.
<http://epson.sn>
- Kết nối thiết bị Apple với cùng mạng không dây mà sản phẩm đang sử dụng.
- In từ thiết bị đến sản phẩm của bạn.

Lưu ý:

Để biết chi tiết, hãy xem trang AirPrint trên trang web của Apple.

Thông tin liên quan

- ➔ “Tùy chọn menu cho Thiết lập máy in” ở trang 58

Hủy công việc đang thực hiện

Nhấn nút  trên bảng điều khiển của máy in để hủy công việc in đang tiến hành.

Sao chép

Sao chép

1. Nạp giấy vào máy in.

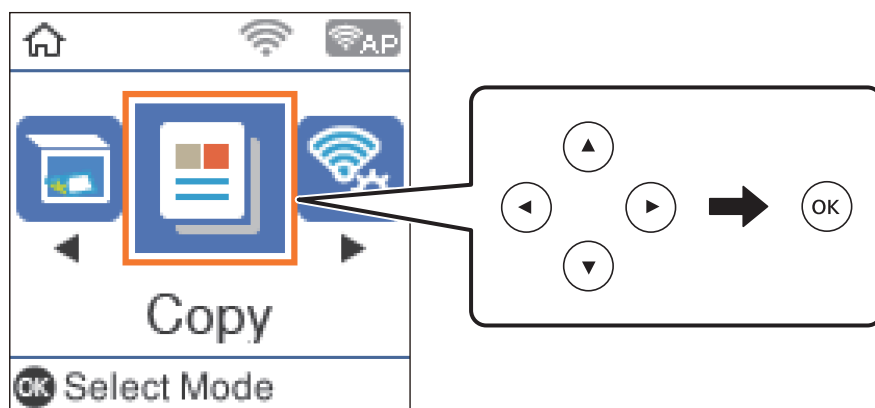
2. Đặt bản gốc vào.

Lưu ý:

Khi bản gốc được đặt trong ADF, ADF được hiển thị trên bảng điều khiển. Khi bạn bắt đầu sao chép, bản gốc được sao chép từ ADF ngay cả khi có bản gốc trên kính máy quét.

3. Chọn **Sao chụp** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.



4. Đặt số bản sao.

5. Chọn bản sao màu hoặc đen trắng.

6. Nhấn nút OK để hiển thị và kiểm tra cài đặt in. Để thay đổi cài đặt, nhấn nút ▼, chọn mục cài đặt và thay đổi cài đặt. Khi bạn đã hoàn tất, nhấn nút OK.

Lưu ý:

Nếu bạn muốn sao chụp bằng cách thu nhỏ hoặc phóng to kích thước tài liệu theo một tỷ lệ phần trăm cụ thể, chọn một mục bất kỳ khác với **Tự khớp** cho cài đặt **Thu nhỏ/Phóng to**. Chọn một tỷ lệ trong **K.thước tùy chỉnh**.

7. Nhấn nút ◊.

Thông tin liên quan

- ➡ “Nạp trang” ở trang 44
- ➡ “Đặt bản gốc” ở trang 50
- ➡ “Tùy chọn menu cho sao chụp” ở trang 109

Sao chụp trên 2 mặt

1. Chọn **Sao chụp** trên màn hình chính.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.
2. Nhấn nút OK để hiển thị cài đặt in, sau đó nhấn nút ▼.
3. Chọn **1>2 mặt** làm cài đặt **2 mặt**, sau đó nhấn nút OK.
4. Chọn hướng của bản gốc cho cài đặt **Định hướng tài liệu**, và sau đó nhấn nút OK.
5. Chọn hướng đóng sách cho cài đặt **Liên kết (Bảo sao)**, và sau đó nhấn nút OK.
6. Kiểm tra các mục cài đặt in khác và thay đổi chúng nếu cần thiết, và sau đó nhấn nút OK.
7. Nhấn nút ⬠.

Sao chụp nhiều bản gốc trên một tờ

1. Chọn **Sao chụp** trên màn hình chính.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.
2. Nhấn nút OK để hiển thị cài đặt in, sau đó nhấn nút ▼.
3. Chọn **2 trang trên một mặt** làm cài đặt **Nhiều trang**, sau đó nhấn nút OK.
4. Chọn thứ tự bố trí cho cài đặt **Trình tự bố trí**, và sau đó nhấn nút OK.
5. Chọn hướng của bản gốc cho cài đặt **Định hướng tài liệu**, và sau đó nhấn nút OK.
6. Kiểm tra các mục cài đặt in khác, thay đổi chúng nếu cần thiết, và sau đó nhấn nút OK.
7. Nhấn nút ⬠.

Tùy chọn menu cho sao chụp

Lưu ý:

Các menu sẵn có thay đổi tùy theo bố trí bạn đã chọn.

Số bản sao:

Nhập số bản sao.

Màu:

Sao chụp bản gốc ở chế độ màu.

Đen trắng:

Sao chụp bản gốc ở chế độ đen trắng (đơn sắc).

2 mặt:

☐ 1>1 mặt

Sao chụp một mặt bản gốc trên một mặt giấy.

☐ 1>2 mặt

Sao chụp hai bản gốc một mặt trên cả hai mặt của một tờ giấy riêng. Chọn hướng của bản gốc và vị trí đóng sách của giấy.

Mật độ:

Tăng mức mật độ khi kết quả sao chụp bị mờ. Giảm mức mật độ khi mực bị nhòe.

Cài đặt giấy:

Đặt kích thước và loại giấy bạn đã nạp vào máy in.

Thu nhỏ/Phóng to:

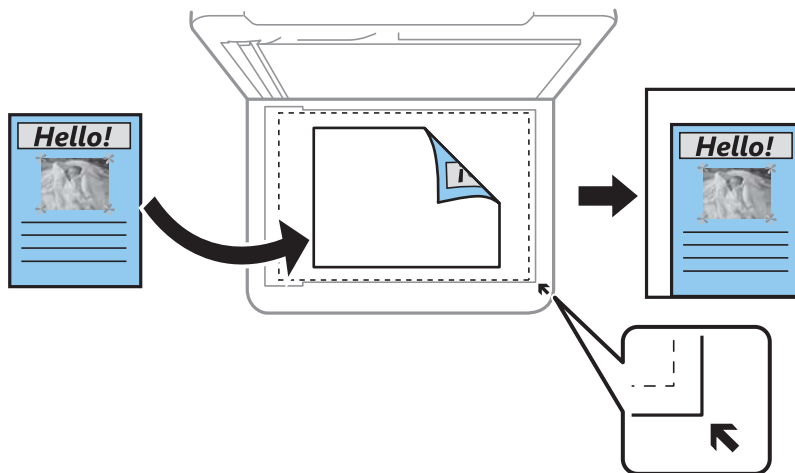
Phóng to hoặc thu nhỏ bản gốc.

☐ K.thước thực

Sao chụp ở mức độ thu phóng 100%.

☐ Tự khớp

Phát hiện khu vực quét và tự động phóng to hoặc thu nhỏ bản gốc để vừa với khổ giấy bạn đã chọn. Khi có lề trắng xung quanh bản gốc, lề trắng từ dấu góc của kính máy scan được phát hiện là khu vực quét nhưng lề ở phía đối diện có thể bị cắt.



☐ Tùy chỉnh

Chọn để chỉ định mức độ thu phóng để phóng to hoặc thu nhỏ bản gốc.

K.thước tùy chỉnh:

Chỉ định mức độ thu phóng được sử dụng để phóng to hoặc thu nhỏ bản gốc trong phạm vi từ 25 tới 400%.

Kích thước bản gốc:

Chọn khổ của bản gốc. Khi sao chụp bản gốc có kích thước không tiêu chuẩn, hãy chọn kích thước gần với bản gốc nhất.

Nhiều trang:

☐ Trang đơn

Sao chụp bản gốc một mặt trên một tờ giấy riêng.

☐ 2 trang trên một mặt

Sao chụp hai bản gốc một mặt trên một tờ giấy riêng với kiểu bố trí 2 trang/tờ. Chọn thứ tự bố trí và hướng của bản gốc.

Chất lượng:

Chọn chất lượng in. **Nháp** cho phép in nhanh hơn, nhưng bản in có thể bị mờ nhạt. **Tốt nhất** cho phép in chất lượng cao hơn, nhưng tốc độ in có thể chậm hơn.

Với người dùng ở Tây Âu, chế độ nháp không khả dụng.

Sao chụp Thẻ ID:

Quét cả hai mặt của thẻ ID và sao chép vào một mặt của trang giấy A4.

Sao chụp không viền:

Sao chép không có lề quanh mép. Hình được phóng to một ít để xóa lề khỏi các mép giấy. Chọn mức độ phóng to trong cài đặt **Phóng to**.

Phóng to:

Với việc sao chụp không có đường viền, hình ảnh được phóng to một chút để xóa viền khỏi các mép giấy. Chọn mức độ phóng to hình ảnh.

Quét ảnh

Quét bằng bảng điều khiển

Bạn có thể gửi hình ảnh đã quét từ bảng điều khiển của máy in tới các đích sau.

Với máy tính (JPEG)/Với máy tính (PDF)/Với máy tính (Email)/Với máy tính (T.chỉnh)

Bạn có thể lưu hình ảnh đã quét vào máy tính được kết nối với máy in. Trước khi quét, hãy cài đặt Epson Scan 2 và Epson Event Manager trên máy tính của bạn.

Vào WSD

Bạn có thể lưu hình ảnh đã quét vào máy tính được kết nối với máy in bằng tính năng WSD. Nếu đang sử dụng Windows 7/Windows Vista, bạn cần thực hiện cài đặt WSD trên máy tính trước khi quét.

Thông tin liên quan

➔ “Quét vào máy tính” ở trang 112

➔ “Quét bằng WSD” ở trang 116

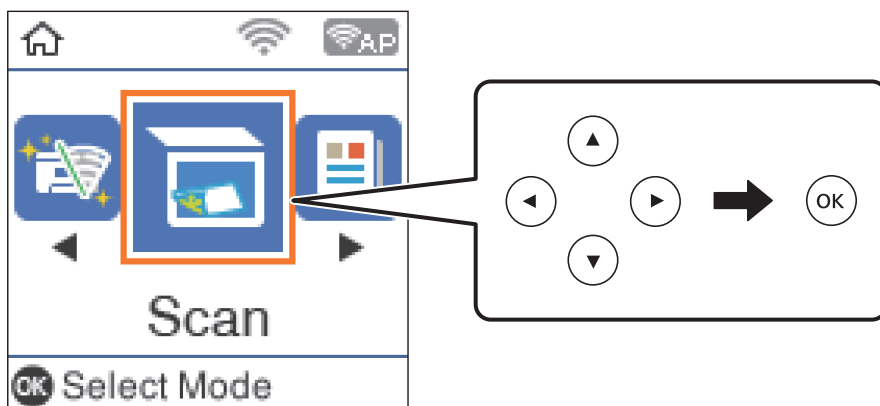
Quét vào máy tính

Lưu ý:

Trước khi quét, hãy cài đặt Epson Scan 2 và Epson Event Manager trên máy tính của bạn.

1. Đặt bản gốc vào.
2. Chọn **Scan** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲▼◀▶, và sau đó nhấn nút OK.



3. Chọn cách lưu hình ảnh đã quét vào máy tính từ các menu, sau đó nhấn nút OK.
 - ☐ **Với máy tính (JPEG):** lưu hình đã quét ở định dạng JPEG.
 - ☐ **Với máy tính (PDF):** lưu hình đã quét ở định dạng PDF.
 - ☐ **Với máy tính (Email):** bắt đầu ứng dụng email trên máy tính, và sau đó đính kèm hình đó vào email.

- ☐ **Với máy tính (T.chính):** lưu hình đã quét theo các cài đặt trên Epson Event Manager. Bạn có thể thay đổi cài đặt quét như kích thước quét, thư mục để lưu vào hoặc định dạng lưu.

4. Chọn máy tính bạn muốn lưu ảnh quét.

Lưu ý:

- ☐ Bạn có thể thay đổi các cài đặt quét như kích cỡ quét, thư mục lưu trữ hoặc định dạng lưu bằng cách sử dụng Epson Event Manager.
- ☐ Khi máy in được kết nối với mạng, bạn có thể chọn máy tính mà bạn muốn lưu hình ảnh đã quét. Bạn có thể hiển thị tới 20 máy tính trên bảng điều khiển của máy in. Nếu bạn đặt **Network Scan Name (Alphanumeric)** trên Epson Event Manager, tên này được hiển thị trên bảng điều khiển.

5. Nhấn nút .

Thông tin liên quan

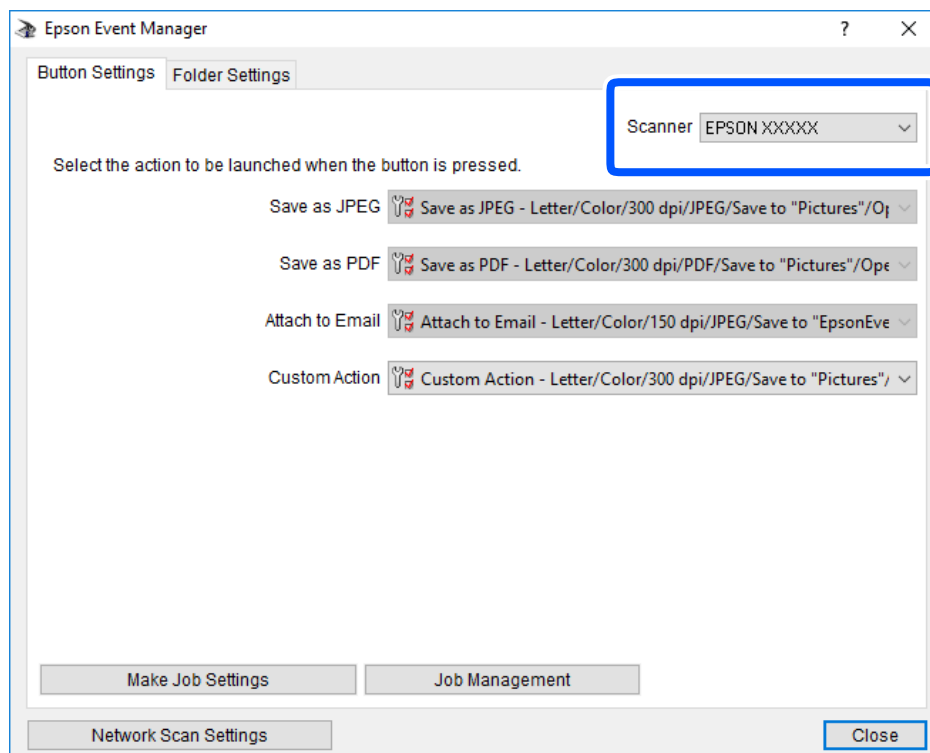
➡ [“Đặt bản gốc” ở trang 50](#)

Thực hiện cài đặt tùy chỉnh trong Epson Event Manager

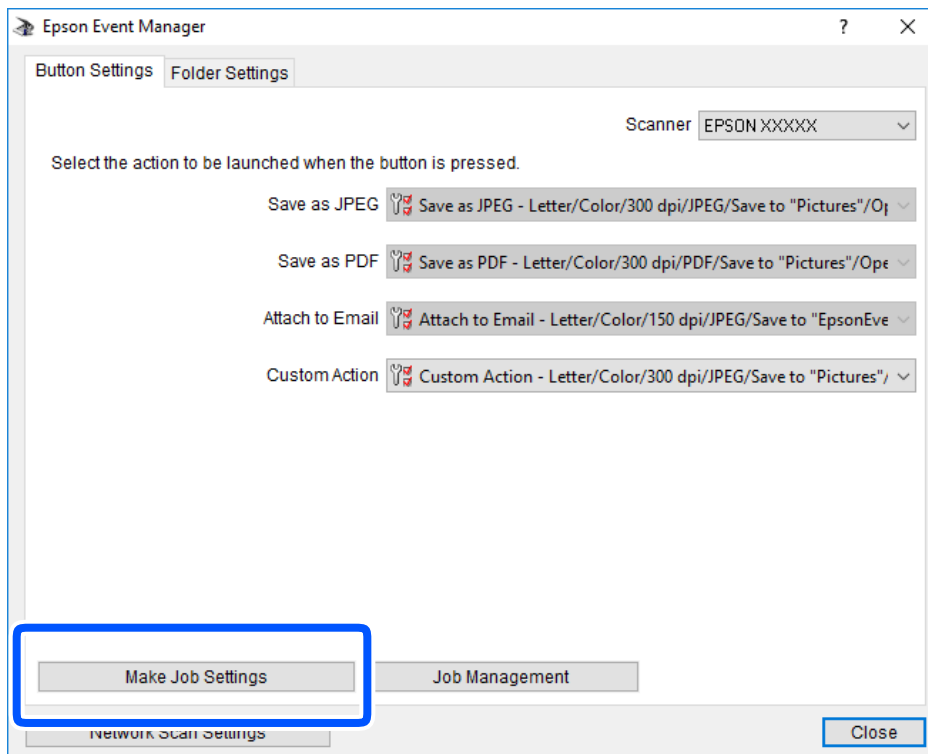
Bạn có thể đặt cài đặt quét cho **Với máy tính (T.chính)** trong Epson Event Manager.

Xem trợ giúp Epson Event Manager để biết chi tiết.

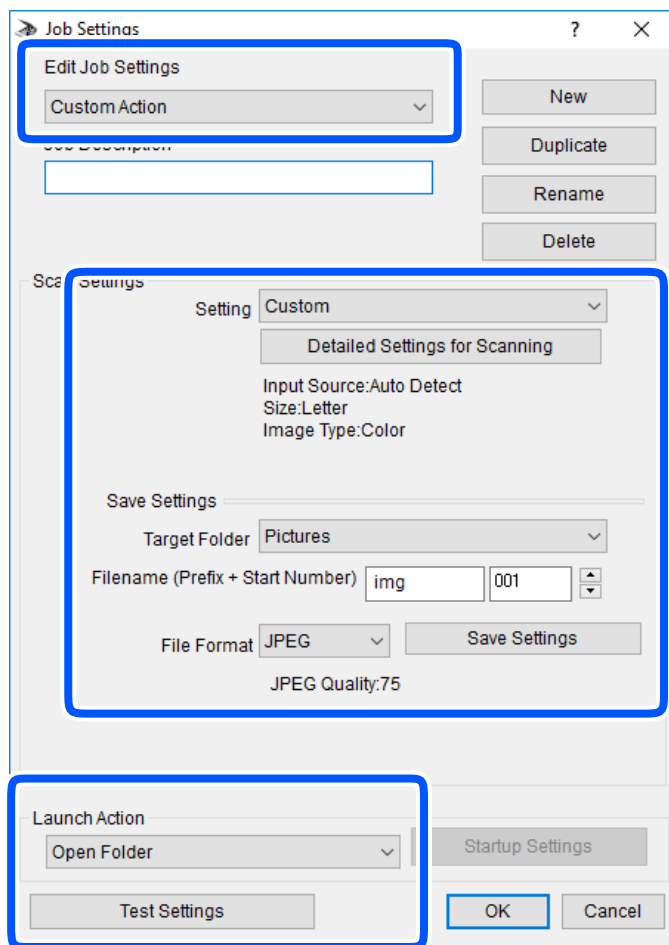
- Khởi động Epson Event Manager.
- Đảm bảo rằng máy quét của bạn được chọn làm **Scanner** trên tab **Button Settings** trên màn hình chính.



3. Nhấp vào **Make Job Settings**.



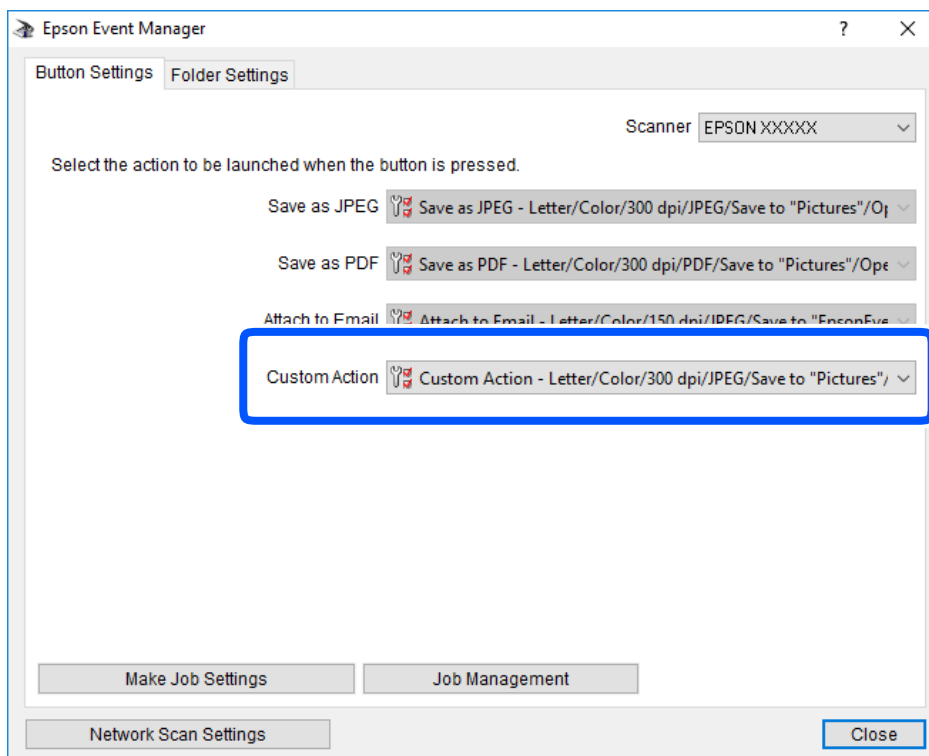
4. Thực hiện cài đặt quét trên màn hình **Job Settings**.



- ☐ Edit Job Settings: chọn **Custom Action**.
- ☐ Setting: quét bằng cài đặt thích hợp nhất cho loại bản gốc đã chọn. Nhấp vào **Detailed Settings for Scanning** để đặt các mục như độ phân giải hoặc màu để lưu hình ảnh đã quét.
- ☐ Target Folder: chọn thư mục lưu cho hình ảnh đã quét.
- ☐ Filename (Prefix + Start Number): thay đổi cài đặt cho tên tệp mà bạn muốn lưu.
- ☐ File Format: chọn định dạng lưu.
- ☐ Launch Action: chọn tác vụ khi quét.
- ☐ Test Settings: bắt đầu quét thử bằng cài đặt hiện tại.

5. Nhấp vào **OK** để quay lại màn hình chính.

6. Đảm bảo rằng **Custom Action** được chọn trên danh sách **Custom Action**.



7. Nhấp vào **Close** để đóng Epson Event Manager.

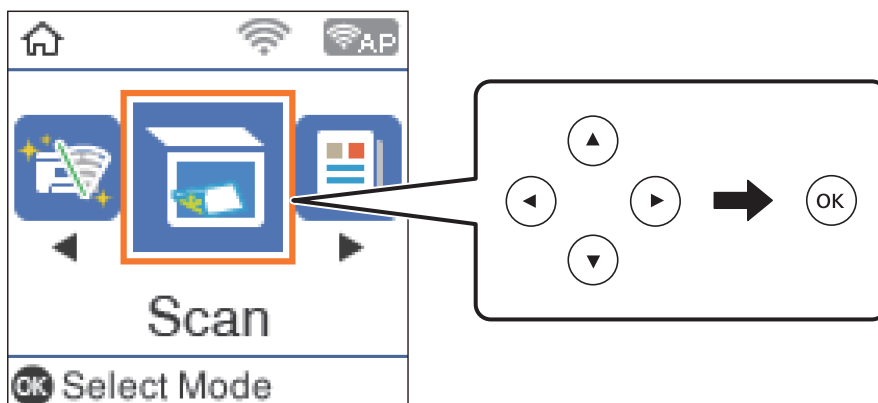
Quét bằng WSD

Lưu ý:

- ☐ Tính năng này chỉ có sẵn đối với máy tính chạy Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Vista.
- ☐ Nếu đang dùng Windows 7/Windows Vista, bạn cần thiết lập máy tính trước bằng tính năng này.

- Đặt bản gốc vào.
- Chọn **Scan** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.



3. Chọn **Vào WSD**.
4. Chọn máy tính.
5. Nhấn nút .

Thông tin liên quan

➡ “Đặt bản gốc” ở trang 50

Thiết lập cổng WSD

Phần này giải thích cách thiết lập cổng WSD cho Windows 7/Windows Vista.

Lưu ý:

Đối với Windows 10/Windows 8.1/Windows 8, cổng WSD được thiết lập tự động.

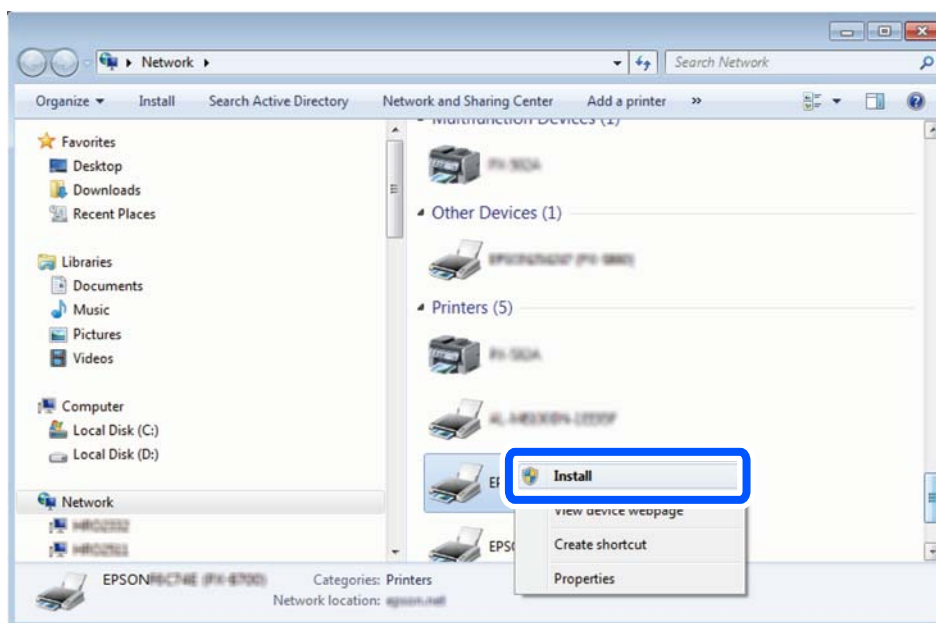
Phần sau cần thiết để thiết lập cổng WSD.

- ☐ Máy tính và máy in được kết nối với mạng.
- ☐ Trình điều khiển máy in được cài đặt trên máy tính.

1. Bật máy in.
2. Nhấp vào bắt đầu và sau đó nhấp vào **Mạng** trên máy tính.
3. Nhấp chuột phải vào máy in và sau đó nhấp vào **Cài đặt**.

Nhấp vào **Tiếp tục** khi màn hình **Kiểm soát tài khoản người dùng** được hiển thị.

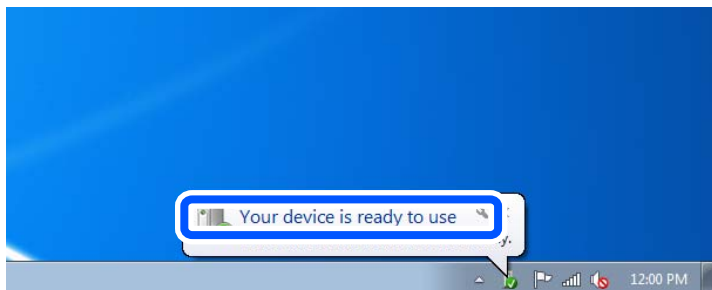
Nhấp vào **Gỡ cài đặt** và bắt đầu lại nếu màn hình **Gỡ cài đặt** được hiển thị.



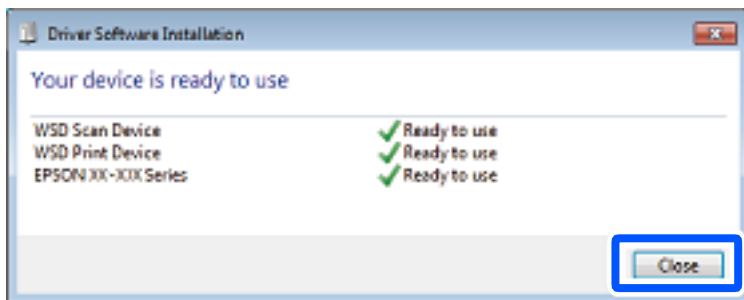
Lưu ý:

Tên máy in mà bạn đặt trên mạng và tên model (EPSON XXXXXX (XX-XXXX)) được hiển thị trên màn hình mạng. Bạn có thể kiểm tra tên máy in được đặt trên mạng từ bảng điều khiển của máy in hoặc bằng cách in tờ tình trạng mạng.

4. Nhấp vào **Thiết bị** của bạn đã sẵn sàng sử dụng.



5. Xem thông báo và sau đó nhấp vào **Đóng**.



6. Mở màn hình **Thiết bị** và **Máy in**.

☐ Windows 7

Nhấp vào bắt đầu > **Bảng điều khiển** > **Phần cứng và Âm thanh** (hoặc **Phần cứng**) > **Thiết bị** và **Máy in**.

☐ Windows Vista

Nhấp vào bắt đầu > **Bảng điều khiển** > **Phần cứng và Âm thanh** > **Máy in**.

7. Kiểm tra xem biểu tượng có tên máy in trên mạng có được hiển thị không.

Chọn tên máy in khi sử dụng với WSD.

Quét từ máy tính

Quét bằng Epson Scan 2

Bạn có thể quét bằng cách sử dụng trình điều khiển máy quét "Epson Scan 2". Xem trợ giúp Epson Scan 2 để biết giải thích cho từng mục cài đặt.

Quét tài liệu (Chế độ tài liệu)

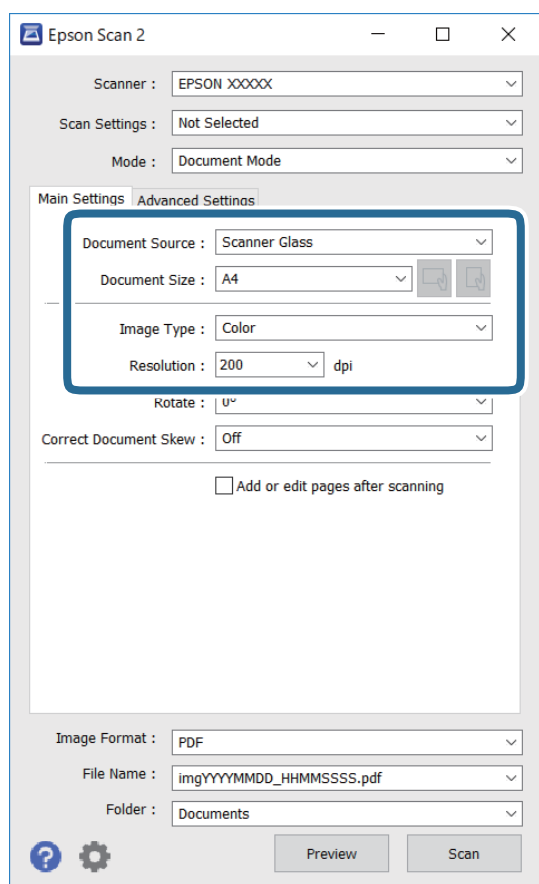
Sử dụng **Chế độ tài liệu** trong Epson Scan 2, bạn có thể quét bản gốc bằng cách sử dụng cài đặt chi tiết thích hợp cho tài liệu văn bản.

1. Đặt bản gốc vào.

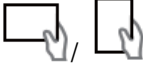
Lưu ý:

Nếu bạn muốn quét nhiều bản gốc, hãy đặt chúng lên ADF.

2. Khởi động Epson Scan 2.
3. Chọn **Chế độ tài liệu** từ danh sách **Chế độ**.
4. Đặt các thiết lập sau trên thẻ **Cài đặt chính**.



- ❑ Nguồn tài liệu: Chọn nguồn nơi đặt bản gốc.
- ❑ Kích thước tài liệu: Chọn kích thước của bản gốc bạn đã đặt.

- ❑ Các nút  (hướng ban đầu): Chọn hướng đã thiết lập của bản gốc bạn đã đặt. Tùy thuộc vào kích thước của bản gốc, mục này có thể được thiết lập tự động và không thể thay đổi.
- ❑ Kiểu hình: Chọn màu để lưu hình ảnh đã quét.
- ❑ Độ phân giải: Chọn độ phân giải.

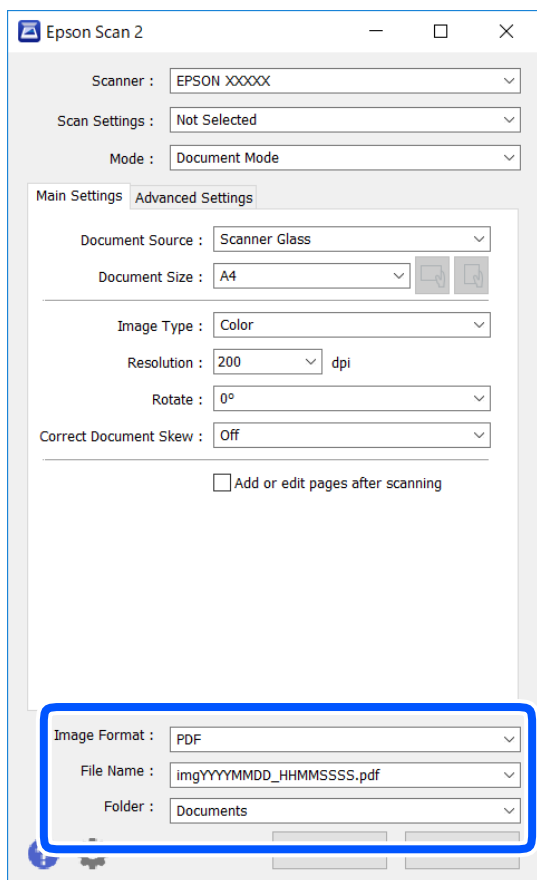
5. Đặt cài đặt quét khác nếu cần thiết.

- ☐ Bạn có thể xem trước hình ảnh đã quét bằng cách nhấp vào nút **Xem trước**. Cửa sổ xem trước mở ra và hình ảnh xem trước được hiển thị.
Khi bạn xem trước bằng ADF, bản gốc được đẩy ra từ ADF. Đặt lại bản gốc đã đẩy ra.
- ☐ Trên thẻ **Cài đặt nâng cao**, bạn có thể thực hiện cài đặt điều chỉnh hình ảnh chi tiết thích hợp cho tài liệu văn bản như sau.
 - ☐ Loại bỏ phông nền: Xóa nền của bản gốc.
 - ☐ Cải Tiến Văn Bản: Bạn có thể làm chữ cái mờ trong bản gốc rõ và sắc nét.
 - ☐ Phân Đoạn Vùng Tự Động: Bạn có thể làm chữ cái rõ nét và hình ảnh mượt mà khi thực hiện quét đen trắng cho tài liệu có hình ảnh.
 - ☐ Tăng cường màu: Bạn có thể tăng cường màu sắc được chỉ định cho hình ảnh quét, sau đó lưu hình ảnh bằng màu xám hoặc đen trắng.
 - ☐ Độ sáng: Bạn có thể điều chỉnh độ sáng của hình ảnh đã quét.
 - ☐ Độ t.phản: Bạn có thể điều chỉnh độ tương phản của hình ảnh đã quét.
 - ☐ Gamma: Bạn có thể điều chỉnh gamma (độ sáng của vùng trung gian) cho hình ảnh đã quét.
 - ☐ Ngưỡng: Bạn có thể điều chỉnh đường viền cho hai màu đơn sắc (đen và trắng).
 - ☐ Mặt nạ ko sắc nét: Bạn có thể cải thiện và làm sắc nét đường viền của hình ảnh.
 - ☐ Xóa tram: Bạn có thể xóa mẫu vân sóng (bóng giống web) xuất hiện khi quét giấy in như tạp chí.
 - ☐ Lấp kín cạnh: Bạn có thể xóa bóng được tạo xung quanh hình ảnh đã quét.
 - ☐ Đầu ra hình kép (Chỉ Windows): Bạn có thể quét một lần và lưu hai hình ảnh với các cài đặt đầu ra khác nhau cùng một lúc.

Lưu ý:

Các mục có thể không khả dụng tùy vào các cài đặt khác bạn thực hiện.

6. Đặt cài đặt lưu tệp.



- ☐ Định dạng hình: Chọn định dạng lưu từ danh sách.

Bạn có thể thực hiện cài đặt chi tiết cho mỗi định dạng lưu trừ BITMAP và PNG. Chọn **Tùy chọn** từ danh sách sau khi chọn định dạng lưu.

- ☐ Tên file: Xác nhận tên tệp lưu được hiển thị.

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho tên tệp bằng cách chọn **Cài đặt** từ danh sách.

- ☐ Thư mục: Chọn thư mục lưu cho hình ảnh đã quét từ danh sách.

Bạn có thể chọn thư mục khác hoặc tạo thư mục mới bằng cách chọn **Chọn** từ danh sách.

7. Nhấp vào **Scan**.

Thông tin liên quan

➔ [“Đặt bản gốc” ở trang 50](#)

Quét ảnh hoặc hình ảnh (Chế độ ảnh)

Sử dụng **Chế độ ảnh** trong Epson Scan 2, bạn có thể quét bản gốc có nhiều tính năng điều chỉnh hình ảnh thích hợp cho ảnh hoặc hình ảnh.

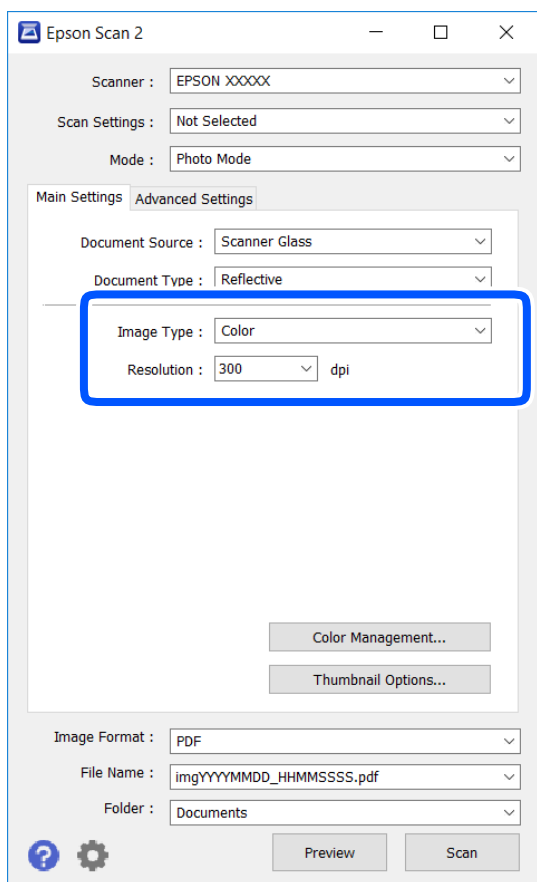
1. Đặt bản gốc vào.

Bằng cách đặt nhiều bản gốc lên kính máy quét, bạn có thể quét tất cả bản gốc cùng lúc. Đảm bảo khoảng cách giữa các bản gốc ít nhất là 20 mm.

Lưu ý:

Bạn không thể dùng ADF khi quét từ **Chế độ ảnh**.

2. Khởi động Epson Scan 2.
3. Chọn **Chế độ ảnh** từ danh sách **Chế độ**.
4. Đặt các thiết lập sau trên thẻ **Cài đặt chính**.



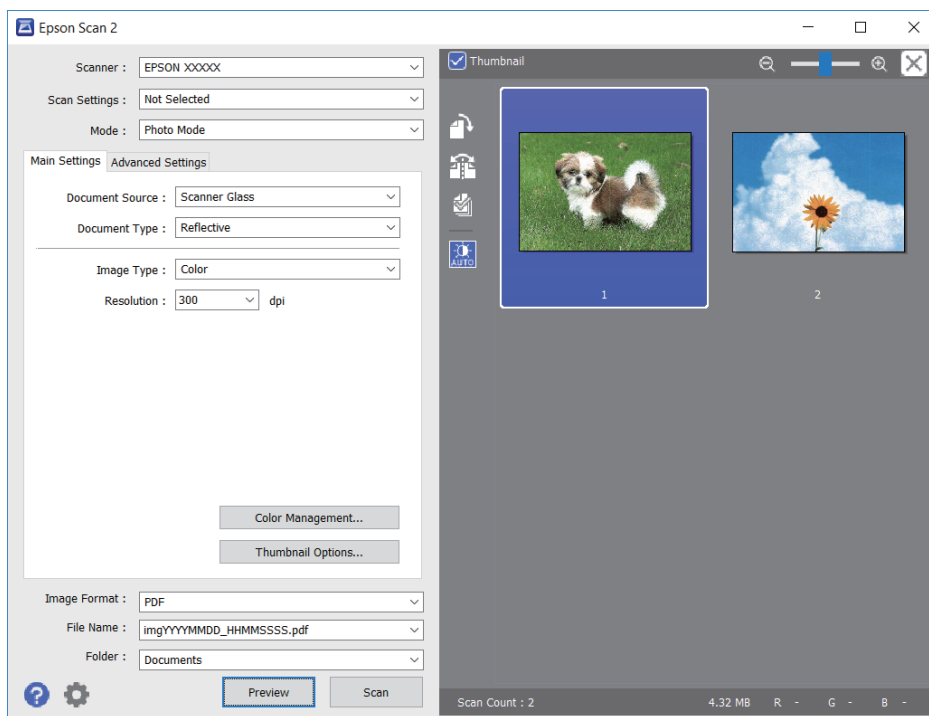
- ☐ Kiểu hình: Chọn màu để lưu hình ảnh đã quét.
- ☐ Độ phân giải: Chọn độ phân giải.

Lưu ý:

Cài đặt **Nguồn tài liệu** được cố định là **Mặt kính máy scan** và cài đặt **Loại tài liệu** được cố định là **Phản chiếu**. (Phản chiếu nghĩa là bản gốc không trong suốt, ví dụ như giấy thường hoặc ảnh.) Bạn không thể thay đổi các cài đặt này.

5. Nhấp vào **Xem trước**.

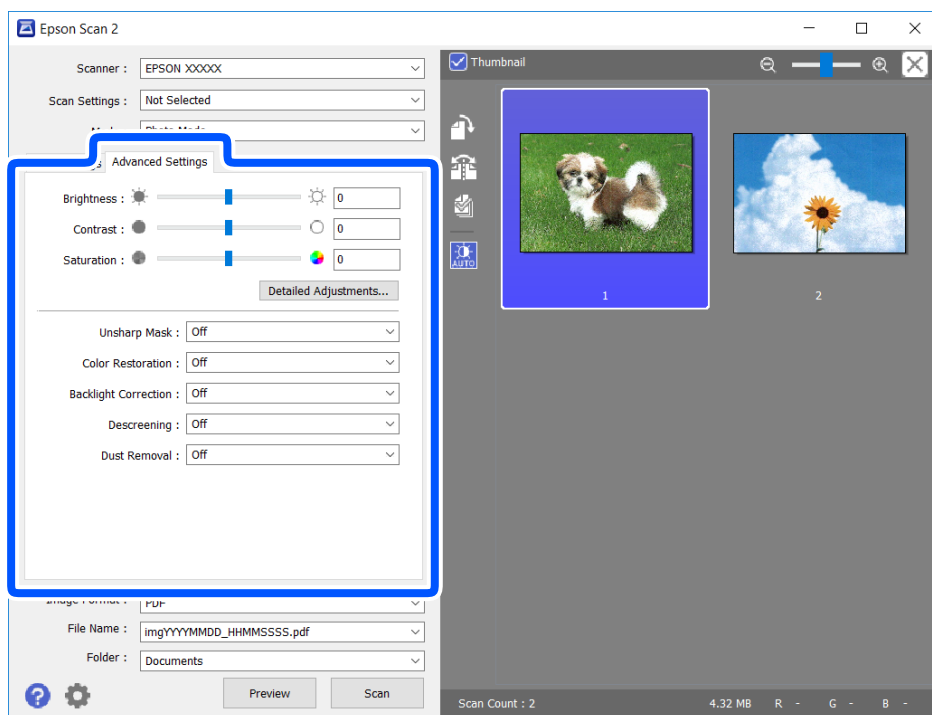
Cửa sổ xem trước mở ra và hình ảnh xem trước được hiển thị dưới dạng hình thu nhỏ.



Lưu ý:

Để xem trước toàn bộ khu vực đã quét, hãy bỏ chọn hộp kiểm **Hình thu nhỏ** ở đầu cửa sổ xem trước.

6. Xác nhận bản xem trước và thực hiện cài đặt điều chỉnh hình ảnh trên thẻ **Cài đặt nâng cao** nếu cần thiết.



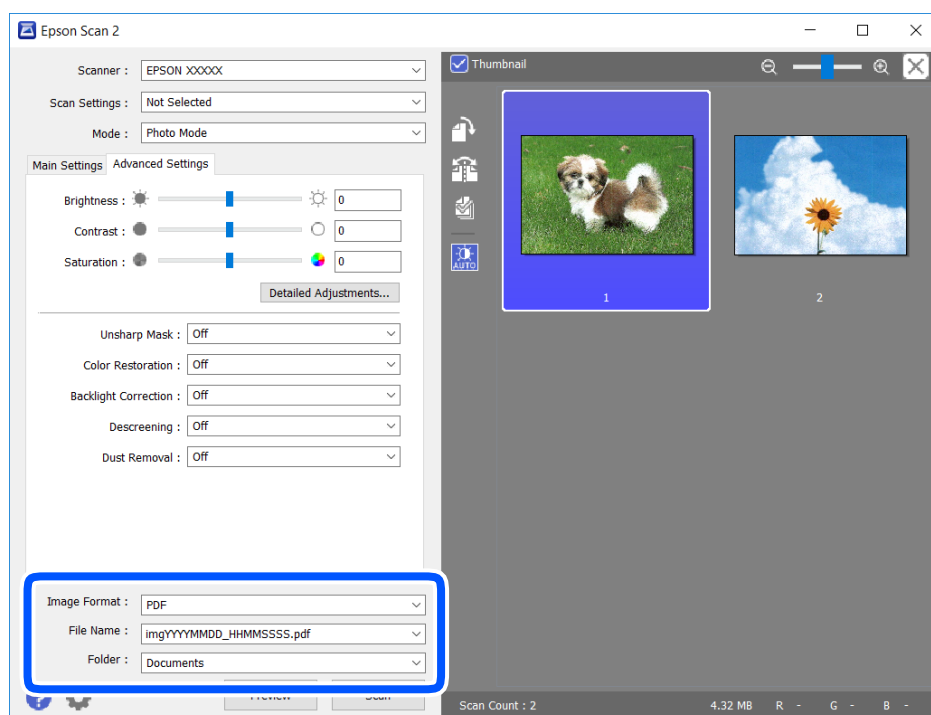
Bạn có thể điều chỉnh hình ảnh đã quét bằng cài đặt chi tiết thích hợp cho ảnh hoặc hình ảnh như sau.

- ☐ Độ sáng: Bạn có thể điều chỉnh độ sáng cho hình ảnh đã quét.
- ☐ Độ t.phản: Bạn có thể điều chỉnh độ tương phản cho hình ảnh đã quét.
- ☐ Độ bão hòa: Bạn có thể điều chỉnh độ bão hòa (độ sống động của màu sắc) của hình ảnh đã quét.
- ☐ Mặt nạ ko sắc nét: Bạn có thể cải thiện và làm sắc nét đường viền của hình ảnh đã quét.
- ☐ Phục hồi màu: Bạn có thể sửa hình ảnh bị mờ để đưa chúng trở về màu gốc.
- ☐ Hiệu chỉnh đèn nền: Bạn có thể làm sáng hình ảnh đã quét bị tối do ngược sáng.
- ☐ Xóa tram: Bạn có thể xóa mẫu vân sóng (bóng giống web) xuất hiện khi quét giấy in như tạp chí.
- ☐ Khử bụi: Bạn có thể loại bỏ bụi trên hình ảnh đã quét.

Lưu ý:

- ☐ Các mục có thể không khả dụng tùy vào các cài đặt khác bạn thực hiện.
- ☐ Tùy thuộc vào bản gốc, hình ảnh đã quét có thể không được điều chỉnh đúng cách.
- ☐ Khi nhiều hình thu nhỏ được tạo, bạn có thể điều chỉnh chất lượng hình ảnh của mỗi hình thu nhỏ. Tùy vào mục điều chỉnh, bạn có thể điều chỉnh chất lượng của hình ảnh đã quét cùng lúc bằng cách chọn nhiều hình thu nhỏ.

7. Đặt cài đặt lưu tệp.



- ☐ Đ.dạng hình: Chọn định dạng lưu từ danh sách.
Bạn có thể thực hiện cài đặt chi tiết cho mỗi định dạng lưu trừ BITMAP và PNG. Chọn **Tùy chọn** từ danh sách sau khi chọn định dạng lưu.
- ☐ Tên file: Xác nhận tên lưu tệp hiển thị.
Bạn có thể thay đổi cài đặt cho tên tệp bằng cách chọn **Cài đặt** từ danh sách.
- ☐ Thư mục: Chọn thư mục lưu cho hình ảnh đã quét từ danh sách.
Bạn có thể chọn thư mục khác hoặc tạo thư mục mới bằng cách chọn **Chọn** từ danh sách.

8. Nhấp vào **Scan**.

Thông tin liên quan

➔ “Đặt bản gốc” ở trang 50

Quét từ thiết bị thông minh

Epson iPrint là ứng dụng cho phép bạn quét ảnh và tài liệu từ thiết bị thông minh, như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng, được kết nối với cùng mạng không dây với máy in của bạn. Bạn có thể lưu dữ liệu quét lên thiết bị thông minh hoặc các dịch vụ điện toán đám mây, gửi bằng email hoặc in.

Nếu bạn khởi động Epson iPrint khi máy in không kết nối với mạng, thông báo được hiển thị hướng dẫn cho bạn cách kết nối với máy in. Thực hiện theo hướng dẫn để hoàn thành kết nối. Xem URL bên dưới để biết điều kiện vận hành.

<http://epson.sn>



Cài đặt Epson iPrint

Bạn có thể cài đặt Epson iPrint lên thiết bị thông minh của bạn từ URL sau hoặc mã QR.

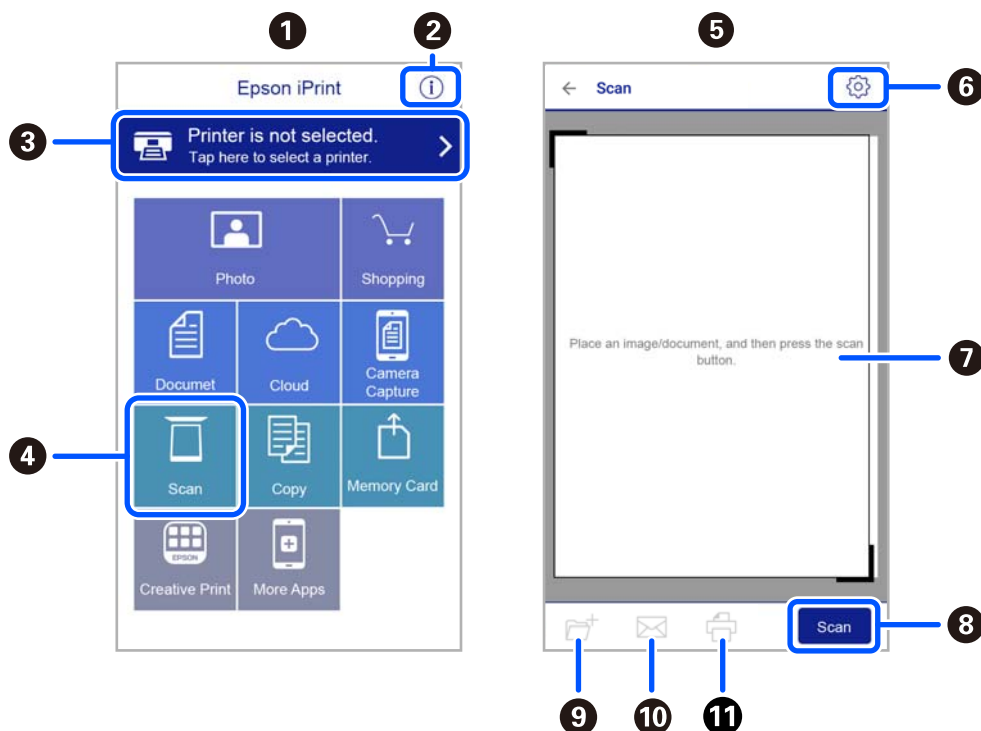
<http://ipr.to/c>



Quét bằng Epson iPrint

Bắt đầu Epson iPrint từ thiết bị thông minh của bạn và chọn mục bạn muốn sử dụng từ màn hình chính.

Các màn hình sau có thể thay đổi mà không có thông báo.



❶	Màn hình chính được hiển thị khi ứng dụng bắt đầu.
❷	Hiển thị thông tin về cách thiết lập máy in và Câu hỏi thường gặp.
❸	Hiển thị màn hình mà ở đó bạn có thể chọn máy in và đặt các cài đặt máy in. Sau khi bạn đã chọn máy in, bạn không cần chọn lại từ lần tiếp theo.
❹	Hiển thị màn hình quét.
❺	Màn hình quét được hiển thị khi menu quét được chọn.
❻	Hiển thị màn hình mà ở đó bạn có thể đặt các thiết lập quét như độ phân giải.
❼	Hiển thị ảnh quét.
❽	Bắt đầu quét.
❾	Hiển thị màn hình mà ở đó bạn có thể lưu dữ liệu quét ra thiết bị thông minh hoặc các dịch vụ điện toán đám mây.
❿	Hiển thị màn hình mà ở đó bạn có thể gửi dữ liệu quét bằng email.
⓫	Hiển thị màn hình mà ở đó bạn có thể in dữ liệu quét.

Fax

Trước khi sử dụng các tính năng fax

Kiểm tra các mục sau trước khi bắt đầu sử dụng các tính năng fax.

- ☐ Máy in và đường điện thoại, và (nếu cần) máy điện thoại được kết nối đúng cách
- ☐ Cài đặt fax cơ bản (Thuật sĩ cài đặt fax) đã hoàn thành
- ☐ Các Cài đặt fax cần thiết khác đã hoàn thành

Xem "Thông tin liên quan" bên dưới để thực hiện cài đặt.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt fax” ở trang 65](#)

Gửi fax bằng bảng máy in

Gửi fax bằng bảng điều khiển

Thông tin liên quan

➔ [“Gửi fax tự động bằng bảng điều khiển” ở trang 127](#)

Gửi fax tự động bằng bảng điều khiển

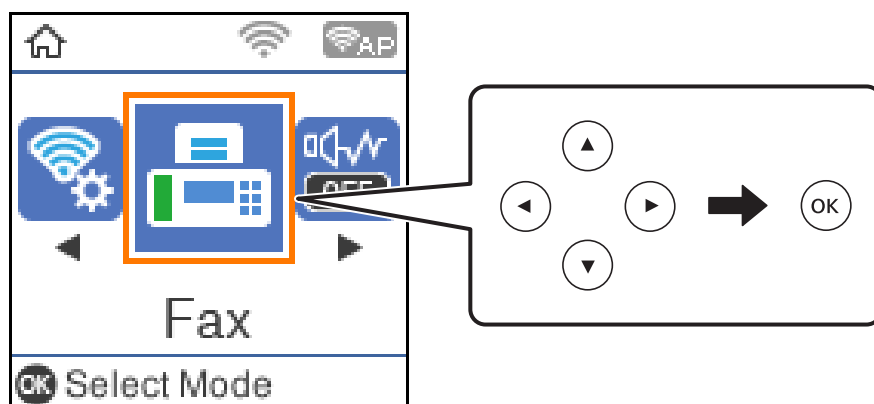
Bạn có thể gửi fax bằng cách nhập số fax cho những người nhận trên bảng điều khiển.

1. Đặt bản gốc vào.

Bạn có thể gửi đến 100 trang trong một lần truyền; tuy nhiên, tùy vào dung lượng bộ nhớ còn lại, bạn có thể không gửi được fax ngay cả khi ít hơn 100 trang.

2. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.



3. Chỉ định người nhận.

Bạn có thể gửi cùng một bản fax đơn sắc đến tối đa 100 người nhận. Tuy nhiên, bạn chỉ có thể gửi một fax màu tới một người nhận mỗi lần.

☐ Để nhập thủ công: nhấn số fax bằng các nút số, sau đó nhấn nút OK.

- Để thêm tạm dừng (tạm dừng trong ba giây khi quay số), nhấn nút ▼.

- Nếu bạn đã thiết lập mã truy cập ra bên ngoài trong **Loại dòng**, nhập "#" (dấu thăng) thay vì mã truy cập ra bên ngoài thực sự ở đầu số fax.

Lưu ý:

Nếu bạn không thể nhập theo cách thủ công số fax, **Giới hạn gọi điện trực tiếp** trong **Cài đặt bảo mật** được thiết lập là **Bật**. Chọn người nhận fax từ danh sách liên hệ hoặc lịch sử gửi fax.

☐ Để chọn từ danh bạ: nhấn nút ▲ và chọn người nhận bạn muốn gửi tới. Nếu người nhận bạn muốn gửi đến chưa được đăng ký **Danh bạ**, hãy đăng ký người nhận trong **Trình quản lý Danh bạ**.

Fax > Menu > Trình quản lý Danh bạ

☐ Để chọn từ lịch sử fax đã gửi: nhấn nút ▼, và sau đó chọn người nhận.

Lưu ý:

Để xóa người nhận bạn đã nhập, nhấn nút ▶ trên màn hình **Fax**, chọn người nhận, rồi nhấn nút OK. Nhấn nút ↶ để kết thúc và quay lại màn hình **Fax**.

4. Nhấn nút OK, sau đó chọn **Cài đặt quét** hoặc **Cài đặt gửi fax** để thực hiện các cài đặt như độ phân giải và phương thức gửi nếu cần.

5. Nhấn nút ↶ cho đến khi bạn quay lại màn hình **Fax**, sau đó nhấn nút ◇ để gửi fax.

6. Khi gửi xong, hãy lấy bản gốc ra.

Lưu ý:

☐ Nếu số fax bạn hoặc gặp sự cố nào đó, máy in sẽ tự động gọi lại sau một phút.

☐ Để hủy gửi fax, bấm nút ⊗.

☐ Thời gian để gửi fax màu lâu hơn vì máy in thực hiện việc quét và gửi đồng thời. Trong khi máy in đang gửi fax màu, bạn không thể sử dụng các tính năng khác.

Thông tin liên quan

- ➔ “Quản lý danh bạ” ở trang 54
- ➔ “Đặt bản gốc” ở trang 50
- ➔ “Tùy chọn menu cho fax” ở trang 134

Gửi fax bằng cách quay số từ thiết bị điện thoại bên ngoài

Bạn có thể gửi fax bằng cách quay số từ điện thoại kết nối khi bạn muốn nói chuyện qua điện thoại trước khi gửi fax, hoặc khi máy fax của người nhận không tự động chuyển sang chế độ fax.

1. Đặt bản gốc vào.

Bạn có thể gửi đến 100 trang trong một lần truyền.

2. Nhấc ống nghe điện thoại đã kết nối rồi gọi đến số fax của người nhận bằng điện thoại.

Lưu ý:

Khi người nhận trả lời điện thoại, bạn có thể nói chuyện với người nhận.

3. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

4. Nhấn nút OK, sau đó chọn **Cài đặt quét** hoặc **Cài đặt gửi fax** để thực hiện các cài đặt như độ phân giải và phương thức gửi nếu cần.

5. Khi bạn nghe thấy âm fax, bấm nút ◊ và sau đó gác ống nghe điện thoại.

Lưu ý:

Khi quay đến một số bằng điện thoại kết nối, thời gian để gửi fax lâu hơn vì máy in thực hiện việc quét và gửi đồng thời. Khi gửi fax, bạn không thể sử dụng các tính năng khác.

6. Khi gửi xong, hãy lấy bản gốc ra.

Thông tin liên quan

- ➔ “Đặt bản gốc” ở trang 50
- ➔ “Cài đặt gửi fax” ở trang 135

Các cách gửi fax khác nhau

Thông tin liên quan

- ➔ “Gửi nhiều trang tài liệu đơn sắc (Gửi trực tiếp)” ở trang 129
- ➔ “Gửi fax ở chế độ đơn sắc tại thời điểm được chỉ định trong ngày (Gửi fax sau)” ở trang 130
- ➔ “Gửi tài liệu kích thước khác nhau bằng ADF (Quét liên tục (ADF))” ở trang 131

Gửi nhiều trang tài liệu đơn sắc (Gửi trực tiếp)

Khi gửi fax đơn sắc, tài liệu quét được lưu trữ tạm thời trong bộ nhớ của máy in. Vì vậy, việc gửi quá nhiều trang có thể khiến máy in hết bộ nhớ và dừng việc gửi fax. Bạn có tránh điều này bằng cách bật tính năng **Gửi trực tiếp**,

tuy nhiên thời gian gửi fax sẽ lâu hơn vì máy in thực hiện việc quét và gửi đồng thời. Bạn có thể sử dụng tính năng này khi chỉ có một người nhận.

1. Đặt bản gốc vào.

2. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

3. Chỉ định người nhận.

4. Nhấn nút OK, sau đó chọn **Cài đặt gửi fax**.

5. Chọn **Gửi trực tiếp** và sau đó chọn **Bật**.

Bạn cũng có thể thực hiện các cài đặt như độ phân giải và phương thức gửi trong **Cài đặt quét** hoặc **Cài đặt gửi fax** nếu cần.

6. Nhấn nút ↩ cho đến khi bạn quay lại màn hình **Fax**, sau đó nhấn nút ◇ để gửi fax.

7. Khi gửi xong, hãy lấy bản gốc ra.

Thông tin liên quan

➔ “Đặt bản gốc” ở trang 50

➔ “Gửi fax tự động bằng bảng điều khiển” ở trang 127

➔ “Cài đặt gửi fax” ở trang 135

Gửi fax ở chế độ đơn sắc tại thời điểm được chỉ định trong ngày (Gửi fax sau)

Bạn có thể thiết lập gửi fax vào một thời gian đã định. Chỉ có thể gửi fax đơn sắc khi thời gian gửi được chỉ định.

1. Đặt bản gốc vào.

2. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

3. Chỉ định người nhận.

4. Thực hiện cài đặt gửi fax vào một thời gian đã định.

❶ Nhấn nút OK, sau đó chọn **Cài đặt gửi fax**.

❷ Chọn **Gửi fax sau** và sau đó chọn **Bật**.

❸ Nhập thời gian bạn muốn gửi fax, sau đó nhấn nút OK.

Bạn cũng có thể thực hiện các cài đặt như độ phân giải và phương thức gửi trong **Cài đặt quét** hoặc **Cài đặt gửi fax** nếu cần.

5. Nhấn nút ↩ cho đến khi quay lại màn hình **Fax**, sau đó nhấn nút ◇.

6. Khi gửi xong, hãy lấy bản gốc ra.

Lưu ý:

*Bạn có thể hủy fax từ màn hình **Fax**.*

Thông tin liên quan

- ➔ “Đặt bản gốc” ở trang 50
- ➔ “Gửi fax tự động bằng bảng điều khiển” ở trang 127
- ➔ “Cài đặt gửi fax” ở trang 135

Gửi tài liệu kích thước khác nhau bằng ADF (Quét liên tục (ADF))

Gửi fax bằng cách đặt từng lần lượt từng bản gốc, hoặc bằng cách đặt các bản gốc theo kích thước, bạn có thể gửi chúng thành một tài liệu có kích thước của bản gốc.

Nếu bạn đặt các bản gốc có kích thước khác nhau vào ADF, mọi bản gốc sẽ được gửi theo kích thước lớn nhất trong số đó. Để gửi bản gốc ở kích thước gốc, không đặt các bản gốc có kích thước hỗn hợp.

1. Đặt mẽ bản gốc đầu tiên có cùng kích thước.

2. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

3. Chỉ định người nhận.

4. Nhấn nút OK, sau đó chọn **Cài đặt quét**.

5. Chọn **Quét liên tục (ADF)** và sau đó chọn **Bật**.

Bạn cũng có thể thực hiện các cài đặt như độ phân giải và phương thức gửi trong **Cài đặt quét** hoặc **Cài đặt gửi fax** nếu cần.

6. Nhấn nút ↶ cho đến khi bạn quay lại màn hình **Fax**, sau đó nhấn nút ⬠.

7. Khi việc quét các bản gốc đầu tiên hoàn thành và thông báo **Gửi một trang khác?** được hiển thị trên bảng điều khiển, chọn **Có**, nạp các bản gốc tiếp theo, và sau đó nhấn nút ⬠.

Lưu ý:

Nếu bạn không thao tác trên máy in trong 20 giây sau khi được nhắc đặt bản gốc tiếp theo thì máy in sẽ dừng lưu trữ và bắt đầu gửi tài liệu.

8. Khi gửi xong, hãy lấy bản gốc ra.

Thông tin liên quan

- ➔ “Đặt bản gốc” ở trang 50
- ➔ “Gửi fax tự động bằng bảng điều khiển” ở trang 127
- ➔ “Cài đặt gửi fax” ở trang 135

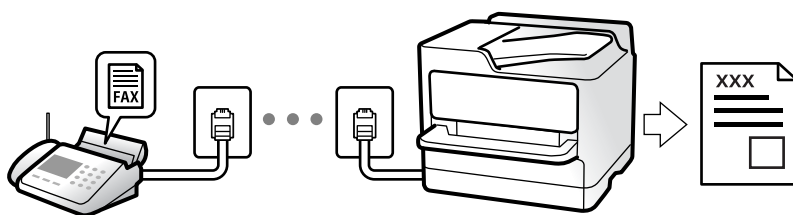
Nhận fax trên máy in

Nếu máy in được kết nối với đường điện thoại và các cài đặt cơ bản đã được hoàn thành bằng cách sử dụng Thuật sĩ cài đặt fax, bạn có thể nhận fax.

Có hai cách để nhận fax.

- ☐ Nhận fax gửi đến
- ☐ Nhận fax bằng cách thực hiện cuộc gọi (nhận fax theo yêu cầu)

Các bản fax đã nhận được in trong cài đặt ban đầu của máy in.



Để kiểm tra trạng thái cài đặt fax, bạn có thể in **D.sách cài đặt fax** bằng cách chọn **Fax > Menu > Xem thêm > Báo cáo fax > D.sách cài đặt fax**.

Xem "Thông tin liên quan" bên dưới để thực hiện cài đặt.

Thông tin liên quan

➔ [“Thực hiện các cài đặt riêng lẻ cho các tính năng fax của máy in” ở trang 70](#)

Nhận fax gửi đến

Có hai tùy chọn trong **Chế độ nhận**.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Sử dụng chế độ Tự động” ở trang 132](#)
- ➔ [“Sử dụng chế độ Thủ công” ở trang 133](#)

Sử dụng chế độ Tự động

Chế độ này cho phép bạn sử dụng đường điện thoại cho các mục đích sử dụng sau.

- ☐ Sử dụng đường điện thoại chỉ cho fax (không cần máy điện thoại bên ngoài)
- ☐ Sử dụng đường điện thoại chủ yếu cho fax và đôi khi để gọi điện thoại

Nhận fax không có thiết bị điện thoại bên ngoài

Máy in tự động chuyển sang nhận fax khi có đủ số lần đổ chuông bạn đặt trong **Đổ chuông trả lời**.

Nhận fax có thiết bị điện thoại bên ngoài

Máy in có thiết bị điện thoại bên ngoài hoạt động như sau.

☐ Khi máy trả lời trả lời khi chưa hết số lần đổ chuông được thiết lập trong **Đổ chuông trả lời**:

- Nếu chuông đổ là cho fax: máy in tự động chuyển sang nhận fax.
- Nếu chuông đổ là cho cuộc gọi thoại: máy trả lời có thể nhận cuộc gọi thoại và ghi lại tin nhắn thoại.

☐ Khi bạn nhắc ống nghe điện thoại khi chưa hết số lần đổ chuông được thiết lập trong **Đổ chuông trả lời**:

- Nếu chuông đổ là cho fax: bạn có thể nhận fax sử dụng cùng các bước như với **Thủ công**. Chọn **Fax** trên màn hình chính của máy in, nhấn nút # để chọn nhận fax và sau đó nhấn nút **◇**. Tiếp theo gác ống nghe điện thoại.
- Nếu chuông đổ là cho cuộc gọi thoại: bạn có thể trả lời điện thoại như bình thường.

☐ Khi chuông ngừng đổ và máy in tự động chuyển sang nhận fax:

- Nếu chuông đổ là cho fax: máy in bắt đầu nhận fax.
- Nếu chuông đổ là cho cuộc gọi thoại: bạn không thể trả lời điện thoại. Yêu cầu người này gọi lại cho bạn.

Lưu ý:

Thiết lập số lần đổ chuông để trả lời cho máy trả lời đến một giá trị thấp hơn giá trị được thiết lập trong **Đổ chuông trả lời**. Nếu không, máy trả lời không thể nhận các cuộc gọi thoại để ghi lại tin nhắn thoại. Để biết chi tiết về cách thiết lập máy trả lời, xem tài liệu hướng dẫn đi kèm với máy trả lời.

Thông tin liên quan

➔ [“Sử dụng chế độ Thủ công” ở trang 133](#)

Sử dụng chế độ Thủ công

Chế độ này chủ yếu để thực hiện cuộc gọi điện thoại, nhưng cũng dành cho fax.

Nhận fax

Khi điện thoại đổ chuông, bạn có thể tự trả lời chuông bằng cách nhắc điện thoại lên.

☐ Khi bạn nghe thấy tín hiệu fax (baud):

Chọn **Fax** trên màn hình chính của máy in, nhấn nút # để chọn nhận fax, sau đó nhấn nút **◇**. Tiếp theo gác ống nghe điện thoại.

☐ Nếu chuông đổ dành cho cuộc gọi thoại:

Bạn có thể trả lời điện thoại như bình thường.

Nhận fax bằng cách chỉ sử dụng điện thoại kết nối

Khi **Nhận từ xa** được thiết lập, bạn có thể nhận fax bằng cách nhập mã bắt đầu.

Khi điện thoại đổ chuông, hãy nhắc ống nghe điện thoại. Khi bạn nghe thấy âm fax (baud), hãy quay mã bắt đầu gồm hai chữ số và sau đó gác ống nghe điện thoại.

Nhận fax bằng cách thực hiện một cuộc gọi điện thoại

Bạn có thể nhận fax đã lưu trữ trong một máy fax khác bằng cách quay số đến số fax.

Thông tin liên quan

➔ [“Nhận fax bằng cách yêu cầu \(Nhận hỏi vòng\)” ở trang 134](#)

Nhận fax bằng cách yêu cầu (Nhận hỏi vòng)

Bạn có thể nhận fax đã lưu trữ trong một máy fax khác bằng cách quay số đến số fax. Sử dụng tính năng này để nhận tài liệu từ một dịch vụ thông tin fax.

Lưu ý:

- ☐ Nếu dịch vụ thông tin fax có tính năng hướng dẫn thoại mà bạn cần thực hiện theo để nhận tài liệu thì bạn không thể sử dụng tính năng này.
- ☐ Để nhận tài liệu từ dịch vụ thông tin fax sử dụng hướng dẫn bằng âm thanh, chỉ cần quay số đến số fax bằng điện thoại kết nối và sử dụng điện thoại và máy in theo hướng dẫn bằng âm thanh.

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Nhấn nút OK, sau đó chọn **Xem thêm**.
3. Chọn **Nhận hỏi vòng** và sau đó chọn **Bật**.
4. Chỉ định người nhận.

Lưu ý:

Nếu bạn không thể nhập theo cách thủ công số fax, **Giới hạn gọi điện trực tiếp** trong **Cài đặt bảo mật** được thiết lập là **Bật**. Chọn người nhận fax từ danh sách liên hệ hoặc lịch sử gửi fax.

5. Nhấn nút ◊ để bắt đầu **Nhận hỏi vòng**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Gửi fax bằng cách quay số từ thiết bị điện thoại bên ngoài” ở trang 129
- ➔ “Xem thêm” ở trang 136

Tùy chọn menu cho fax

Fax

Chọn các menu trong **Fax** từ màn hình chính trên bảng điều khiển.

Danh bạ	Chọn một người nhận từ danh bạ.
Gần đây	Chọn một người nhận từ lịch sử fax đã gửi.
Menu	Bạn có thể chọn các menu sau. ☐ Cài đặt quét ☐ Cài đặt gửi fax ☐ Xem thêm ☐ Trình quản lý Danh bạ Xem "Thông tin liên quan" bên dưới để biết thêm chi tiết.
Gửi fax	Nhấn nút ◊ để gửi fax.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Cài đặt quét” ở trang 135](#)
- ➔ [“Cài đặt gửi fax” ở trang 135](#)
- ➔ [“Xem thêm” ở trang 136](#)
- ➔ [“Trình quản lý Danh bạ” ở trang 137](#)

Cài đặt quét

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới:

Fax > Menu > Cài đặt quét

Độ phân giải	Chọn độ phân giải cho fax gửi đi. Nếu bạn chọn độ phân giải cao hơn, kích thước dữ liệu trở nên lớn hơn và bạn sẽ mất thời gian gửi fax.
Mật độ	Đặt mật độ cho fax gửi đi. Nhấn ► để làm cho mật độ tối hơn và nhấn ◀ để làm cho mật độ sáng hơn.
Quét liên tục (ADF)	Gửi fax bằng cách đặt từng lần lượt từng bản gốc, hoặc bằng cách đặt các bản gốc theo kích thước, bạn có thể gửi chúng thành một tài liệu có kích thước của bản gốc. Xem "Thông tin liên quan" bên dưới về chủ đề này.
Cỡ bản gốc (M.kính)	Chọn kích thước và hướng của bản gốc mà bạn đã đặt lên kính máy scan.
Chế độ màu	Chọn quét màu hay đơn sắc.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Gửi tài liệu kích thước khác nhau bằng ADF \(Quét liên tục \(ADF\)\)” ở trang 131](#)

Cài đặt gửi fax

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới:

Fax > Menu > Cài đặt gửi fax

Gửi trực tiếp	Gửi bản fax đơn sắc trong khi quét bản gốc. Vì các bản gốc được quét không được lưu tạm thời trong bộ nhớ của máy in ngay cả khi gửi một số lượng lớn các trang, bạn có thể tránh được lỗi máy in do thiếu bộ nhớ. Lưu ý rằng việc gửi fax khi có sử dụng tính năng này sẽ lâu hơn so với khi không sử dụng tính năng này. Xem "Thông tin liên quan" bên dưới về chủ đề này. Bạn không thể sử dụng tính năng này khi bạn gửi fax tới nhiều người nhận.
Gửi fax sau	Gửi fax vào một thời điểm bạn chỉ định. Bạn chỉ có thể gửi fax đơn sắc khi sử dụng tùy chọn này. Xem "Thông tin liên quan" bên dưới về chủ đề này.

Thêm th.tin người gửi	Chọn vị trí bạn muốn đưa thông tin đầu trang (tên và số fax của người gửi) vào fax đang gửi đi hoặc vị trí bạn không muốn đưa thông tin vào. ☐ Tắt: Gửi fax không có thông tin đầu trang. ☐ Bên ngoài hình: Gửi fax có thông tin đầu trang trong lề trắng trên cùng của fax. Tùy chọn này giúp đầu trang không bị chồng chéo vào hình ảnh đã quét. Tuy nhiên, fax mà người nhận nhận được có thể được in thành hai trang tùy thuộc vào khổ của bản gốc. ☐ Bên trong hình: Gửi fax có thông tin đầu trang thấp hơn đầu hình ảnh đã quét khoảng 7 mm. Đầu trang có thể chồng chéo với hình ảnh. Tuy nhiên, fax mà người nhận nhận được sẽ không bị chia thành hai tài liệu.
Dòng đầu trang fax	Chọn tiêu đề cho người nhận. Để sử dụng tính năng này, bạn cần đăng ký trước nhiều đầu trang.
Th.tin Tiêu đề bổ sung	Chọn thông tin bạn muốn thêm. Bạn có thể chọn một tùy chọn từ Số điện thoại của bạn và Danh sách đích .
Báo cáo truyền gửi	In báo cáo truyền dữ liệu sau khi gửi fax. In lỗi xảy ra chỉ in báo cáo khi xảy ra lỗi.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Gửi nhiều trang tài liệu đơn sắc \(Gửi trực tiếp\)” ở trang 129](#)
- ➔ [“Gửi fax ở chế độ đơn sắc tại thời điểm được chỉ định trong ngày \(Gửi fax sau\)” ở trang 130](#)

Xem thêm

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới:

Fax > Menu > Xem thêm

Nhật ký truyền gửi	Bạn có thể kiểm tra lịch sử các công việc fax đã gửi hoặc nhận.
Báo cáo fax	☐ Truyền tài gần nhất In báo cáo cho fax trước đây đã gửi hoặc đã nhận thông qua tính năng fax theo yêu cầu. ☐ Nhật ký fax In báo cáo truyền fax. Bạn có thể thiết lập tự động in báo cáo này bằng menu sau đây. Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt báo cáo > Tự in nhật ký fax ☐ D.sách cài đặt fax In các thiết lập fax hiện tại. ☐ Dấu vết giao thức In báo cáo chi tiết cho fax trước đây đã gửi hoặc đã nhận.
In lại fax đã nhận	Bạn có thể in lại bản fax đã nhận.
Nhận hồi vòng	Khi tùy chọn này được đặt là Bật và bạn gọi đến số fax của người gửi, bạn có thể nhận tài liệu từ máy fax của người gửi. Xem "Thông tin liên quan" bên dưới về chủ đề này để biết chi tiết về cách nhận fax bằng cách sử dụng Nhận hồi vòng. Khi bạn rời khỏi menu Fax, cài đặt sẽ quay lại giá trị Tắt (mặc định).
Cài đặt fax	Truy cập Cài đặt > Cài đặt fax .

Thông tin liên quan

➔ [“Nhận fax bằng cách yêu cầu \(Nhận hồi vòng\)” ở trang 134](#)

Trình quản lý Danh bạ

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới:

Fax > Menu > Trình quản lý Danh bạ

Truy cập **Cài đặt > Trình quản lý Danh bạ**.

Bạn cũng có thể thêm hoặc sửa người liên hệ.

Thông tin liên quan

➔ [“Tùy chọn menu cho Trình quản lý Danh bạ” ở trang 61](#)

➔ [“Quản lý danh bạ” ở trang 54](#)

Gửi fax từ máy tính

Bạn có thể gửi fax từ máy tính bằng cách sử dụng FAX Utility và trình điều khiển PC-FAX.

Lưu ý:

☐ Kiểm tra xem FAX Utility và trình điều khiển PC-FAX của máy in đã được cài đặt trước khi sử dụng tính năng này chưa.

[“Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax \(FAX Utility\)” ở trang 168](#)

[“Ứng dụng để gửi fax \(Trình điều khiển PC-FAX\)” ở trang 169](#)

☐ Nếu FAX Utility chưa được cài đặt, hãy cài đặt FAX Utility bằng EPSON Software Updater (ứng dụng dùng để cập nhật phần mềm).

Thông tin liên quan

➔ [“Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở \(Epson Software Updater\)” ở trang 171](#)

➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 172](#)

Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Windows)

Bằng cách chọn fax của máy in từ menu **In** của một ứng dụng như Microsoft Word hoặc Excel, bạn có thể chuyển trực tiếp các dữ liệu như tài liệu, bản vẽ và bảng đã tạo với tờ bìa.

Lưu ý:

Phần giải thích sau sử dụng Microsoft Word làm ví dụ. Hoạt động thực tế có thể khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng bạn sử dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

1. Sử dụng một ứng dụng, tạo tài liệu để truyền qua fax.

2. Nhấp vào **In** từ menu **Tệp**.

Cửa sổ **In** của ứng dụng xuất hiện.

3. Chọn **XXXXXX (FAX)** (XXXXXX là tên máy in) trong **Máy in**, sau đó kiểm tra cài đặt để gửi fax.
 - ☐ Chỉ định **1** trong **Số bản sao**. Fax có thể không được truyền đúng cách nếu bạn chỉ định **2** trở lên.
 - ☐ Bạn có thể gửi tối đa 100 trang trong một lần truyền fax.
4. Nhấp **Thuộc tính máy in** hoặc **Thuộc tính** nếu bạn muốn chỉ định **Paper Size, Orientation, Color, Image Quality**, hoặc **Character Density**.

Để biết chi tiết, xem mục trợ giúp về trình điều khiển PC-FAX.
5. Nhấp vào **In**.

Lưu ý:

*Khi sử dụng FAX Utility trong lần đầu tiên, một cửa sổ đăng ký thông tin của bạn được hiển thị. Nhập thông tin cần thiết và sau đó nhấp vào **OK**.*

Màn hình **Recipient Settings** của FAX Utility được hiển thị.

6. Khi bạn muốn gửi các tài liệu khác trong cùng một lần truyền fax, hãy chọn hộp kiểm **Add documents to send**.

Màn hình để thêm tài liệu được hiển thị khi bạn nhấp vào **Tiếp theo** trong bước 9.
7. Chọn hộp kiểm **Attach a cover sheet** nếu cần.
8. Chỉ định người nhận.

- ☐ Chọn người nhận (tên, số fax, v.v.) từ **PC-FAX Phone Book**:

Nếu người nhận được lưu vào danh bạ, thực hiện các bước bên dưới.

❶ Nhấp vào thẻ **PC-FAX Phone Book**.

❷ Chọn người nhận từ danh sách và nhấp vào **Add**.

- ☐ Chọn người nhận (tên, số fax, v.v.) danh bạ trên máy in:

Nếu người nhận được lưu vào danh bạ trên máy in, thực hiện các bước bên dưới.

❶ Nhấp vào thẻ **Contacts on Printer**.

❷ Chọn các liên hệ từ danh sách và nhấp vào **Add** để tiếp tục đến cửa sổ **Add to Recipient**.

❸ Chọn các liên hệ từ danh sách được hiển thị, và sau đó nhấp vào **Edit**.

❹ Thêm dữ liệu cá nhân như **Company/Corp.** và **Title** theo yêu cầu và sau đó nhấp vào **OK** để quay lại cửa sổ **Add to Recipient**.

❺ Nếu cần, chọn hộp kiểm **Register in the PC-FAX Phone Book** để lưu các liên hệ vào **PC-FAX Phone Book**.

❻ Nhấp vào **OK**.

- ☐ Chỉ định người nhận (tên, số fax, v.v) trực tiếp:

Thực hiện các bước bên dưới.

❶ Nhấp vào thẻ **Manual Dial**.

❷ Nhập thông tin cần thiết.

❸ Nhấp vào **Add**.

Ngoài ra, khi nhấp vào **Save to Phone Book**, bạn có thể lưu người nhận vào danh sách trong thẻ **PC-FAX Phone Book**.

Lưu ý:

- ☐ Nếu Loại dòng của máy in được đặt thành **PBX** và mã truy cập đã được đặt để sử dụng # (dấu thăng) thay vì nhập mã tiền tố chính xác, nhập # (dấu thăng). Để biết chi tiết, hãy xem Loại dòng trong Cài đặt cơ bản từ liên kết thông tin có liên quan bên dưới.
- ☐ Nếu bạn đã chọn **Enter fax number twice** trong **Optional Settings** trên màn hình chính FAX Utility, bạn cần phải nhập lại cùng số này khi bạn nhấp **Add** hoặc **Tiếp theo**.

Người nhận được thêm vào **Recipient List** hiển thị trong phần trên của cửa sổ.

9. Nhấp vào **Tiếp theo**.

- ☐ Khi bạn đã chọn hộp kiểm **Add documents to send**, làm theo các bước dưới đây để thêm tài liệu trong cửa sổ **Document Merging**.

❶ Mở tài liệu bạn muốn thêm và sau đó chọn cùng máy in (tên fax) trong cửa sổ **In**. Tài liệu được thêm vào danh sách **Document List to Merge**.

❷ Nhấp vào **Xem trước** để kiểm tra tài liệu hợp nhất.

❸ Nhấp vào **Tiếp theo**.

Lưu ý:

Các cài đặt **Image Quality** và **Color** bạn đã chọn cho tài liệu đầu tiên được áp dụng cho các tài liệu khác.

- ☐ Khi bạn đã chọn hộp kiểm **Attach a cover sheet**, hãy chỉ định nội dung của trang bìa trong cửa sổ **Cover Sheet Settings**.

❶ Chọn trang bìa từ các mẫu trong danh sách **Cover Sheet**. Lưu ý rằng không có chức năng để tạo tờ bìa gốc hoặc để thêm tờ bìa gốc vào danh sách.

❷ Nhập **Subject** và **Message**.

❸ Nhấp vào **Tiếp theo**.

Lưu ý:

Đặt các tùy chọn sau nếu cần trong **Cover Sheet Settings**.

- ☐ Nhấp vào **Cover Sheet Formatting** nếu bạn muốn thay đổi thứ tự các mục trên tờ bìa. Bạn có thể chọn kích thước tờ bìa **Paper Size**. Bạn cũng có thể chọn tờ bìa ở một kích thước khác cho tài liệu được truyền.
- ☐ Nhấp vào **Font** nếu bạn muốn thay đổi phông chữ được sử dụng cho văn bản trên tờ bìa.
- ☐ Nhấp vào **Sender Settings** nếu bạn muốn thay đổi thông tin người gửi.
- ☐ Nhấp vào **Detailed Preview** nếu bạn muốn kiểm tra tờ bìa với chủ đề và thông điệp bạn đã nhập.

10. Kiểm tra nội dung truyền và nhấp vào **Send**.

Đảm bảo tên và số fax của người nhận là chính xác trước khi truyền. Nhấp vào **Preview** để xem trước tờ bìa và tài liệu sẽ truyền.

Khi bắt đầu truyền, một cửa sổ hiển thị trạng thái truyền sẽ xuất hiện.

Lưu ý:

- ☐ Để dừng truyền tải, hãy chọn dữ liệu và nhấp **Hủy** . Bạn cũng có thể hủy bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in.
- ☐ Nếu xảy ra lỗi trong khi truyền, cửa sổ **Communication error** xuất hiện. Kiểm tra thông tin lỗi và truyền lại.
- ☐ Màn hình Fax Status Monitor (màn hình được đề cập ở trên nơi bạn có thể kiểm tra trạng thái truyền) không được hiển thị nếu Display Fax Status Monitor During Transmission không được chọn trong màn hình **Optional Settings** của màn hình chính FAX Utility.

Thông tin liên quan

➔ “Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 75

Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Mac OS)

Bằng cách chọn một máy in có khả năng gửi fax từ menu **In** của một ứng dụng có bán trên thị trường, bạn có thể gửi dữ liệu như các tài liệu, bản vẽ và bảng, bạn đã tạo.

Lưu ý:

Giải thích sau sử dụng Text Edit, một ứng dụng Mac OS chuẩn làm ví dụ.

1. Tạo tài liệu bạn muốn gửi qua fax trong một ứng dụng.
2. Nhấp vào **In** từ menu **Tệp**.
Cửa sổ **In** của ứng dụng hiển thị.
3. Chọn máy in (tên fax) của bạn trong **Tên**, nhấp vào ▼ để hiển thị cài đặt chi tiết, kiểm tra cài đặt in, sau đó nhấp vào **OK**.
4. Thực hiện các cài đặt cho từng mục.
 - ☐ Chỉ định **1** trong **Số bản sao**. Ngay cả khi bạn chỉ định **2** trở lên, chỉ 1 bản sao được gửi.
 - ☐ Bạn có thể gửi đến 100 trang trong một lần truyền fax.

Lưu ý:

Kích cỡ trang của tài liệu bạn có thể gửi giống với khổ giấy bạn có thể fax từ máy in.

5. Chọn Fax Settings từ menu bật lên, sau đó thực hiện cài đặt cho từng mục.
Xem trợ giúp của trình điều khiển PC-FAX để biết giải thích cho từng mục cài đặt.

Nhấp vào  ở dưới cùng bên trái của cửa sổ để mở trợ giúp của trình điều khiển PC-FAX.

6. Chọn menu Recipient Settings, sau đó chỉ định người nhận.

- ☐ Chỉ định trực tiếp một người nhận (tên, số fax, v.v):

Nhấp vào mục **Add**, nhập thông tin cần thiết, sau đó nhấp vào . Người nhận được thêm vào Recipient List được hiển thị ở phía trên của cửa sổ.

Nếu bạn đã chọn "Enter fax number twice" trong cài đặt trình điều khiển PC-FAX, bạn cần nhập lại cùng số khi bạn nhấp vào .

Nếu đường dây kết nối fax của bạn yêu cầu một mã tiền tố, hãy nhập External Access Prefix.

Lưu ý:

Nếu Loại dòng của máy in được đặt thành **PBX** và mã truy cập đã được đặt để sử dụng # (dấu thăng) thay vì nhập mã tiền tố chính xác, nhập # (dấu thăng). Để biết chi tiết, hãy xem Loại dòng trong Cài đặt cơ bản từ liên kết Thông tin có liên quan bên dưới.

- ☐ Chọn một người nhận (tên, số fax, v.v) từ danh bạ:

Nếu người nhận được lưu vào danh bạ, hãy nhấp vào . Chọn người nhận từ danh sách, sau đó nhấp vào **Add > OK**.

Nếu đường dây kết nối fax của bạn yêu cầu một mã tiền tố, hãy nhập External Access Prefix.

Lưu ý:

Nếu Loại dòng của máy in được đặt thành **PBX** và mã truy cập đã được đặt để sử dụng # (dấu thăng) thay vì nhập mã tiền tố chính xác, nhập # (dấu thăng). Để biết chi tiết, hãy xem Loại dòng trong Cài đặt cơ bản từ liên kết Thông tin có liên quan bên dưới.

7. Kiểm tra các cài đặt người nhận, sau đó nhấp vào **Fax**.

Quá trình gửi bắt đầu.

Đảm bảo tên và số fax của người nhận là chính xác trước khi truyền.

Lưu ý:

- ☐ Nếu bạn nhấp vào biểu tượng máy in trong Dock, màn hình kiểm tra trạng thái truyền hiển thị. Để dừng gửi, nhấp vào dữ liệu, sau đó nhấp vào **Delete**.
- ☐ Nếu lỗi xảy ra trong khi truyền, thông báo **Sending failed** hiển thị. Kiểm tra bản ghi truyền trên màn hình **Fax Transmission Record**.
- ☐ Các tài liệu có khổ giấy kết hợp có thể không được gửi đúng cách.

Thông tin liên quan

➡ [“Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 75](#)

Nhận fax trên máy tính

Máy in có thể nhận và lưu fax ở định dạng PDF trên máy tính kết nối với máy in. Sử dụng FAX Utility (ứng dụng) để thực hiện cài đặt.

Để biết chi tiết cách vận hành FAX Utility, xem Basic Operations trong trợ giúp FAX Utility (hiển thị trên cửa sổ chính). Nếu màn hình nhập mật khẩu được hiển thị trên màn hình máy tính khi bạn đang thực hiện cài đặt, hãy nhập mật khẩu. Nếu bạn không biết mật khẩu, hãy liên hệ với người quản trị.

Lưu ý:

- ❑ Kiểm tra xem FAX Utility và trình điều khiển PC-FAX của máy in đã được cài đặt chưa và cài đặt FAX Utility đã được thực hiện trước khi sử dụng tính năng này chưa.

[“Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax \(FAX Utility\)” ở trang 168](#)

[“Ứng dụng để gửi fax \(Trình điều khiển PC-FAX\)” ở trang 169](#)

- ❑ Nếu Tiện ích FAX chưa được cài đặt, hãy cài đặt FAX Utility bằng EPSON Software Updater (ứng dụng dùng để cập nhật phần mềm).



Quan trọng:

- ❑ Để nhận fax trên máy tính, **Chế độ nhận** trên bảng điều khiển của máy in phải được thiết lập là **Tự động**. Để thực hiện cài đặt trên bảng điều khiển máy in, chọn **Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Chế độ nhận**.
- ❑ Máy tính được đặt để nhận fax nên luôn bật. Các tài liệu nhận được sẽ được lưu tạm vào bộ nhớ máy in trước khi chúng được lưu vào máy tính. Nếu bạn tắt máy tính, bộ nhớ của máy in có thể bị đầy bởi vì nó không thể gửi tài liệu tới máy tính.
- ❑ Khi fax đã nhận được lưu tạm thời vào bộ nhớ của máy in, đèn  sẽ bật.
- ❑ Để đọc các bản fax đã nhận, bạn cần phải cài đặt một trình xem PDF như Adobe Reader trong máy tính.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Đặt Chế độ nhận” ở trang 70](#)
- ➔ [“Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở \(Epson Software Updater\)” ở trang 171](#)
- ➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 172](#)

Lưu các bản fax gửi đến vào máy tính

Bạn có thể thực hiện các cài đặt để lưu các bản fax gửi đến vào máy tính bằng cách sử dụng FAX Utility. Cài đặt trước FAX Utility trên máy tính.

Để biết chi tiết, xem Basic Operations trong phần trợ giúp FAX Utility (được hiển thị trên cửa sổ chính). Nếu màn hình nhập mật khẩu được hiển thị trên màn hình máy tính khi bạn đang thực hiện cài đặt, hãy nhập mật khẩu.

Lưu ý:

Bạn có thể nhận fax trên máy tính và in từ máy tin cùng lúc. Xem [“Thông tin liên quan”](#) bên dưới để thực hiện cài đặt.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Thực hiện cài đặt Lưu vào máy tính cũng in trên máy in để nhận fax” ở trang 74](#)
- ➔ [“Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax \(FAX Utility\)” ở trang 168](#)

Hủy tính năng lưu các bản fax đến vào máy tính

Bạn có thể hủy việc lưu các bản fax vào máy tính bằng cách sử dụng FAX Utility.

Để biết chi tiết, xem Basic Operations trong phần trợ giúp FAX Utility (được hiển thị trên cửa sổ chính).

Lưu ý:

- ❑ Nếu còn bất kỳ bản fax nào vẫn chưa được lưu vào máy tính, bạn không thể hủy tính năng lưu bản fax vào máy tính.
- ❑ Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên máy in. Xem [“Thông tin liên quan”](#) bên dưới để thay đổi cài đặt.

Thông tin liên quan

- ➔ “Thực hiện cài đặt Lưu vào máy tính để không nhận fax” ở trang 74
- ➔ “Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax (FAX Utility)” ở trang 168

Kiểm tra fax mới (Windows)

Bằng cách thiết lập một máy tính để lưu các bản fax mà máy in đã nhận, bạn có thể kiểm tra tình trạng xử lý của các bản fax đã nhận và có hay không có bất kỳ bản fax mới nào sử dụng biểu tượng fax trên thanh tác vụ Windows. Bằng cách thiết lập máy tính để hiển thị thông báo khi nhận được các bản fax mới, một màn hình thông báo xuất hiện gần khay hệ thống Windows và bạn có thể kiểm tra các bản fax mới.

Lưu ý:

- ☐ Dữ liệu fax đã nhận được lưu vào máy tính sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ máy in.
- ☐ Bạn cần Adobe Reader để xem các bản fax đã nhận bởi vì chúng được lưu dưới dạng tệp PDF.

Sử dụng biểu tượng fax trên thanh tác vụ (Windows)

Bạn có thể kiểm tra các bản fax mới và trạng thái hoạt động bằng cách sử dụng biểu tượng fax hiển thị trên thanh tác vụ Windows.

1. Kiểm tra biểu tượng.

- ☐  : Đang chờ.
- ☐  : Kiểm tra fax mới.
- ☐  : Nhập fax mới đã xong.

2. Nhấp chuột phải vào biểu tượng, sau đó nhấp vào **View Receiving Fax Record**.

Màn hình **Receiving Fax Record** được hiển thị.

3. Kiểm tra ngày và người gửi trong danh sách, sau đó mở tệp đã nhận ở dạng PDF.

Lưu ý:

- ☐ Các fax đã nhận được tự động đổi tên bằng cách sử dụng định dạng đặt tên sau.
YYYYMMDDHHMMSS_xxxxxxxxxx_nnnnn (Năm/Tháng/Ngày/Giờ/Phút/Giây_số của người gửi)
- ☐ Bạn cũng có thể mở thư mục fax đã nhận trực tiếp khi nhấp chuột phải vào biểu tượng. Để biết chi tiết, xem **Optional Settings** trong FAX Utility và trợ giúp của ứng dụng (được hiển thị trên cửa sổ chính).

Trong khi biểu tượng fax chỉ ra rằng nó đang chờ, bạn có thể kiểm tra các bản fax mới ngay lập tức bằng cách chọn **Check new faxes now**.

Sử dụng cửa sổ thông báo (Windows)

Khi bạn đặt thông báo cho bạn về các bản fax mới, một cửa sổ thông báo hiển thị gần thanh tác vụ cho mỗi bản fax.

1. Kiểm tra màn hình thông báo hiển thị trên màn hình máy tính của bạn.

Lưu ý:

Màn hình thông báo biến mất nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định. Bạn có thể thay đổi cài đặt thông báo như thời gian hiển thị.

2. Nhấp vào bất kỳ vị trí trong màn hình thông báo, ngoại trừ nút .

Màn hình **Receiving Fax Record** được hiển thị.

3. Kiểm tra ngày và người gửi trong danh sách, sau đó mở tệp đã nhận ở dạng PDF.

Lưu ý:

- ☐ Các fax đã nhận được tự động đổi tên bằng cách sử dụng định dạng đặt tên sau.

YYYYMMDDHHMMSS_XXXXXXXXXX_nnnnn (Năm/Tháng/Ngày/Giờ/Phút/Giây_số của người gửi)

- ☐ Bạn cũng có thể mở thư mục fax đã nhận trực tiếp khi nhấp chuột phải vào biểu tượng. Để biết chi tiết, xem **Optional Settings** trong FAX Utility và trợ giúp của ứng dụng (được hiển thị trên cửa sổ chính).

Kiểm tra fax mới (Mac OS)

Bạn có thể kiểm tra fax mới bằng một trong các phương pháp sau. Phương pháp này chỉ khả dụng trên máy tính được đặt thành "Save" (save faxes on this computer).

- ☐ Mở thư mục fax đã nhận (được chỉ định trong **Received Fax Output Settings**.)

- ☐ Mở Fax Receive Monitor và nhấp vào **Check new faxes now**.

- ☐ Thông báo cho biết fax mới đã được nhận

Chọn **Notify me of new faxes via a dock icon** trong **Fax Receive Monitor > Preferences** trong FAX Utility, biểu tượng màn hình nhận fax trên Để cấm nhấp để thông báo cho bạn rằng các bản fax mới đã đến.

Mở thư mục fax đã nhận từ màn hình fax đã nhận (Mac OS)

Bạn có thể mở thư mục lưu trữ từ máy tính được chỉ định để nhận fax khi chọn "Save" (save faxes on this computer).

1. Nhấp vào biểu tượng màn hình fax đã nhận trên Dock để mở **Fax Receive Monitor**.
2. Chọn máy in và nhấp vào **Open folder** hoặc nhấp đúp vào tên máy in.
3. Kiểm tra ngày và người gửi trong tên tệp, sau đó mở tệp PDF.

Lưu ý:

Các fax đã nhận được tự động đổi tên bằng cách sử dụng định dạng đặt tên sau.

YYYYMMDDHHMMSS_XXXXXXXXXX_nnnnn (Năm/Tháng/Ngày/Giờ/Phút/Giây_số của người gửi)

Thông tin được gửi từ người gửi hiển thị như là số của người gửi. Số này có thể không hiển thị tùy thuộc vào người gửi.

Sử dụng các tính năng fax khác

In báo cáo fax theo cách thủ công

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Nhấn nút OK và chọn **Xem thêm**.

3. Chọn **Báo cáo fax**.

4. Chọn báo cáo mà bạn muốn in và sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.

Lưu ý:

Bạn có thể thay đổi định dạng báo cáo. Từ màn hình trang chủ, chọn **Cài đặt** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt báo cáo** và sau đó thay đổi các thiết lập **Đính kèm hình ảnh vào báo cáo** hoặc **Định dạng báo cáo**.

Thông tin liên quan

➡ “Xem thêm” ở trang 136

➡ “Menu Cài đặt báo cáo” ở trang 77

Thay thế hộp mực và vật tư tiêu hao khác

Kiểm tra tình trạng mực còn lại và hộp bảo dưỡng

Bạn có thể kiểm tra mức mực xấp xỉ và thời gian hoạt động xấp xỉ của hộp bảo dưỡng từ bảng điều khiển hoặc máy tính.

Lưu ý:

Bạn có thể tiếp tục in khi có thông báo mực sắp hết. Thay thế hộp mực khi có yêu cầu.

Kiểm tra tình trạng mực còn lại và hộp bảo trì — bảng điều khiển

1. Chọn **Cài đặt > Trạng thái cung cấp** trên màn hình chính.

Để chọn một mực, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Thực hiện một trong các tùy chọn sau.

☐ Để kiểm tra mức mực, chọn **Mức mực**.

☐ Để kiểm tra tuổi thọ hoạt động còn lại của hộp bảo trì, chọn **Dung tích còn lại của Hộp bảo trì**.

Kiểm Tra Tình Trạng Mực Còn Lại Và Hộp Bảo Trì - Windows

1. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
2. Nhấp vào **EPSON Status Monitor 3** trên thẻ **Bảo dưỡng**.

Lưu ý:

Nếu **EPSON Status Monitor 3** tắt, nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên thẻ **Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.

Kiểm tra trạng thái của mực còn lại và hộp bảo trì — Mac OS X

1. Bắt đầu tiện ích trình điều khiển máy in:

☐ Mac OS X v10.6.x đến v10.9.x

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng > Tiện ích > Mở tiện ích máy in**.

☐ Mac OS X v10.5.8

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **In và fax**, và sau đó chọn máy in. Nhấp **Mở hàng đợi in > Tiện ích**.

2. Nhấp vào **EPSON Status Monitor**.

Mã hộp mực

Sau đây là các mã cho các hộp mực Epson chính hãng.

Lưu ý:

- ☐ Mã hộp mực có thể khác nhau theo địa điểm. Để biết mã chính xác ở khu vực của bạn, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.
- ☐ Mặc dù hộp mực có thể chứa các vật liệu tái chế, điều này không ảnh hưởng đến chức năng và hiệu suất của máy in.
- ☐ Thông số kỹ thuật và hình dáng của hộp mực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước nhằm cải tiến tốt hơn.

Dành cho châu Âu

Biểu tượng	BK: Black (Đen)	C: Cyan (Lục lam)	M: Magenta (Đỏ thẫm)	Y: Yellow (Vàng)
Starfish 	603 603XL*	603 603XL*	603 603XL*	603 603XL*

* "XL" cho biết hộp mực lớn.

Lưu ý:

Đối với người dùng ở châu Âu, hãy truy cập trang web sau để biết thông tin về dung lượng hộp mực của Epson.

<http://www.epson.eu/pageyield>

Epson khuyên bạn nên sử dụng hộp mực Epson chính hãng. Epson không đảm bảo chất lượng và độ tin cậy của mực không chính hãng. Sử dụng mực không chính hãng có thể gây hư hỏng không thuộc phạm vi bảo hành của Epson và trong một số trường hợp có thể gây ra hiện tượng máy in hoạt động thất thường. Thông tin về mức mực không chính hãng có thể không hiển thị được.

Thông tin liên quan

➔ “Trang web hỗ trợ kỹ thuật” ở trang 222

Phòng ngừa khi xử lý hộp mực

Hãy đọc các hướng dẫn sau trước khi thay hộp mực.

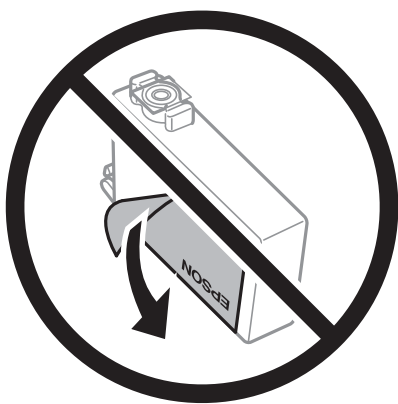
Thận trọng khi bảo quản mực

- ☐ Để hộp mực tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.
- ☐ Không bảo quản hộp mực ở nơi có nhiệt độ cao hoặc đóng băng.
- ☐ Để có kết quả tốt nhất, Epson khuyên bạn nên sử dụng hết hộp mực trước ngày nên sử dụng in trên bao bì, hoặc trong vòng sáu tháng kể từ khi mở gói sản phẩm, tùy theo thời điểm nào đến sớm hơn.
- ☐ Để có kết quả tốt nhất, bảo quản gói sản phẩm hộp mực với mặt đáy ở phía dưới.

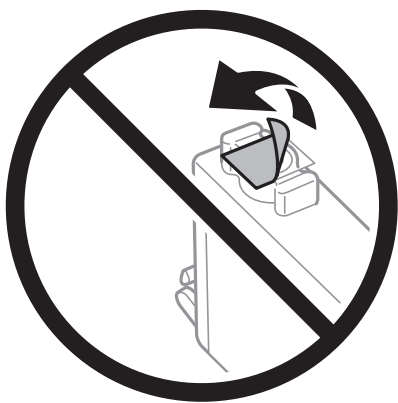
- ☐ Sau khi đưa hộp mực vào tủ nơi bảo quản lạnh, để mực ấm lên đến nhiệt độ phòng trong ít nhất ba giờ trước khi sử dụng.
- ☐ Không mở gói sản phẩm hộp mực khi bạn vẫn chưa sẵn sàng lắp hộp mực vào máy in. Hộp mực được đóng gói hút chân không để duy trì độ tin cậy. Nếu bạn mở gói hộp mực trong một thời gian dài trước khi sử dụng, có thể không đạt được chất lượng in bình thường.

Thận trọng khi xử lý việc thay hộp mực

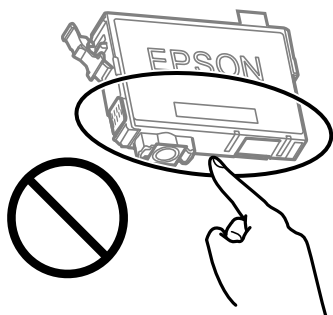
- ☐ Cần thận không làm gãy các móc ở phía bên cạnh của hộp mực khi bạn lấy hộp mực ra khỏi gói sản phẩm.
- ☐ Không lắc hộp mực sau khi mở gói sản phẩm, vì như vậy hộp mực có thể bị rò rỉ.
- ☐ Bạn phải gỡ bỏ băng dính màu vàng ra khỏi hộp mực trước khi lắp hộp mực; nếu không, chất lượng in có thể suy giảm hoặc bạn không thể in được. Không gỡ bỏ hoặc xé nhãn trên hộp mực; làm như vậy có thể gây rò rỉ mực.



- ☐ Không gỡ bỏ niêm phong trong suốt ra khỏi đáy hộp mực; nếu làm như vậy, hộp mực có thể trở nên không sử dụng được.



- ☐ Không chạm vào các phần được hiển thị trong hình minh họa. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến hoạt động và in bình thường.



- ☐ Lắp tất cả các hộp mực; nếu không bạn không thể in.
- ☐ Không thay thế hộp mực in khi nguồn tắt. Không di chuyển đầu in bằng tay; làm như vậy, bạn có thể làm hỏng máy in.
- ☐ Không tắt máy in trong khi nạp mực. Nếu quá trình nạp mực không hoàn thành, bạn không thể in.
- ☐ Không rời khỏi máy in khi tháo hộp mực hoặc không tắt máy in trong khi thay hộp mực. Nếu không, mực còn lại trong kim phun của đầu in có thể khô đi và bạn không thể in.
- ☐ Nếu bạn cần tháo hộp mực tạm thời, đảm bảo rằng bạn bảo vệ vùng cấp mực tránh bụi và bắn. Bảo quản hộp mực trong cùng môi trường với máy in, với cổng cấp mực hướng xuống dưới hoặc phía bên cạnh. Không bảo quản hộp mực với cổng cấp mực hướng lên trên. Vì cổng cấp mực được trang bị van được thiết kế để chứa mực thừa thoát ra, không cần phải có nắp hoặc nút của riêng bạn.
- ☐ Hộp mực đã tháo có thể có mực xung quanh cổng cấp mực, vì vậy hãy cẩn thận không để mực đi ra khu vực xung quanh khi tháo hộp mực.
- ☐ Máy in này sử dụng hộp mực được trang bị chip màu xanh lá cây để theo dõi thông tin như lượng mực còn lại của từng hộp mực. Điều này có nghĩa là ngay cả khi hộp mực được tháo ra khỏi máy in trước khi được mở rộng, bạn vẫn có thể sử dụng hộp mực sau khi lắp lại hộp mực vào máy in. Tuy nhiên, khi lắp lại hộp mực, một lượng mực có thể được tiêu thụ để đảm bảo hoạt động của máy in.
- ☐ Để có được hiệu quả sử dụng mực tối đa, chỉ tháo hộp mực khi bạn đã sẵn sàng thay hộp mực. Không thể sử dụng hộp mực có trạng thái mực thấp khi được lắp lại.
- ☐ Để đảm bảo bạn có được chất lượng in cao cấp và giúp bảo vệ đầu in, một lượng mực dự trữ an toàn còn lại trong hộp mực khi máy in của bạn cho biết cần phải thay hộp mực. Sản lượng đã tính cho bạn không bao gồm lượng dự trữ này.
- ☐ Không tháo hoặc sửa lại hộp mực, làm như vậy bạn có thể không in được một cách bình thường.
- ☐ Bạn không thể sử dụng hộp mực đi cùng với máy in để thay thế.

Tiêu thụ mực

- ☐ Để duy trì hiệu suất đầu in tối ưu, một lượng mực được tiêu thụ từ tất cả các hộp mực trong quá trình vận hành bảo dưỡng. Mực cũng có thể được tiêu thụ khi bạn thay hộp mực hoặc bật máy in.
- ☐ Khi in ở chế độ đơn sắc hoặc xám, mực màu thay vì mực đen có thể được sử dụng tùy thuộc vào loại giấy hoặc cài đặt chất lượng in. Điều này là vì một hỗn hợp mực màu được sử dụng để tạo màu đen.
- ☐ Mực trong hộp mực được cung cấp cùng với máy in được sử dụng một phần trong quá trình cài đặt ban đầu. Để tạo ra bản in có chất lượng cao, đầu in trong máy in của bạn sẽ được nạp đầy mực. Quy trình một lần này tiêu thụ một lượng mực và vì vậy các hộp mực này có thể in số trang ít hơn so với các hộp mực tiếp theo.
- ☐ Sản lượng đã tính có thể thay đổi tùy thuộc vào ảnh mà bạn in, loại giấy bạn sử dụng, tần suất in và điều kiện môi trường như nhiệt độ.

Thay hộp mực



Chú ý:

Cẩn thận không kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng bộ phận máy quét. Nếu không, bạn có thể bị thương.

Thực hiện một trong các tùy chọn sau.

Để chọn một mực, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

☐ Khi được nhắc thay thế hộp mực

Kiểm tra hộp mực nào cần phải thay thế và sau đó nhấn nút OK. Xác nhận thông báo, chọn **Thay thế ngay** trên màn hình chính.

Chọn **Xem Mô tả** và sau đó xem hình động được hiển thị trên bảng điều khiển để tìm hiểu cách thay thế hộp mực.

☐ Khi thay thế hộp mực trước khi cạn

Chọn **Bảo dưỡng** > **Thay hộp mực** trên màn hình chính.

Chọn **Xem Mô tả** và sau đó xem hình động được hiển thị trên bảng điều khiển để tìm hiểu cách thay thế hộp mực.

Thông tin liên quan

➔ [“Mã hộp mực” ở trang 147](#)

➔ [“Phòng ngừa khi xử lý hộp mực” ở trang 147](#)

Mã Hộp Bảo Trì

Epson khuyên bạn nên sử dụng hộp bảo dưỡng Epson chính hãng.

Mã hộp bảo trì: C9344



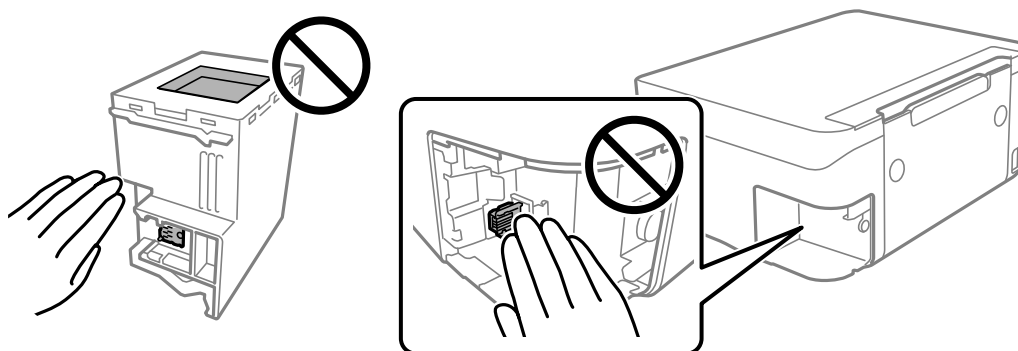
Quan trọng:

Sau khi đã lắp hộp bảo dưỡng vào máy in thì không thể dùng hộp đó với máy in khác.

Thận trọng khi xử lý hộp bảo trì

Đọc các hướng dẫn sau trước khi thay thế hộp bảo trì.

- ❑ Không chạm vào các phần được hiển thị trong hình minh họa. Làm như vậy có thể cản trở hoạt động bình thường và bạn có thể bị mực làm vấy bẩn.

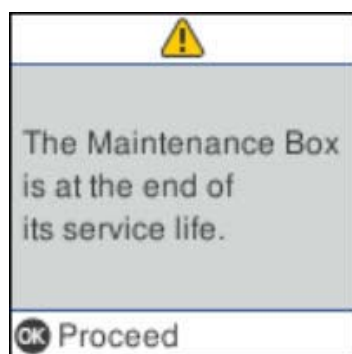


- ❑ Không được làm rơi hộp bảo dưỡng hoặc tác động mạnh lên hộp.
- ❑ Không thay hộp bảo dưỡng trong khi in; làm như vậy mực có thể bị rò rỉ.
- ❑ Không tháo hộp bảo dưỡng và nắp hộp trừ khi thay thế hộp bảo dưỡng; làm như vậy mực có thể bị rò rỉ.
- ❑ Khi không thể lắp lại nắp, hộp bảo dưỡng có thể không được lắp đúng cách. Tháo hộp bảo dưỡng và lắp lại.
- ❑ Không nghiêng hộp bảo dưỡng đã sử dụng sau khi đóng kín trong túi nhựa; làm như vậy mực có thể bị rò rỉ.
- ❑ Không chạm vào lỗ hở trong hộp bảo dưỡng vì bạn có thể bị mực làm vấy bẩn.
- ❑ Không sử dụng lại hộp bảo dưỡng đã được tháo ra và không được lắp vào trong một thời gian dài. Mực bên trong hộp sẽ đông đặc lại và không thể hấp thu thêm mực.
- ❑ Để hộp bảo dưỡng tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.
- ❑ Không bảo quản hộp bảo dưỡng ở nơi có nhiệt độ cao hoặc đóng băng.

Thay thế hộp bảo trì

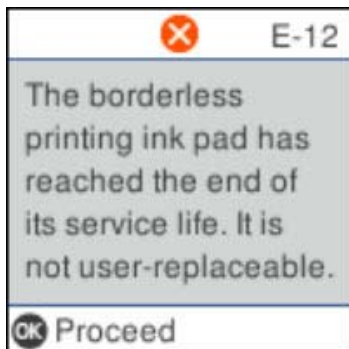
Trong một số chu trình in, một lượng rất nhỏ mực thừa có thể bị tích tụ trong hộp bảo dưỡng. Để tránh rò rỉ mực ra khỏi hộp bảo dưỡng, máy in được thiết kế để dừng in khi khả năng hấp thu của hộp bảo dưỡng đã đạt đến giới hạn. Liệu có cần thay hay không và tần suất thay như thế nào sẽ khác nhau tùy thuộc vào số trang bạn in, loại chất liệu mà bạn in và số chu trình làm sạch mà máy in thực hiện.

Khi thông báo hiển thị nhắc bạn thay thế hộp bảo dưỡng, hãy tham khảo hoạt ảnh hiển thị trên bảng điều khiển. Việc cần thay thế hộp không có nghĩa là máy in không còn vận hành theo thông số kỹ thuật nữa. Bảo hành của Epson không bao gồm chi phí cho việc thay thế này. Đây là bộ phận người dùng có thể bảo trì.



Lưu ý:

- ☐ Khi hộp bảo trì đầy, bạn không thể in và làm sạch đầu in cho đến khi hộp bảo trì được thay thế để tránh rò rỉ mực. Tuy nhiên, bạn có thể thực hiện các thao tác không dùng mực, chẳng hạn như quét.
- ☐ Khi màn hình sau hiển thị, người dùng không thể thay thế bộ phận này. Liên hệ bộ phận hỗ trợ Epson.



In tạm thời bằng mực đen

Khi mực màu đã cạn mà mực đen vẫn còn, bạn có thể sử dụng các cài đặt sau để tiếp tục in chỉ sử dụng mực đen trong thời gian ngắn.

- ☐ Kiểu giấy: Giấy thường, Bì thư
- ☐ Màu: Đen trắng hoặc Dải màu xám
- ☐ Không đường viền: Không được chọn
- ☐ EPSON Status Monitor 3: Được bật (Khi in từ trình điều khiển máy in trên Windows.)

Vì tính năng này chỉ khả dụng trong khoảng năm ngày, hãy thay thế hộp mực đã cạn càng sớm càng tốt.

Lưu ý:

- ☐ Nếu **EPSON Status Monitor 3** tắt, hãy truy cập trình điều khiển máy in, nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên thẻ **Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.
- ☐ Khoảng thời gian khả dụng có thể thay đổi tùy theo điều kiện sử dụng.

In tạm thời bằng mực đen — bảng điều khiển

1. Khi thông báo hiển thị nhắc bạn thay hộp mực, chọn **Tiến hành**.
Thông báo hiển thị cho bạn biết rằng bạn có thể tạm thời in bằng mực đen.
2. Xem thông báo và sau đó chọn **Tiến hành**.
3. Nếu bạn muốn in đơn sắc, hãy chọn **Không, nhắc tôi sau**.
Công việc đang thực hiện bị hủy.
4. Giờ đây, bạn có thể sao chụp đơn sắc bản gốc trên giấy thường. Chọn tính năng mà bạn muốn sử dụng từ màn hình chính.

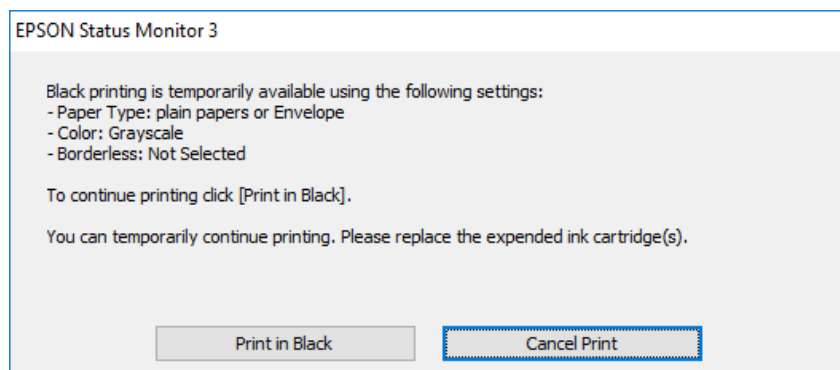
Lưu ý:

Sao chụp không đường viền không khả dụng.

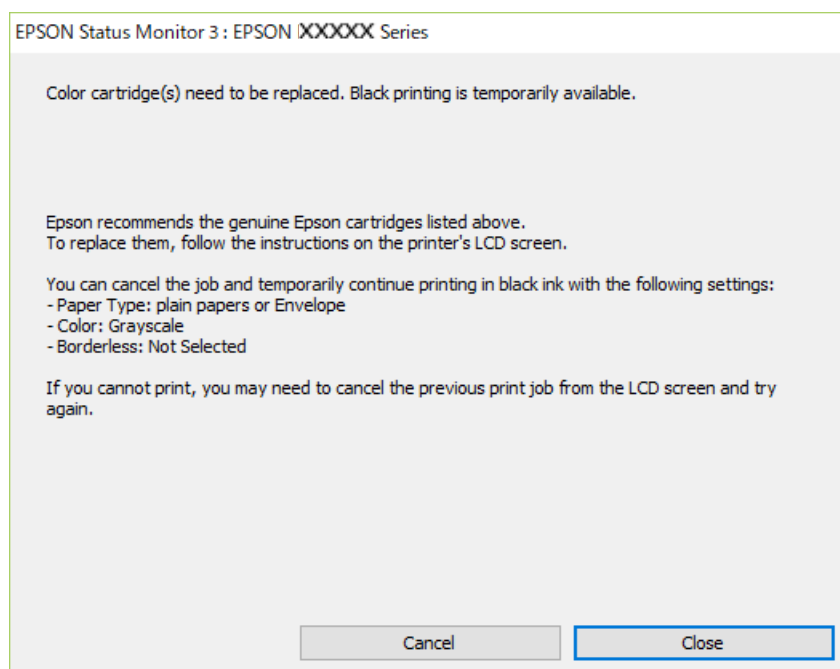
Tạm thời in bằng mực đen — Windows

Thực hiện một trong các tùy chọn sau.

- ☐ Khi cửa sổ sau được hiển thị, chọn **In đen**.



- ☐ Khi cửa sổ sau được hiển thị, hãy hủy lệnh in. Và sau đó, in lại.



Lưu ý:

Nếu bạn không thể hủy in từ máy tính, hãy hủy in bằng bảng điều khiển của máy in.

Thực hiện theo các bước dưới đây khi in lại.

1. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
2. Bỏ chọn **Ko viên** trên thẻ **Chính**.
3. Chọn **Giấy thường** hoặc **Bì thư** cho thiết lập **Loại giấy** trên tab **Chính**.
4. Chọn **Dải màu xám**.
5. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấn **Đ.ý**.

6. Nhấp vào **In**.
7. Nhấp vào **In đen** trong cửa sổ hiển thị.

In tạm thời bằng mực đen — Mac OS

Lưu ý:

Để sử dụng tính năng này qua mạng, hãy kết nối với **Bonjour**.

1. Nhấp vào biểu tượng máy in trong **Trạm Kết Nối**.
2. Hủy bỏ công việc.

Lưu ý:

Nếu bạn không thể hủy in từ máy tính, hãy hủy in bằng bảng điều khiển của máy in.

3. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**).
4. Chọn **On** làm cài đặt **Permit temporary black printing**.
5. Truy cập hộp thoại in.
6. Chọn **Cài đặt in** từ menu bật lên.
7. Chọn bất kỳ kích cỡ giấy nào trừ kích cỡ không đường viền làm cài đặt **Cỡ giấy**.
8. Chọn **Giấy thường** hoặc **Bì thư** làm cài đặt **Media Type**.
9. Chọn **Dải màu xám**.
10. Đặt các mực khác nếu cần.
11. Nhấp vào **In**.

Duy trì mực đen khi mực đen còn ít (chỉ dành cho Windows)

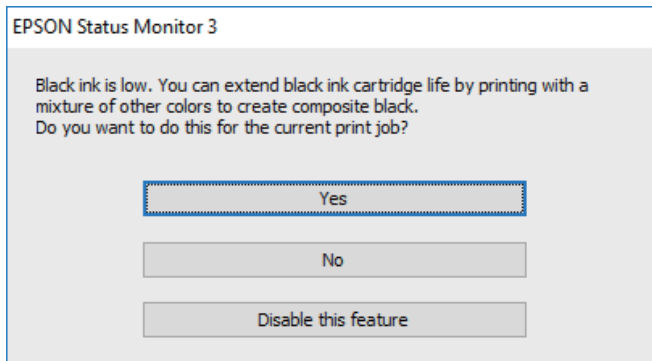
Khi mực đen sắp hết và còn đủ mực màu, bạn có thể sử dụng hỗn hợp các mực màu để tạo ra mực đen. Bạn có thể tiếp tục in trong khi chuẩn bị hộp mực đen thay thế.

Tính năng này chỉ có sẵn khi bạn chọn các cài đặt sau trong trình điều khiển máy in.

- ☐ Loại giấy: **Giấy thường**
- ☐ C.lượng: **Chuẩn**
- ☐ EPSON Status Monitor 3: Đã bật

Lưu ý:

- ☐ Nếu **EPSON Status Monitor 3** tắt, hãy truy cập trình điều khiển máy in, nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên thẻ **Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.
- ☐ Mực đen hỗn hợp trông hơi khác so với mực đen thuần. Ngoài ra, tốc độ in bị giảm.
- ☐ Để duy trì chất lượng của đầu in, mực đen cũng được tiêu thụ.



Tùy chọn	Mô tả
Có	Chọn để sử dụng hỗn hợp mực màu để tạo màu đen. Cửa sổ này được hiển thị vào lần tiếp theo bạn in công việc tương tự.
Không	Chọn để tiếp tục sử dụng mực đen còn lại. Cửa sổ này được hiển thị vào lần tiếp theo bạn in công việc tương tự.
Tắt tính năng này	Chọn để tiếp tục sử dụng mực đen còn lại. Cửa sổ này không được hiển thị cho tới khi bạn thay thế hộp mực đen và hộp mực lại sắp hết.

Bảo trì máy in

Ngăn ngừa tình trạng đầu in bị khô

Luôn sử dụng nút nguồn khi bật và tắt máy in.

Kiểm tra đèn nguồn đã tắt trước khi ngắt kết nối dây điện.

Mực có thể tự khô nếu không có nắp đậy. Cũng như việc lắp nắp bút máy hoặc bút đầu để ngăn không cho bút bị khô, hãy đảm bảo rằng đầu in được đậy nắp đúng cách để ngăn ngừa tình trạng mực bị khô.

Khi rút phích cắm dây điện hoặc xảy ra tình trạng mất điện khi máy in đang hoạt động, đầu in có thể không được đậy nắp đúng cách. Nếu vẫn để đầu in như vậy, đầu in sẽ bị khô khiến cho kim phun (cửa ra của mực) bị tắc.

Trong trường hợp này, bật máy in và tắt lại ngay khi có thể để đậy nắp đầu in.

Kiểm Tra và Vệ Sinh Đầu In

Nếu các kim phun bị tắc, bản in trở nên mờ nhạt, có dải băng rõ ràng hoặc xuất hiện màu không mong muốn. Khi chất lượng in giảm đi, hãy sử dụng tính năng kiểm tra kim phun và kiểm tra xem kim phun có bị tắc không. Nếu kim phun bị tắc, hãy làm sạch đầu in.



Quan trọng:

- ☐ Không mở bộ phận máy quét hoặc tắt máy in trong khi làm sạch đầu in. Nếu quá trình làm sạch đầu in không hoàn thành, bạn không thể in.
- ☐ Máy sẽ tiêu thụ mực khi làm sạch đầu in và không nên thực hiện việc này nhiều hơn cần thiết.
- ☐ Khi mực thấp, bạn không thể làm sạch đầu in.
- ☐ Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện sau khi lặp lại quá trình kiểm tra kim phun và làm sạch đầu in bốn lần, hãy đợi ít nhất sáu giờ không in, và sau đó chạy lại kiểm tra kim phun và lặp lại việc làm sạch đầu in nếu cần. Chúng tôi khuyến nghị tắt máy in. Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện, hãy liên hệ bộ phận hỗ trợ của Epson.
- ☐ Để tránh đầu in bị khô, không rút phích cắm điện của máy in khi nguồn vẫn đang bật.

Kiểm tra và vệ sinh đầu in — Bảng điều khiển

1. Nạp giấy thường khổ A4 vào máy in.

2. Chọn **Bảo dưỡng** trên màn hình chính.

Để chọn một mực, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

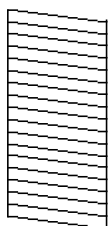
3. Chọn **Kiểm tra kim phun**.

4. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để in mẫu kiểm tra kim phun.

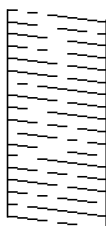
5. Kiểm tra mẫu đã in.

- ☐ Nếu không thấy bất kỳ dòng nào bị gãy hoặc không thiếu phân đoạn nào như trong mẫu "OK" sau thì nghĩa là kim phun không bị tắc. Chọn **Không** để đóng tính năng kiểm tra kim phun. Không cần thêm bước nào khác.
- ☐ Nếu dòng bị gãy hoặc thiếu phân đoạn như trong mẫu "NG" thì kim phun của đầu in có thể bị tắc. Chuyển sang bước tiếp theo.

OK



NG



6. Chọn **Có**, và sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình để làm sạch đầu in.
7. Khi quá trình làm sạch kết thúc, in lại mẫu kiểm tra kim phun. Lặp lại quá trình làm sạch và in mẫu cho đến khi tất cả các dòng đều được in ra hoàn chỉnh.

Thông tin liên quan

➔ [“Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau” ở trang 47](#)

Kiểm tra và làm sạch Đầu In — Windows

1. Nạp giấy thường A4 vào máy in.
2. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
3. Nhấp vào **K.tra kim phun** trên thẻ **Bảo dưỡng**.
4. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.

Thông tin liên quan

➔ [“Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau” ở trang 47](#)

➔ [“Truy cập trình điều khiển máy in” ở trang 79](#)

Kiểm tra và vệ sinh đầu in — Mac OS

1. Nạp giấy thường khổ A4 vào máy in.
2. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**), sau đó chọn máy in.
3. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở Tiện ích Máy in**.

4. Nhấp vào **K.tra kim phun**.
5. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Thông tin liên quan

➔ “[Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau](#)” ở trang 47

Căn chỉnh Đầu In

Nếu kết quả in có các vấn đề sau, căn chỉnh đầu in để cải thiện bản in.

- ☐ Các đường dọc bị lệch hoặc bản in bị mờ
- ☐ Xuất hiện các dải ngang với tuần suất thường xuyên

Căn chỉnh Đầu in — Bảng điều khiển

1. Chọn **Bảo dưỡng** trên màn hình chính.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.
2. Chọn **Chỉnh đầu in**.
3. Chọn menu điều chỉnh bạn muốn điều chỉnh để cải thiện bản in theo trạng thái của kết quả in.
 - ☐ Các đường dọc bị lệch hoặc bản in bị mờ: chọn **Căn chỉnh dọc**.
 - ☐ Xuất hiện các dải ngang với tuần suất thường xuyên: chọn **Căn chỉnh chiều ngang**.
4. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Thông tin liên quan

➔ “[Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau](#)” ở trang 47

Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bắn

Khi bản in ra có vết bắn hoặc bị mòn, hãy vệ sinh các con lăn bên trong.



Quan trọng:

Không sử dụng giấy ăn để vệ sinh bên trong máy in. Xơ giấy có thể làm tắc các kim phun của đầu in.

1. Nạp giấy thường A4 vào máy in.
2. Chọn **Bảo dưỡng** trên màn hình chính.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.
3. Chọn **Lau sạch dẫn hướng giấy**.

- Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để làm sạch đường đi của giấy.

Lưu ý:

Lặp lại quy trình này cho đến khi giấy không còn vết mực bẩn nữa.

Thông tin liên quan

➔ “Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau” ở trang 47

Làm sạch ADF

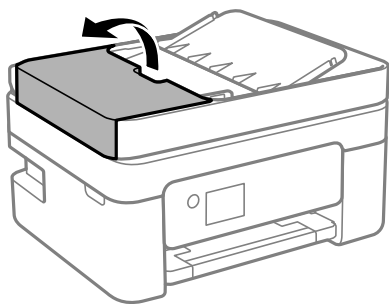
Khi các hình ảnh sao chép hoặc quét từ ADF có vết bẩn hoặc bản gốc không được nạp vào ADF chính xác, hãy làm sạch ADF.



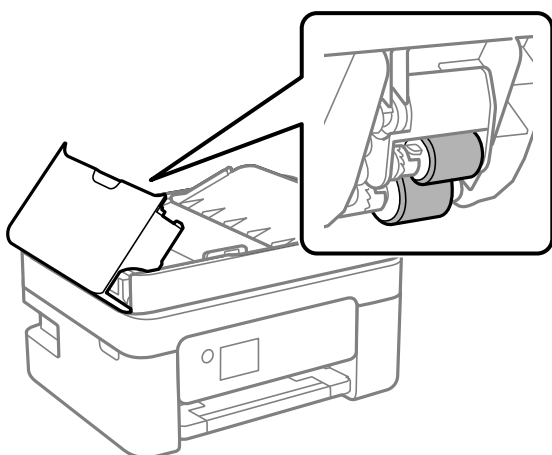
Quan trọng:

Không sử dụng cồn hoặc dung môi để làm sạch máy in. Các hóa chất này có thể làm hỏng máy in.

- Mở nắp ADF.



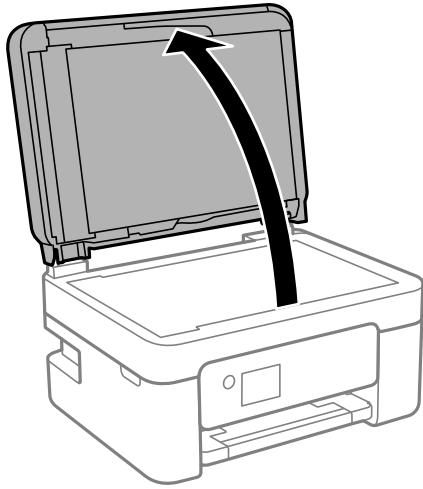
- Sử dụng vải mềm, ẩm để làm sạch trực lăn và phần bên trong của ADF.



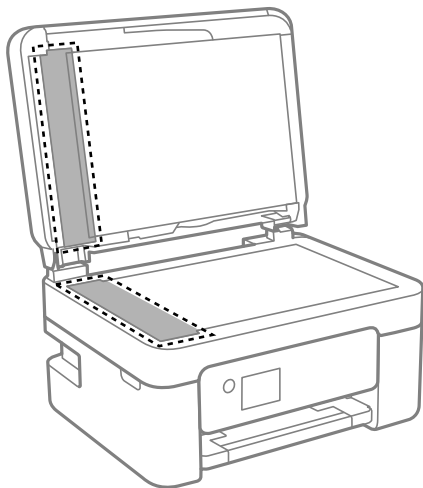
Quan trọng:

Đừng dùng vải khô có thể làm hỏng bề mặt của trục lăn. Sử dụng ADF sau khi trục lăn đã khô.

3. Đóng nắp ADF, và sau đó mở nắp tài liệu.



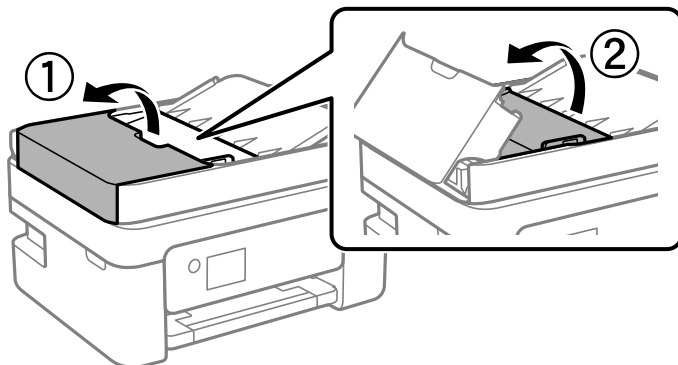
4. Làm sạch bộ phận được hiển thị trong hình minh họa.



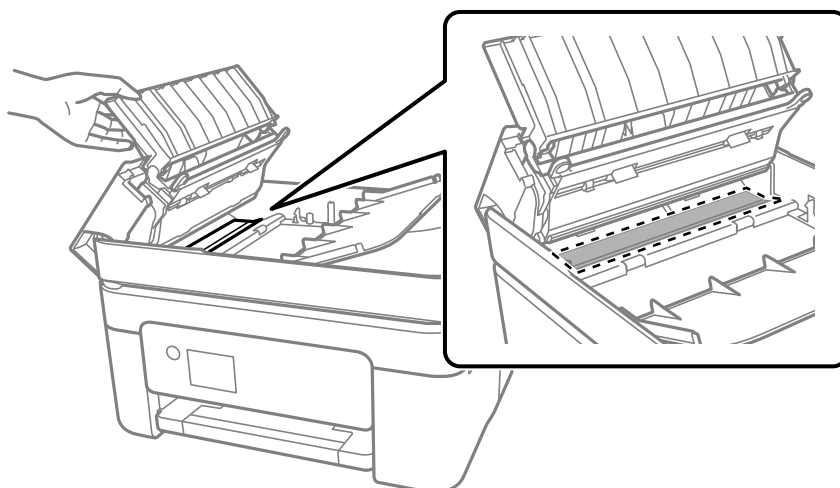
Quan trọng:

- ☐ Nếu mặt kính bị bẩn bởi mỡ hoặc một loại vật liệu khó xóa bỏ khác, hãy sử dụng một lượng nhỏ chất làm sạch kính và vải mềm để loại bỏ. Lau sạch phần chất lỏng còn lại.
- ☐ Không ấn lên mặt kính quá mạnh.
- ☐ Cần thận không làm xước hoặc làm hỏng mặt kính. Mặt kính bị hỏng có thể làm giảm chất lượng quét.

5. Nếu không thể xóa vấn đề, tắt máy in bằng cách nhấn nút , mở nắp ADF và nâng khay đầu vào ADF lên.



6. Làm sạch bộ phận được hiển thị trong hình minh họa.



Vệ sinh Kính Máy Scan

Khi các bản sao hoặc ảnh quét có vết bẩn, hãy vệ sinh kính máy scan.



Chú ý:

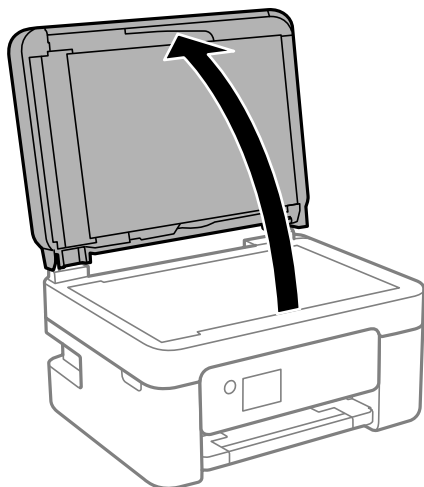
Cẩn thận không để kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng nắp tài liệu. Nếu không, bạn có thể bị thương.



Quan trọng:

Không sử dụng cồn hoặc dung môi để làm sạch máy in. Các hóa chất này có thể làm hỏng máy in.

1. Mở nắp tài liệu.



2. Sử dụng vải mềm, khô và sạch để làm sạch bề mặt kính máy scan.



Quan trọng:

- ☐ Nếu mặt kính bị bẩn bởi mỡ hoặc một loại vật liệu khó xóa bỏ nào khác, hãy sử dụng một lượng nhỏ chất làm sạch kính và vải mềm để loại bỏ. Lau sạch phần chất lỏng còn lại.
- ☐ Không ấn lên mặt kính quá mạnh.
- ☐ Cần thận không làm xước hoặc làm hỏng mặt kính. Mặt kính bị hỏng có thể làm giảm chất lượng quét.

Vệ sinh phim mờ

Khi bản in không được cải thiện sau khi căn chỉnh đầu in hoặc vệ sinh đường dẫn giấy, phim mờ bên trong máy in có thể bị bẩn.

Cần có:

- ☐ Tăm bông (vải cái)
- ☐ Nước có pha vài giọt chất tẩy rửa (2 đến 3 giọt chất tẩy rửa trong 1/4 cốc nước máy)
- ☐ Đèn để kiểm tra vết bẩn

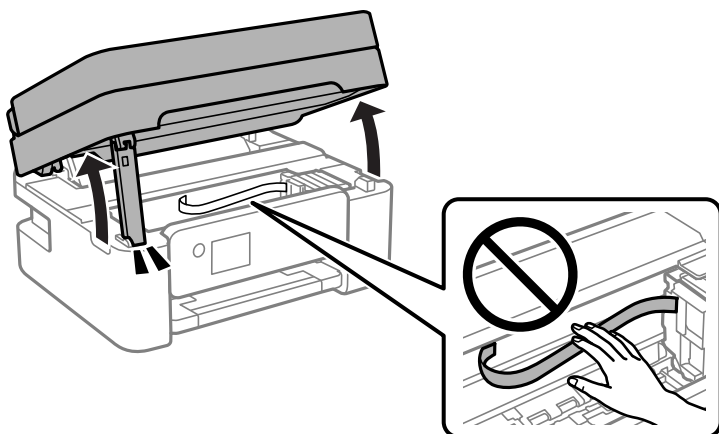


Quan trọng:

Không sử dụng chất lỏng làm sạch khác với nước cùng một vài giọt chất tẩy rửa.

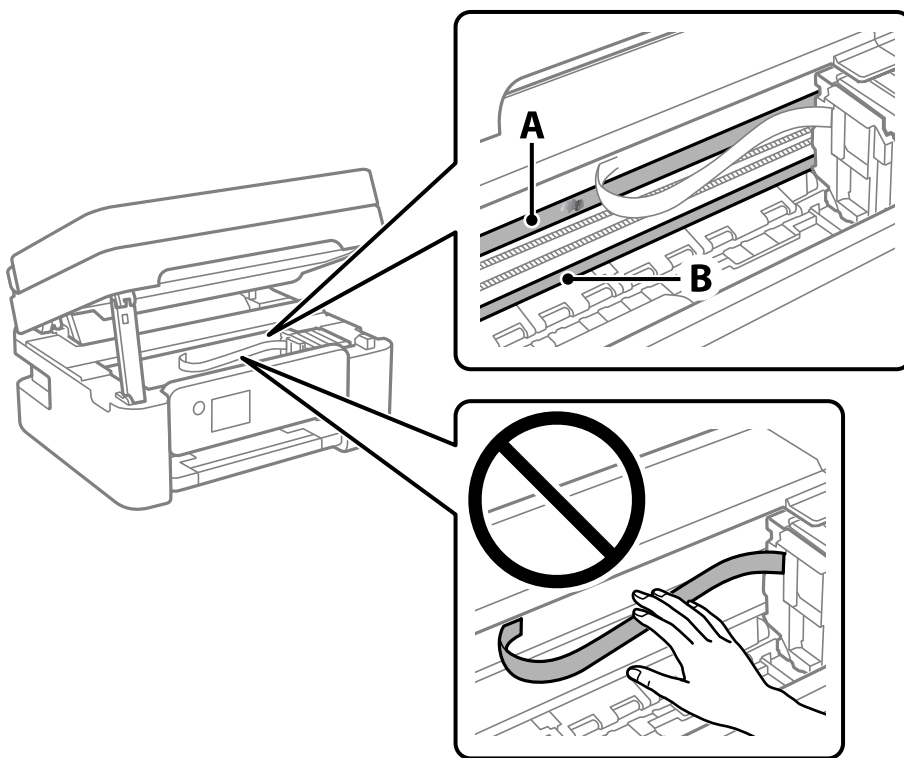
1. Tắt máy in bằng cách nhấn nút .

2. Mở bộ phận máy quét.



3. Kiểm tra xem phim mờ có bị bẩn không. Vết bẩn dễ nhìn thấy hơn nếu bạn sử dụng đèn.

Nếu có các vết bẩn (chẳng hạn như dầu vân tay hoặc dầu mỡ) trên phim mờ (A), hãy chuyển sang bước tiếp theo.



A: Phim mờ

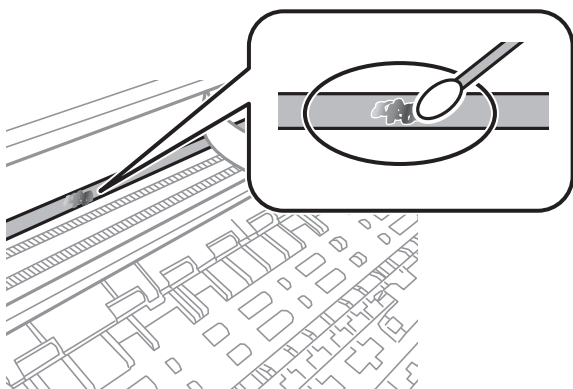
B: Ray



Quan trọng:

Cẩn thận không chạm vào ray (B). Nếu không, bạn có thể không in được. Không lau sạch dầu mỡ trên ray vì điều này cần thiết cho các hoạt động.

4. Làm ẩm tấm bông bằng nước hòa với vài giọt chất tẩy rửa để không làm nhỏ giọt nước và sau đó lau phần bị bẩn.



! **Quan trọng:**

Nhẹ nhàng lau sạch vết bẩn. Nếu bạn ấn quá mạnh tấm bông lên phim, lò xo của phim có thể bị lệch khỏi vị trí và máy in có thể bị hỏng hóc.

5. Sử dụng tấm bông khô và mới để lau phim.

! **Quan trọng:**

Không để sợi bông bám lên phim.

Lưu ý:

Để ngăn vết bẩn lan rộng, hãy thường xuyên thay mới tấm bông.

6. Lặp lại các bước 4 và 5 cho đến khi phim không còn vết bẩn.
7. Kiểm tra bằng mắt thường để đảm bảo phim không bị bẩn.

Dịch vụ mạng và thông tin phần mềm

Phần này giới thiệu các dịch vụ mạng và sản phẩm phần mềm có sẵn cho máy in của bạn từ trang web Epson.

Ứng dụng để cấu hình hoạt động máy in (Web Config)

Web Config là ứng dụng chạy trên trình duyệt, như Internet Explorer và Safari, trên máy tính hoặc thiết bị thông minh. Bạn có thể xác nhận trạng thái của máy in hoặc thay đổi các cài đặt dịch vụ mạng và máy in. Để sử dụng Web Config, kết nối máy in và máy tính hoặc thiết bị với cùng mạng.

Các trình duyệt sau được hỗ trợ.

Microsoft Edge, Internet Explorer 8 trở lên, Firefox*, Chrome*, Safari*

* Sử dụng phiên bản mới nhất.

Lưu ý:

Nếu mật khẩu quản trị viên chưa được đặt khi truy cập Web Config, bạn phải đặt mật khẩu phải trên trang đặt mật khẩu quản trị viên.

Đừng quên tên người dùng và mật khẩu. Nếu bạn quên chúng, bạn sẽ cần liên hệ với dịch vụ hỗ trợ của Epson.

Chạy Web Config trên Trình duyệt web

1. Kiểm tra địa chỉ IP của máy in.

Chọn **Cài đặt > mọi cài đặt mạng Wi-Fi > Kiểm tra kết nối** trên bảng điều khiển. Nhấn nút  hoặc nút OK để in báo cáo kết nối mạng. Kiểm tra địa chỉ IP của máy in trên báo cáo kết nối mạng đã in ra.

2. Khởi chạy trình duyệt Web từ máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó nhập địa chỉ IP của máy in.

Định dạng:

IPv4: http://địa chỉ IP của máy in/

IPv6: http://[địa chỉ IP của máy in]/

Ví dụ:

IPv4: http://192.168.100.201/

IPv6: http://[2001:db8::1000:1]/

Lưu ý:

Bằng cách sử dụng thiết bị thông minh, bạn cũng có thể chạy Web Config từ màn hình bảo dưỡng của Epson iPrint.

Vì máy in sử dụng chứng nhận tự ký khi truy cập HTTPS, máy in sẽ hiển thị cảnh báo trên trình duyệt khi bạn khởi động Web Config; đây không phải là một vấn đề và bạn có thể bỏ qua một cách an toàn.

Thông tin liên quan

➡ “In báo cáo kết nối mạng” ở trang 34

➡ “Sử dụng Epson iPrint” ở trang 105

Chạy Web Config trên Windows

Khi kết nối máy tính với máy in bằng cách sử dụng WSD, hãy làm theo các bước bên dưới để chạy Web Config.

1. Mở danh sách in trên máy tính.

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Hệ thống Windows > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Chọn **Bàn làm việc > Thiết đặt > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh** (hoặc **Phần cứng**).

☐ Windows 7

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**.

☐ Windows Vista

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**.

2. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Thuộc tính**.

3. Chọn thẻ **Dịch vụ Web** và nhấp vào URL.

Vì máy in sử dụng chứng nhận tự ký khi truy cập HTTPS, máy in sẽ hiển thị cảnh báo trên trình duyệt khi bạn khởi động Web Config; đây không phải là một vấn đề và bạn có thể bỏ qua một cách an toàn.

Chạy Web Config trên Mac OS

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in.

2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng > Hiển thị Trang web Máy in**.

Vì máy in sử dụng chứng nhận tự ký khi truy cập HTTPS, máy in sẽ hiển thị cảnh báo trên trình duyệt khi bạn khởi động Web Config; đây không phải là một vấn đề và bạn có thể bỏ qua một cách an toàn.

Ứng dụng để quét tài liệu và hình ảnh (Epson Scan 2)

Epson Scan 2 là ứng dụng để điều khiển chức năng quét. Bạn có thể điều chỉnh kích cỡ, độ phân giải, độ sáng, độ tương phản và chất lượng của ảnh quét. Bạn cũng có thể bắt đầu Epson Scan 2 từ ứng dụng quét tương thích TWAIN. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Bắt đầu trên Windows

Lưu ý:

Với các hệ điều hành Windows Server, đảm bảo bạn cài đặt tính năng **Trải nghiệm máy tính để bàn**.

☐ Windows 10/Windows Server 2016

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **EPSON > Epson Scan 2**.

☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

- ☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Tất cả chương trình** hoặc **Chương trình > EPSON > Epson Scan 2 > Epson Scan 2**.

Bắt đầu trên Mac OS

Lưu ý:

Epson Scan 2 không hỗ trợ tính năng chuyển người dùng nhanh của Mac OS. Tắt tính năng chuyển người dùng nhanh.

Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Epson Scan 2**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Quét bằng Epson Scan 2” ở trang 118
- ➔ “Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 172

Thêm máy quét mạng

Trước khi sử dụng Epson Scan 2, bạn cần thêm máy quét mạng.

1. Khởi động phần mềm, sau đó nhấp vào **Thêm** trên màn hình **Cài đặt máy scan**.

Lưu ý:

- ☐ Nếu **Thêm** chuyển sang màu xám, hãy nhấp vào **Cho phép chỉnh**.
- ☐ Nếu màn hình chính Epson Scan 2 hiển thị thì nó đã được kết nối với máy quét. Nếu bạn muốn kết nối với mạng khác, hãy chọn **Máy scan > Cài đặt** để mở màn hình **Cài đặt máy scan**.

2. Thêm máy quét mạng. Nhấp các mục sau, sau đó nhấp vào **Thêm**.

- ☐ **Mẫu:** Chọn máy quét bạn muốn kết nối.
- ☐ **Tên:** Nhập tên máy quét trong khoảng 32 ký tự.
- ☐ **Tìm kiếm mạng:** Khi máy tính và máy quét ở trên cùng một mạng, địa chỉ IP hiển thị. Nếu địa chỉ không hiển thị, hãy nhấp vào nút . Nếu địa chỉ IP vẫn không hiển thị, hãy nhấp vào **Nhập địa chỉ** và sau đó nhập địa chỉ IP trực tiếp.

3. Chọn máy quét trên màn hình **Cài đặt máy scan**, sau đó nhấp vào **Đ.ý**.

Ứng dụng để định cấu hình thao tác quét từ bảng điều khiển (Epson Event Manager)

Epson Event Manager là ứng dụng cho phép bạn quản lý chức năng quét từ bảng điều khiển và lưu ảnh vào máy tính. Bạn có thể thêm thiết lập riêng của bạn thành thiết lập đặt sẵn, như kiểu tài liệu, vị trí thư mục lưu giữ và định dạng ảnh. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Lưu ý:

Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.

Bắt đầu trên Windows

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Epson Software > Event Manager**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Tất cả chương trình** hoặc **Chương trình > Epson Software > Event Manager**.

Bắt đầu trên Mac OS

Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Event Manager.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 172](#)

Ứng dụng để quét từ máy tính (Epson ScanSmart)

Ứng dụng này cho phép bạn quét tài liệu và ảnh dễ dàng, sau đó lưu hình ảnh quét theo các bước đơn giản.

Xem trợ giúp Epson ScanSmart để biết chi tiết về việc sử dụng các tính năng.

Bắt đầu trên Windows

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Epson Software > Epson ScanSmart**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Tất cả các chương trình > Epson Software > Epson ScanSmart**.

Bắt đầu trên Mac OS

Chọn Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Epson ScanSmart.

Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax (FAX Utility)

FAX Utility là ứng dụng cho phép bạn cấu hình hàng loạt các thiết lập để gửi fax từ máy tính. Bạn có thể tạo hoặc sửa danh bạ được sử dụng khi gửi fax, cấu hình lưu fax đã nhận ở định dạng PDF trên máy tính, v.v. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Lưu ý:

☐ Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.

☐ Đảm bảo rằng bạn đã cài đặt trình điều khiển máy in trước khi cài đặt FAX Utility.

Bắt đầu trên Windows

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Epson Software > FAX Utility**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Tất cả chương trình** (hoặc **Chương trình**) > **Epson Software > FAX Utility**.

Bắt đầu trên Mac OS

Chọn **Tùy chọn Hệ thống** từ  menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**) và sau đó chọn máy in (FAX). Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng > Tiện ích > Mở Tiện ích Máy in**.

Thông tin liên quan

➔ [“Nhận fax trên máy tính” ở trang 141](#)

➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 172](#)

Ứng dụng để gửi fax (Trình điều khiển PC-FAX)

Trình điều khiển PC-FAX là ứng dụng cho phép bạn gửi tài liệu được tạo ra trên một ứng dụng riêng dưới dạng fax trực tiếp từ máy tính. Trình điều khiển PC-FAX được cài đặt khi bạn cài đặt tiện ích FAX. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Lưu ý:

☐ Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.

☐ Thao tác vận hành khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng bạn đã sử dụng để tạo tài liệu. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Truy cập từ Windows

Trong ứng dụng, chọn **In** hoặc **Thiết lập in** từ menu **Tệp**. Chọn máy in của bạn (FAX) và sau đó nhấp vào **Tùy chọn** hoặc **Thuộc tính**.

Truy cập từ Mac OS

Trong ứng dụng, chọn **In** từ menu **Tệp**. Chọn máy in của bạn (FAX) là thiết lập **Máy in** và sau đó chọn **Fax Settings** or **Recipient Settings** từ menu bật lên.

Thông tin liên quan

➔ [“Gửi fax từ máy tính” ở trang 137](#)

➔ [“Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax \(FAX Utility\)” ở trang 168](#)

Ứng dụng in nhanh và thú vị từ máy tính (Epson Photo+)

Epson Photo+ là ứng dụng cho phép bạn dễ dàng in ảnh với nhiều bố cục khác nhau. Bạn có thể sử dụng nhiều mẫu khác nhau và thực hiện chỉnh sửa hình ảnh và điều chỉnh vị trí trong khi xem bản xem trước của tài liệu. Bạn cũng có thể trang trí hình ảnh bằng cách thêm văn bản và nhãn bất cứ nơi nào bạn thích. Khi in trên giấy ảnh Epson chính hãng, hiệu suất mực có thể đạt mức tối đa, tạo ra một bản in hoàn thiện đẹp với màu sắc tuyệt vời.

Ứng dụng cũng có các tính năng sau. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết. Bạn có thể tải xuống thông tin mới nhất từ trang web của Epson.

<http://www.epson.com>

- ☐ In nhãn đĩa (chỉ với các mẫu máy được hỗ trợ)
- ☐ In các mã QR đã được tạo ra
- ☐ In ảnh có hiển thị ngày và giờ chụp

Lưu ý:

- ☐ Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.
- ☐ Để sử dụng ứng dụng này, cần phải cài đặt trình điều khiển máy in cho máy in này.

Bắt đầu trên Windows

- ☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Epson Software** > **Epson Photo+**.

- ☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

- ☐ Windows 7

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Tất cả các chương trình** hoặc **Chương trình** > **Epson Software** > **Epson Photo+**.

Bắt đầu trên Mac OS

Chọn **Truy cập** > **Ứng dụng** > **Epson Software** > **Epson Photo+**.

Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 172

Ứng dụng vận hành máy in dễ dàng từ thiết bị thông minh (Epson Smart Panel)

Epson Smart Panel là ứng dụng cho phép bạn thực hiện các thao tác máy in dễ dàng bao gồm in, sao chụp hoặc quét từ một thiết bị thông minh, như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. Bạn có thể kết nối máy in và thiết bị thông minh qua mạng không dây, kiểm tra mực & trạng thái máy in và kiểm tra các giải pháp nếu xảy ra lỗi. Bạn cũng có thể sao chụp tài liệu dễ dàng bằng cách đăng ký bản sao chụp ưa thích.

Tìm kiếm và cài đặt Epson Smart Panel từ App Store hoặc Google Play.



Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater)

Epson Software Updater là ứng dụng cài đặt phần mềm mới và cập nhật chương trình cơ sở qua Internet. Nếu bạn muốn kiểm tra thông tin cập nhật thường xuyên, bạn có thể đặt khoảng thời gian kiểm tra cập nhật trong Cài đặt Tự động cập nhật của Epson Software Updater.

Lưu ý:

Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.

Bắt đầu trên Windows

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **EPSON Software > Epson Software Updater**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Tất cả các chương trình (hoặc Chương trình) > EPSON Software > Epson Software Updater**.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể bắt đầu Epson Software Updater bằng cách nhấp vào biểu tượng máy in trên thanh tác vụ trên màn hình nền, và sau đó chọn **Cập nhật phần mềm**.

Bắt đầu trên Mac OS

Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Epson Software Updater**.

Ứng dụng thiết lập thiết bị trên mạng (EpsonNet Config)

EpsonNet Config là ứng dụng cho phép bạn thiết lập địa chỉ giao tiếp mạng và giao thức. Xem hướng dẫn vận hành cho EpsonNet Config hoặc trợ giúp của ứng dụng để biết thêm chi tiết.

Bắt đầu trên Windows

☐ Windows 10/Windows Server 2019/Windows Server 2016

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **EpsonNet > EpsonNet Config**.

☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

- ❑ Windows 7/Windows Vista/Windows XP/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Tất cả chương trình** hoặc **Chương trình > EpsonNet > EpsonNet Config SE > EpsonNet Config**.

Bắt đầu trên Mac OS

Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > EpsonNet > EpsonNet Config SE > EpsonNet Config.

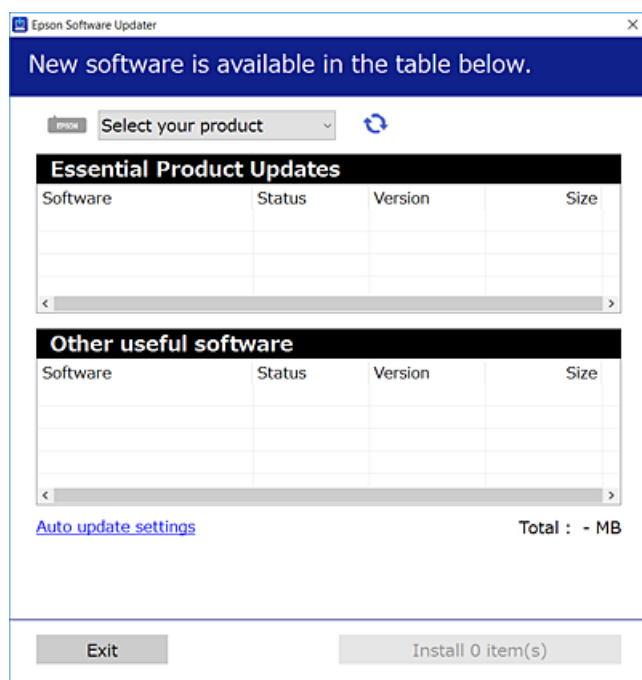
Cài đặt ứng dụng mới nhất

Lưu ý:

Khi cài đặt lại một ứng dụng, trước tiên bạn cần gỡ cài đặt ứng dụng.

1. Đảm bảo rằng máy in và máy tính có thể kết nối, và máy in được kết nối với Internet.
2. Khởi động EPSON Software Updater.

Ảnh chụp màn hình là ví dụ về Windows.



3. Đối với Windows, chọn máy in của bạn, sau đó nhấp vào  để kiểm tra các ứng dụng có sẵn mới nhất.
4. Chọn ứng dụng bạn muốn cài đặt hoặc cập nhật, sau đó nhấp vào nút cài đặt.



Quan trọng:

Không tắt hoặc rút phích cắm máy in cho tới khi quá trình cập nhật hoàn tất; nếu không, máy in có thể trục trặc.

Lưu ý:

- ❑ Bạn có thể tải xuống thông tin mới nhất từ trang web của Epson.

<http://www.epson.com>

- ❑ Nếu sử dụng hệ điều hành Windows Server, bạn không thể sử dụng EPSON Software Updater. Tải xuống thông tin mới nhất từ trang web của Epson.

Thông tin liên quan

- ➔ “Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater)” ở trang 171
- ➔ “Gỡ cài đặt ứng dụng” ở trang 173

Thêm máy in (Chỉ dành cho Mac OS)

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**).
2. Nhấp dấu +, sau đó chọn máy in trên màn hình hiển thị.
3. Chọn máy in của bạn từ **Sử dụng**.
4. Nhấp vào **Thêm**.

Lưu ý:

Nếu máy in của bạn không có trong danh sách, hãy kiểm tra xem bạn đã bật và kết nối máy in đúng cách với máy tính chưa.

Cập nhật ứng dụng và phần mềm điều khiển

Bạn có thể khắc phục các vấn đề nhất định và cải thiện hoặc thêm các chức năng bằng cách cập nhật các ứng dụng và phần mềm điều khiển. Đảm bảo rằng bạn sử dụng phiên bản mới nhất của các ứng dụng và phần mềm điều khiển.

1. Đảm bảo rằng máy in và máy tính được kết nối với nhau, và máy tính được kết nối với Internet.
2. Bắt đầu EPSON Software Updater và cập nhật các ứng dụng và phần mềm điều khiển.



Quan trọng:

Không tắt máy tính hoặc máy in cho tới khi quá trình cập nhật hoàn tất; nếu không, máy in có thể trục trặc.

Lưu ý:

Nếu bạn không tìm thấy ứng dụng bạn cập nhật trong danh sách, bạn không thể cập nhật bằng EPSON Software Updater. Kiểm tra các phiên bản mới nhất cho các ứng dụng từ trang web Epson tại địa phương của bạn.

<http://www.epson.com>

Gỡ cài đặt ứng dụng

Đăng nhập vào máy tính với vai trò là quản trị viên. Nhập mật khẩu quản trị viên nếu máy tính hỏi bạn.

Gỡ cài đặt ứng dụng — Windows

1. Nhấn nút  để tắt máy in.
 2. Thoát tất cả các ứng dụng đang chạy.
 3. Mở **Panel điều khiển**:
 - ☐ Windows 10/Windows Server 2019/Windows Server 2016
Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Hệ thống Windows > Panel điều khiển**.
 - ☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012
Chọn **Bàn làm việc > Thiết đặt > Panel điều khiển**.
 - ☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003
Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển**.
 4. Mở **Gỡ cài đặt chương trình** (hoặc **Thêm hoặc Xóa chương trình**):
 - ☐ Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Vista/Windows Server 2019/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008
Chọn **Gỡ cài đặt chương trình** trong **Chương trình**.
 - ☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003
Nhấp vào **Thêm hoặc Xóa chương trình**.
 5. Chọn ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt.

Bạn không thể gỡ cài đặt trình điều khiển máy in nếu có bất kỳ lệnh in nào. Xóa hoặc chờ để được in các lệnh trước khi gỡ cài đặt.
 6. Gỡ cài đặt các ứng dụng:
 - ☐ Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Vista/Windows Server 2019/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008
Nhấp vào **Gỡ cài đặt/Thay đổi** hoặc **Gỡ cài đặt**.
 - ☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003
Nhấp vào **Thay đổi/Xóa** hoặc **Xóa**.
- Lưu ý:**
Nếu cửa sổ **Kiểm soát tài khoản người dùng** hiển thị, nhấp vào **Tiếp tục**.
7. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Gỡ cài đặt ứng dụng — Mac OS

1. Tải xuống Uninstaller bằng EPSON Software Updater.

Sau khi đã tải xuống Uninstaller, bạn không cần tải xuống lần nữa mỗi khi bạn gỡ cài đặt ứng dụng.
2. Nhấn nút  để tắt máy in.

- Để gỡ cài đặt trình điều khiển máy in hoặc trình điều khiển PC-FAX, chọn **Tùy chọn Hệ thống** từ Apple menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**) và sau đó xóa máy in khỏi danh sách các máy in đã kích hoạt.
- Thoát tất cả các ứng dụng đang chạy.
- Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Uninstaller**.
- Chọn ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt và sau đó nhấp vào **Uninstall**.



Quan trọng:

Uninstaller xóa toàn bộ các trình điều khiển cho máy in Epson inkjet trên máy tính. Nếu bạn sử dụng nhiều máy in Epson inkjet và bạn chỉ muốn xóa một số trình điều khiển, trước tiên hãy xóa tất cả và sau đó cài đặt lại trình điều khiển máy in cần thiết.

Lưu ý:

Nếu bạn không tìm thấy ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt trong danh sách ứng dụng, bạn không thể gỡ cài đặt bằng Uninstaller. Trong trường hợp này, chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software**, chọn ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt và sau đó kéo ứng dụng vào biểu tượng thùng rác.

Thông tin liên quan

➔ “Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater)” ở trang 171

In bằng dịch vụ mạng

Với việc sử dụng dịch vụ Epson Connect có trên Internet, bạn có thể in từ điện thoại thông minh, máy tính bảng, PC hoặc máy tính xách tay bất kỳ lúc nào và gần như từ bất cứ nơi nào. Để sử dụng dịch vụ này, bạn cần đăng ký người dùng và máy in trong Epson Connect.

Các tính năng này sẵn có trên Internet như sau.

☐ **Email Print**

Khi gửi email có tệp đính kèm chẳng hạn như tài liệu hoặc hình ảnh tới địa chỉ email được chỉ định cho máy in, bạn có thể in email đó và các tệp đính kèm từ các vị trí từ xa chẳng hạn như máy in tại nhà riêng hoặc văn phòng.

☐ **Epson iPrint**

Ứng dụng này là dành cho iOS và Android, đồng thời cho phép bạn in từ một điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. Bạn có thể in các tài liệu, hình ảnh và trang web bằng cách gửi chúng trực tiếp đến một máy in trên cùng một mạng LAN không dây.

☐ **Remote Print Driver**

Đây là một trình điều khiển chung được hỗ trợ bởi Trình điều khiển in từ xa. Khi in bằng máy in ở một vị trí từ xa, bạn có thể in bằng cách thay đổi máy in trên cửa sổ ứng dụng thông thường.

Xem trang web Epson Connect để biết chi tiết.

<https://www.epsonconnect.com/>

<http://www.epsonconnect.eu> (Chỉ ở châu Âu)

Giải quyết vấn đề

Kiểm tra trạng thái máy in

Kiểm Tra Mã Lỗi trên Màn Hình LCD

Mã được hiển thị trên màn hình LCD nếu có lỗi hoặc thông tin yêu cầu bạn chú ý. Nếu mã được hiển thị, hãy làm theo các giải pháp bên dưới để giải quyết sự cố.

Mã	Tình huống	Giải pháp
E-01	Đã xảy ra lỗi máy in.	Mở bộ phận máy quét và gỡ bỏ toàn bộ giấy hoặc vật liệu bảo vệ bên trong máy in. Tắt nguồn và bật lại.
E-02	Đã xảy ra lỗi máy quét.	Tắt nguồn và bật lại.
E-12	Cần thay thế tấm lót mực in không đường viền.	Liên hệ với Epson hoặc nhà cung cấp dịch vụ Epson được ủy quyền để thay tấm lót mực in không đường viền*. Đây không phải là bộ phận người dùng có thể bảo trì. Chức năng in không đường viền không khả dụng, nhưng có thể in có đường viền.
W-01	Đã xảy ra kẹt giấy.	Lấy giấy ra khỏi máy in và nhấn nút được hiển thị ở cuối màn hình LCD để khắc phục lỗi. Trong một số trường hợp, bạn cần tắt nguồn và bật lại.
W-12	Hộp mực được lắp không đúng cách.	Nhấn hộp mực xuống chắc chắn.
W-13	Hộp mực hiển thị trên màn hình LCD không được nhận dạng.	Thay hộp mực. Epson khuyên bạn nên sử dụng hộp mực Epson chính hãng.
W-14	Tấm lót mực để in không đường viền gần đến cuối tuổi thọ hoạt động.	Liên hệ với Epson hoặc nhà cung cấp dịch vụ Epson được ủy quyền để thay tấm lót mực in không đường viền*. Đây không phải là bộ phận người dùng có thể bảo trì. Thông báo sẽ được hiển thị cho đến khi tấm lót mực được thay thế. Nhấn nút  để tiếp tục in.
I-22	Đặt Wi-Fi từ Nút ấn (WPS) .	Nhấn nút điểm truy cập. Nếu không có nút nào trên điểm truy cập, hãy mở cửa sổ cài đặt điểm truy cập và sau đó nhấp vào nút được hiển thị trong phần mềm.
I-23	Đặt Wi-Fi từ Mã PIN (WPS) .	Nhập mã PIN hiển thị trên màn hình LCD vào điểm truy cập hoặc máy tính trong vòng hai phút.
I-31	Đặt Wi-Fi từ Kết nối Tự động Wi-Fi .	Cài đặt phần mềm trên máy tính của bạn và sau đó nhấn nút OK khi quá trình thiết lập Wi-Fi bắt đầu.
I-41	Tự hiện th.lập giấy đã tắt. Một số chức năng không sử dụng được.	Nếu Tự hiện th.lập giấy bị tắt, bạn không thể sử dụng AirPrint.
I-60	Máy tính của bạn có thể không hỗ trợ WSD (Dịch vụ web cho thiết bị).	Tính năng quét vào máy tính (WSD) chỉ khả dụng cho các máy tính chạy phiên bản tiếng Anh của Windows 10, Windows 8.1, Windows 8, Windows 7 hoặc Windows Vista. Đảm bảo rằng máy in được kết nối đúng cách với máy tính.

Mã	Tình huống	Giải pháp
Recovery Mode	Máy in đã bắt đầu ở chế độ khôi phục vì việc cập nhật chương trình cơ sở đã thất bại.	Làm theo các bước bên dưới để thử cập nhật lại chương trình cơ sở. 1. Kết nối máy tính và máy in bằng cáp USB. (Trong khi ở chế độ khôi phục, bạn không thể cập nhật chương trình cơ sở qua kết nối mạng.) 2. Truy cập trang web Epson tại địa phương của bạn để được hướng dẫn thêm.

* Trong một số chu kỳ in, một lượng mực thừa rất nhỏ có thể đọng trong tấm lót mực. Để tránh rò rỉ mực ra khỏi tấm lót, máy in được thiết kế dừng in khi tấm lót đã đạt đến giới hạn. Liệu việc này có được yêu cầu không và thường xuyên như thế nào thay đổi tùy thuộc vào số trang mà bạn in với tùy chọn in không đường viền. Nhu cầu thay thế tấm lót không có nghĩa là máy in đã dừng vận hành theo thông số kỹ thuật của máy in. Máy in sẽ cho bạn biết khi nào tấm lót cần thay thế và điều này chỉ có thể được thực hiện bởi nhà cung cấp dịch vụ Epson được ủy quyền. Bảo hành của Epson không bao gồm chi phí cho việc thay thế này.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Gỡ bỏ giấy bị kẹt” ở trang 178](#)
- ➔ [“Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson” ở trang 223](#)
- ➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 172](#)

Kiểm tra trạng thái máy in — Windows

- Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
- Nhấp vào **EPSON Status Monitor 3** trên tab **Bảo dưỡng** và sau đó nhấp vào **Chi tiết**.
Bạn có thể kiểm tra trạng thái của máy in, mức mực và tình trạng lỗi.

Lưu ý:

Nếu **EPSON Status Monitor 3** tắt, nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên thẻ **Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Truy cập trình điều khiển máy in” ở trang 79](#)

Kiểm tra trạng thái máy in — Mac OS

- Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó chọn máy in.
- Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở Tiện ích Máy in**.
- Nhấp vào **EPSON Status Monitor**.
Bạn có thể kiểm tra trạng thái của máy in, mức mực và tình trạng lỗi.

Kiểm tra trạng thái phần mềm

Bạn có thể giải quyết sự cố bằng cách cập nhật phần mềm lên phiên bản mới nhất. Để kiểm tra trạng thái phần mềm, hãy sử dụng công cụ cập nhật phần mềm.

Thông tin liên quan

- ➔ “Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater)” ở trang 171
- ➔ “Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 172

Gỡ bỏ giấy bị kẹt

Kiểm tra lỗi được hiển thị trên bảng điều khiển và thực hiện theo các hướng dẫn để gỡ bỏ giấy bị kẹt, bao gồm mọi mẫu giấy bị rách. Tiếp theo, xóa thông báo lỗi.

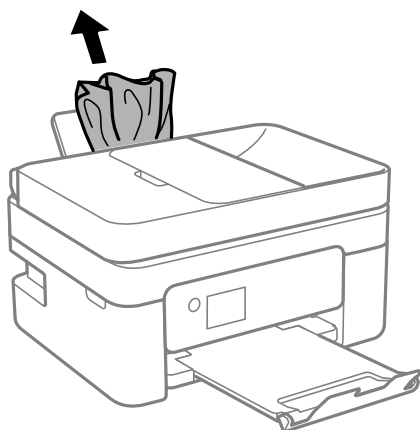


Quan trọng:

Gỡ bỏ giấy bị kẹt thật cẩn thận. Gỡ bỏ giấy quá mạnh tay có thể làm hỏng máy in.

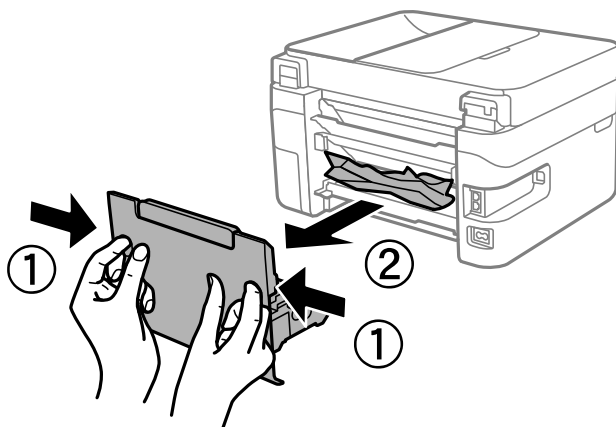
Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ Nạp Giấy Phía Sau

Gỡ bỏ giấy bị kẹt.

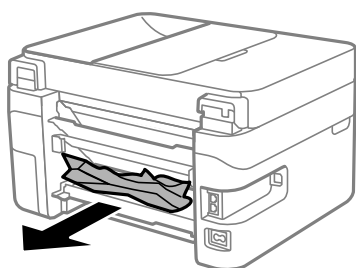


Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ Nắp Đậy Phía Sau

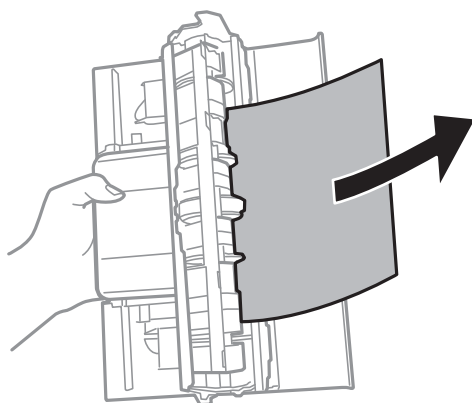
1. Tháo nắp đậy phía sau.



2. Lấy giấy bị kẹt ra.



3. Gỡ giấy bị kẹt khỏi nắp đậy phía sau.



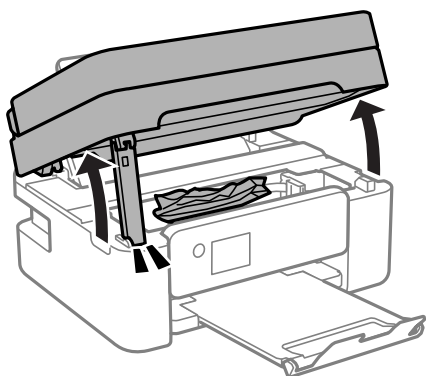
4. Lắp nắp đậy phía sau vào máy in.

Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ bên trong máy in

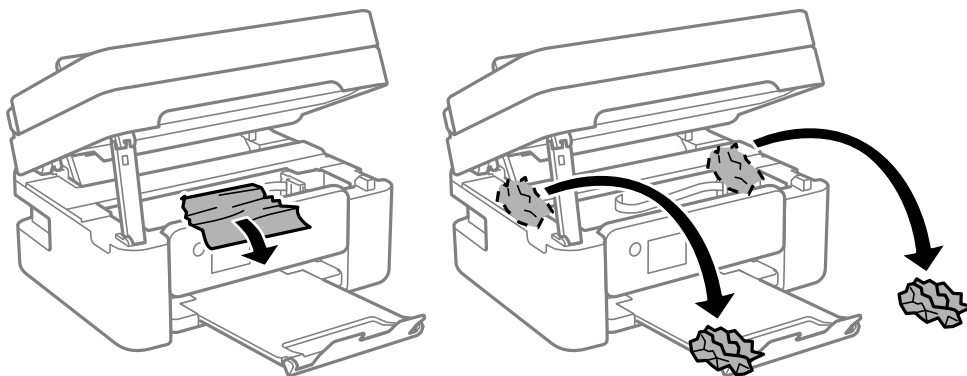
Chú ý:

- ❑ *Cẩn thận không kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng bộ phận máy quét. Nếu không, bạn có thể bị thương.*
- ❑ *Không chạm vào các nút trên bảng điều khiển khi tay của bạn đang ở bên trong máy in. Nếu máy in bắt đầu hoạt động thì bạn có thể bị thương. Cẩn thận không chạm vào các bộ phận nhô ra để tránh thương tích.*

1. Mở bộ phận máy quét khi nắp tài liệu đang đóng.

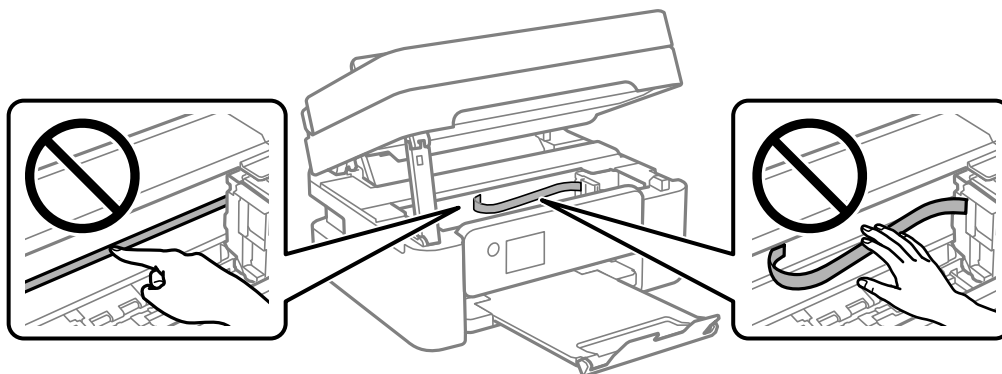


2. Lấy giấy bị kẹt ra.



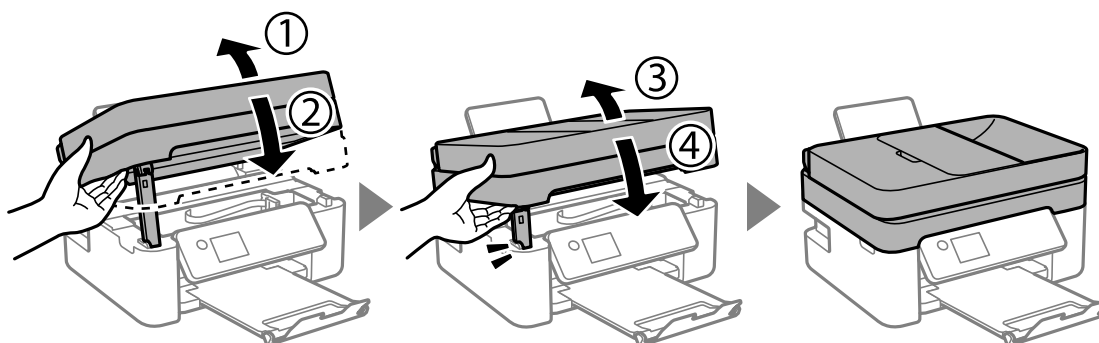
Quan trọng:

Không chạm vào dây cáp det màu trắng hoặc phim trong suốt bên trong máy in. Làm như vậy có thể gây ra lỗi.



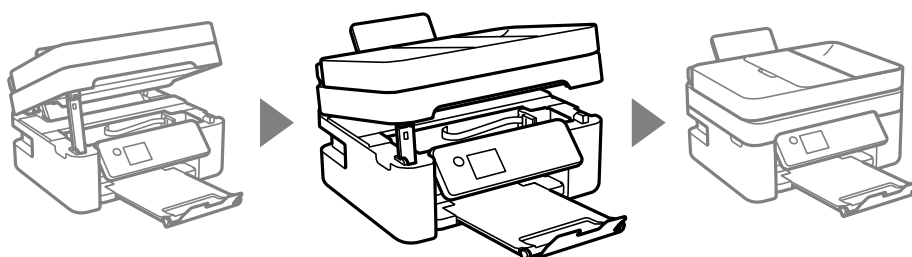
3. Đỡ bộ phận máy quét.

Để an toàn, bộ phận máy quét được đóng theo hai bước.



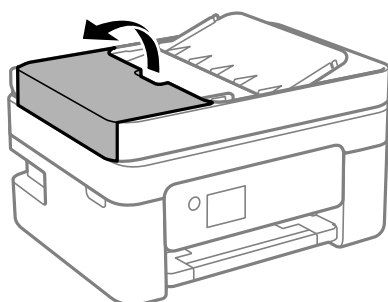
Lưu ý:

Không thể mở bộ phận máy quét từ vị trí như hiển thị bên dưới. Đóng bộ phận hoàn toàn trước khi mở bộ phận.

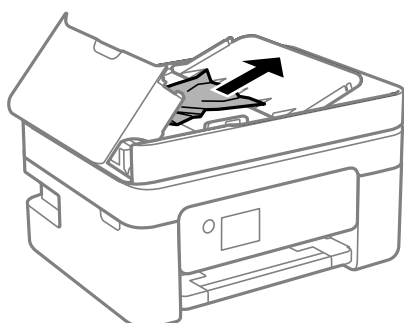


Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ ADF

1. Mở nắp đậy ADF.



2. Lấy giấy bị kẹt ra.

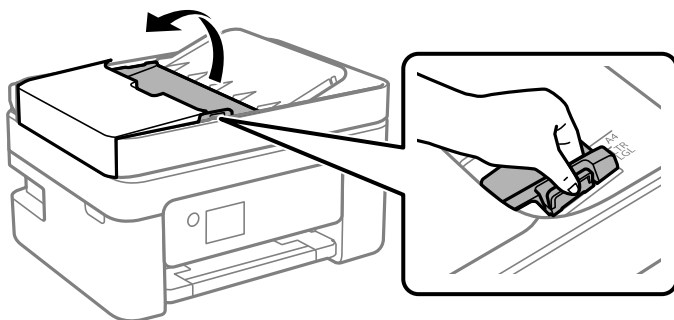


3. Nâng khay đầu vào ADF.

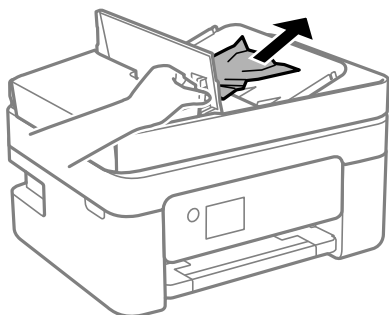


Quan trọng:

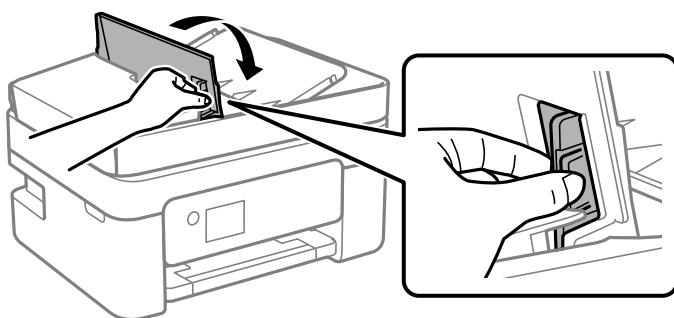
Đảm bảo rằng bạn mở nắp ADF trước khi nâng khay đầu vào ADF. Nếu không, ADF có thể bị hỏng.



4. Lấy giấy bị kẹt ra.



5. Hạ khay đầu vào ADF.



6. Đóng nắp ADF cho đến khi nghe thấy tiếng cách.



Giấy nạp không chính xác

Kiểm tra các điểm sau và sau đó thực hiện các thao tác thích hợp để xử lý sự cố.

- ☐ Đặt máy in trên bề mặt phẳng và vận hành trong điều kiện môi trường được khuyến nghị.
- ☐ Sử dụng giấy được hỗ trợ bởi máy in này.
- ☐ Tuân thủ các lưu ý xử lý giấy.
- ☐ Không nạp nhiều hơn số tờ tối đa đã quy định cho giấy. Với giấy thường, không nạp cao hơn vạch ngay phía dưới biểu tượng hình tam giác trên thanh dẫn hướng.
- ☐ Đảm bảo cài đặt cỡ giấy và loại giấy khớp với cỡ giấy và loại giấy thực tế đã nạp vào máy in.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Thông số kỹ thuật môi trường” ở trang 217](#)
- ➔ [“Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 46](#)
- ➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 44](#)
- ➔ [“Danh sách loại giấy” ở trang 50](#)

Kẹt Giấy

- ☐ Nạp giấy theo chiều thích hợp và trượt các thanh dẫn cạnh tựa vào các mép giấy.
- ☐ Mỗi lần chỉ nạp một tờ nếu bạn đã nạp nhiều tờ.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Gỡ bỏ giấy bị kẹt” ở trang 178](#)
- ➔ [“Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau” ở trang 47](#)

Bộ Nạp Giấy Bị Nghiêng

Nạp giấy theo chiều thích hợp và trượt các thanh dẫn cạnh tựa vào các mép giấy.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau” ở trang 47](#)

Nạp Nhiều Tờ Giấy Mỗi Lần

- ☐ Nạp một tờ mỗi lần.
- ☐ Khi nhiều tờ giấy được nạp mỗi lần trong khi in 2 mặt thủ công, hãy gỡ toàn bộ giấy đã nạp vào máy in trước khi bạn nạp lại giấy.

Xuất hiện lỗi hết giấy

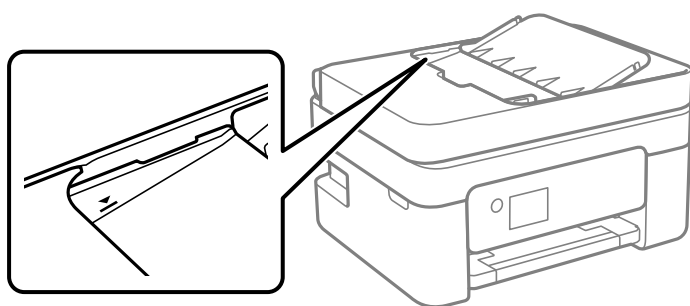
Khi xuất hiện lỗi hết giấy mặc dù đã nạp giấy vào nạp giấy phía sau, hãy nạp lại giấy ở giữa nạp giấy phía sau.

Giấy được đẩy ra trong khi in

Khi bạn nạp giấy tiêu đề thư (giấy trên đó có thông tin như tên người gửi hoặc tên công ty được in sẵn tại phần đầu trang), chọn **Phần in sẵn có đầu đề** là cài đặt kiểu giấy.

Bản gốc không nạp vào ADF

- ☐ Sử dụng bản gốc được ADF hỗ trợ.
- ☐ Nạp bản gốc theo đúng chiều và trượt thanh dẫn hướng cạnh của ADF đến mép của bản gốc.
- ☐ Làm sạch phần bên trong ADF.
- ☐ Không nạp các bản gốc lên phía trên vạch được chỉ rõ bằng biểu tượng tam giác trên ADF.



- ☐ Trên màn hình sao chép, quét hoặc fax, hãy kiểm tra xem biểu tượng ADF có đang bật hay không. Nếu không, hãy đặt lại bản gốc.
- ☐ Đảm bảo rằng vẫn chưa đặt bản gốc trên kính máy quét.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Bản gốc sẵn có cho ADF” ở trang 50](#)
- ➔ [“Đặt bản gốc lên ADF” ở trang 51](#)
- ➔ [“Làm sạch ADF” ở trang 159](#)

Các vấn đề với bảng điều khiển và nguồn điện

Nguồn điện không bật

- ☐ Đảm bảo rằng dây điện được cắm chắc chắn.
- ☐ Giữ nút  lâu hơn một chút.

Nguồn điện không tắt

Giữ nút  lâu hơn một chút. Nếu bạn vẫn không thể tắt máy in, hãy rút dây điện. Để tránh đầu in bị khô, bật lại máy in và tắt máy bằng cách nhấn nút .

Tắt nguồn tự động

- ☐ Chọn **Cài đặt tắt nguồn** trong **Cài đặt**, và sau đó tắt các cài đặt **Tắt nguồn nếu không hoạt động** và **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối**.
- ☐ Tắt cài đặt **Hẹn giờ tắt nguồn** trong **Cài đặt**.

Lưu ý:

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng **Cài đặt tắt nguồn** hoặc **Hẹn giờ tắt nguồn** tùy thuộc vào vị trí mua hàng.

Màn hình LCD bị tối đi

Máy in ở chế độ ngủ. Bấm bất kỳ nút nào trên bảng điều khiển sẽ đưa màn hình LCD trở lại trạng thái trước đây.

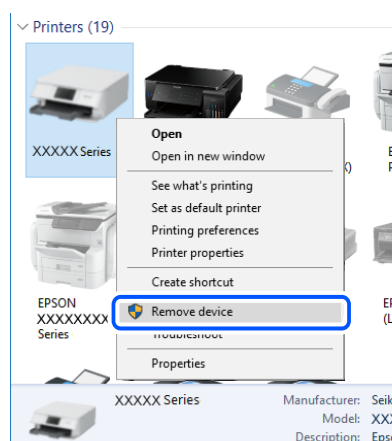
Không thể in từ máy tính

Kiểm tra kết nối (USB)

- ☐ Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính.
- ☐ Nếu bạn đang sử dụng bộ hub USB, hãy thử kết nối máy in trực tiếp với máy tính.
- ☐ Nếu cáp USB không được nhận dạng, hãy thay cổng hoặc thay cáp USB.
- ☐ Nếu máy in không thể in bằng kết nối USB, hãy thử các cách sau.

Ngắt kết nối cáp USB khỏi máy tính. Nhấp chuột phải vào biểu tượng máy in được hiển thị trên máy tính và sau đó chọn **Xóa thiết bị**. Tiếp theo, kết nối cáp USB với máy tính và thử in kiểm tra.

Đặt lại kết nối USB bằng cách làm theo các bước trong sách hướng dẫn này cho thay đổi phương thức kết nối với máy tính. Xem liên kết thông tin có liên quan bên dưới để biết chi tiết.



Thông tin liên quan

➔ [“Thay đổi phương thức kết nối với máy tính” ở trang 41](#)

Kiểm tra kết nối (Mạng)

- ❑ Khi bạn đã thay đổi bộ định tuyến không dây hoặc nhà cung cấp của mình, hãy thử đặt lại các cài đặt mạng cho máy in. Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.
- ❑ Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.
- ❑ In báo cáo kết nối mạng. Xem liên kết thông tin có liên quan bên dưới để biết chi tiết. Nếu báo cáo cho biết rằng kết nối mạng không thành công thì kiểm tra báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp đã in.
- ❑ Nếu địa chỉ IP được gán cho máy in là 169.254.XXX.XXX và mặt nạ mạng con là 255.255.0.0 thì địa chỉ IP có thể không được chỉ định chính xác. Khởi động lại bộ định tuyến không dây hoặc đặt lại cài đặt mạng cho máy in. Nếu cách này không giải quyết vấn đề, hãy xem tài liệu cho bộ định tuyến không dây.
- ❑ Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ máy tính của bạn để đảm bảo rằng cài đặt mạng của máy tính của bạn chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào thì máy tính gặp sự cố. Kiểm tra kết nối mạng của máy tính.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kết nối với máy tính” ở trang 21](#)
- ➔ [“In báo cáo kết nối mạng” ở trang 34](#)

Kiểm tra phần mềm và dữ liệu

- ❑ Đảm bảo rằng trình điều khiển máy in Epson chính hãng được lắp đặt. Nếu không lắp trình điều khiển máy in Epson chính hãng, các chức năng khả dụng bị hạn chế. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng trình điều khiển máy in Epson chính hãng. Xem liên kết thông tin có liên quan bên dưới để biết chi tiết.
- ❑ Nếu bạn in một hình ảnh có kích cỡ dữ liệu lớn, máy tính có thể bị hết bộ nhớ. Hãy in ảnh ở độ phân giải thấp hơn hoặc kích cỡ nhỏ hơn.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kiểm tra Trình điều khiển máy in Epson chính hãng” ở trang 186](#)
- ➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 172](#)

Kiểm tra Trình điều khiển máy in Epson chính hãng

Bạn có thể kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt trên máy tính của bạn không bằng cách sử dụng một trong các phương pháp sau.

Windows

Chọn **Bảng điều khiển > Xem thiết bị và máy in (Máy in, Máy in và Fax)** và sau đó thực hiện thao tác sau để mở cửa sổ thuộc tính máy chủ in.

- ❑ Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2

Nhấp vào biểu tượng máy in và sau đó nhấp vào **Thuộc tính máy chủ in** ở đầu cửa sổ.

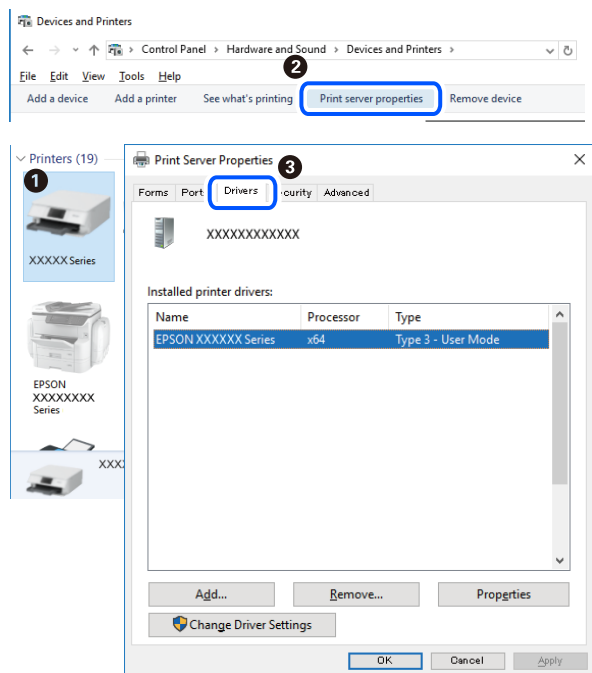
❑ Windows Vista/Windows Server 2008

Nhấp chuột phải vào thư mục **Máy in** và sau đó nhấp vào **Chạy với tư cách quản trị viên** > **Thuộc tính máy chủ**.

❑ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

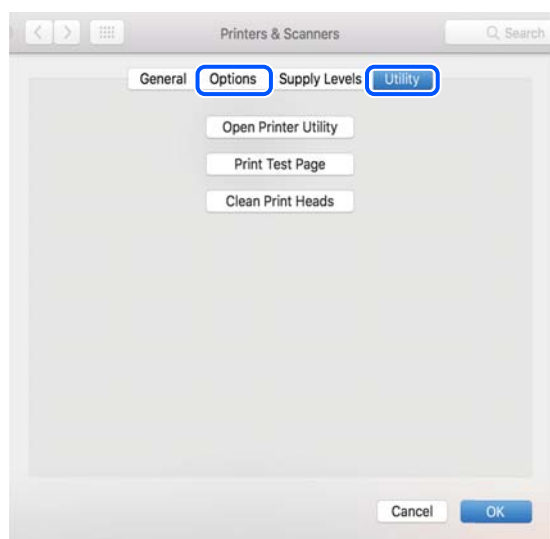
Từ menu **Tệp**, chọn **Thuộc tính máy chủ**.

Nhấp vào thẻ **Trình điều khiển**. Nếu tên máy in của bạn hiển thị trong danh sách, trình điều khiển máy in Epson chính hãng đã được cài đặt trên máy tính của bạn.



Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn và Nguồn cấp** và nếu thẻ **Tùy chọn** và thẻ **Tiện ích** hiển thị trên cửa sổ, trình điều khiển máy in Epson chính hãng đã được cài đặt trên máy tính của bạn.

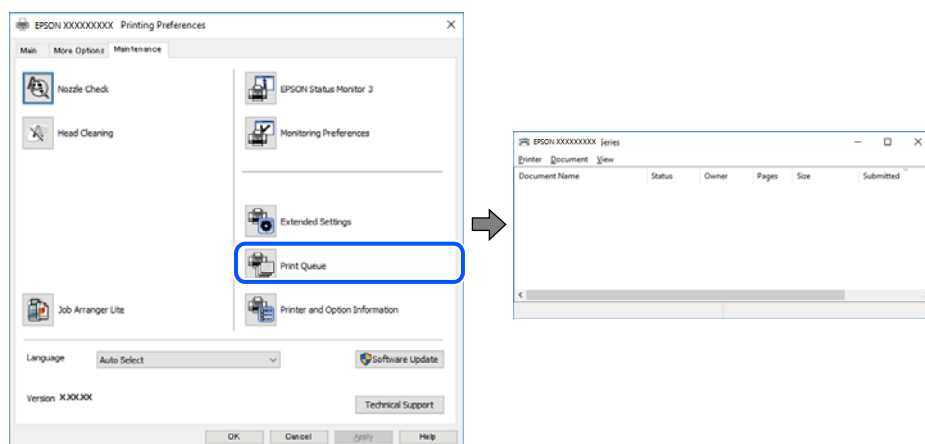


Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 172

Kiểm tra trạng thái của máy in từ máy tính (Windows)

Nhấp vào **Chuỗi in** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in, sau đó kiểm tra các mục sau.

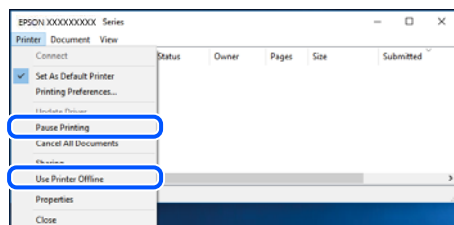


- ❑ Kiểm tra xem có bất kỳ công việc in nào đang tạm dừng không.

Nếu dữ liệu không cần thiết vẫn còn, hãy chọn **Hủy tất cả tài liệu** từ menu **Máy in**.

- ❑ Đảm bảo rằng máy in không ở chế độ ngoại tuyến hoặc chờ xử lý.

Nếu máy in ở chế độ ngoại tuyến hoặc chờ xử lý, hãy xóa cài đặt ngoại tuyến hoặc chờ xử lý từ menu **Máy in**.



- ❑ Đảm bảo rằng máy in được chọn là máy in mặc định từ menu **Máy in** (phải có một dấu kiểm trên mục menu).

Nếu máy in không được chọn là máy in mặc định, hãy đặt là máy in mặc định. Nếu có nhiều biểu tượng trong **Bảng điều khiển > Xem thiết bị và máy in (Máy in, Máy in và Fax)**, hãy xem phần sau để chọn biểu tượng.

Ví dụ)

Kết nối USB: EPSON Sê ri XXXX

Kết nối mạng: EPSON Sê ri XXXX (mạng)

Nếu bạn cài đặt trình điều khiển máy in nhiều lần, bản sao trình điều khiển máy in có thể được tạo. Nếu các bản sao như “EPSON Sê ri XXXX (bản sao 1)” được tạo, nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển đã sao chép và sau đó nhấp vào **Xóa thiết bị**.

- ❑ Đảm bảo cổng máy in được chọn đúng cách trong **Thuộc tính > Cổng** từ menu **Máy in** như sau.

Chọn “**USBXXX**” cho kết nối USB hoặc “**EpsonNet Print Port**” cho kết nối mạng.

Kiểm tra trạng thái của máy in từ máy tính (Mac OS)

Đảm bảo trạng thái của máy in không phải là **Dừng**.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó nhấp đúp vào máy in. Nếu máy in tạm dừng, nhấp **Tiếp tục** (hoặc **Tiếp tục máy in**).

Khi bạn không thể đặt cài đặt mạng

- ☐ Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.
- ☐ Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt mạng** > **Kiểm tra kết nối** và sau đó in báo cáo kết nối mạng. Nếu đã xảy ra lỗi, hãy kiểm tra báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp đã in.

Thông tin liên quan

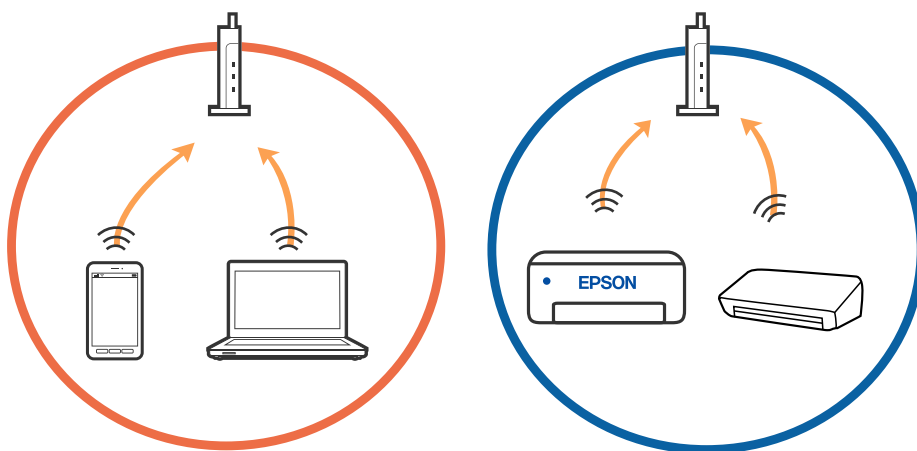
- ➔ [“In báo cáo kết nối mạng” ở trang 34](#)
- ➔ [“Thông báo và giải pháp trên báo cáo kết nối mạng” ở trang 35](#)

Không thể kết nối từ thiết bị mặc dù không có vấn đề gì với các cài đặt mạng

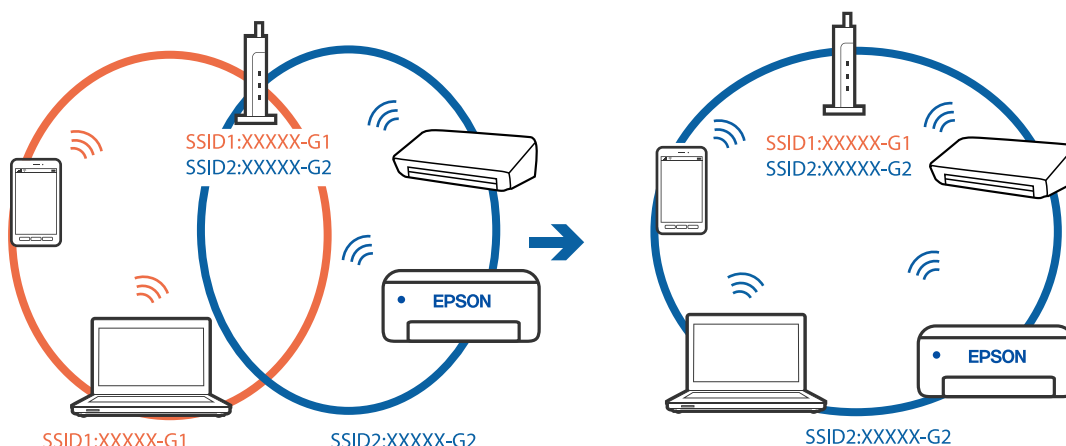
Nếu bạn không thể kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh tới máy in mặc dù báo cáo kết nối mạng không cho thấy có bất kỳ vấn đề nào, hãy xem phần sau.

- ☐ Khi bạn sử dụng nhiều bộ định tuyến không dây cùng lúc, bạn có thể không sử dụng được máy in từ máy tính hoặc thiết bị thông minh tùy thuộc vào các cài đặt của bộ định tuyến không dây. Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng bộ định tuyến không dây như với máy in.

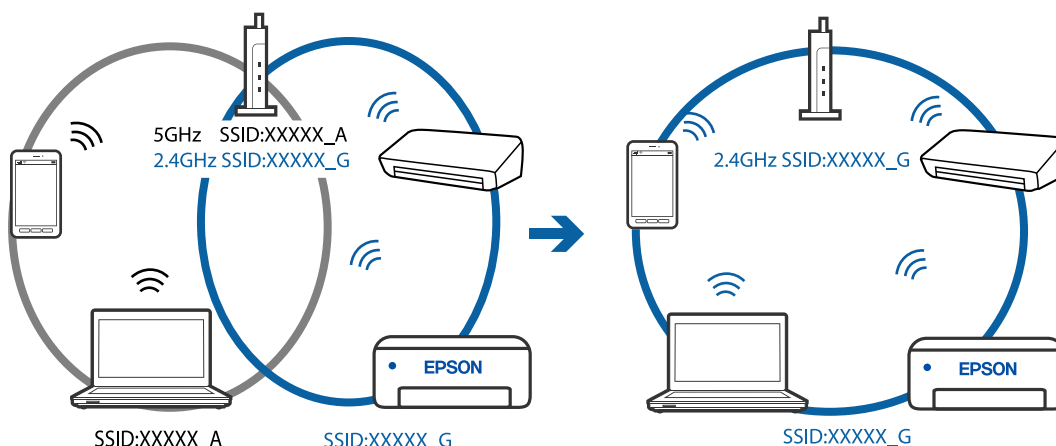
Tắt chức năng chia sẻ kết nối trên thiết bị thông minh nếu đã tắt chức năng này.



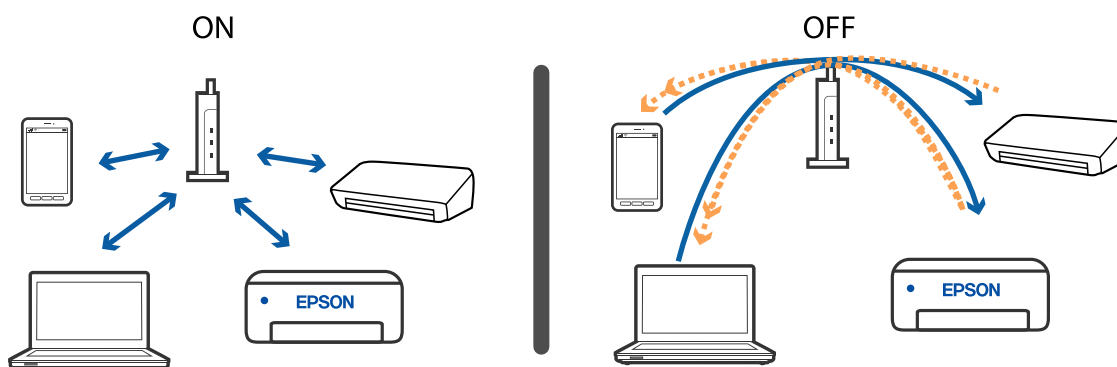
- Bạn có thể không kết nối được với bộ định tuyến không dây khi bộ định tuyến không dây có nhiều SSID và các thiết bị được kết nối tới các SSID khác nhau trên cùng bộ định tuyến không dây. Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.



- Bộ định tuyến không dây tuân thủ cả chuẩn IEEE 802.11a và IEEE 802.11g có các SSID 2,4 GHz và 5 GHz. Nếu bạn kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh tới SSID 5 GHz, bạn không thể kết nối tới máy in do máy in chỉ hỗ trợ giao tiếp trên tần số 2,4 GHz. Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.



- Hầu hết các bộ định tuyến không dây đều có tính năng trình tách riêng tư chặn giao tiếp giữa các thiết bị kết nối. Nếu bạn không thể thực hiện giao tiếp giữa máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh ngay cả khi các thiết bị được kết nối với cùng một mạng, hãy tắt tính năng trình tách riêng tư trên bộ định tuyến không dây. Xem hướng dẫn đi kèm với bộ định tuyến không dây để biết chi tiết.



Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm tra SSID được kết nối với máy in” ở trang 191
- ➔ “Kiểm tra SSID cho máy tính” ở trang 191

Kiểm tra SSID được kết nối với máy in

Bạn có thể kiểm tra SSID bằng cách in báo cáo kết nối mạng, tờ tình trạng mạng hoặc trên Web Config.

Thông tin liên quan

- ➔ “In báo cáo kết nối mạng” ở trang 34
- ➔ “In tờ tình trạng mạng” ở trang 40

Kiểm tra SSID cho máy tính

Windows

Nhấp vào  trong khay tác vụ trên màn hình nền. Kiểm tra tên của SSID được kết nối từ danh sách hiển thị.



Mac OS

Nhấp vào biểu tượng Wi-Fi ở đầu màn hình máy tính. Danh sách SSID hiển thị và SSID đã kết nối được biểu thị bằng dấu kiểm.



Kết nối LAN (Wi-Fi) không dây trở nên không ổn định khi sử dụng thiết bị USB 3.0 trên máy Mac

Khi bạn kết nối thiết bị với cổng USB 3.0 trên máy Mac, có thể xảy ra nhiễu tần số radio. Hãy thử các cách sau nếu bạn không thể kết nối với mạng LAN (Wi-Fi) không dây hoặc nếu hoạt động trở nên không ổn định.

- ☐ Đặt thiết bị được kết nối với cổng USB 3.0 cách xa máy tính.
- ☐ Nếu máy in hỗ trợ dải tần số 5 GHz, hãy kết nối với SSID cho dải tần số 5 GHz.

Thông tin liên quan

➔ [“Thông số kỹ thuật Wi-Fi” ở trang 215](#)

Không thể in từ iPhone, iPad hoặc iPod touch

- ☐ Kết nối iPhone, iPad hoặc iPod touch đến cùng mạng (SSID) với máy in.
- ☐ Bật **Tự hiện th.lập giấy** trong các menu sau.
 - Cài đặt > Thiết lập máy in > Cài đặt nguồn giấy > Tự hiện th.lập giấy
- ☐ Bật cài đặt AirPrint trên Web Config.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kết nối với thiết bị thông minh” ở trang 22](#)
- ➔ [“Ứng dụng để cấu hình hoạt động máy in \(Web Config\)” ở trang 165](#)

Các vấn đề in

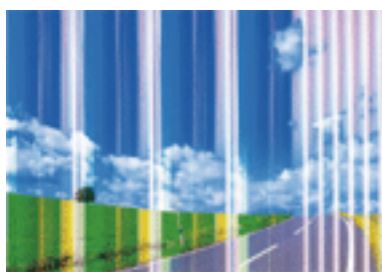
Bản in ra bị mòn hoặc màu bị thiếu

Nếu bạn không sử dụng máy in trong một thời gian dài, các kim phun đầu in có thể bị tắc và các giọt mực có thể không chảy ra. Kiểm tra kim phun và sau đó vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc.

Thông tin liên quan

➔ [“Kiểm Tra và Vệ Sinh Đầu In” ở trang 156](#)

Dải hoặc Màu Không Mong Muốn Xuất Hiện

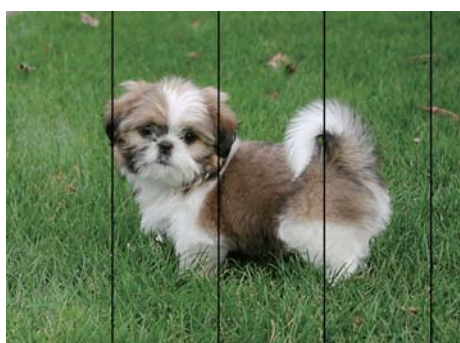


Các kim phun của đầu in có thể bị tắc. Thực hiện kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc.

Thông tin liên quan

➔ [“Kiểm Tra và Vệ Sinh Đầu In” ở trang 156](#)

Dải màu xuất hiện ở khoảng cách gần 2.5 cm



- ☐ Chọn cài đặt loại giấy thích hợp với loại giấy đã nạp vào máy in.
- ☐ Căn chỉnh đầu in bằng tính năng **Căn chỉnh chiều ngang**.
- ☐ Khi in trên giấy thường, hãy in bằng cài đặt chất lượng cao hơn.

Thông tin liên quan

- ➔ “[Danh sách loại giấy](#)” ở trang 50
- ➔ “[Căn chỉnh Đầu In](#)” ở trang 158

Bản in mờ, dải dọc hoặc căn chỉnh sai



enthalten alle
Aufdruck. W
5008 "Regel

Căn chỉnh đầu in bằng tính năng **Căn chỉnh dọc**.

Thông tin liên quan

- ➔ “[Căn chỉnh Đầu In](#)” ở trang 158

Chất lượng in không cải thiện ngay sau khi căn chỉnh đầu in

Trong khi in hai chiều (hoặc tốc độ cao), đầu in sẽ in khi di chuyển theo cả hai chiều, và các đường dọc có thể bị lệch. Nếu chất lượng in không cải thiện, hãy tắt cài đặt hai chiều (hoặc tốc độ cao). Tắt cài đặt này có thể làm chậm tốc độ in.

☐ Windows

Bỏ chọn **Tốc độ cao** trên thẻ **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in.

☐ Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **Off** làm cài đặt **High Speed Printing**.

Chất lượng in kém

Kiểm tra các vấn đề sau nếu chất lượng in kém do bản in bị mờ, xuất hiện dải, thiếu màu, màu bị mờ đi và bản in bị lệch.

Kiểm tra máy in

- ☐ Kiểm tra kim phun, sau đó vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc.
- ☐ Căn chỉnh đầu in.

Kiểm tra giấy

- ☐ Sử dụng giấy được máy in này hỗ trợ.
- ☐ Không in trên giấy ẩm, bị hỏng hoặc quá cũ.

- ☐ Nếu giấy bị uốn cong hoặc phong bì bị phồng lên, hãy vuốt phẳng.
- ☐ Không xếp chồng giấy ngay sau khi in.
- ☐ Để các bản in khô hoàn toàn trước khi xếp lại hoặc trưng bày. Khi để bản in tự khô, tránh để trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời, không sử dụng máy sấy và không chạm vào mặt in của giấy.
- ☐ Khi in hình ảnh hoặc ảnh chụp, Epson khuyên bạn nên sử dụng giấy Epson chính hãng thay vì giấy thường. In trên mặt in được của giấy Epson chính hãng.

Kiểm tra cài đặt in

- ☐ Chọn cài đặt loại giấy thích hợp với loại giấy đã nạp vào máy in.
- ☐ In bằng cài đặt chất lượng cao hơn.

Kiểm tra hộp mực

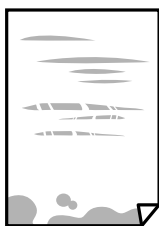
- ☐ Epson khuyên bạn nên sử dụng hộp mực trước ngày được in trên gói sản phẩm.
- ☐ Để có kết quả tốt nhất, sử dụng hộp mực trong vòng sáu tháng từ khi mở gói sản phẩm.
- ☐ Hãy tìm cách sử dụng hộp mực Epson chính hãng. Sản phẩm này được thiết kế điều chỉnh màu dựa trên việc sử dụng hộp mực Epson chính hãng. Việc sử dụng hộp mực không chính hãng có thể làm giảm chất lượng in.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kiểm Tra và Vệ Sinh Đầu In” ở trang 156](#)
- ➔ [“Căn chỉnh Đầu In” ở trang 158](#)
- ➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 44](#)
- ➔ [“Danh sách loại giấy” ở trang 50](#)
- ➔ [“Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 46](#)

Giấy bị bẩn hoặc mòn

- ☐ Khi có dải ngang xuất hiện hoặc phần trên hay phần dưới giấy bị bẩn, nạp giấy theo đúng hướng và trượt thanh dẫn hướng tới các mép giấy.



- ☐ Khi dải dọc xuất hiện hoặc giấy bị bẩn, hãy vệ sinh đường dẫn giấy.



- ❑ Đặt giấy lên bề mặt phẳng để kiểm tra giấy có bị cong không. Nếu có, hãy vuốt phẳng giấy.
- ❑ Khi thực hiện in hai mặt thủ công, đảm bảo rằng mực khô hoàn toàn trước khi nạp lại giấy.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau” ở trang 47](#)
- ➔ [“Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn” ở trang 158](#)

Giấy bị nhòe trong khi in 2 mặt tự động

Khi dùng tính năng in 2 mặt tự động và in dữ liệu mật độ cao như hình ảnh và ảnh đồ họa, hãy cài đặt độ in sang thấp hơn và cài thời gian khô mực sang lâu hơn.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Tùy chọn menu cho Thiết lập máy in” ở trang 58](#)

Ảnh chụp đã in bị dính

Bạn có thể in sai mặt của giấy ảnh. Đảm bảo bạn đang in trên mặt có thể in.

Khi in trên mặt sai của giấy ảnh, bạn cần vệ sinh đường dẫn giấy.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn” ở trang 158](#)

Hình hoặc ảnh chụp được in bằng màu sắc không mong muốn

Khi in từ trình điều khiển máy in Windows, cài đặt điều chỉnh ảnh tự động của Epson được áp dụng theo mặc định tùy vào loại giấy. Thử thay đổi cài đặt.

Trên tab **Tùy chọn khác**, chọn **Tùy biến** trong **Hiệu chỉnh màu**, sau đó nhấp vào **Nâng cao**. Thay đổi cài đặt **Hiệu chỉnh cảnh** từ **Tự hiệu chỉnh** sang bất kỳ tùy chọn nào khác. Nếu việc thay đổi cài đặt này không giúp khắc phục sự cố, hãy sử dụng bất kỳ phương thức sửa màu nào khác ngoài **PhotoEnhance** trong **Quản lý màu**.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Điều chỉnh Màu in” ở trang 93](#)

Không Thể In Mà Không Có Lề

Thực hiện cài đặt không lề trong cài đặt in. Nếu bạn chọn loại giấy không hỗ trợ in không lề, bạn không thể chọn **Ko viền**. Chọn loại giấy hỗ trợ in không lề.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Tùy chọn menu cho sao chụp” ở trang 109](#)
- ➔ [“Những điều cơ bản về in” ở trang 79](#)

➔ [“Những điều cơ bản về in” ở trang 97](#)

Mép của ảnh bị cắt trong quá trình in không đường viền

Trong quá trình in không đường viền, ảnh được phóng to lên một chút và khu vực nhô ra được cắt đi. Chọn cài đặt phóng to ít hơn.

☐ Bảng điều khiển

Đổi cài đặt **Phóng to**.

☐ Windows

Nhấp vào **Cài đặt** bên cạnh hộp kiểm **Ko viền** trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in và sau đó thay đổi cài đặt.

☐ Mac OS

Thay đổi cài đặt **Mở rộng** từ menu **Cài đặt in** của hộp thoại in.

Thông tin liên quan

➔ [“Tùy chọn menu cho sao chụp” ở trang 109](#)

Vị trí, kích cỡ hoặc lề của bản in ra không chính xác

☐ Nạp giấy theo chiều thích hợp và trượt các thanh dẫn cạnh tựa vào các mép giấy.

☐ Khi đặt bản gốc lên kính máy scan, căn thẳng góc của bản gốc với góc được chỉ dẫn bởi biểu tượng trên khung của kính máy scan. Nếu phải cắt mép của bản sao, hãy di chuyển bản gốc xa góc ra một chút.

☐ Khi đặt bản gốc lên kính máy scan, vệ sinh kính máy scan và bìa tài liệu. Nếu có bụi hoặc vết bẩn trên kính, khu vực sao chép có thể mở rộng để bao gồm bụi hoặc vết bẩn, dẫn đến vị trí sao chép không đúng hoặc ảnh nhỏ.

☐ Chọn **Kích thước bản gốc** thích hợp trong cài đặt sao chụp.

☐ Chọn cài đặt khổ giấy thích hợp.

☐ Điều chỉnh cài đặt lề trong ứng dụng sao cho nội dung in lên vùng có thể in được.

Thông tin liên quan

➔ [“Nạp giấy vào Nạp Giấy Phía Sau” ở trang 47](#)

➔ [“Đặt bản gốc lên Kính Máy Scan” ở trang 53](#)

➔ [“Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 161](#)

➔ [“Khu vực có thể in” ở trang 212](#)

Các ký tự được in ra không chính xác hoặc lộn xộn

☐ Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính.

☐ Hủy bỏ mọi công việc in đang tạm dừng.

☐ Không đưa máy tính theo cách thủ công vào chế độ **Ngủ đông** hoặc chế độ **Ngủ** khi đang in. Các trang chữ bị lộn xộn có thể được in vào lần tiếp theo bạn khởi động máy tính.

- ☐ Nếu bạn sử dụng trình điều khiển máy in mà bạn đã sử dụng trước đó, các ký tự đã in có thể bị lộn xộn. Đảm bảo rằng trình điều khiển máy in mà bạn đang sử dụng cho máy in này. Kiểm tra tên máy in ở đầu của sổ trình điều khiển máy in.

Ảnh in ra bị đảo ngược

Xóa mọi thiết lập ảnh đảo trong trình điều khiển máy in hoặc ứng dụng.

- ☐ Windows
Bỏ chọn **Hình p.chiếu** trên thẻ **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in.
- ☐ Mac OS
Xóa thiết lập **Mirror Image** từ menu **Cài đặt in** của hộp thoại in.

Mẫu kiểu che mờ trên bản in

Khi in hình ảnh hoặc ảnh, hãy in bằng dữ liệu có độ phân giải cao. Hình ảnh trên các trang web thường có độ phân giải thấp mặc dù chúng chấp nhận được trên màn hình, vì vậy chất lượng in có thể suy giảm.

Màu không đều, vết bẩn, vết chấm hoặc đường thẳng xuất hiện trên hình ảnh đã sao chép

- ☐ Vệ sinh đường dẫn giấy.
- ☐ Lau kính máy scan.
- ☐ Vệ sinh ADF.
- ☐ Không ấn quá mạnh lên bản gốc hoặc nắp tài liệu khi bạn đặt bản gốc lên kính máy scan.
- ☐ Khi giấy bị bẩn, hãy giảm bớt cài đặt mật độ sao chụp.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn” ở trang 158](#)
- ➔ [“Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 161](#)
- ➔ [“Làm sạch ADF” ở trang 159](#)
- ➔ [“Tùy chọn menu cho sao chụp” ở trang 109](#)

Mẫu vân sóng (gạch chéo) xuất hiện trong hình ảnh quét

Thay đổi cài đặt thu nhỏ và phóng to hoặc đặt bản gốc lệch đi một chút.

Ảnh của mặt ngược lại của bản gốc xuất hiện trong ảnh sao chép

- ☐ Với bản gốc mỏng, đặt bản gốc lên kính máy scan và sau đó đặt một mảnh giấy đen lên đó.
- ☐ Giảm thiết lập độ đậm trên bảng điều khiển.

Thông tin liên quan

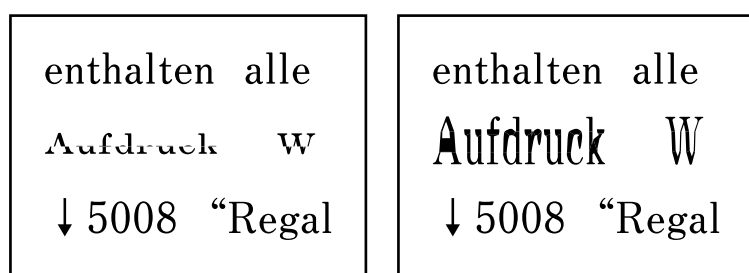
➔ [“Tùy chọn menu cho sao chụp” ở trang 109](#)

Dải vạch xuất hiện khi sao chép từ ADF

Tùy thuộc vào bản gốc, dải vạch có thể xuất hiện khi sao chép từ ADF.

- ☐ Sao chép từ kính máy quét.
- ☐ Sao chép bằng cài đặt chất lượng cao hơn.

Văn bản hoặc hình đã sao chụp từ ADF bị ép lại hoặc kéo giãn



Một số bản gốc không thể quét chính xác từ ADF. Đặt bản gốc lên kính máy quét.

Vấn đề với bản in không thể giải quyết

Nếu bạn đã thử tất cả các giải pháp và vẫn không khắc phục được vấn đề, hãy thử gỡ cài đặt và cài đặt lại trình điều khiển máy in.

Các vấn đề khác với in

Tốc độ in quá chậm

- ☐ Đóng các ứng dụng không cần thiết.
- ☐ Giảm cài đặt chất lượng. In chất lượng cao làm giảm tốc độ in.
- ☐ Bật cài đặt hai chiều (hoặc tốc độ cao). Khi bật cài đặt này, đầu in sẽ in khi di chuyển theo cả hai chiều và tốc độ in tăng lên.
 - ☐ Windows
Chọn **Tốc độ cao** trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in.
 - ☐ Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **On** làm cài đặt **High Speed Printing**.

☐ Tắt chế độ im lặng. Tính năng này làm giảm tốc độ in.

☐ Bảng điều khiển

Chọn  trên màn hình chính, sau đó tắt **Chế độ im lặng**.

☐ Windows

Chọn **Tắt** cho cài đặt **C.độ im lặng** trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in.

☐ Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **Off** làm cài đặt **C.độ im lặng**.

Tốc độ in hoặc sao chụp vô cùng chậm khi vận hành liên tục

Tốc độ in hoặc sao chụp chậm đi để tránh cho cơ chế hoạt động của máy in bị quá nóng và bị hỏng. Tuy nhiên, bạn có thể tiếp tục vận hành. Để quay lại tốc độ bình thường, hãy để máy in nghỉ trong ít nhất 30 phút. Tốc độ in không quay lại bình thường nếu tắt nguồn.

Không Thể Hủy In từ Máy Tính Chạy Mac OS X v10.6.8

Nếu bạn muốn ngừng in từ máy tính, hãy thực hiện các cài đặt sau.

Chạy Web Config, sau đó chọn **Port9100** làm cài đặt the **Giao thức ưu tiên hàng đầu** trong **Thiết lập AirPrint**.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ  menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**), xóa máy in và sau đó thêm lại máy in.

Không thể bắt đầu quét

☐ Nếu bạn quét bằng ADF, hãy kiểm tra xem nắp tài liệu và nắp ADF có đóng lại không.

☐ Bạn không thể dùng ADF khi quét từ **Chế độ ảnh** trong Epson Scan 2.

☐ Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính. Nếu bạn đang sử dụng bộ hub USB, hãy thử kết nối máy in trực tiếp với máy tính.

☐ Nếu bạn quét với độ phân giải cao qua mạng, lỗi kết nối có thể xảy ra. Giảm độ phân giải.

☐ Đảm bảo rằng máy in (máy quét) chính xác được chọn trên Epson Scan 2.

Kiểm tra xem có nhận biết được máy in hay không khi sử dụng Windows

Trong Windows, hãy đảm bảo rằng máy in (máy quét) được hiển thị trong **Máy quét và Máy quay**. Máy in (máy quét) phải hiển thị dưới dạng “EPSON XXXXX (tên máy in)”. Nếu máy in (máy quét) không được hiển thị, hãy gỡ cài đặt và cài đặt lại Epson Scan 2. Xem nội dung sau để truy cập **Máy quét và Máy quay**.

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Hệ thống Windows** > **Panel điều khiển**, nhập “Máy quét và Camera” vào ô tìm kiếm, nhấp vào **Xem máy quét và camera**, và sau đó kiểm tra xem máy in có được hiển thị không.

- ☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Chọn **Máy để bàn** > **Cài đặt** > **Panel điều khiển**, nhập “Máy quét và Máy quay” trong nút tìm kiếm, nhấp vào **Hiển thị Máy quét và Máy quay**, sau đó kiểm tra xem máy in có được hiển thị không.

- ☐ Windows 7/Windows Server 2008 R2

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển**, nhập “Máy quét và Máy quay” trong nút tìm kiếm, nhấp vào **Xem các máy quét và máy quay**, sau đó kiểm tra xem máy in có được hiển thị không.

- ☐ Windows Vista/Windows Server 2008

Nhấp vào nút bắt đầu, chọn **Panel điều khiển** > **Phần cứng và Âm thanh** > **Máy quét và Máy quay**, sau đó kiểm tra xem máy in có được hiển thị không.

- ☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu, chọn **Panel điều khiển** > **Máy in và Phần cứng khác** > **Máy quét và Máy quay**, sau đó kiểm tra xem máy in có được hiển thị không.

Thông tin liên quan

➔ [“Gỡ cài đặt ứng dụng” ở trang 173](#)

➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 172](#)

Không thể bắt đầu quét khi sử dụng bảng điều khiển

- ☐ Đảm bảo rằng Epson Scan 2 và Epson Event Manager được cài đặt chính xác.

- ☐ Kiểm tra cài đặt quét được đặt trong Epson Event Manager.

Các vấn đề với ảnh quét

Màu sắc không đồng đều, bụi bẩn, vết đốm, v.v... hiển thị khi scan từ mặt kính máy scan

- ☐ Vệ sinh mặt kính máy scan.

- ☐ Lau sạch mọi loại rác hoặc bụi bẩn bám vào bản gốc.

- ☐ Không đè mạnh bản gốc hoặc nắp đặt tài liệu. Nếu bạn đè mạnh thì có thể xảy ra hiện tượng nhòe hình, vết ố và đốm.

Thông tin liên quan

➔ [“Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 161](#)

Đường thẳng hiển thị khi scan từ ADF

- ☐ Vệ sinh ADF.

Các đường thẳng sẽ hiển thị trong hình khi rác hoặc chất dơ thâm nhập vào ADF.

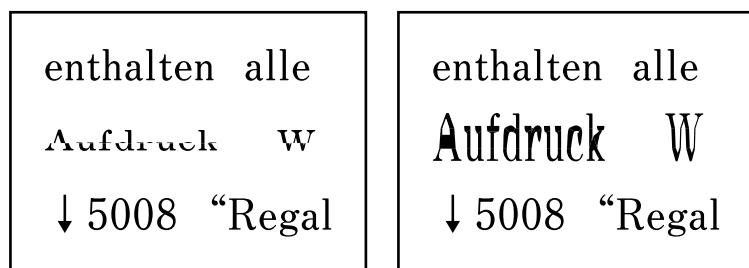
Để biết chi tiết, hãy xem hướng dẫn sử dụng cho máy quét.

- ☐ Lau sạch mọi loại rác hoặc bụi bẩn bám vào bản gốc.

Thông tin liên quan

➔ [“Làm sạch ADF” ở trang 159](#)

Văn bản hoặc hình đã quét từ ADF bị ép lại hoặc kéo giãn



Một số bản gốc không thể quét chính xác từ ADF. Đặt bản gốc lên kính máy quét.

Chất lượng hình ảnh thô

- ☐ Đặt **Chế độ** in Epson Scan 2 theo bản gốc bạn muốn quét. Quét bằng cài đặt cho tài liệu trong **Chế độ tài liệu** và cài đặt cho ảnh trong **Chế độ ảnh**.
- ☐ Trong Epson Scan 2, điều chỉnh hình ảnh bằng các mục trong thẻ **Cài đặt nâng cao** và sau đó quét.
- ☐ Nếu độ phân giải thấp, thử tăng độ phân giải và sau đó quét.

Thông tin liên quan

➔ [“Quét bằng Epson Scan 2” ở trang 118](#)

Hình ảnh mặt sau xuất hiện ở nền của hình ảnh

Hình ảnh trên mặt sau của bản gốc có thể xuất hiện trong hình ảnh quét.

- ☐ Trong Epson Scan 2, chọn tab **Cài đặt nâng cao**, rồi điều chỉnh **Độ sáng**.
Tính năng này có thể không có sẵn tùy thuộc vào cài đặt trên tab **Cài đặt chính** > **Kiểu hình** hoặc cài đặt khác trên tab **Cài đặt nâng cao**.
- ☐ Ở **Chế độ tài liệu** trong Epson Scan 2, chọn tab **Cài đặt nâng cao**, rồi **Tùy chọn hình** > **Cải Tiến Văn Bản**.
- ☐ Khi quét từ kính máy quét, đặt tờ giấy đen hoặc miếng phủ bàn lên trên bản gốc.

Thông tin liên quan

➔ [“Đặt bản gốc” ở trang 50](#)

Chữ bị mờ

- ☐ Ở **Chế độ tài liệu** trong Epson Scan 2, chọn tab **Cài đặt nâng cao**, rồi **Tùy chọn hình** > **Cải Tiến Văn Bản**.
- ☐ Chọn **Chế độ tài liệu** cho **Chế độ** trong Epson Scan 2. Quét bằng các cài đặt cho tài liệu trong **Chế độ tài liệu**.

- ❑ Ở **Chế độ tài liệu** trong Epson Scan 2, khi **Kiểu hình** trên tab **Cài đặt chính** được đặt thành **Đen & Trắng**, điều chỉnh **Ngưỡng** trên tab **Cài đặt nâng cao**. Khi bạn tăng **Ngưỡng**, khu vực màu đen trở nên lớn hơn.
- ❑ Nếu độ phân giải thấp, hãy thử tăng độ phân giải rồi quét.

Thông tin liên quan

➔ “Quét bằng Epson Scan 2” ở trang 118

Hiển thị các mẫu hình moiré (bóng mờ dạng màng)

Nếu bản gốc là tài liệu in ấn thì các mẫu hình moiré (bóng mờ dạng màng) có thể hiển thị trong hình scan.

- ❑ Trên thẻ **Cài đặt nâng cao** trong Epson Scan 2, hãy thiết lập **Xóa tram**.



- ❑ Đổi độ phân giải rồi scan lại.

Thông tin liên quan

➔ “Quét bằng Epson Scan 2” ở trang 118

Không thể quét khu vực chính xác trên kính máy quét

- ❑ Đảm bảo bản gốc được đặt chính xác lên các dấu căn chỉnh.
- ❑ Nếu cạnh của hình ảnh quét bị mất, hơi di chuyển bản gốc cách xa cạnh của kính máy quét.
- ❑ Khi đặt nhiều bản gốc lên kính máy quét, đảm bảo có khe hở ít nhất là 20 mm (0,79 inch) giữa các bản gốc.
- ❑ Khi quét từ bảng điều khiển và chọn chức năng xem khu vực quét tự động, làm sạch rác hoặc vết bẩn khỏi kính máy quét và nắp tài liệu. Nếu có rác hoặc vết bẩn quanh bản gốc, phạm vi quét sẽ mở rộng để bao gồm nó.

Thông tin liên quan

➔ “Đặt bản gốc” ở trang 50

➔ “Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 161

Không thể xem trước trong Hình thu nhỏ

- ❑ Khi đặt nhiều bản gốc lên mặt kính của máy quét, hãy đảm bảo rằng có một khoảng hở ít nhất là 20 mm (0,79 in.) giữa các bản gốc.
- ❑ Kiểm tra bản gốc xem đã đặt thẳng chưa.
- ❑ Tùy thuộc vào bản gốc, việc xem trước có thể không thực hiện được trong **Hình thu nhỏ**. Trong tình huống này, hãy xóa hộp kiểm **Hình thu nhỏ** tại đầu cửa sổ xem trước để xem trước toàn bộ vùng quét và sau đó tạo khung quét theo cách thủ công.

Văn bản không được nhận diện chính xác khi lưu dưới dạng PDF có thể tìm

- ☐ Trên cửa sổ **Tùy chọn định dạng hình** trong Epson Scan 2, kiểm tra xem **Ngôn ngữ v.bản** có được đặt chính xác trên tab **Văn bản**.
- ☐ Kiểm tra xem bản gốc có được đặt thẳng không.
- ☐ Sử dụng bản gốc có chữ rõ ràng. Tính năng nhận diện văn bản có thể từ chối các loại bản gốc sau.
 - ☐ Bản gốc đã được sao chụp nhiều lần
 - ☐ Bản gốc được nhận qua fax (có độ phân giải thấp)
 - ☐ Bản gốc có khoảng cách chữ hoặc khoảng cách dòng quá nhỏ
 - ☐ Bản gốc có các đường kẻ hoặc gạch chân trên văn bản
 - ☐ Bản gốc có chữ viết tay
 - ☐ Bản gốc có nếp nhăn hoặc quăn
- ☐ Ở **Chế độ tài liệu** trong Epson Scan 2, khi **Kiểu hình** trên tab **Cài đặt chính** được đặt thành **Đen & Trắng**, điều chỉnh **Nguỡng** trên tab **Cài đặt nâng cao**. Khi bạn tăng **Nguỡng**, màu đen trở nên mạnh hơn.
- ☐ Ở **Chế độ tài liệu** trong Epson Scan 2, chọn tab **Cài đặt nâng cao**, rồi **Tùy chọn hình > Cài Tiến Văn Bản**.

Thông tin liên quan

➔ [“Quét bằng Epson Scan 2” ở trang 118](#)

Không thể giải quyết vấn đề trong hình ảnh quét

Nếu bạn đã thử tất cả các giải pháp và không giải quyết được vấn đề, hãy khởi tạo cài đặt Epson Scan 2 bằng Epson Scan 2 Utility.

Lưu ý:

Epson Scan 2 Utility là ứng dụng đi kèm với Epson Scan 2.

1. Bắt đầu Epson Scan 2 Utility.
 - ☐ Windows 10/Windows Server 2016
Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **EPSON > Epson Scan 2 Utility**.
 - ☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012
Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.
 - ☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003
Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Tất cả chương trình hoặc Chương trình > EPSON > Epson Scan 2 Utility > Epson Scan 2**.
 - ☐ Mac OS
Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Epson Scan 2 Utility**.
2. Chọn tab **Khác**.

3. Nhấp vào **Cài lại**.

Lưu ý:

Nếu khởi tạo không giải quyết được vấn đề, gỡ cài đặt và cài đặt lại Epson Scan 2.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Gỡ cài đặt ứng dụng” ở trang 173](#)
- ➔ [“Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 172](#)

Các vấn đề khác với quét

Tốc độ quét quá chậm

Giảm độ phân giải.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Quét bằng Epson Scan 2” ở trang 118](#)

Tốc độ quét vô cùng chậm khi quét liên tục

Tốc độ quét chậm đi để tránh cho cơ chế hoạt động của máy in bị quá nóng và bị hỏng. Tùy nhiên, bạn có thể tiếp tục quét. Để quay lại tốc độ quét bình thường, hãy để máy in nghỉ trong ít nhất 30 phút. Tốc độ quét không quay lại bình thường nếu tắt nguồn.

Việc quét dừng lại khi quét vào PDF/Multi-TIFF

- ☐ Khi quét bằng Epson Scan 2, bạn có thể liên tục quét tối đa 999 trang ở định dạng PDF và tối đa 200 trang ở định dạng Multi-TIFF.
- ☐ Khi quét một khối lượng lớn, chúng tôi khuyến nghị quét ở thang đo màu xám.
- ☐ Tăng vùng trống trên ổ đĩa cứng của máy tính. Việc quét có thể dừng lại nếu không có đủ vùng trống.
- ☐ Thử quét ở độ phân giải thấp hơn. Việc quét dừng lại khi tổng kích thước dữ liệu đạt đến giới hạn.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Quét bằng Epson Scan 2” ở trang 118](#)

Các vấn đề khi gửi và nhận fax

Thông tin liên quan

- ➔ [“Không thể gửi hoặc nhận fax” ở trang 206](#)
- ➔ [“Không thể gửi fax” ở trang 207](#)
- ➔ [“Không thể gửi fax đến người nhận chỉ định” ở trang 207](#)

- ➔ “Không thể gửi fax vào thời gian đã định” ở trang 208
- ➔ “Không thể nhận fax” ở trang 208
- ➔ “Fax đã gửi có chất lượng kém” ở trang 208
- ➔ “Fax được gửi với kích cỡ sai” ở trang 209
- ➔ “Fax nhận được có chất lượng kém” ở trang 209
- ➔ “Máy in không in các bản fax đã nhận được” ở trang 209

Không thể gửi hoặc nhận fax

- ☐ Sử dụng **Kiểm tra kết nối fax** trên bảng điều khiển để chạy chức năng kiểm tra kết nối fax tự động. Hãy thử các giải pháp được in ra trên báo cáo.
- ☐ Kiểm tra thiết lập **Loại dòng**. Cài đặt sang **PBX** có thể khắc phục sự cố. Nếu hệ thống điện thoại của bạn yêu cầu mã truy cập bên ngoài để quay số ra bên ngoài, hãy đăng ký mã truy cập với máy in, và nhập # (dấu thăng) ở đầu số fax khi gửi.
- ☐ Nếu xảy ra lỗi truyền tin, hãy thay đổi thiết lập **Tốc độ fax** thành **Chậm (9.600b/giây)** trên bảng điều khiển.
- ☐ Kiểm tra giắc cắm điện thoại trên tường có hoạt động không bằng cách nối điện thoại với giắc và thử. Nếu bạn không thể gọi hoặc nhận cuộc gọi, hãy liên hệ với công ty viễn thông của bạn.
- ☐ Để kết nối với đường điện thoại DSL, bạn cần sử dụng modem DSL được trang bị bộ lọc DSL tích hợp, hoặc lắp đặt một bộ lọc DSL riêng vào đường điện thoại. Hãy liên hệ với nhà cung cấp DSL của bạn.
- ☐ Nếu bạn kết nối với đường điện thoại DSL, hãy kết nối máy in trực tiếp vào giắc cắm điện thoại trên tường để xem máy in có thể gửi fax không. Nếu hoạt động, vấn đề có thể do bộ lọc DSL gây ra. Hãy liên hệ với nhà cung cấp DSL của bạn.
- ☐ Bật cài đặt **ECM** trên bảng điều khiển. Bạn không thể gửi hoặc nhận fax màu khi **ECM** tắt.
- ☐ Để gửi hoặc nhận fax bằng máy tính, đảm bảo máy in được kết nối bằng cáp USB hoặc qua mạng, và Trình điều khiển PC-FAX đã được cài đặt trên máy tính. Trình điều khiển PC-FAX được cài đặt cùng với FAX Utility.
- ☐ Trong Windows, hãy đảm bảo rằng máy in (fax) được hiển thị trong **Thiết bị và Máy in, Máy in**, hoặc **Máy in và Phần cứng khác**. Máy in (fax) được hiển thị là “EPSON XXXXX (FAX)”. Nếu máy in (fax) không được hiển thị, hãy gỡ cài đặt và cài đặt lại FAX Utility. Xem hướng dẫn sau để truy cập **Thiết bị và Máy in, Máy in** hoặc **Máy in và Phần cứng khác**.
 - ☐ Windows 10
Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Hệ thống Windows > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**.
 - ☐ Windows 8.1/Windows 8
Chọn **Bàn làm việc > Thiết đặt > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh** hoặc **Phần cứng**.
 - ☐ Windows 7
Nhấp nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh** hoặc **Phần cứng**.
 - ☐ Windows Vista
Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**.
 - ☐ Windows XP
Nhấp nút bắt đầu và chọn **Thiết đặt > Panel điều khiển > Máy in và Phần cứng khác > Máy in và Fax**.

❑ Trong Mac OS hãy kiểm tra thông tin sau.

- ❑ Chọn **Tùy chọn Hệ thống** từ  menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**), rồi đảm bảo máy in (fax) được hiển thị. Máy in (fax) được hiển thị là “FAX XXXX (USB)” hoặc “FAX XXXX (IP)”. Nếu máy in (fax) không hiển thị, nhấn [+] rồi đăng ký máy in (fax).
- ❑ Chọn **Tùy chọn Hệ thống** từ  menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét, In & Fax**), rồi nhấp kép vào máy in (fax). Nếu máy in tạm dừng, nhấp **Tiếp tục** (hoặc **Tiếp tục máy in**).

Thông tin liên quan

- ➔ “Kết nối máy in với đường điện thoại” ở trang 65
- ➔ “Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 75
- ➔ “Gỡ cài đặt ứng dụng” ở trang 173
- ➔ “Cài đặt ứng dụng mới nhất” ở trang 172

Không thể gửi fax

- ❑ Thiết lập thông tin tiêu đề cho fax gửi đi trên bảng điều khiển. Một số máy fax tự động từ chối fax đến không chứa thông tin tiêu đề.
- ❑ Nếu bạn đã chặn ID người gọi của bạn, hãy bỏ chặn. Một số điện thoại hoặc máy fax tự động từ chối cuộc gọi ẩn danh.
- ❑ Hãy hỏi người nhận xem số fax có đúng không và máy fax của người nhận có sẵn sàng nhận fax không.

Thông tin liên quan

- ➔ “Không thể gửi hoặc nhận fax” ở trang 206

Không thể gửi fax đến người nhận chỉ định

Hãy kiểm tra thông tin sau nếu bạn không thể gửi fax đến người nhận chỉ định do gặp lỗi.

- ❑ Nếu máy của người nhận không nhận cuộc gọi của bạn trong vòng 50 giây sau khi máy in đã kết thúc việc quay số, cuộc gọi kết thúc cùng với lỗi. Quay số bằng điện thoại kết nối để kiểm tra xem mất bao lâu trước khi bạn nghe thấy âm thanh của fax. Nếu thời gian quá 50 giây, hãy thêm các khoảng tạm dừng sau số fax để gửi fax. Dấu gạch ngang được nhập vào làm dấu tạm dừng. Một lần tạm dừng khoảng ba giây. Thêm nhiều lần tạm dừng theo nhu cầu.
- ❑ Nếu bạn đã chọn người nhận từ danh bạ, hãy kiểm tra xem thông tin đã đăng ký có chính xác không. Nếu thông tin chính xác, hãy chọn người nhận trong **Trình quản lý Danh bạ** > **Sửa**, và sau đó thay đổi **chế độ truyền tin fax** thành **Chậm (9.600b/giây)**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Gửi fax bằng cách quay số từ thiết bị điện thoại bên ngoài” ở trang 129
- ➔ “Quản lý danh bạ” ở trang 54
- ➔ “Không thể gửi hoặc nhận fax” ở trang 206

Không thể gửi fax vào thời gian đã định

Hãy thiết lập ngày và giờ chính xác trên bảng điều khiển.

Thông tin liên quan

- ➔ “Gửi fax ở chế độ đơn sắc tại thời điểm được chỉ định trong ngày (Gửi fax sau)” ở trang 130
- ➔ “Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 75

Không thể nhận fax

- ☐ Nếu bạn đã đăng ký dịch vụ chuyển tiếp cuộc gọi thì máy in không thể nhận fax. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.
- ☐ Nếu bạn không thể kết nối điện thoại với máy in, hãy đặt thiết lập **Chế độ nhận** thành **Tự động** trên bảng điều khiển.
- ☐ Trong các trường hợp sau, máy in bị hết bộ nhớ và không thể nhận fax. Xem phần khắc phục sự cố để biết thông tin về cách xử lý lỗi bộ nhớ đầy.
 - ☐ Số tài liệu nhận được đã đạt đến số tài liệu tối đa là 100.
 - ☐ Bộ nhớ máy in đã đầy (100%).
- ☐ Kiểm tra xem số fax của người gửi đã được đăng ký với **Danh sách số từ chối** chưa. Fax gửi từ những số đã được thêm vào danh sách này sẽ bị chặn khi **Danh sách số từ chối** trong **Fax từ chối** được bật.
- ☐ Hỏi người gửi nếu thông tin tiêu đề được thiết lập trên máy fax. Fax không bao gồm thông tin đầu trang sẽ bị chặn khi **Tiêu đề fax trống** trong **Fax từ chối** được bật.
- ☐ Kiểm tra xem số fax của người gửi đã được đăng ký trong danh sách liên hệ hay chưa. Fax gửi từ những số chưa được đăng ký với danh sách này sẽ bị chặn khi **N.gọi ko có trong D.bạ** trong **Fax từ chối** được bật.

Thông tin liên quan

- ➔ “Không thể gửi hoặc nhận fax” ở trang 206

Lỗi bộ nhớ đầy xảy ra

- ☐ Nếu máy in được thiết lập lưu các bản fax đã nhận lên máy tính, hãy bật máy tính được thiết lập để lưu fax. Khi fax được lưu vào máy tính, chúng sẽ được xóa khỏi bộ nhớ của máy in.
- ☐ Mặc dù bộ nhớ đầy, bạn có thể gửi fax đơn màu bằng cách sử dụng tính năng **Gửi trực tiếp**. Hoặc chia bản gốc của bạn thành hai hoặc nhiều bản nhỏ để gửi thành nhiều lần.
- ☐ Nếu máy in không thể in fax đã nhận do lỗi của máy in, như kẹt giấy, lỗi bộ nhớ đầy có thể xảy ra. Hãy khắc phục vấn đề với máy in, và sau đó liên hệ với người gửi và yêu cầu họ gửi lại fax.

Fax đã gửi có chất lượng kém

- ☐ Lau kính máy scan.
- ☐ Vệ sinh ADE.
- ☐ Thay đổi cài đặt **Mật độ** trên bảng điều khiển.

- ☐ Nếu bạn không chắc về khả năng của máy fax người nhận, hãy bật tính năng **Gửi trực tiếp** hoặc chọn **Mìn** là cài đặt **Độ phân giải**.
- ☐ Bật cài đặt **ECM** trên bảng điều khiển.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Cài đặt gửi fax” ở trang 135](#)
- ➔ [“Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 161](#)
- ➔ [“Làm sạch ADF” ở trang 159](#)

Fax được gửi với kích cỡ sai

- ☐ Khi gửi fax sử dụng kính máy scan, đặt bản gốc căn chính xác góc của tài liệu theo dấu gốc. Chọn kích thước gốc trên bảng điều khiển.
- ☐ Làm sạch kính máy scan và nắp tài liệu. Nếu có vết bẩn hoặc vết ố trên kính, vùng quét có thể mở rộng bao gồm cả vết bẩn hoặc vết ố, dẫn đến vị trí quét sai hoặc ảnh nhỏ.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Cài đặt gửi fax” ở trang 135](#)
- ➔ [“Làm sạch ADF” ở trang 159](#)
- ➔ [“Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 161](#)

Fax nhận được có chất lượng kém

- ☐ Bật cài đặt **ECM** trên bảng điều khiển.
- ☐ Liên hệ với người gửi và yêu cầu họ gửi bằng chế độ chất lượng cao hơn.
- ☐ In lại bản fax đã nhận được. Chọn **Fax** > **Menu** > **Xem thêm** > **In lại fax đã nhận** để in lại fax.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Xem thêm” ở trang 136](#)
- ➔ [“Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 75](#)

Máy in không in các bản fax đã nhận được

Nếu đã xảy ra lỗi trên máy in, như kẹt giấy, máy in không thể in các bản fax đã nhận được. Hãy kiểm tra máy in.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kiểm tra trạng thái máy in” ở trang 176](#)
- ➔ [“Gỡ bỏ giấy bị kẹt” ở trang 178](#)

Các trang trống hoặc chỉ một lượng nhỏ văn bản được in trên trang thứ hai trong bản fax đã nhận

Bạn có thể in trên một trang bằng cách sử dụng tính năng **Xóa dữ liệu in sau khi chia tách** trong **Cài đặt tách trang**.

Chọn **Xóa phần trên** hoặc **Xóa phần dưới** trong **Xóa dữ liệu in sau khi chia tách**, sau đó điều chỉnh **Ngưỡng**. Tăng ngưỡng sẽ tăng số lượng được xóa; ngưỡng càng cao thì bạn càng có nhiều khả năng in trên một trang hơn.

Thông tin liên quan

➔ [“Menu Cài đặt nhận” ở trang 76](#)

Các vấn đề khác với fax

Không thể thực hiện cuộc gọi trên điện thoại kết nối

Kết nối điện thoại với cổng EXT. trên máy in và nhấn đầu nghe. Nếu bạn không nghe thấy tiếng quay số thông qua đầu nghe, hãy kết nối cáp điện thoại cho đúng.

Máy Trả Lời Không Thể Trả Lời Cuộc Gọi Thoại

Trên pa-nen điều khiển, đặt thiết lập **Đổ chuông trả lời** của máy in đến một số cao hơn số hồi chuông cho máy trả lời của bạn.

Số fax của người gửi không được hiển thị trên các bản fax đã nhận hoặc số không chính xác

Người gửi có thể chưa thiết lập thông tin tiêu đề của fax hoặc có thể thiết lập thông tin không chính xác. Hãy liên hệ với người gửi.

Các vấn đề khác

Giật điện nhẹ khi chạm vào máy in

Nếu nhiều thiết bị ngoại vi được kết nối với máy tính, bạn có thể cảm thấy giật điện nhẹ khi chạm vào máy in. Hãy lắp dây nối đất với máy tính được kết nối với máy in.

Âm thanh hoạt động lớn

Nếu các âm thanh hoạt động quá lớn, hãy bật **C.độ im lặng**. Bật tính năng này có thể giảm tốc độ in.

☐ Bảng điều khiển

Chọn  trên màn hình chính, sau đó bật **Chế độ im lặng**.

☐ Trình điều khiển máy in Windows

Bật **C.độ im lặng** trên thẻ **Chính**.

☐ Trình điều khiển máy in Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu  > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và Fax**) và sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **On** làm cài đặt **C.độ im lặng**.

Ngày và giờ không chính xác

Hãy thiết lập ngày và giờ chính xác trên bảng điều khiển. Sau khi có lỗi nguồn điện do sét đánh hoặc tắt nguồn trong một thời gian dài, đồng hồ có thể hiển thị thời gian không chính xác.

Thông tin liên quan

➔ [“Tùy chọn menu cho Thiết lập máy in” ở trang 58](#)

Ứng dụng bị chặn bởi tường lửa (Chỉ dành cho Windows)

Thêm ứng dụng vào chương trình được Tường lửa cho phép của Windows trong thiết lập bảo mật trên **Pa-nen Điều khiển**.

Phụ lục

Thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật máy in

Bố trí kim phun của đầu in		Kim phun mực đen: 180 Kim phun mực màu: 59 cho từng màu
Trọng lượng giấy*	Giấy thường	64 đến 90 g/m ² (17 đến 24 pao)
	Bì thư	Bì thư số 10, DL, C6: 75 đến 90 g/m ² (20 đến 24 pao)

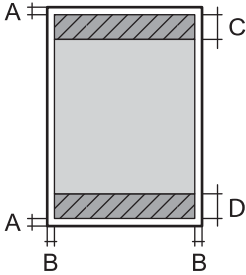
* Ngay cả khi độ dày giấy in nằm trong khoảng này thì có thể giấy vẫn không nạp trong máy in hoặc chất lượng in có thể suy giảm tùy theo thuộc tính hoặc chất lượng giấy.

Khu vực có thể in

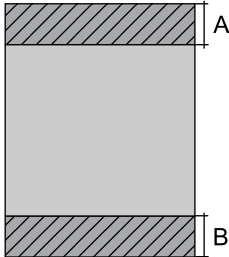
Khu vực có thể in của một tờ giấy

Chất lượng in có thể suy giảm tại các khu vực sẫm màu do cơ chế hoạt động của máy in.

In có viền

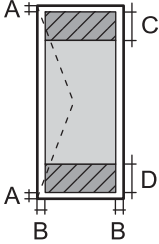
	A	3.0 mm (0.12 in.)
	B	3.0 mm (0.12 in.)
	C	41.0 mm (1.61 in.)
	D	37.0 mm (1.46 in.)

In không viền

	A	44.0 mm (1.73 in.)
	B	40.0 mm (1.57 in.)

Khu vực có thể in cho bì thư

Chất lượng in có thể suy giảm tại các khu vực sẫm màu do cơ chế hoạt động của máy in.

	A	3.0 mm (0.12 in.)
	B	5.0 mm (0.20 in.)
	C	18.0 mm (0.71 in.)
	D	41.0 mm (1.61 in.)

Thông số kỹ thuật máy quét

Loại máy quét	Tấm phẳng
Thiết bị quang điện	CIS
Số pixel hiệu lực	10200×14040 pixel (1200 dpi)
Kích cỡ tài liệu tối đa	216×297 mm (8.5×11.7 inch) A4, Letter
Độ phân giải quét	1200 dpi (quét chính) 2400 dpi (quét phụ)
Độ phân giải đầu ra	50 đến 9600 dpi với tỷ lệ tăng 1 dpi
Độ sâu của màu	Màu ☐ 48 bit cho mỗi điểm ảnh bên trong (16 bit cho mỗi điểm ảnh mỗi màu bên trong) ☐ 24 bit cho mỗi điểm ảnh bên ngoài (8 bit cho mỗi điểm ảnh mỗi màu bên ngoài) Thang độ xám ☐ 16 bit cho mỗi điểm ảnh bên trong ☐ 8 bit cho mỗi điểm ảnh bên ngoài Đen trắng ☐ 16 bit cho mỗi điểm ảnh bên trong ☐ 1 bit cho mỗi điểm ảnh bên ngoài
Nguồn sáng	LED

Thông số kỹ thuật giao diện

Đối với cho Máy tính	USB tốc độ cao*
----------------------	-----------------

* Không hỗ trợ cáp USB 3.0.

Thông số kỹ thuật fax

Kiểu fax	Khả năng fax đen trắng và màu thao tác trực tiếp (ITU-T Siêu nhóm 3)
Các đường điện thoại được hỗ trợ	Đường điện thoại tương tự chuẩn, các hệ thống điện thoại PBX (Tổng đài nội bộ)
Tốc độ	Lên đến 33.6 kbps
Độ phân giải	Đơn màu ☐ Chuẩn: 8 điểm ảnh/mm×3,85 dòng/mm (203 điểm ảnh/in.×98 dòng/in.) ☐ Mịn: 8 điểm ảnh/mm×7,7 dòng/mm (203 điểm ảnh/in.×196 dòng/in.) ☐ Ảnh chụp: 8 điểm ảnh/mm×7,7 dòng/mm (203 điểm ảnh/in.×196 dòng/in.) Màu 200×200 dpi
Bộ nhớ trang	Lên đến 100 trang (khi bảng ITU-T No.1 đã nhận ở chế độ bản nháp đơn màu)
Quay số lại*	2 lần (với khoảng thời gian 1 phút)
Giao diện	Đường điện thoại RJ-11, Kết nối điện thoại RJ-11

* Thông số kỹ thuật có thể thay đổi theo quốc gia hoặc khu vực.

Danh sách chức năng của mạng

Chức năng của mạng và IPv4/IPv6

Chức năng			Được hỗ trợ	Ghi chú
In qua mạng	EpsonNet Print (Windows)	IPv4	✓	–
	Standard TCP/IP (Windows)	IPv4, IPv6	✓	–
	In bằng WSD (Windows)	IPv4, IPv6	✓	Windows Vista trở lên
	In Bonjour (Mac OS)	IPv4, IPv6	✓	–
	In IPP (Windows, Mac OS)	IPv4, IPv6	✓	–
	In UPnP	IPv4	–	Ứng dụng thông tin
	In PictBridge (Wi-Fi)	IPv4	–	Máy ảnh kỹ thuật số
	Epson Connect (In email, In từ xa)	IPv4	✓	–
	AirPrint (iOS, Mac OS)	IPv4, IPv6	✓	iOS 5 hoặc mới hơn, Mac OS X v10.7 hoặc mới hơn

Chức năng			Được hỗ trợ	Ghi chú
Quét qua mạng	Epson Scan 2	IPv4, IPv6	✓	–
	Event Manager	IPv4	✓	–
	Epson Connect (Quét vào đám mây)	IPv4	–	–
	AirPrint (Quét)	IPv4, IPv6	✓	OS X Mavericks trở lên
Fax	Gửi fax	IPv4	✓	–
	Nhận fax	IPv4	✓	–
	AirPrint (Gửi fax đi)	IPv4, IPv6	✓	OS X Mountain Lion trở lên

Thông số kỹ thuật Wi-Fi

Tiêu chuẩn	IEEE 802.11b/g/n*1
Dải tần số	2,4 GHz
Nguồn tần số vô tuyến tối đa đã truyền	20 dBm (EIRP)
Chế độ phối hợp	Cơ sở hạ tầng, Wi-Fi Direct (AP đơn giản)*2*3
Bảo mật không dây*4	WEP (64/128bit), WPA2-PSK (AES)*5

*1 IEEE 802.11n chỉ có sẵn cho HT20.

*2 Không được hỗ trợ cho IEEE 802.11b.

*3 Chế độ AP đơn giản tương thích với kết nối Wi-Fi (cơ sở hạ tầng).

*4 Wi-Fi Direct chỉ hỗ trợ WPA2-PSK (AES).

*5 Tuân thủ các chuẩn WPA2 với sự hỗ trợ cho WPA/WPA2 Cá nhân.

Giao thức bảo mật

SSL/TLS	HTTPS Server/Client, IPPS
---------	---------------------------

Các Dịch Vụ Bên Thứ Ba Được Hỗ Trợ

AirPrint	In	iOS 5 trở lên/Mac OS X v10.7.x trở lên
	Quét	OS X Mavericks trở lên
	Fax	OS X Mountain Lion trở lên

Kích thước

Kích thước	Bảo quản ❑ Chiều rộng: 375 mm (14.8 in.) ❑ Chiều sâu: 300 mm (11.8 in.) ❑ Chiều cao: 218 mm (8.6 in.) In ❑ Chiều rộng: 375 mm (14.8 in.) ❑ Chiều sâu: 578 mm (22.8 in.) ❑ Chiều cao: 242 mm (9.5 in.)
Trọng lượng*	Xấp xỉ 5.2 kg (11.5 lb)

* Không có hộp mực và dây nguồn.

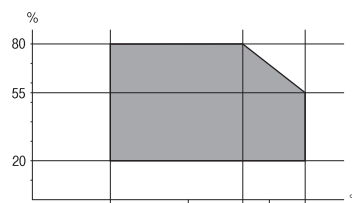
Thông số kỹ thuật điện

Định mức nguồn điện	AC 100–240 V	AC 220–240 V
Dải tần số định mức	50–60 Hz	50–60 Hz
Dòng điện định mức	0.4–0.2 A	0.2 A
Công suất tiêu thụ (có Kết nối USB)	Đang sao chụp độc lập: khoảng 12.0 W (ISO/IEC24712) Chế độ sẵn sàng: khoảng 4.6 W Chế độ ngủ: khoảng 0.7 W Tắt nguồn: khoảng 0.2 W	Đang sao chụp độc lập: khoảng 12.0 W (ISO/IEC24712) Chế độ sẵn sàng: khoảng 4.6 W Chế độ ngủ: khoảng 0.7 W Tắt nguồn: khoảng 0.3 W

Lưu ý:

- ❑ Kiểm tra nhãn trên máy in để biết điện áp.
- ❑ Với người dùng Châu Âu, xem trang web sau đây để biết chi tiết về công suất tiêu thụ.
<http://www.epson.eu/energy-consumption>

Thông số kỹ thuật môi trường

Vận hành	Sử dụng máy in trong dải thông số được trình bày trong phần sau đây.  Nhiệt độ: 10 đến 35°C (50 đến 95°F) Độ ẩm: 20 đến 80% RH (không ngưng tụ)
Bảo quản	Nhiệt độ: -20 đến 40°C (-4 đến 104°F)* Độ ẩm: 5 đến 85% RH (không ngưng tụ)

* Bạn có thể bảo quản trong một tháng ở nhiệt độ 40°C (104°F).

Thông số kỹ thuật môi trường cho hộp mực

Nhiệt độ bảo quản	-30 đến 40 °C (-22 đến 104 °F)*
Nhiệt độ đông lạnh	-16 °C (3.2 °F) Mực tan ra và có thể sử dụng được sau khoảng 3 giờ ở 25 °C (77 °F).

* Bạn có thể bảo quản trong một tháng ở 40 °C (104 °F).

Yêu cầu hệ thống

☐ Windows

Windows Vista, Windows 7, Windows 8/8.1, Windows 10 hoặc cao hơn (32 bit, 64 bit)

Windows XP SP3 (32 bit)

Windows XP Professional x64 Edition SP2

Windows Server 2003 (SP2) trở lên

☐ Mac OS

Mac OS X v10.6.8 hoặc mới hơn, macOS 11 hoặc mới hơn

Lưu ý:

☐ Mac OS có thể không hỗ trợ một số ứng dụng và tính năng.

☐ Hệ thống file UNIX (UFS) cho Mac OS không được hỗ trợ.

Thông tin pháp lý

Tiêu chuẩn và phê chuẩn

Các tiêu chuẩn và phê chuẩn cho kiểu máy ở châu Âu

Đối với người dùng Châu Âu

Ở đây, Seiko Epson Corporation tuyên bố rằng kiểu thiết bị sóng vô tuyến sau tuân thủ Chỉ thị 2014/53/EU. Toàn bộ văn bản của tuyên bố của Liên minh châu Âu về tính tuân thủ có sẵn ở trang web sau.

<http://www.epson.eu/conformity>

C624A

Chỉ sử dụng ở Ireland, Vương quốc Anh, Áo, Đức, Liechtenstein, Thụy Sĩ, Pháp, Bỉ, Luxembourg, Hà Lan, Italy, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Phần Lan, Na Uy, Thụy Điển, Iceland, Croatia, Cyprus, Hy Lạp, Slovenia, Malta, Bulgaria, Czech, Estonia, Hungary, Latvia, Lithuania, Ba Lan, Romania và Slovakia.

Epson không thể chấp nhận trách nhiệm của bất kỳ tình huống nào không thỏa mãn các yêu cầu bảo vệ do việc sửa đổi không được khuyến nghị đối với sản phẩm.



German Blue Angel

Xem trang web sau để kiểm tra xem máy in này có đáp ứng các tiêu chuẩn của German Blue Angel hay không.

<http://www.epson.de/blauerengel>

Giới hạn sao chép

Quan sát các giới hạn sau nhằm đảm bảo việc sử dụng có trách nhiệm và hợp pháp với máy in.

Luật pháp cấm sao chép các mục sau:

- ☐ Hối phiếu ngân hàng, tiền xu, chứng khóa có thể giao dịch trên thị trường do chính phủ phát hành, trái phiếu của chính phủ và chứng khoán đô thị
- ☐ Tem bưu điện chưa sử dụng, bưu thiếp dán tem sẵn và các mặt hàng bưu chính chính thức khác có cước phí bưu chính hợp lệ
- ☐ Tem doanh thu do chính phủ phát hành và chứng khoán được phát hành theo thủ tục pháp lý

Thận trọng khi sao chép các mục sau:

- ☐ Chứng khoán tư nhân có thể giao dịch trên thị trường (chứng chỉ cổ phiếu, hối phiếu có thể chuyển nhượng, séc, v.v.), vé tháng, vé nhượng quyền, v.v.
- ☐ Hộ chiếu, giấy phép lái xe, giấy đăng kiểm cho mô-tô hạng nhẹ, vé cầu đường, phiếu thực phẩm, vé, v.v.

Lưu ý:

Pháp luật cũng có thể cấm sao chép các mục này.

Sử dụng có trách nhiệm đối với tài liệu có bản quyền:

Máy in có thể bị sử dụng sai bằng việc sao chép không thích hợp các tài liệu có bản quyền. Trừ khi thực hiện dựa trên tư vấn của luật sư có kiến thức, hãy có trách nhiệm và tôn trọng bằng việc xin phép người giữ bản quyền trước khi sao chép tài liệu đã xuất bản.

Vận chuyển và bảo quản máy in

Khi bạn cần vận chuyển máy in để di chuyển hoặc sửa chữa, hãy thực hiện theo các bước dưới đây để đóng gói máy in.



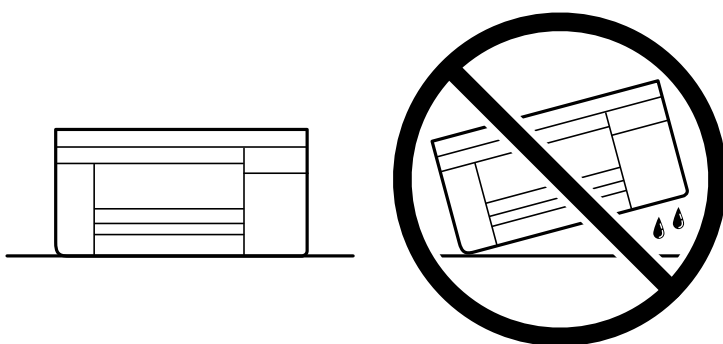
Chú ý:

Cẩn thận không kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng bộ phận máy quét. Nếu không, bạn có thể bị thương.



Quan trọng:

- ❑ Khi bảo quản hoặc vận chuyển máy in, tránh làm nghiêng máy in, đặt theo chiều đứng hoặc lật úp máy in; nếu không mực có thể rò rỉ.



- ❑ Giữ hộp mực lắp bên trong. Việc tháo hộp mực có thể làm khô đầu in và có thể khiến cho máy in không in được.

1. Tắt máy in bằng cách nhấn nút .
2. Đảm bảo rằng đèn nguồn tắt, sau đó rút dây nguồn.

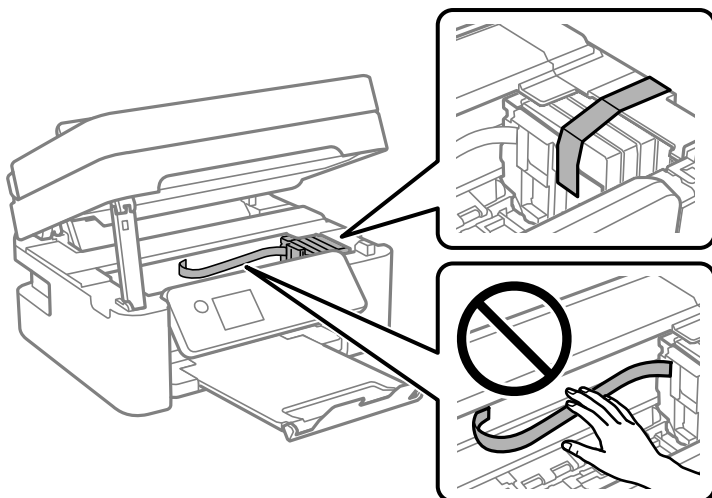


Quan trọng:

Rút phích cắm điện khi đèn nguồn tắt. Nếu không, đầu in không quay lại vị trí gốc, khiến cho mực bị khô và có thể không in được.

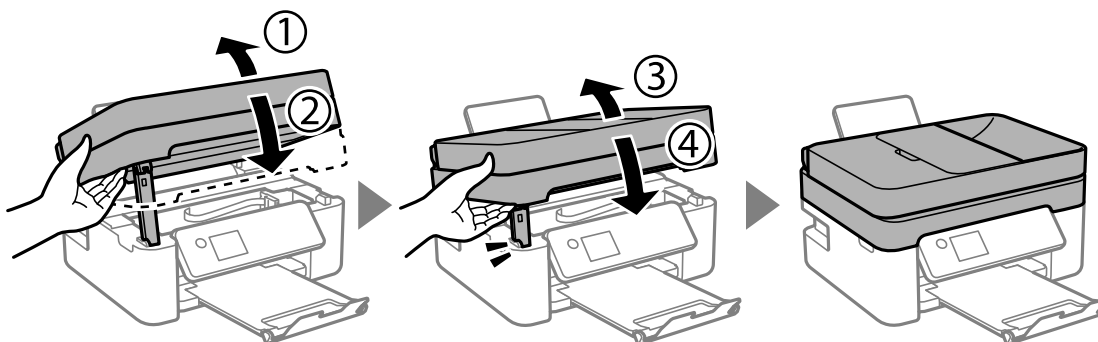
3. Ngắt kết nối tất cả các dây cáp như dây nguồn và cáp USB.
4. Lấy toàn bộ giấy ra khỏi máy in.
5. Đảm bảo rằng không còn bản gốc nào trong máy in.

6. Mở bộ phận máy quét khi nắp tài liệu đang đóng. Dùng băng dính dán chặt ngăn giữ hộp mực vào vỏ.



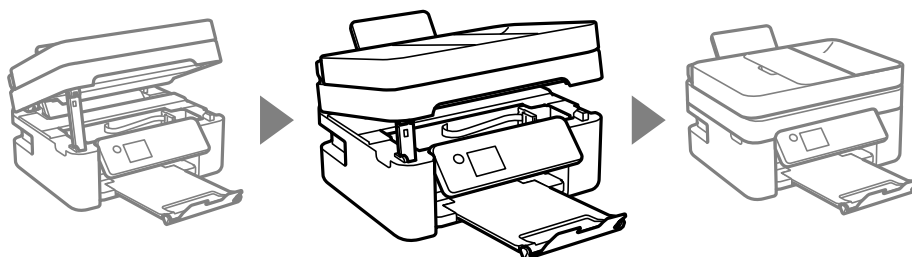
7. Đỡ bộ phận máy quét.

Để an toàn, bộ phận máy quét được đóng theo hai bước.

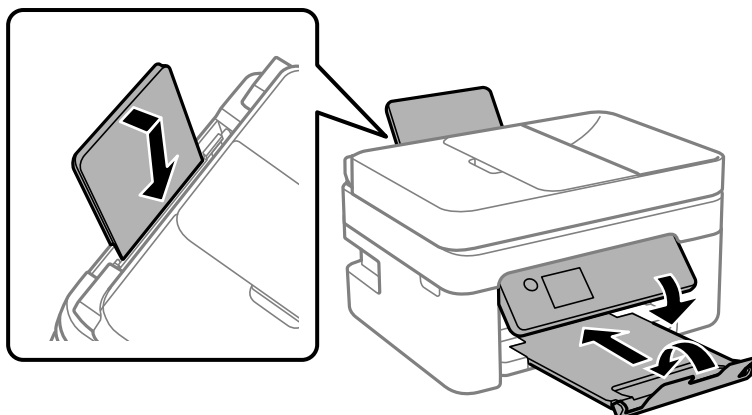


Lưu ý:

Không thể mở bộ phận máy quét từ vị trí như hiển thị bên dưới. Đóng bộ phận hoàn toàn trước khi mở bộ phận.



8. Chuẩn bị đóng gói máy in như được trình bày dưới đây.



9. Đóng gói máy in trong thùng đựng bằng các vật liệu bảo vệ.

Khi bạn sử dụng lại máy in, đảm bảo rằng bạn gỡ bỏ băng dính giữ chặt ngăn giữ hộp mực. Nếu chất lượng in suy giảm trong lần in tiếp theo, hãy làm sạch và căn chỉnh đầu in.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Tên và chức năng của các bộ phận” ở trang 13](#)
- ➔ [“Kiểm Tra và Vệ Sinh Đầu In” ở trang 156](#)
- ➔ [“Căn chỉnh Đầu In” ở trang 158](#)

Bản quyền

Không được tái tạo, lưu trữ phần nào của ấn phẩm này trong hệ thống có thể truy xuất hoặc truyền ở bất cứ dạng nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào, điện tử, cơ khí, photocopy, ghi lại hay nói cách khác là không có sự cho phép trước bằng văn bản của Seiko Epson Corporation. Không phải chịu trách nhiệm pháp lý về bằng sáng chế đối với việc sử dụng thông tin có ở đây. Không phải chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với các thiệt hại do việc sử dụng thông tin ở đây. Thông tin có ở đây chỉ được thiết kế để sử dụng với sản phẩm Epson này. Epson không chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng thông tin này như đã áp dụng với các sản phẩm khác.

Seiko Epson Corporation và các công ty liên kết của nó đều không chịu trách nhiệm pháp lý đối với người mua sản phẩm này hoặc các bên thứ ba cho các thiệt hại, mất mát, chi phí hoặc phí mà người mua hoặc bên thứ ba phải chịu do tai nạn, sử dụng sai hoặc lạm dụng sản phẩm này hoặc các sửa đổi, sửa chữa hoặc thay thế trái phép sản phẩm này hoặc (trừ Hoa Kỳ) không tâm thủ nghiêm ngặt hướng dẫn vận hành và bảo trì của Seiko Epson Corporation.

Seiko Epson Corporation và các công ty liên kết của nó sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với mọi thiệt hại hoặc sự cố nảy sinh từ việc sử dụng mọi tùy chọn hoặc mọi sản phẩm có thể tiêu hao nào ngoài những sản phẩm được chỉ định làm Sản phẩm Epson gốc hoặc Sản phẩm được Epson phê duyệt bởi Seiko Epson Corporation.

Seiko Epson Corporation sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với mọi thiệt hại nảy sinh từ nhiễu điện từ xảy ra từ việc sử dụng cáp giao diện không phải là cáp được chỉ định làm Sản phẩm được Epson phê duyệt của Seiko Epson Corporation.

© 2023 Seiko Epson Corporation

Nội dung của hướng dẫn sử dụng này và các thông số kỹ thuật của sản phẩm này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

Thương hiệu

❑ EPSON® là nhãn hiệu đã đăng ký và EPSON EXCEED YOUR VISION hay EXCEED YOUR VISION là nhãn hiệu của Công ty Seiko Epson.

❑ Epson Scan 2 software is based in part on the work of the Independent JPEG Group.

❑ libtiff

Copyright © 1988-1997 Sam Leffler

Copyright © 1991-1997 Silicon Graphics, Inc.

Permission to use, copy, modify, distribute, and sell this software and its documentation for any purpose is hereby granted without fee, provided that (i) the above copyright notices and this permission notice appear in all copies of the software and related documentation, and (ii) the names of Sam Leffler and Silicon Graphics may not be used in any advertising or publicity relating to the software without the specific, prior written permission of Sam Leffler and Silicon Graphics.

THE SOFTWARE IS PROVIDED "AS-IS" AND WITHOUT WARRANTY OF ANY KIND, EXPRESS, IMPLIED OR OTHERWISE, INCLUDING WITHOUT LIMITATION, ANY WARRANTY OF MERCHANTABILITY OR FITNESS FOR A PARTICULAR PURPOSE.

IN NO EVENT SHALL SAM LEFFLER OR SILICON GRAPHICS BE LIABLE FOR ANY SPECIAL, INCIDENTAL, INDIRECT OR CONSEQUENTIAL DAMAGES OF ANY KIND, OR ANY DAMAGES WHATSOEVER RESULTING FROM LOSS OF USE, DATA OR PROFITS, WHETHER OR NOT ADVISED OF THE POSSIBILITY OF DAMAGE, AND ON ANY THEORY OF LIABILITY, ARISING OUT OF OR IN CONNECTION WITH THE USE OR PERFORMANCE OF THIS SOFTWARE.

❑ QR Code is a registered trademark of DENSO WAVE INCORPORATED in Japan and other countries.

❑ Microsoft®, Windows®, Windows Server®, and Windows Vista® are registered trademarks of Microsoft Corporation.

❑ Apple, Mac, macOS, OS X, Bonjour, ColorSync, Safari, AirPrint, iPad, iPhone, iPod touch, and iTunes are trademarks of Apple Inc., registered in the U.S. and other countries.

❑ Use of the Works with Apple badge means that an accessory has been designed to work specifically with the technology identified in the badge and has been certified by the developer to meet Apple performance standards.

❑ Google Cloud Print, Chrome, Google Play, and Android are trademarks of Google LLC.

❑ Adobe and Reader are either registered trademarks or trademarks of Adobe in the United States and/or other countries.

❑ Firefox is a trademark of the Mozilla Foundation in the U.S. and other countries.

❑ Thông báo chung: Các tên sản phẩm khác được sử dụng ở đây chỉ nhằm mục đích nhận dạng và có thể là nhãn hiệu của các chủ sở hữu tương ứng. Epson tuyên bố miễn trừ bất kỳ và mọi quyền có trong các nhãn hiệu này.

Nơi nhận trợ giúp

Trang web hỗ trợ kỹ thuật

Nếu bạn cần trợ giúp thêm, vui lòng truy cập trang web hỗ trợ của Epson được trình bày dưới đây. Chọn quốc gia hoặc khu vực của bạn và vào phần hỗ trợ của trang web Epson tại địa phương của bạn. Cũng có các trình điều khiển mới nhất, Câu hỏi thường gặp, hướng dẫn sử dụng và các nội dung tải xuống khác tại trang web này.

<http://support.epson.net/>

<http://www.epson.eu/Support> (Châu Âu)

Nếu sản phẩm Epson hoạt động không chuẩn và bạn không thể giải quyết vấn đề, hãy liên hệ với dịch vụ hỗ trợ của Epson để được trợ giúp.

Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson

Trước khi liên hệ với Epson

Nếu sản phẩm Epson hoạt động không bình thường và bạn không thể giải quyết vấn đề khi sử dụng thông tin khắc phục sự cố trong hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, hãy liên hệ với dịch vụ hỗ trợ của Epson để được trợ giúp thêm.

Danh sách hỗ trợ Epson sau đây dựa trên quốc gia bán hàng. Một số sản phẩm không được bán ở địa điểm hiện tại của bạn, vì vậy hãy nhớ liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson cho khu vực bạn đã mua sản phẩm của mình.

Nếu bộ phận hỗ trợ của Epson cho khu vực của bạn không có trong danh sách dưới đây, hãy liên hệ với đại lý nơi bạn đã mua sản phẩm.

Bộ phận hỗ trợ của Epson sẽ có thể giúp bạn nhanh hơn rất nhiều nếu bạn cung cấp cho họ thông tin sau:

- ☐ Số sê-ri sản phẩm
(Nhân số sê-ri thường có ở mặt sau của sản phẩm.)
- ☐ Kiểu sản phẩm
- ☐ Phiên bản phần mềm của sản phẩm
(Nhấp **About**, **Version Info** hoặc nút tương tự trong phần mềm sản phẩm.)
- ☐ Nhân hiệu và kiểu máy tính của bạn
- ☐ Tên và phiên bản hệ điều hành máy tính của bạn
- ☐ Tên và phiên bản của các ứng dụng phần mềm bạn thường sử dụng cùng với sản phẩm

Lưu ý:

Tùy thuộc vào sản phẩm, dữ liệu danh sách quay số cho thiết lập fax và/hoặc mạng có thể được lưu trữ trong bộ nhớ của sản phẩm. Do bị hỏng hoặc sửa chữa sản phẩm, dữ liệu và/hoặc các thiết lập có thể bị mất. Epson không chịu trách nhiệm cho việc mất bất kỳ dữ liệu nào, cho việc sao lưu và phục hồi dữ liệu và/hoặc cài đặt, ngay cả trong thời kỳ bảo hành. Chúng tôi khuyên bạn tạo dữ liệu sao lưu của mình hoặc ghi chú lại.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Châu Âu

Xem Tài liệu Bảo hành Pan-Châu Âu để biết thông tin về cách liên hệ với bộ phận hỗ trợ ở Châu Âu.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Đài Loan

Các mối liên hệ để nhận được thông tin, hỗ trợ và dịch vụ bao gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.com.tw>

Có thông tin về các thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống và tra cứu sản phẩm.

Trợ giúp của Epson

Điện thoại: +886-2-2165-3138

Nhóm Trợ giúp của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- ☐ Tra cứu dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Trung tâm dịch vụ sửa chữa:

<http://www.tekcare.com.tw/branchMap.page>

Công ty TekCare là trung tâm bảo hành ủy quyền cho Epson Taiwan Technology & Trading Ltd.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Úc

Epson Australia muốn cung cấp cho bạn mức độ dịch vụ khách hàng cao hơn. Bên cạnh hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, chúng tôi cung cấp các nguồn tiếp nhận thông tin sau:

Internet URL

<http://www.epson.com.au>

Truy cập các trang Worl Wide Web của Epson Australia. Thật đáng để thỉnh thoảng truy cập vào đây! Trang này cung cấp vùng tải xuống cho trình điều khiển, các địa điểm liên hệ của Epson, thông tin sản phẩm mới và hỗ trợ kỹ thuật (email).

Trợ giúp của Epson

Điện thoại: 1300-361-054

Trợ giúp của Epson được cung cấp làm nơi dự phòng cuối cùng nhằm đảm bảo khách hàng của chúng tôi có thể tiếp cận dịch vụ tư vấn. Các nhân viên vận hành tại bộ phận Trợ giúp có thể giúp bạn cài đặt, cấu hình và vận hành sản phẩm Epson của bạn. Nhân viên Trợ giúp trước khi bán hàng của chúng tôi có thể cung cấp tài liệu về các sản phẩm Epson mới và tư vấn về đại lý hoặc đại lý dịch vụ gần nhất ở đâu. Chúng tôi có thể trả lời nhiều kiểu câu hỏi ở đây.

Chúng tôi khuyến khích bạn có sẵn toàn bộ thông tin liên quan khi gọi đến. Càng chuẩn bị nhiều thông tin, chúng tôi càng có thể giúp giải quyết vấn đề nhanh hơn. Thông tin này bao gồm hướng dẫn sử dụng sản phẩm Epson, kiểu máy tính, hệ điều hành, các chương trình ứng dụng và bất kỳ thông tin nào mà bạn cảm thấy cần có.

Vận chuyển sản phẩm

Epson đề nghị giữ lại thùng đựng sản phẩm để vận chuyển sau này.

Trợ Giúp Đối Với Người Dùng Ở New Zealand

Epson New Zealand muốn cung cấp cho bạn mức độ dịch vụ khách hàng cao cấp. Bên cạnh hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, chúng tôi cung cấp các nguồn sau để bạn thu thập thông tin:

Internet URL

<http://www.epson.co.nz>

Truy cập các trang World Wide Web của Epson New Zealand. Thật đáng để thỉnh thoảng truy cập vào đây! Trang này cung cấp vùng tải xuống cho trình điều khiển, các địa điểm liên hệ của Epson, thông tin sản phẩm mới và hỗ trợ kỹ thuật (email).

Trợ giúp của Epson

Điện thoại: 0800 237 766

Trợ giúp của Epson được cung cấp làm nơi dự phòng cuối cùng nhằm đảm bảo khách hàng của chúng tôi có thể tiếp cận dịch vụ tư vấn. Các nhân viên vận hành tại bộ phận Trợ giúp có thể giúp bạn cài đặt, cấu hình và vận hành sản phẩm Epson của bạn. Nhân viên Trợ giúp trước khi bán hàng của chúng tôi có thể cung cấp tài liệu về các sản phẩm Epson mới và tư vấn về đại lý hoặc đại lý dịch vụ gần nhất ở đâu. Chúng tôi có thể trả lời nhiều kiểu câu hỏi ở đây.

Chúng tôi khuyến khích bạn có sẵn toàn bộ thông tin liên quan khi gọi đến. Càng chuẩn bị nhiều thông tin, chúng tôi càng có thể giúp giải quyết vấn đề nhanh hơn. Thông tin này bao gồm hướng dẫn sử dụng sản phẩm Epson, loại máy tính, hệ điều hành, các chương trình ứng dụng và bất kỳ thông tin nào mà bạn cảm thấy cần thiết.

Vận chuyển sản phẩm

Epson đề nghị giữ lại thùng đựng sản phẩm để vận chuyển sau này.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Singapore

Nguồn thông tin, hỗ trợ và dịch vụ từ Epson Singapore bao gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.com.sg>

Có sẵn thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống, Câu hỏi thường gặp (FAQ), tra cứu kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật thông qua email.

Trợ giúp của Epson

ĐT miễn phí: 800-120-5564

Nhóm Trợ giúp của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về cách sử dụng sản phẩm hoặc khắc phục sự cố
- ☐ Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Trợ giúp dành cho người dùng ở Thái Lan

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.co.th>

Có sẵn thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống, Câu hỏi thường gặp (FAQ) và email.

Trung tâm chăm sóc khách hàng Epson

Điện thoại: 66-2460-9699

Email: support@eth.epson.co.th

Nhóm Trung tâm chăm sóc khách hàng của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- ☐ Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Trợ giúp dành cho người dùng ở Việt Nam

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

Trung tâm dịch vụ Epson

65 TRUNG ĐÌNH STREET . BEN THANH WA QUẬN 1 , THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Điện thoại (TP.Hồ Chí Minh): 84-8-3823-9239, 84-8-3825-6234

29 Tuệ Tĩnh , Quan Hai Bà Trưng , Thành phố Hà Nội , Việt Nam

Điện thoại (TP.Hà Nội): 84-4-3978-4785, 84-4-3978-4775

Trợ giúp dành cho người dùng ở Indonesia

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.co.id>

- ☐ Thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống
- ☐ Câu hỏi thường gặp (FAQ), Tra cứu kinh doanh, câu hỏi thông qua email

Đường dây nóng của Epson

Điện thoại: +62-1500-766

Fax: +62-21-808-66-799

Nhóm hỗ trợ qua đường dây nóng của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại hoặc fax:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Hỗ trợ kỹ thuật

Trung tâm dịch vụ Epson

Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại Email
JAKARTA	Epson Sales and Service Jakarta (SUDIRMAN)	Wisma Keiai Lt. 1 Jl. Jenderal Sudirman Kav. 3 Jakarta Pusat - DKI JAKARTA 10220	021-5724335 ess@epson-indonesia.co.id ess.support@epson-indonesia.co.id

Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại Email
SERPONG	Epson Sales and Service Serpong	Ruko Melati Mas Square Blok A2 No.17 Serpong-Banten	082120090084 / 082120090085 esstag@epson-indonesia.co.id esstag.support@epson-indonesia.co.id
SEMARANG	Epson Sales and Service Semarang	Komplek Ruko Metro Plaza Block C20 Jl. MT Haryono No. 970 Semarang -JAWA TENGAH	024 8313807 / 024 8417935 esssmg@epson-indonesia.co.id esssmg.support@epson-indonesia.co.id
JAKARTA	Epson Sales and Service Jakarta (MANGGA DUA)	Ruko Mall Mangga Dua No. 48 Jl. Arteri Mangga Dua, Jakarta Utara - DKI JAKARTA	021 623 01104 jkt-technical1@epson-indonesia.co.id jkt-admin@epson-indonesia.co.id
BANDUNG	Epson Sales and Service Bandung	Jl. Cihampelas No. 48 A Bandung Jawa Barat 40116	022 420 7033 bdg-technical@epson-indonesia.co.id bdg-admin@epson-indonesia.co.id
MAKASSAR	Epson Sales and Service Makassar	Jl. Cendrawasih NO. 3A, kunjung mae, mariso, MAKASSAR - SULSEL 90125	0411- 8911071 mksr-technical@epson-indonesia.co.id mksr-admin@epson-indonesia.co.id
MEDAN	Epson Service Center Medan	Jl. Bambu 2 Komplek Graha Niaga Nomor A-4, Medan - SUMUT	061- 42066090 / 42066091 mdn-technical@epson-indonesia.co.id mdn-adm@epson-indonesia.co.id
PALEMBANG	Epson Service Center Palembang	Jl. H.M Rasyid Nawawi No. 249 Kelurahan 9 Ilir Palembang Sumatera Selatan	0711 311 330 escplg.support@epson-indonesia.co.id
PEKANBARU	Epson Service Center Pekanbaru	Jl. Tuanku Tambusai No. 459 A Kel. Tangkerang barat Kec Marpoyan damai Pekanbaru - Riau 28282	0761- 8524695 pkb-technical@epson-indonesia.co.id pkb-admin@epson-indonesia.co.id
PONTIANAK	Epson Service Center Pontianak	Komp. A yani Sentra Bisnis G33, Jl. Ahmad Yani - Pontianak Kalimantan Barat	0561- 735507 / 767049 pontianak-technical@epson-indonesia.co.id pontianak-admin@epson-indonesia.co.id
SAMARINDA	Epson Service Center Samarinda	Jl. KH. Wahid Hasyim (M. Yamin) Kelurahan Sempaja Selatan Kecamatan Samarinda UTARA - SAMARINDA - KALTIM	0541 7272 904 escsmd@epson-indonesia.co.id escsmd.support@epson-indonesia.co.id
SURABAYA	Epson Sales & Service Surabaya (barat)	Jl. Haji Abdul Wahab Saimin, Ruko Villa Bukit Mas RM-11, Kec. Dukuh Pakis, Surabaya - 60225	031- 5120994 sby-technical@epson-indonesia.co.id sby-admin@epson-indonesia.co.id
YOGYAKARTA	Epson Service Center Yogyakarta	YAP Square, Block A No. 6 Jl. C Simanjutak Yogyakarta - DIY	0274 581 065 ygy-technical@epson-indonesia.co.id ygy-admin@epson-indonesia.co.id

Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại Email
JEMBER	Epson Service Center Jember	Jl. Panglima Besar Sudirman Ruko no.1D Jember-Jawa Timur (Depan Balai Penelitian & Pengolahan Kakao)	0331- 488373 / 486468 jmr-admin@epson-indonesia.co.id jmr-technical@epson-indonesia.co.id
MANADO	EPSON SALES AND SERVICE Manado	Jl. Piere Tendean Blok D No 4 Kawasan Mega Mas Boulevard - Manado 95111	0431- 8805896 MND-ADMIN@EPSON-INDONESIA.CO.ID MND-TECHNICAL@EPSON-INDONESIA.CO.ID
CIREBON	EPSON SERVICE CENTER Cirebon	Jl. Tuparev No. 04 (Depan Hotel Apita) Cirebon, JAWA BARAT	0231- 8800846 cbn-technical@epson-indonesia.co.id
CIKARANG	EPSON SALES AND SERVICE CIKARANG	Ruko Metro Boulevard B1 Jababeka cikarang - Jawa Barat,	021- 89844301 / 29082424 ckg-admin@epson-indonesia.co.id ckg-technical@epson-indonesia.co.id
MADIUN	EPSON SERVICE CENTER MADIUN	Jl. Diponegoro No.56, MADIUN - JAWA TIMUR	0351- 4770248 mun-admin@epson-indonesia.co.id mun-technical@epson-indonesia.co.id
PURWOKERTO	EPSON SALES AND SERVICE Purwokerto	Jl. Jendral Sudirman No. 4 Kranji Purwokerto - JAWA TENGAH	0281- 6512213 pwt-admin@epson-indonesia.co.id pwt-technical@epson-indonesia.co.id
BOGOR	EPSON SALES AND SERVICE Bogor	Jl.Pajajaran No 15B Kel Bantarjati Kec Bogor Utara - JAWA BARAT 16153	0251- 8310026 bgr-admin@epson-indonesia.co.id bgr-technical@epson-indonesia.co.id
SERANG	EPSON SERVICE CENTER Serang	Jl. Ahmad Yani No.45C, SERANG - BANTEN	0254- 7912503 srg-admin@epson-indonesia.co.id srg-technical@epson-indonesia.co.id
PALU	EPSON SALES AND SERVICE Palu	Jl. Juanda No. 58, Palu - Sulteng	0451- 4012 881 plw-admin@epson-indonesia.co.id plw-technical@epson-indonesia.co.id
BANJARMASIN	EPSON SERVICE CENTER BANJARMASIN	Jl. Gatot Soebroto NO. 153 BANJARMASIN - KALSEL 70235	0511- 6744135 (TEKNISI) / 3266321 (ADMIN) bdj-admin@epson-indonesia.co.id bdj-technical@epson-indonesia.co.id
DENPASAR	EPSON SALES AND SERVICE Denpasar	JL. MAHENDRADATA NO. 18, DENPASAR - BALI	0361- 3446699 / 9348428 dps-admin@epson-indonesia.co.id dps-technical@epson-indonesia.co.id

Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại Email
JAKARTA	EPSON SALES AND SERVICE CILANDAK	CIBIS Business Park Tower 9 LT. MEZZANINE, Jalan TB Simatupang No.2, Jakarta Selatan - DKI JAKARTA 12560	021- 80866777 esscibis.support1@epson-indonesia.co.id esscibis.support2@epson-indonesia.co.id esscibis.admin@epson-indonesia.co.id esscibis.sales@epson-indonesia.co.id
SURABAYA	EPSON SALES AND SERVICE SURABAYA (GUBENG)	JL. RAYA GUBENG NO. 62, SURABAYA - JAWA TIMUR	031- 99444940 / 99446299 / 99446377 esssby@epson-indonesia.co.id esssby.support@epson-indonesia.co.id
AMBON	EPSON SERVICE CENTER AMBON	Jl. Diponegoro No.37 (Samping Bank Mandiri Syariah) Kel.Ahusen, Kec.Sirima - Ambon 97127	–

Đối với các thành phố khác chưa liệt kê ở đây, hãy gọi đến Đường dây nóng: 08071137766.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Hong Kong

Để nhận hỗ trợ kỹ thuật cũng như các dịch vụ hậu mãi khác, người dùng được chào đón liên hệ với Epson Hong Kong Limited.

Trang chủ trên Internet

<http://www.epson.com.hk>

Epson Hong Kong đã thiết lập trang chủ địa phương bằng cả tiếng Trung Quốc và tiếng Anh trên Internet nhằm cung cấp cho người dùng thông tin sau:

- ☐ Thông tin sản phẩm
- ☐ Trả lời cho những câu hỏi thường gặp (FAQ)
- ☐ Các phiên bản mới nhất cho trình điều khiển sản phẩm của Epson

Đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật

Bạn cũng có thể liên hệ với nhân viên kỹ thuật của chúng tôi tại số điện thoại và số fax sau:

Điện thoại: 852-2827-8911

Fax: 852-2827-4383

Trợ giúp dành cho người dùng ở Malaysia

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.com.my>

- ☐ Thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống

- ☐ Câu hỏi thường gặp (FAQ), Tra cứu kinh doanh, câu hỏi thông qua email

Trung tâm chăm sóc khách hàng Epson

Điện thoại: 1800-81-7349 (Điện thoại miễn phí)

Email: websupport@emsb.epson.com.my

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- ☐ Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Trụ sở

Điện thoại: 603-56288288

Fax: 603-5628 8388/603-5621 2088

Trợ giúp dành cho người dùng ở Ấn Độ

Các mối liên hệ để nhận được thông tin, hỗ trợ và dịch vụ bao gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.co.in>

Có thông tin về các thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống và tra cứu sản phẩm.

Số điện thoại trợ giúp

- ☐ Thông tin dịch vụ, sản phẩm, và đặt mua hàng tiêu dùng (Điện thoại BSNL)
Số ĐT miễn phí: 18004250011
Có thể gọi đến từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều, thứ Hai đến thứ Bảy (Ngoại trừ các ngày lễ)
- ☐ Dịch vụ (Người dùng CDMA & Di động)
Số ĐT miễn phí: 186030001600
Có thể gọi đến từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều, thứ Hai đến thứ Bảy (Ngoại trừ các ngày lễ)

Trợ giúp dành cho người dùng ở Philippines

Để nhận hỗ trợ kỹ thuật cũng như các dịch vụ hậu mãi khác, người dùng vui lòng liên hệ với Epson Philippines Corporation theo số điện thoại, số fax và địa chỉ email dưới đây:

World Wide Web

<http://www.epson.com.ph>

Có sẵn thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống, Câu hỏi thường gặp (FAQ) và tra cứu qua email.

Chăm sóc Khách hàng Epson Philippines

ĐT miễn phí: (PLDT) 1-800-1069-37766

ĐT miễn phí: (Kỹ thuật số) 1-800-3-0037766

Vùng thủ đô Manila: (632) 8441 9030

Trang web: <https://www.epson.com.ph/contact>

E-mail: customercare@epc.epson.com.ph

Có thể gọi đến từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều, thứ Hai đến thứ Bảy (Ngoại trừ các ngày lễ)

Nhóm Chăm sóc Khách hàng của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- ☐ Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Epson Philippines Corporation

ĐT chính: +632-706-2609

Fax: +632-706-2663